

huyền chip

XÁCH BA LÔ LÊN VÀ ĐI

Tập 2:
ĐỪNG CHẾT
Ở CHÂU PHI!

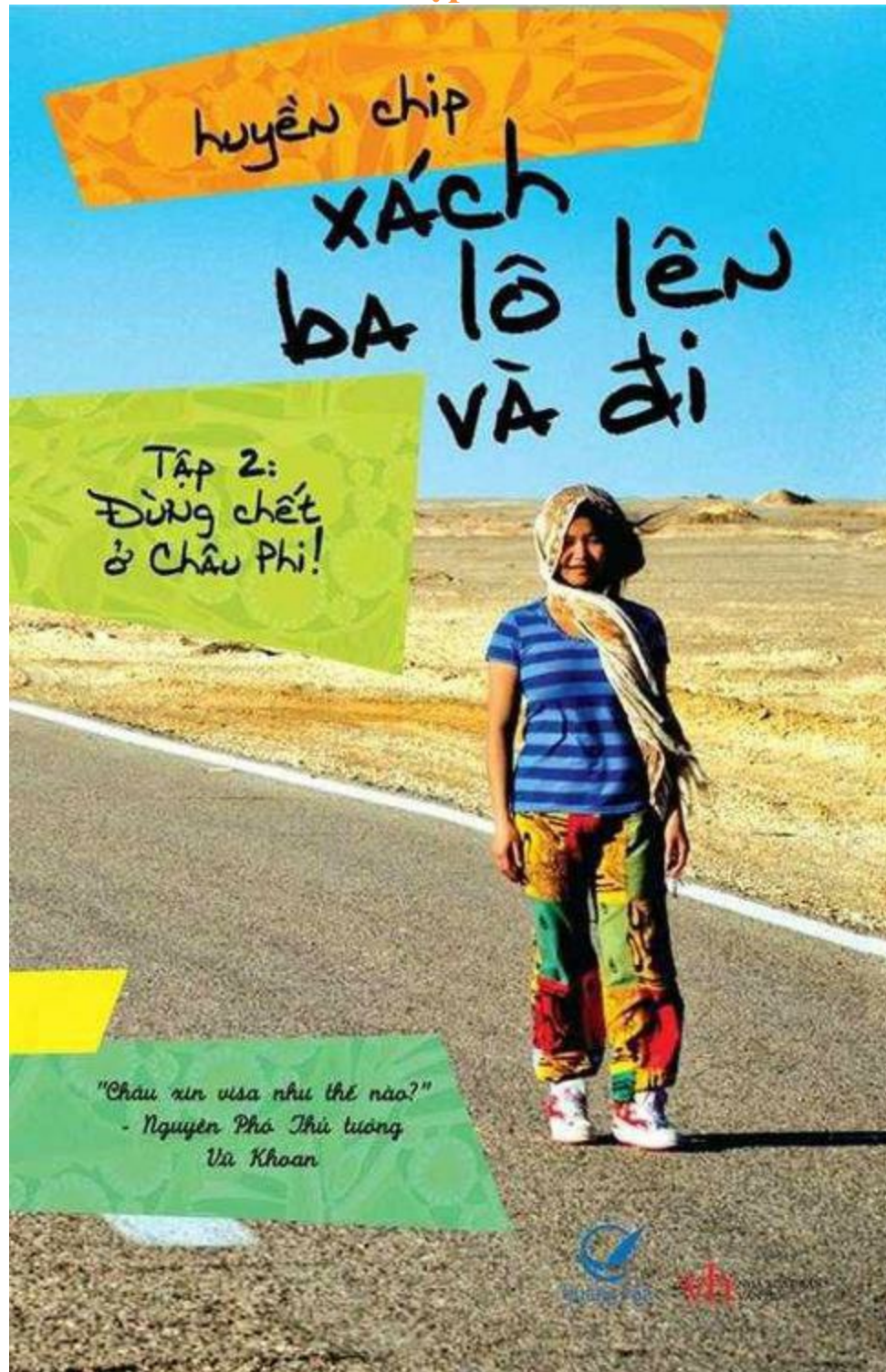
daotieuvu.blogspot.com

"Cháu xin visa như thế nào?"

- Nguyễn Phú Thủ lương
Và Khoản

Xách ba lô lên và đi

Tập 2



Xách ba lô lên và đi (Tập 2: Đừng chết ở châu Phi)
Tác giả: Huyền Chip

Ebook miễn phí tại : www.SachMoi.net

“Những ai yêu mến Huyền Chip và theo dõi cuộc hành trình của châu Á của cô trong tập một “Xách ba lô lên và Đi” - “Châu Á là nhà. Đừng khóc !” có lẽ đã đủ kinh ngạc trước cái máu phiêu lưu của cô bạn nhỏ bé này. Đến tập hai, “Đừng chết ở châu Phi”, bạn đọc còn thấm thía hơn trước sự liều lĩnh của Chip. Chỉ có lòng can đảm lấp đầy trong ba lô, Chip hăng hái lên đường ngược xuôi châu Phi hoang dã.

Đi dọc châu Phi một mình mặc những lời cảnh báo từ anh bạn thân Asher, Huyền Chip trải qua cung đường nguy hiểm nhất, đối mặt với cô đơn đến cùng cực, với cái đói, khát và căn bệnh thế kỷ. Cô trải qua những khó khăn mà mình chưa bao giờ tưởng tượng ra, những thách thức đã trở thành nỗi ám ảnh: bị sáu tên cướp cầm dao dí vào cổ, dân địa phương dai dẳng đeo bám xin tiền... Tuy nhiên, những điều đó không hạ gục được cô bạn nhỏ bé này và châu Phi vẫn là nơi cô mang nợ. Trái tim ấm áp của con người châu Phi khiến tất cả của vùng đất này trở thành nỗi nhớ day dứt trong Huyền.

Với “Đừng chết ở châu Phi”, Huyền Chip vẫn cho thấy sự đơn giản, chân thật trong cách viết. Sự thẳng thắn của của một kẻ ưa mạo hiểm pha lẫn chất lãng mạn giúp “Xách ba lô lên và Đi” có sức hút đặc biệt. Trải nghiệm của cô ở châu Phi sẽ thêm lửa cho những ai muốn vượt qua giới hạn của bản thân và bước ra ngoài thế giới để khám phá chính mình.”

Viết cho Bim, Hy vọng một ngày nào đó khi lớn lên, em sẽ hiểu điều chị muốn gửi gắm đến em qua quyển sách này.

Thông tin tác giả:

- Tác giả: Huyền Chip

- Sinh ngày: 19/9/1990

- Mười bảy tuổi, Huyền Chip tổ chức chiến dịch Free Hugs lớn nhất Việt Nam.

- Mười chín tuổi, cô trở thành điều phối viên tại Việt Nam của chiến dịch SEACChange 2009.
- Hai mươi tuổi, Huyền Chip bỏ công việc trong mơ đang có ở Malaysia để theo đuổi khát vọng “đi để trải nghiệm”.
- Hai mươi hai tuổi, xuất bản cuốn sách “Xách ba lô lên và đi” và trở thành hiện tượng trong giới trẻ.

Các tác phẩm đã xuất bản:

- “Xách ba lô lên và Đi” - Tập 1: “Châu Á là nhà. Đừng khóc !”

Nhận xét

"Cô gái nhỏ nhắn nhưng rất mạnh mẽ" - GS. NSND. Nguyễn Lâm Dũng

"Ngẫu hứng, yêu đời, quái, hết mình và thông minh." - An Ninh Thủ Đô

"Cô tên Huyền Chip, cô gái "xách ba lô lên và đi" đã trở thành một hiện tượng trong giới trẻ. Cô thật sự là một người truyền cảm hứng, khơi dậy ước mơ được đi và khám phá của không ít người." - Vietnamnet

"Đi đâu, làm gì, hễ cứ nhắc đến "phượt", "du lịch bụi" là người ta lại xôn xao về câu chuyện của Huyền Chip." - Mốt & Cuộc Sống

"Một hiện tượng phát hành" - Hà Nội Mới

"Cuốn sách bán chạy nhất năm 2012" - Tiki.vn

"Rõ ràng cô Huyền Chip chỉ muốn dùng tên của tôi để câu khách." - Leonardo Da Vinci

"Cháu xin Visa như thế nào?" - Nguyên Phó Thủ Tướng Vũ Khoan

Mục lục

Ebook miễn phí tại : www.SachMoi.net

Lời mở đầu

Lời cảm ơn

1. This time for Africa
2. Alice ở xứ sở thần tiên
3. Tìm việc ở Addis Ababa
4. Thịt sống mềm mềm, lạnh lạnh
5. Quyết tâm vào South Omo
6. Ngày 1: Konso – Keyto – Key Afar – Jinka
7. Ngày 2: Làng người Mursi
8. Key Afar
9. Lễ hội nhảy bò của người Banna
10. Konso – Arba Minch – Addis Ababa
11. Đi bộ lên phía Bắc
12. Người Việt ở Bahir Dar
13. Bahir Dar – Gondar: Bị lừa ở Gondar
14. Lalibela – Debauch – Addis Ababa
15. Chip sẽ đi nhờ xe dọc châu Phi
16. Con đường nguy hiểm nhất châu Phi
17. Nếu bạn sống được thì tôi cũng sống được
18. Denis
19. Sống chung với AIDS
20. Chiến dịch chim hồng hạc
21. Mombasa
22. Chút dư vị Ý

- 23. Thiên đường hải tặc Lamu
- 24. Ngày dài nhất cuộc đời mình
- 25. Chip đổi đầu Châu phi
- 26. Đi lánh nạn ở Kilifi
- 27. Tạm biệt Mombasa
- 28. Gái sông bạc
- 29. Một Dar khác
- 30. Arusha và Zanzibar
- 31. Chán ngán Dar es Salaam
- 32. Làm bà mai ở Dodoma
- 33. Tảng đá biết nói ở Iringa
- 34. Ăn Tết ở châu Phi
- 35. Vượt biên vào Malawi
- 36. Anh chàng buôn xăng lậu và cô nàng nhập cư bất hợp pháp
- 37. Bạn cũ ở Nkhata Bay
- 38. Lilongwe – Blantyre
- 39. Tên em là Aisha
- 40. Như chưa từng đặt chân vào Malawi
- 41. Dù gì thì hôm nay cũng là một ngày mới
- 42. Zambia hoang dã
- 43. Phan cuồng bóng đá Zambia
- 44. Làm việc ở Zambia hay Howard và những người bạn
- 45. Đen tình đỏ bạc
- 46. Vua của Barotseland
- 47. Ta có bình xịt hơi cay, ta không sợ ai hết
- 48. Thác Ngonye
- 49. Khói mây dậy sấm

50. Sang Zimbabwe

51. Harare – thủ đô đẹp nhất của châu Phi

52. Lén vào Great Zimbabwe

53. Phía Đông Zimbabwe

54. Chimanimani

55. Những thị trấn đất đỏ ở Mozambique

56. Người Việt Nam ở Mozambique

57. Có bước chân trở về...

Phụ lục ảnh

Lời mở đầu

Với tôi việc viết cuốn sách này thật khó khăn. Không phải do sức nặng của từng câu từng chữ, không phải do thời gian quá bận rộn để không còn sức lực chú tâm mà mỗi khi nhớ lại những sự việc xảy ra ở châu Phi, cảm xúc hỗn độn trong tôi dồn dập trở về. Đôi khi, tôi muốn quay mặt đi để khóc và nhớ.

Châu Phi với tôi là một châu lục của những cảm xúc vô cùng mãnh liệt. Chưa bao giờ tôi thấy yếu đuối như ở châu Phi: cô đơn đến cùng cực, thể chất suy sụp, bị đói, bị bỏ rơi, ám ảnh với căn bệnh thể kỷ. Chưa bao giờ tôi thấy đơn độc như khi bị sáu thanh niên cầm dao dí vào cổ cướp hết đồ đạc mà xung quanh mọi người chỉ giương mắt nhìn. Chưa bao giờ tôi thấy tức giận như khi những hủ tục trọng nam khinh nữ vẫn đầy rẫy khắp nơi, quan niệm cho rằng người nước ngoài nào cũng là túi tiền di động luôn thường trực trong suy nghĩ của họ. Cũng chưa bao giờ tôi thấy muốn đâm vào mặt ai nhiều như khi người ta cứ khẳng khẳng bảo tôi là người Trung Quốc, khi đám đàn ông hỏi tôi giá bao nhiêu để cưới tôi làm vợ. Nhưng cũng chưa bao giờ trái tim tôi rung động mạnh như khi những anh chàng mặc áo rách nửa lưng rón rén xin được chạm vào tóc tôi vì lần đầu tiên được thấy tóc dài; những cô bé không nói được tiếng Anh, ú ớ chỉ vào đôi dép rách tôi đang đi, không ngần ngại ngồi bệt xuống đất giúp tôi khâu lại; những người dân làng gầy gò, ăn chẳng đủ no nhưng khi thấy tôi đói phải ăn lạc sống đã hốt hoảng chạy về nhà tìm xem có gì ăn được để mang hết ra cho tôi.

Con người châu Phi đơn giản và hoang dã, nhưng trái tim họ rất ấm áp.

Trong trái tim của tôi châu Phi luôn là một châu lục đặc biệt. Khi tôi ở đó, nó ăn mòn tâm trí tôi, khiến tôi phát điên lên. Nhưng khi đi rồi, tôi lại day dứt nhớ. Châu Phi dạy cho tôi cách chấp nhận: chấp nhận rằng văn hoá là khác biệt, chấp nhận rằng cuộc sống đôi khi rất bất công, chấp nhận rằng trong đời cũng có những lúc lực bất tòng tâm, chấp nhận rằng nếu mình không thể sống cuộc sống của người khác thì không được chỉ tay năm ngón phán xét đúng sai. Tình cảm của tôi với châu Phi không đơn giản chỉ là yêu và nhớ. Tôi mang nợ châu lục này, mang nợ con người nơi đây và tôi cảm thấy mình phải có trách nhiệm với họ. Đây là một châu lục bị hiểu nhầm.

Tôi hy vọng rằng cuốn sách này của tôi sẽ phần nào giúp mọi người có cái nhìn thực tế hơn về châu Phi.

I HAVE A DREAM...

Ai sinh ra cũng mang trong mình một mơ ước. Những mơ ước thời thơ ấu vẫn cứ tồn tại mãi qua nhiều năm tháng cuộc đời. Và cho đến khi về với cát bụi, có nhiều ước mơ vẫn còn đó như sự vương

vấn mà chúng ta để lại với cuộc sống này - một cuộc sống vốn dĩ rất tươi đẹp.

Khi bắt đầu đọc bản thảo tập hai của Xách ba lô lên và đi, tôi nhớ đến một câu nói của Martin Luther King: I have a dream... Những chặng đường mà Huyền Chip đã đi qua giống như hành trình đi đến với chính cốt lõi bản thân mình. Chip đi để đến gần hơn với sức chịu đựng của mình, đến gần hơn với những điều mình mong mỏi khám phá. Đôi khi tôi cảm tưởng như bạn đang hành xác để nhận thấy những điều mình có thật sự quý giá. Như một cuộc hành hương về thánh địa, cuối cùng bạn luôn đến đích. Và tôi đã say mê, đã miệt mài đọc để đồng hành cùng bạn.

Tôi tưởng như chính mình dần thân vào con đường nguy hiểm nhất châu Phi, đứng trước đồng cỏ với từng bầy hổ báo, hươu nai đang lao vào cuộc đấu tranh sinh tồn. Những làng mạc nghèo đói, những thành phố đổ nát, cướp biển, khủng bố, chiến tranh dường như chưa bao giờ khóa lấp được hình ảnh một châu Phi xinh đẹp và hình ảnh Chip lẫn vào trong đó, luôn ấn tượng hơn bao giờ hết. Lúc đó tôi đã có suy nghĩ rằng tại sao tôi không thử đi một lần để ngắm nhìn thế giới. Như một đứa trẻ học vắn, lần đầu tiên tôi thấy mình muốn làm theo một ai đó và một việc người khác đã làm khiến tôi thấy thú vị đến nỗi cũng muốn làm theo.

Chip tự nhận mình không phải là nhà văn và không bao giờ muốn dùng những từ đao to búa lớn. Bạn đơn giản chỉ là đang ghi lại những gì trên những con đường bạn đã đi qua. Nhưng chính lối nghĩ mộc mạc ấy đã khiến văn phong của Huyền Chip cuốn hút một cách đặc biệt. Những đoạn đối thoại ngây ngô với người bản xứ, những tình huống dở khóc dở cười, hiểm nguy trước mặt mà cứ như một trò game dã chiến. Tất cả những điều đó khiến Xách ba lô lên và đi 2 có một sức hấp dẫn khó cưỡng lại được.

Tôi nghĩ rằng, độc giả sẽ tìm thấy niềm say mê rất lớn ở cuốn sách này. Và, nó cũng sẽ trở thành nguồn cảm hứng cho nhiều bạn trẻ khác thực hiện những điều mà mình chưa dám làm vì còn e ngại. Đối với riêng tôi, biên tập cuốn sách này là một hành trình nho nhỏ qua từng câu chữ để đem đến cho bạn đọc một châu Phi thú vị, một Huyền Chip chưa bao giờ hết thú vị. Cuốn sách sẽ nằm trong tay bạn, đó là niềm hạnh phúc rất lớn của tôi và những người đã góp phần hoàn thành cuốn sách này.

Lời người biên tập

TRÍCH ĐOẠN SÁCH:

1. This time for Africa!

Trước khi đến châu Phi, lục địa này hoàn toàn là một điểm đen trong tâm trí tôi, cả về nghĩa đen

lần nghĩa bóng. Tôi thật sự không biết một tí tí gì về châu Phi. Khi nghe nói tôi chuẩn bị sang Ethiopia, Asher hỏi: “Bay sang Addis Ababa à?”. Tôi ngớ người ra: “Addis Ababa là gì?”. Anh chàng sặc cho tôi một trận:

- Là thủ đô của cái nước mày chuẩn bị qua đấy. Chả biết gì về châu Phi mà cũng đòi sang.
- O hay, vì không biết gì về châu Phi nên mới phải sang để mà biết chứ!

Phần lớn tên các nước châu Phi tôi chưa nghe đến bao giờ, đừng nói đến thủ đô của chúng. Xin visa thế nào, đi lại ra sao, ăn tiêu cái gì, tôi cũng chưa thể hình dung. Tất cả những gì tôi biết về châu Phi chỉ là hạn hán, nạn đói, nội chiến... đọc được trên báo chí và những kinh nghiệm nửa kiêu nửa khiêm của Asher. Cách đó ba năm, trong chuyến xách ba lô lên và đi của mình, anh cũng đã làm một chuyến đến châu Phi. Nhưng kế hoạch tươi đẹp đi dọc chiều dài châu Phi từ Ai Cập xuống Nam Phi của anh chỉ thực hiện được đến Uganda là anh phải bỏ của chạy lấy người, bay thẳng về châu Âu, trở lại với thế giới văn minh.

- Châu Phi là như thế đấy mày ạ. Tao cũng không biết phải giải thích thế nào. Người dân ở đây nghĩ rất khác, sống rất khác, mọi chuyện cứ như xảy ra theo một quỹ đạo khác. Thái độ không phải là thù địch nhưng rất khó chịu. Ngày ngày nó cứ găm vào tâm trí mày, ăn mòn sức chịu đựng của mày đến mức mày không chịu được nữa phải nổ tung ra.

Một đứa coi trời bằng vung, chẳng sợ gì chỉ sợ chán như Asher mà còn nói như thế thì không biết châu Phi thực sự như thế nào?

- Nhưng mày cứ đi đi. Mày đến từ Việt Nam, có khi mày lại thích nó.

Câu nói của Asher làm tôi suyt sặc.

Sau khi nghiên cứu bản đồ và thăm dò thông tin trên mạng, tôi quyết định mình sẽ đi dọc bờ phía Đông của châu Phi, cái trục mà dân đi bụi hay gọi là Cairo - Cape Town theo tên của hai thành phố ở hai đầu Bắc Nam của châu lục này. Nhưng sau hơn một năm xách ba lô lên và đi, tôi đã thấm thía được rằng tất cả chỉ mang tính tương đối. Lịch trình có lập ra âu cũng chỉ để đối chiếu. Đi rồi mới biết chẳng có gì là giống như mình lên kế hoạch cả. Tôi chỉ có thể định hình hướng đi của mình là như thế và đánh dấu một số điểm đến không muốn bỏ qua, còn lại đường đi nước bước cụ thể thế nào thì phải tùy cơ ứng biến.

Nước tiếp theo sau Ai Cập trong trục đường của tôi là Sudan. Mặc dù đã nghe kể quá nhiều về cảnh đẹp như mơ và những con người quá ư thân thiện của đất nước này nhưng tôi đành cắn răng bỏ qua vì với visa Israel trong hộ chiếu thì đừng hòng chính quyền Sudan cấp visa cho tôi. Lòng đau như cắt, nước mắt đầm đìa, tôi đành đặt vé bay thẳng từ Ai Cập xuống Ethiopia. Để lấy được visa đi Ethiopia cũng không phải chuyện đơn giản. Ban đầu, tôi xin visa từ đại sứ quán Ethiopia ở Ai Cập thì

bị từ chối thẳng thừng vì họ chỉ nhận hồ sơ của những người sinh sống tại Ai Cập thôi. Tôi đưa ra lý do là Ethiopia không có đại sứ quán ở Việt Nam thì họ bảo tôi sang nước lân cận như Thái Lan hay Trung Quốc để xin. Tôi nhờ đại sứ quán Việt Nam ở Ai Cập tác động cũng không được. Nghĩ họ cố tình làm khó mình, tôi đã cầu đến mức thề sống thề chết sẽ không thềm sang Ethiopia nữa. Nhưng khi sang đến Israel, tình cờ đi qua đại sứ quán Ethiopia, tôi quên hết ân oán giang hồ vào xin tiếp. Ai ngờ bác phụ trách visa chỉ hỏi tôi mấy câu rồi gật đầu cái rụp. Mười lăm phút, hai mươi lăm đô là tôi đã có visa sang Ethiopia ba tháng.

Những tưởng có visa, có vé máy bay là có thể ung dung cất cánh, nhưng rồi tôi vẫn bị một phen đau tim ở Cairo. Số là tôi không có visa vào hản Ai Cập, mà chỉ được phép vào khu vực Sinai. Sinai cũng thuộc Ai Cập, nhưng bán đảo này có chính sách visa riêng. Họ miễn visa cho bất kỳ ai muốn đi du lịch ở đây. Để tiết kiệm tiền, chuyến bay Sinai - Ethiopia của tôi có quá cảnh ở Cairo, Ai Cập. Khi xuống đến Cairo, tôi phát hiện ra mình hạ cánh ở sân bay nội địa của Cairo, tức là có thể thoải mái ra ngoài mà không phải đi qua hải quan. Thế là tôi tranh thủ đến thăm gia đình Amr và những người bạn tôi quen ở đây, không quên cầm theo sổ của đại sứ quán Việt Nam ở Ai Cập để chẳng may có bị kết tội nhập cư bất hợp pháp thì còn có người để cầu cứu. Nhưng thật may, ngoại trừ nửa tiếng bị giữ lại ở sân bay để kiểm tra thì không có chuyện gì xảy ra cả.

Chuyến bay của tôi khởi hành lúc hai giờ năm mươi sáng. Cảm nhận đầu tiên trên chuyến bay đầu tiên ở châu Phi của tôi là nó hơi... hơi hơi. Lúc đó tôi đã thầm nghĩ: “Đúng là châu Phi”. Do không biết gì về Ethiopia, tôi đã hy vọng lên máy bay có thể hỏi chuyện người ngồi cạnh, nhưng bác ngồi cạnh tôi vừa đặt mông xuống là ngủ như chết.

Lạnh!

Châu Phi mà lại lạnh làm tôi cứ nghĩ mình vẫn còn mơ ngủ mà bước nhầm xuống trời cuối thu Hà Nội chứ! Cái lạnh Ethiopia không gay gắt như cái lạnh trên dãy Himalaya nhưng cũng đủ làm tôi rùng mình, cảm giác như vừa bước ra khỏi chăn sáng sớm đầu đông vậy. Những người xung quanh tôi rục rịch khoác thêm áo lên người nhưng tôi kiên quyết không mặc áo khoác. Tôi muốn để cái lạnh thấm vào từng thớ da thớ thịt, hít một hơi thật sâu để cái lạnh ngấm vào cả gan, cả phổi, để gió len lỏi vào từng chân tơ kẽ tóc, để không bao giờ có thể quên cái lạnh đầu tiên của tôi ở châu Phi. Châu Phi ời, còn bao nhiêu bất ngờ đang đợi ta ở phía trước nữa?

2. Alice ở xứ sở thần tiên

Tôi đổi toàn bộ số tiền đang có sang đồng birr của Ethiopia, được khoảng bốn trăm birr (*đọc là bơ với âm r ở cuối*). Điện thoại hết pin, tôi phải dùng đủ loại ngôn ngữ cử chỉ để mượn điện thoại của một bác lái taxi gọi cho Elena. Elena là chủ tịch AIESEC, một tổ chức sinh viên quốc tế chuyên gửi sinh viên đi thực tập ở nước ngoài. Trước khi sang đây, tôi đã viết thư xin gia nhập tổ chức để biết đâu có thể đi thực tập ở Ethiopia hay nước nào đó ở châu Phi. Elena viết thư trả lời lại rằng rất ấn tượng với blog và hồ sơ của tôi nên cũng rất mong có thể gặp tôi trực tiếp để xem tôi có đủ tiêu chuẩn không. Chị cũng bảo sẽ sắp xếp người ra đón tôi ở sân bay. Nhưng khi tôi gọi cho chị, chị lại bảo là

chị không đến đón được và cho tôi địa chỉ để tôi đến. Do không biết địa chỉ đó ở đâu, tôi đưa điện thoại cho bác lái taxi để hai người nói chuyện với nhau bằng tiếng Amheric, quốc ngữ của Ethiopia. Chẳng hiểu hai người nói chuyện rồi cãi nhau cái gì mà Elena cúp máy cái rụp để lại tôi ngơ ngác không hiểu chuyện gì diễn ra. Tôi muốn gọi cho Mika, người đã đồng ý hồ sơ tôi trên CouchSurfing^[1] nhưng ngại không muốn mượn điện thoại của ai nữa. Không biết đi đâu về đâu, phản ứng tự nhiên của tôi là đi về trung tâm thành phố. Nhưng vấn đề là tôi cũng chẳng biết trung tâm thành phố là ở đâu. Các bác lái xe nhao nhao giải thích và đưa ra giá trên trời.

[1] CouchSurfing là trang web kết nối những người sống ở địa phương và dân du lịch ba lô.

- Cháu có biết trung tâm nó ở đâu không? Xa lắm. Giá thế này là còn rẻ đấy.

- Cháu không biết nó ở đâu, nhưng cháu đã hỏi chuyện người trên máy bay và họ nói giá chỉ bằng nửa giá của bác.

Họ chẳng thèm nghe tôi nói mà cứ ra sức kéo ba lô lôi tôi lên xe. Bực mình, tôi quyết định sẽ đi bộ, tìm mua SIM điện thoại ở đâu đó rồi gọi cho Mika. Ở cổng sân bay, bắt chợt một loạt xe van (*xe thùng*) sơn xanh trắng chạy qua. Phụ xe mở cửa hét toáng lên về phía tôi, thế là tôi nhảy lên.

- Giá vé là bao nhiêu ạ?

- Hai mươi lăm birr.

Chẳng biết giá này là giá chuẩn hay không nữa, tôi cứ giả vờ là mình biết và hỏi lại:

- Bao nhiêu cơ?

- Hai mươi birr.

Rồi tự nhiên tôi thấy một người trả hai birr.

- Hai birr thôi chứ?

- Không, đây là tùy thuộc vào em đi đâu.

Tôi quay ra hỏi mấy người xung quanh nhưng ai cũng lăm lét nhìn người lái xe rồi trả lời là không biết. Bực nhĩ, cả xe mà chả có ai là đồng minh với mình à?

- Em sẽ không trả cao hơn giá địa phương đâu.

- Ghê gớm nhỉ. Được rồi, năm birr.

Nghe cũng không đến nỗi nào. Tôi đưa cho anh đồng một trăm birr, anh trả lại tôi tám mươi lăm birr.

- Anh này, đây là tám mươi lăm birr mà.

- Ồ chưa đủ à? Thêm một birr nữa nhé.

Cái gì thế này? Tôi biết không ít người sẽ bỏ cuộc vì họ thấy không đáng để tranh cãi chỉ vì nửa đô. Tiền không phải là toàn bộ vấn đề mà cảm giác bị lừa khiến tôi bực mình hết sức.

- Trả lại em mười birr - Tôi hét lên.

- Đây, mười birr của em đây.

Lát sau, tôi hỏi được giá xe buýt từ những người trên phố: một birr hai mươi lăm cho quãng đường ngắn, hai cho quãng trung bình và ba birr sáu cho quãng đường dài. Đi vài ngày là tôi đã khá quen với cách tính ngắn dài ở đây. Tôi phát hiện ra rằng ở Ethiopia, xe buýt thường xuyên tăng lò không trả tiền thừa cho khách nước ngoài, và khi họ trả thì cũng thường xuyên trả không đúng. Trong khi với khách địa phương thì họ luôn trả đủ. Sự phân biệt đối xử này không chỉ dừng lại ở xe buýt mà còn với tất cả mọi thứ khác ở Ethiopia. Nhiều lúc tôi cáu phát điên lên mới thấy đồng cảm ghê gớm với khách nước ngoài đến Việt Nam bị chặt chém.

Tôi dừng lại ở Abyssinia, nơi mà mọi người nói với tôi là trung tâm thành phố. Hai anh chàng địa phương tiếp cận tôi đề nghị giúp đỡ. Họ nói họ là nhạc sĩ, thấy tôi có vẻ mất phương hướng nên muốn giúp đỡ tôi. Họ nói tiếng Anh tốt, tóc rasta giống Bob Marley nên tự nhiên tôi thấy có cảm tình. Tôi bảo với họ rằng tôi cần tìm mua SIM điện thoại.

- SIM dùng cho Addis là ba trăm birr, dùng cho cả Ethiopia là bốn trăm.

Như thế có nghĩa là còn đắt hơn cả Israel, trong khi Ethiopia nghèo hơn bao nhiêu. Không ổn tí nào cả. Họ dẫn tôi đến một quán bán SIM để kiểm tra, nhưng họ nói chuyện với nhau bằng tiếng Amheric thì làm sao mà tôi hiểu được.

- Ba trăm là chuẩn rồi đấy. Em không có tiền à? Anh có hai SIM, anh để lại cho em một SIM giá hai trăm năm mươi birr rồi anh mua SIM khác cũng được.

- Vẫn đắt quá.

- Hai trăm birr vậy.

Lúc đó, tôi mới giật mình nhận ra rằng họ tiếp cận tôi chẳng vì bạn bè gì cả. Họ chỉ muốn kiếm tiền từ tôi thôi. Vậy mà tôi đã tin tưởng rồi lại còn có cảm tình với họ nữa chứ. Tự nhiên tôi thấy mình dại, mình ngu, rồi tự nhiên thấy thương mình ghê gớm. Bay cả đêm mới tới đây, bụng đói meo, lưng đeo cái ba lô mười lăm cân nặng trình trịch, thế mà sao ai cũng muốn lừa tôi thế này? Tôi quay lưng bỏ đi. Một đám đàn ông, phụ nữ, trẻ em chạy theo, kéo áo, kéo tóc, kéo ba lô tôi í éo: “Money, money, give me money”. Tôi vừa đẩy họ ra, vừa cố gắng để không bật khóc. Chợt một bác thợ may vẫy tay về phía tôi:

- Vào đây ngồi nghỉ đã cháu.

Bác có khuôn mặt hết sức nhân hậu. Đến lúc ấy, tôi đã hoàn toàn mất niềm tin vào con người nhưng quá mệt để có thể đi tiếp. Cửa hàng bác nhỏ xíu, chỉ đặt vừa một cái máy khâu và một cái ghế.

- Người dân ở đây là thế, cứ thấy người nước ngoài là họ nghĩ đến tiền.

Bác chỉ cho tôi đi sang quán bên cạnh để mua SIM. Hoá ra, một cái SIM ở đây có giá chỉ sáu mươi birr, nhưng tôi không thể mua được vì tôi không phải người Ethiopia. Tôi nhờ bác gọi cho Mika để lấy địa chỉ. Bác bảo Mika hẹn gặp tôi lúc chín giờ.

- Bây giờ là mấy giờ ạ?

- Năm giờ.

- Không thể nào. Cháu vừa đến đây lúc tám giờ sáng. Chẳng lẽ cháu ngất xỉu ở đâu mà không để ý thời gian à?

- Không, giờ là năm giờ. Cháu nhìn đồng hồ này. Đợi bốn tiếng nữa cháu sẽ gặp bạn cháu.

Hoang mang, tôi chạy ra phố hỏi giờ mọi người. Người thì nói là năm, người thì nói là mười một. Chuyện gì đang diễn ra thế này? Tôi đi lạc vào thế giới nào chẳng? Tôi định chạy đến hỏi chuyện một cô bạn tầm tuổi tôi thì bác thợ may thì thầm:

- Gái bán hoa đấy.

Thì ra đây là khu vực nhảy cảm của thành phố.

Một cô gái khác bước đến gần tôi với quần bó, áo hai dây và trang điểm cực đậm. Suy nghĩ tự nhiên của tôi là cô cũng làm cùng nghề với cô gái kia. Nhưng cô bạn nói tiếng Anh rất tốt. Cô phá lên cười khi tôi hỏi về giờ. Ở Ethiopia, ngày không bắt đầu lúc nửa đêm mà được tính từ lúc mặt trời lên, bảy giờ sáng giờ quốc tế là một giờ sáng giờ Ethiopia. Bây giờ đang là mùa hè ở Ethiopia, nhưng không như mọi người nghĩ, mùa hè mới là thời gian lạnh, còn mùa đông thì lại nóng. Mika hẹn tôi lúc chín giờ Ethiopia, tức là ba giờ chiều giờ châu Âu như mọi người ở đây gọi.

- Ấy định làm gì từ bây giờ đến lúc đấy?

- Tớ cũng chưa biết nữa.

- Sao ấy không đến nhà tớ chơi?

Đến thời điểm này thì tôi chẳng còn quan tâm đến việc cô làm nghề gì nữa. Tôi nhìn bác thợ may, bác gặt đầu. Tôi đi theo cô vào một ngõ nhỏ đầy rác và ngập ngụa nước thải. Ở giữa khu ổ chuột là một ngôi nhà cấp bốn xinh xắn. Một người đàn ông to cao, bặm trợn ra mở cửa. Ông nhìn không khác gì một ông trùm mafia trong phim Hollywood. Trong nhà nghi ngút khói. Tôi hơi chùn chân.

- Đây là chú của tớ.

Tôi thật là có trí tưởng tượng phong phú quá đây mà. Cô bạn này hoá ra là sinh viên ngành y. Cô rất thích nghịch tóc tôi.

- Tóc ấy mềm nhỉ.

Tôi cũng chạm vào tóc cô ấy. Tóc cô xoăn và cứng, cảm giác cứ dài ra là xoăn tít, cuộn lại phía da đầu. Tôi tỏ vẻ thông cảm:

- Hay ấy thử đôi dầu gội xem sao.

Cô phá lên cười:

- Ai mà tạo ra loại dầu gội có thể làm cho tóc người châu Phi thẳng và mềm được thì chắc chắn sẽ thành tỉ phú.

Người Ethiopia có tóc của người châu Phi nhưng da lại không quá đen mà màu nâu đậm rất đẹp. Mới ngày đầu tiên sang đây mà tôi đã phát hiện ra quá trời cái mình hiểu sai về châu Phi. Ngày xưa tôi còn tưởng người châu Phi da đen là vì cháy nắng nữa chứ.

- Ấy muốn ăn trưa món gì?

Ồi thích thế, lại còn được mời ăn trưa nữa!

- Đồ ăn Ethiopia ấy ạ.

Chị giúp việc trong nhà mang ra cho tôi injera, loại bánh mì mỏng nhưng xốp và rất chua mà người Ethiopia ăn hàng ngày. Tôi cắn thử một miếng rồi nhăn mặt vì chua quá. Cả nhà phá lên cười.

- Từ từ, ấy phải ăn với “wat”.

Wat nghĩa là nước chấm. Hôm đấy là ngày ăn chay nên họ chỉ có wat từ đậu lăng. Thương tôi đói, mọi người làm thêm trứng cho tôi.

- Gọi cho tớ nếu ấy cần giúp đỡ gì. Nếu ở chỗ bạn ấy không thoải mái, ấy có thể đến ở nhà tớ. Nhân tiện, tên tớ là Sawrawit nhưng mọi người gọi tớ là Berry.

Thật lạ, đôi khi chúng ta có thể nói chuyện với nhau như thân quen lắm rồi mà chẳng hề biết đến tên của nhau. Tôi cảm ơn rồi rít rồi mày mò tìm đường xe buýt đi đến nhà Mika.

Chuyến phiêu lưu của tôi ở Ethiopia mới chỉ bắt đầu.

Tối hôm đấy, tôi đã viết ra mấy bài học sau:

1. Luôn luôn tìm hiểu trước khoảng cách từ sân bay về thành phố cũng như giá cả đi lại. Một trang mà tôi hay dùng là <http://wikitravel.org>. Nếu không tìm được thông tin trên mạng thì hỏi người đi cùng máy bay, xe buýt.

2. Khi mua bán, nếu không có bảng giá thì hãy là người trả cuối cùng sau khi đã xem tất cả mọi người trả như thế nào.

3. Luôn đếm tiền thừa.

4. Ở đâu cũng có người tốt và người xấu. Ta phải chịu khó tìm người tốt và kết thân với họ.

3. Tìm việc ở Addis Ababa

Mika có lẽ là người đầu tiên tôi gặp để râu quai nón mà nhìn vẫn hiền như cục đất. Tóc anh không xoắn dính sát đầu mà lại xù lên như đồng rơm nên cứ rảnh là anh phải đi tết tóc. Anh sống cùng bạn gái Corine ở trong một căn hộ chung cư nằm ngay trên đường Boleh, con đường chính của thành phố - nơi tập trung các đại sứ quán. Đôi này có lắm cái buồn cười. Mika có vóc dáng điển hình của con trai

Ethiopia: gầy và nhỏ. Trong khi đó, Corine lại có vóc dáng điển hình của con gái Bỉ: to và cao. Thế là khi xem phim, Mika không bế bạn gái mà ngồi vào lòng bạn gái. Mika lâu lâu lại thèm thuốc lá, trong khi bạn gái anh thì rất ghét mùi thuốc. Thế nên thỉnh thoảng, anh giả vờ lẩn ra ban công hóng gió. Corine từ trong phòng gọi ra:

- Anh yêu ơi, anh làm gì lâu vậy? Anh lại hút thuốc à?

- Anh đứng đây cho mát thôi, đâu có hút thuốc đâu.

- Lát nữa anh phải hôn em ngay mà không được đánh răng đâu đấy. Anh biết là em rất tinh, ngửi là biết có hút thuốc hay không.

- Em ơi, cả tuần nay anh mới hút điều này là điều đầu tiên - Mika đổi giọng ngay - Anh đã cố lắm rồi đấy nhưng lực bất tòng tâm, vứt bao thuốc xuống rồi lại phải nhặt nó lên. Anh chỉ hút một điều thôi mà, anh năn nỉ đấy.

Tôi ngồi nghe mà cười đau hết cả ruột.

Vì Corine bận làm luận án thạc sĩ, tôi nói chuyện với Mika nhiều hơn. Anh hiền khô và tốt bụng kinh khủng. Biết người nước ngoài không mua được SIM ở Ethiopia, anh mua một SIM để ai đến ở nhờ nhà anh thì anh cho mượn. Biết tôi hết tiền, anh chỉ cho tôi cách kiếm tiền.

- Em viết tốt thế lên oDesk nhận việc về mà làm. Đây công việc viết lách.

- oDesk là gì anh?

- Trời, trang web lớn như thế mà em không biết à?

Đùa anh chút cho vui, tôi mang tiếng làm việc trên internet bao nhiêu năm mà lại phải để một bạn người châu Phi dạy về cái này à? oDesk là trang về việc làm tự do lớn nhất thế giới. Các công việc trên này chủ yếu là lập trình, thiết kế, viết lách. Tôi tạo một hồ sơ, giới thiệu về kỹ năng của mình rồi apply một số công việc nhưng chẳng có ai nhận tôi cả. Mika bảo tôi phải kiên trì. Những người mới thường khó tìm việc hơn vì hồ sơ của họ chưa có gì để làm chứng. Hơn nữa công việc ở đó tuyển rất nhanh. Người ứng tuyển hầu như lúc nào cũng phải online trong khi tôi không có internet thường xuyên. Internet ở Ethiopia vẫn do nhà nước độc quyền nên rất đắt đỏ. Nhà Mika chỉ có một cục 3G, khi nào anh không dùng thì tôi mới mượn được. Tôi quyết định vẫn nộp đơn trên oDesk nhưng vẫn ra ngoài tìm thêm việc. Yêu cầu của tôi rất đơn giản: chỉ cần đủ tiền ăn và tiết kiệm được một chút là được. Mika bảo có thể cho tôi ở nhà miễn phí đến khi nào tôi có đủ tiền đi tiếp.

Chiến lược tìm việc của tôi cũng rất đơn giản: ra đường thấy đâu có việc thì xin. Những chỗ có thể

có việc cho tôi là các nhà hàng, quán cà phê, khách sạn. Lý do đầu tiên là những công việc này thường không đòi hỏi quá cao, có thể làm thời gian ngắn mà không cần work permit (*giấy phép làm việc*). Lý do khác là tôi thích những công việc dịch vụ thế này: nhẹ nhàng, không phải nghĩ nhiều mà lại cho tôi cơ hội quan sát người dân bản xứ. Đến đâu xin việc người ta cũng tưởng tôi nói đùa.

- Em là faranji mà lại phải xin việc ở Ethiopia à?

- Faranji hết tiền thì cũng phải làm việc chứ.

- Faranji mà lại hết tiền à?

Người ta phá lên cười “Faranji” trong tiếng Amheric có nghĩa giống “Tây” trong tiếng Việt mình vậy. Giống như nhiều người Việt Nam mặc định Tây là giàu, người Ethiopia mặc định cứ “faranji” là có tiền. Nghĩ ra cũng có lý. Cứ ai có tiền đến được nước họ là giàu hơn họ rồi. Tôi bị từ chối không phải vì tôi không làm được việc, mà vì “chỗ này xấu xấu bẩn bẩn, không xứng để cho một faranji như em làm”. Chán nản, tôi uể oải bước vào một quán cà phê ở cuối đường. Cả ngày hôm nay đi bộ nên chân tôi đã mỏi nhừ. Anh chủ quán sau khi nghe tôi kể lể thì rất thông cảm. Anh bảo là anh sẽ xem xét.

- Em không ngại việc chân tay đâu. Cho em làm bồi bàn cũng được.

- Không, không, faranji như em sao lại đi phục vụ bàn. Em có biết về marketing không?

Marketing thì đúng nghề của nàng. Sau khi nghe xong về kinh nghiệm làm việc của tôi, anh chủ quán rất hào hứng. Anh bảo anh cần người phụ trách marketing, giúp anh tổ chức các sự kiện cho quán.

- Nếu em chịu, em có thể bắt đầu làm việc ngay với mức lương tám trăm birr một tháng. Ăn hai bữa quán lo. Chỗ ở anh sẽ sắp xếp cho em.

Tám trăm birr tức là khoảng năm mươi đô lúc bấy giờ. Như vậy, nếu chỉ làm việc mà không tiêu bất cứ một thứ gì, tôi phải làm khoảng bốn tháng mới có thể tiết kiệm được hai trăm đô. Ấy là mức lương đầy đã cao hơn rất nhiều mức trung bình của công việc mà ban đầu tôi định xin. Nói chuyện nhiều với những người phục vụ bàn ở đây, tôi được biết thu nhập hàng tháng của họ khoảng ba trăm birr. Tôi thực sự không hiểu làm thế nào mà người ta sống được chỉ với mức thu nhập đó. Nhưng rồi nghĩ lại, con người là một loài có khả năng thích ứng vô cùng mãnh liệt. Kiếm được nhiều, tiêu nhiều. Kiếm được ít, tiêu ít. Ngày trước học cấp ba, một mình ở Hà Nội, tôi nhớ mình cũng chỉ tiêu hết ba trăm nghìn một tháng.

Tôi cảm ơn anh chủ quán, nói rằng mình sẽ suy nghĩ về lời đề nghị này rồi đi bộ về nhà Mika.

4. Thịt sống mềm mềm, lạnh lạnh

Vì internet ở Ethiopia quá khan hiếm, bất cứ nơi nào có wifi miễn phí đều trở thành huyền thoại. Huyền thoại gần nhà Mika nhất là khách sạn Jupiter. Đến đây, mọi người có thể gọi một ly trà khoảng mười tám birr và ngồi cả ngày dùng wifi của khách sạn. Một buổi chiều buồn buồn đang ngồi viết lách linh tinh thì tôi nhận được tin nhắn trên CouchSurfing từ một anh chàng tên là Hermann. Anh bảo anh vốn sinh ra ở Addis Ababa nhưng sau một thời gian dài lưu lạc, anh quay trở lại đây để nhận ra rằng hoặc là Addis đã thay đổi quá nhiều, hoặc là trí nhớ của anh quá kém nên anh cần phải khám phá lại thành phố này. Anh nghĩ, cách tốt nhất để khám phá là trò chuyện với những người cũng đang khám phá nó.

Ah, tôi thích cách viết của anh chàng này. Chúng tôi hẹn gặp nhau ở quảng trường Mexico. Mặc dù quảng trường rộng thênh thang và đông vui là thế, tôi vẫn có thể nhận ra anh từ cách cả chục mét. Tôi không hay dùng từ này để miêu tả ai đó tôi gặp trên CouchSurfing nhưng Hermann khá là lịch lãm. Anh khoác một chiếc áo măng tô thanh nhã, đi giày da, đôi mắt sáng lấp lánh sau cặp kính cận, mái tóc xoắn đỏ nhô hẳn lên giữa quảng trường. Nhìn anh giống một nhà thiết kế thời trang trong một góc phố nào đó ở châu Âu hơn là một tâm hồn lưu lạc trên CouchSurfing.

- Nhìn anh không giống người Ethiopia.

- Ủ. Bố đẻ anh là người Ý.

Một câu trả lời vài chữ thôi mà bao nhiêu thông tin. Tôi muốn hỏi chuyện gì xảy ra với bố đẻ của anh nhưng nghĩ nó hơi riêng tư cho lần gặp đầu tiên nên lại thôi. Ý - Ethiopia là một mối tương quan phức tạp mà một con bé hiểu biết lịch sử chẳng đến đâu như tôi không dám bàn luận. Ý đã mang quân sang xâm chiếm Ethiopia nhưng thất bại sau năm năm và người Ethiopia rất tự hào rằng họ là quốc gia duy nhất ở châu Phi chưa từng bị đô hộ. Mặc dù chỉ có mặt ở Ethiopia năm năm, Ý đã kịp để lại không ít ảnh hưởng của mình lên đất nước này: người Ethiopia uống cà phê macchiato hàng ngày; pizza ở Ethiopia thì cực ngon và người ta gọi trung tâm Addis Ababa là Piassa theo tiếng Ý. Một di sản quan trọng khác của người Ý nơi đây đó là những đứa con lai Ý - Ethiopia. Tôi muốn hỏi về dòng máu Ý của anh, về việc người Ý sống ở Ethiopia những năm chiến tranh nhưng sợ không dám hỏi. Thấy mặt tôi cứ ghệt ra, anh như đọc được suy nghĩ của tôi, phá lên cười:

- Từ từ anh sẽ giải thích cho em. Em uống trà Ethiopia chưa? Hồi còn đi học có một quán trà anh hay ngồi, không biết giờ còn mở không.

Chúng tôi đi vào một con hẻm nhỏ, đến một cái quán nhỏ, ngồi xuống mấy cái ghế nhỏ ngoài vỉa hè nhìn ra đường. Có lẽ cả tôi và Hermann đều trông chẳng giống ai nên mọi người cứ nhìn hai đứa tôi cười khúc khích. Trà Ethiopia rất thơm, nồng nàn vị đinh hương, bạch đậu khấu và quế. Người dân nơi đây uống trà với đường, rất nhiều đường, ngọt lịm đến mức đầu lưỡi tôi cứ mềm nhũn ra. Thông thường, trà ở đây uống kèm bánh mì. Bẻ bánh mì ra, nhúng vào trà ăn như kiểu chấm bánh mì với sữa. Chỉ vậy thôi là người Ethiopia đã có một bữa sáng ngon lành. Uống trà xong, bắt chột anh hỏi:

- Bụng của em thế nào?

- Nhiều mỡ.

- Ha ha ha, cái đấy thì anh biết - Anh chàng cười nhăn nhở - Ý anh là em ăn uống có hay bị ngộ độc không?

- Không, em đến từ Việt Nam nên miễn dịch với ngộ độc thực phẩm rồi.

- Tốt. Vậy bây giờ anh sẽ dẫn em đi ăn món truyền thống của Ethiopia. Đây được coi là một trong những món ăn sang trọng nhất. Hồi anh còn nhỏ, chỉ có dịp đám cưới hay lễ hội người ta mới phục vụ món này.

Nghe đến đồ ăn là tôi sáng mắt lên, nuốt nước miếng ừng ực, chẳng cần hỏi thêm gì nữa, gật đầu cái rụp. Anh dẫn tôi đến một cửa hàng le lói ánh nến và giải thích ở Addis Ababa, mất điện là chuyện thường ngày ở huyện. Phía ngoài cửa hàng treo lủng lẳng từng tảng thịt bò tươi rói với từng trảng nội tạng, cạnh đó là một người đàn ông mặc áo choàng trắng kiểu bác sĩ bê bát máu, tay mài dao lia lịa. Phía trong lác đác vài cái bàn nhựa. Người bán hàng hỏi tôi muốn ăn phần nào, tôi chỉ đại vào một miếng nhìn ít mỡ.

- Hai đĩa ăn bao nhiêu?

- Nửa cân anh nhé - Hermann trả lời.

Anh bán hàng lấy con dao to đúng nghĩa dao mổ bò, xẻo ngay lấy một miếng nửa cân bắp bò. Sau đó anh cắt miếng thịt ra thành từng miếng vuông vức như viên súc sắc, bỏ vào đĩa mang ra bàn cùng với một đĩa muối ớt.

- Ủa, thế mình phải tự nấu à? - Tôi ngơ ngác.

- Hừ! Nấu làm gì! Thịt bò phải ăn sống thế này mới ngon. Ớt này cay lắm, đảm bảo giết chết hết mọi vi khuẩn.

Như để làm chứng, Hermann nhón một viên thịt đỏ hỏn, chấm vào đĩa muối ớt, cho lên miệng, nhai ngấu nghiến rồi nuốt. Anh xuyết xoa:

- Ngon thật. Lâu lắm rồi anh không được ăn thịt sống. Cả Addis Ababa chỉ có quán này là đảm bảo nhất, thịt tươi nhất. Tere Segá mà ăn ở quán nào thịt ôi thì thôi xong.

Tôi bị khựng lại mất khoảng ba mươi giây, không biết nên nghĩ thế nào hay nên làm gì. Đây là món

ăn mà anh kể với tôi sao? Món ăn sang trọng nhất của Ethiopia á?

- Em không ăn được thịt sống à?

- Đây chỉ là một câu hỏi tu từ thôi đúng không?

Hermann phá lên cười. Thực sự lúc mới gặp, có đấm vào mặt tôi cũng không thể hình dung ra một anh chàng lịch lãm như Hermann lại có thể ngồi ăn thịt sống ngon lành đến thế.

- Bọn bạn anh ở châu Âu nghe anh nói đến thịt sống thì sợ chết khiếp. Nhưng anh thấy nó bình thường. Từ nhỏ anh đã ăn món này. Mọi người xung quanh anh đều ăn món này mà có ai bị làm sao bao giờ đâu.

Có vẻ như sau bao nhiêu năm lưu lạc ở trời Tây, anh vẫn giữ nguyên cho mình những thói quen rất Ethiopia. Tự nhiên tôi có cảm tình với anh. Nói chung, tôi rất ác cảm với những ai hồi nhỏ ăn mắm tôm rồi đi Tây vài năm về lại giả bộ nhản mặt khi nhắc đến nó. Nhìn xung quanh, đúng là mọi người cũng đang bốc thịt sống ăn hồn nhiên như thể đây là điều bình thường nhất trên thế giới vậy.

- Người Ethiopia ăn được thì em cũng ăn được - Tôi bảo anh.

Rồi tôi cũng nhón một miếng, chấm thật nhiều muối ớt, nhắm mắt nhắm mũi cho lên miệng. Không hẳn là dai cũng không hẳn là nát, cứ mềm mềm, lạnh lạnh, ươn ướt. Vị thì giòn ngọt, tanh tanh làm tôi liên tưởng đến máu. Ờ nhỉ, ở Việt Nam mình cũng ăn tiết canh, nghĩ ra còn đáng sợ hơn ấy chứ.

5. Quyết tâm vào South Omo

(Awassa - Shashemene - Sodo - Arba Minch - Konso)

Mika kêu tôi khùng, sang một châu lục mới mà chẳng có một quyển sách hướng dẫn du lịch nào.

- Cơ bản em không thích rơi vào cái bẫy của sách hướng dẫn du lịch, chỉ đi đến những nơi người ta chỉ cho mình đến. Em thích sự bất ngờ - Tôi cãi cố.

- Thế tức là nếu bây giờ anh đưa cho em một quyển guidebook em cũng không lấy luôn hả?

- À, đây lại là chuyện khác. Anh có sách à? Đưa em đọc đi - Tôi cảm giác như da mặt mình vừa dày thêm vài chục centimét.

- Ừ, nhưng em giữ cẩn thận nhé còn để cho các bạn đến sau em đọc.

Tôi hí hửng cầm quyển sách Bradt Guide cho Ethiopia, lật vội một lượt các trang. Tôi dừng lại khi nhìn thấy bức ảnh chụp ngang một người phụ nữ tóc xoắn dính sát đầu, gần như trọc, da đen bóng, mắt nhìn thẳng, hiên ngang thách thức. Môi dưới chị tách rời hẳn ra, treo lủng lẳng ngang cằm. Cạnh đó là một bức ảnh mà cái môi tách rời đó đã được lấp kín bằng một cái đĩa to như đĩa ăn cơm, bập bênh trước khuôn mặt người phụ nữ như cái mỏ chim nổi dài vậy. Tôi thấy đau nhói ở trên môi, như thể chính môi của tôi cũng bị cắt rời, kéo căng ra để nhét vừa cái đĩa ấy. Tôi đọc thêm thì được biết đây là tiêu chuẩn cái đẹp của họ. Phụ nữ có đĩa càng to thì của hồi môn càng nhiều. Vẫn biết văn hoá là khác biệt và tôi tôn trọng văn hoá những nơi tôi đã đi qua. Nhưng như thế này thì thực sự ám ảnh quá. Tôi quyết định sẽ tìm đến bộ tộc này. Đây là bộ tộc Mursi ở South Omo, thung lũng tận cùng phía Tây Nam của Ethiopia. Sách Bradt ghi một dòng chữ to đùng: “Tự đi đến South Omo là một điều không tưởng. Ngoại trừ một số làng nhỏ nằm rải rác theo trục đường Konso - Jinka, tất cả các ngôi làng còn lại đều không thể đến chỉ bằng đi bộ hay bằng các phương tiện công cộng”. Các sách hướng dẫn du lịch gợi ý việc đi tour hoặc thuê một chiếc xe land cruiser. Một chiếc land cruiser với người lái tốn không dưới một trăm đô một ngày, trong khi một tour đi trong một tuần tốn không dưới một nghìn hai trăm đô. Cả hai lựa chọn này hiển nhiên đều không dành cho tôi. Nói chuyện với một số dân ba lô ở Ethiopia tôi nhận ra rằng tất cả mọi người đều lảng tránh South Omo.

“Nếu em muốn ném tiền qua cửa sổ thì cứ đi đi,” một cô gái Slovakia bảo tôi. Cô đã xuống tận Awassa, nửa đường xuống phía Nam nhưng rồi lại quay về. Đi ba lô ở đây nghe cứ như là truyện cổ tích vậy.

Đúng lúc đấy, tôi được biết Fidel, bạn nhai “khat”^[2] của Hermann đang có lịch xuống Awassa. Một ý tưởng chợt loé lên trong đầu tôi. Tôi xin Fidel cho đi kè xuống Awassa.

[2] Khat: Một loại lá có tính kích thích làm quên cảm giác đói và mệt.

- Awassa đẹp lắm, em nên đến thăm. Nhưng anh chỉ ở đây mấy tiếng thôi đấy - Fidel bảo tôi.

- Dạ không sao. Anh cho em đi nhờ xe xuống đây thôi, em sẽ đi thăm thú ở quanh khu đó.

Ở Awassa, chúng tôi tình cờ gặp Alex, một anh chàng lập dị người Ireland hiện đang xây dựng một khu nghỉ dưỡng sinh thái ở Konso. Anh chàng chỉ cười khẩy khi tôi nói với anh kế hoạch của mình.

- Em định đi xuống South Omo như thế nào? Đi bộ từ làng này đến làng kia tốn hàng ngày trời.

- Em sẽ đi nhờ xe.

- Ha ha ha, thế thì chúc em may mắn nhé - Anh chàng cười chán chê rồi phui mông đứng dậy. Fidel lo lắng ra mặt:

- Em có chắc là em muốn làm điều đó không? Đây là một khu vực vẫn còn hoang sơ mọi rợ. Ở đây không có điện, không có nước. Người dân không nói tiếng Anh, họ thậm chí còn chẳng biết chữ. Em có thể bị cướp, bị tấn công mà chẳng có thể kêu gọi sự giúp đỡ từ ai cả.

- Insha'Allah^[3].

[3] Insha'Allah (tiếng Ả Rập) nghĩa là: nếu ý Chúa muốn.

Fidel cốc cho tôi một cái rỗ đầu vào đầu trước khi quay trở lại Addis Ababa.

Không có nhiều thông tin về đi lại ở South Omo cho những kẻ lữ hành độc lập. Thậm chí tìm được một cái bản đồ vẽ vội ở trên mạng cũng đã là một kỳ tích. Từ những thông tin tìm hiểu được ở những người tôi gặp, tôi được biết Konso và Jinka là hai căn cứ phổ biến nhất để khám phá thung lũng. Tôi chọn Konso vì nó gần hơn. Sau hai ngày hành xác trên xe chợ, đi qua đủ loại địa hình nhìn gần giống như là đường, ngủ qua đêm trong một nhà nghỉ không điện, không nước với nhà vệ sinh ở cách đó phải vài trăm mét ở Arba Minch, cuối cùng tôi cũng đến được Konso vào lúc hoàng hôn. Tôi cứ đinh ninh rằng ông lái xe lừa mình đây. Người ta gọi đây là thành phố ư!!? Cả thành phố chỉ bao gồm một tá ngôi nhà xập xệ và vài khách sạn tồi tàn nát xung quanh trạm xăng. Tôi tìm cho mình căn phòng rẻ nhất có thể ở khách sạn St. Mary, sau khi đã cãi nhau một trận nảy lửa với chủ khách sạn để lấy được giá chuẩn chứ không phải giá cho faranji. Những ai đã từng đến Ethiopia chắc chắn sẽ nghe từ này rất nhiều. Ở đây, nếu bạn là người nước ngoài, người ta sẽ đi theo bạn và luôn miệng: “Faranji, money, faranji, money”. Bởi vì tôi là faranji duy nhất ở khách sạn này nên tôi đi sang khách sạn cạnh đó để nói chuyện với các khách du lịch khác, hy vọng tìm kiếm được thông tin có ích. Tôi gặp một người đàn ông trung niên người Mỹ đi một mình và Sylvain, một anh chàng người Pháp đi theo nhóm. Cả hai đều đi xe land cruiser.

- Khỉ thật. Chắc em là người nghèo duy nhất đi vào đây quá.

- Yeah - Sylvain cười khúc khích - Em là người đầu tiên anh gặp mà không có xe đấy.

- Cái anh nghĩ em nên làm là tìm ai đó giống như bọn anh - Người đàn ông trung niên chỉ vào mình rồi chỉ vào Sylvain - Và xin đi nhờ xe. Tiếc là bọn anh đã thăm hết cả thung lũng rồi, mai là lên đường quay trở lại Addis Ababa thôi.

Hoá ra tôi đã chọn nhầm chỗ để bắt đầu. Bởi vì tất cả mọi người đều đi theo tour, tất cả mọi người đều có cùng một lịch trình: Addis Ababa - Arba Minch - Jinka - làng người Mursi - Turmi - Key Afar - Konso - Arba Minch - Addis Ababa. Tuy không đi nhờ xe được với họ nhưng tôi lấy được rất nhiều thông tin quý báu về các bộ tộc, về những ngôi làng truyền thống và quan trọng nhất là thông tin về thứ mà tất cả khách du lịch ở đây đều săn tìm: chợ phiên truyền thống. Người ta chỉ họp chợ một hay hai lần một tuần ở mỗi thị trấn. “Em phải đến xem chợ phiên. Nó không giống bất cứ một thứ gì ở thế giới

hiện đại cả. Cứ như thể là em bị lỗi ngược trở lại thời kỳ bộ lạc vậy”.

Vậy là không có gì tôi có thể làm ở thời điểm đó. Nếu muốn đi nhờ xe với khách du lịch, tôi phải khởi đầu ở Jinka, khoảng ba đến bốn trăm kilômét phía Nam Konso. Tôi nói chuyện với hai anh chàng và nhóm bạn của họ thêm một lúc nữa rồi cáo lui về khách sạn để nghỉ ngơi sớm. Từ ngày mai, tôi sẽ một mình dấn thân vào lãnh thổ xa lạ của South Omo, một trong những khu vực khó tiếp cận nhất trên thế giới, cái nôi của nhân loại.

- Ta ba lô ở South Omo - Sylvain nhún vai khi chúng tôi chia tay - Chúc em may mắn.

Cảm ơn anh. Đó chính xác là những gì mà em cần đây.

Lời cảm ơn

Mọi người hay nói tôi là người may mắn hay được quý nhân phù trợ, và quả thực bây giờ khi ngồi viết lời cảm ơn này, tôi mới giật mình nhận ra rằng để viết hết tên những người đã giúp đỡ mình, có lẽ tôi phải cần riêng một quyển sách.

Con cảm ơn bố mẹ đã chấp nhận con đường con đi. Cảm ơn anh Tuấn và các anh chị bên Quảng Văn đã không quản lễ tết, cuối tuần, làm việc thuê đêm suốt sáng để giúp sách của em ra đúng thời hạn. Cảm ơn anh Jeet Zdung với những hình vẽ cực kỳ có hồn cho “Chip hội phiêu lưu ký”, mặc dù thỉnh thoảng anh lên cơn căm thù em, vẽ em rất “bêu” và rất dễ ghét. Cảm ơn dịch vụ tìm kiếm máy bay tuyệt vời của avia.vn cùng chị Nat Nguyễn dễ thương. Cảm ơn anh Sơn cùng đội ngũ Tiki.vn đã ủng hộ và tư vấn em rất nhiều khi em còn lúng túng không biết ra mắt ra sao. Cảm ơn anh Lê Hồng Long và Outdoor Club luôn sẵn sàng giúp đỡ em bất cứ vấn đề gì. Cảm ơn anh Tùng Tabalô đã chịu khó đọc bản thảo đầu tiên đầy sạn của em và tỉ mỉ nhặt ra từng hạt. Cảm ơn các anh chị bên Phuot.vn đã ủng hộ em những ngày em mới bắt đầu chuyến đi. Cháu cảm ơn bác Nguyễn Lâm Dũng và Vũ Khoan đã cho cháu trích lời trên bìa sách. Cảm ơn anh Bút Chì đã đầu tư công sức giúp em làm bìa. Cảm ơn anh Kiên 44 suốt mấy năm trời tài trợ host cho blog của em, và em cảm ơn anh Jacob Trần đã giúp em quản trị nó. Em cảm ơn các anh chị Viettel bên Mozambique đã giúp đỡ cuu mang em khi em sống dở chết dở giữa Châu Phi. Cảm ơn Kristina đã là một sếp tuyệt vời của em bên Cốc Cốc, thỉnh thoảng lại cho em nghỉ đột xuất không thông báo trước để thỏa mãn cái chân chạy. Và em cũng xin cảm ơn anh Tuấn SH, anh Long Lắc Lư, các anh chị Baomoi.com, anh Hiếu Henry Nguyễn và vô số những người khác nữa.

Và mặc dù tôi biết là sẽ không có ai tôi cảm ơn sau đây có thể đọc được tiếng Việt, tôi vẫn muốn ghi ra để có thể chụp ảnh gửi lại cho mọi người. Cảm ơn Mika, người bạn đầu tiên khi tôi đặt chân đến lục địa đen. Cảm ơn bác Mwega, Violet và mọi người ở Karika vì đã cuu mang cháu những ngày cháu

ở Kenya. Cảm ơn Jack vì đã cho em mượn bình xịt hơi cay. Cảm ơn Howard vì đã là bạn của tớ. Cảm ơn Shak vì những món ăn Việt Nam tuyệt vời. Cảm ơn Paul, bác Elizabeth và gia đình vì đã là chỗ dựa tinh thần của cháu khi cháu bị khủng hoảng ở Kenya và Tanzania.

Cuối cùng, tôi xin cảm ơn những độc giả tuyệt vời của tôi đã nhẫn nại đi qua hết mấy trăm trang sách của cuốn sách này. Chính các bạn là động lực để tôi tiếp tục viết và tiếp tục chia sẻ. Tôi xin chân thành cảm ơn tất cả mọi người.

1. This time for Africa

Trước khi đến Châu Phi, lục địa này hoàn toàn là một điểm đen trong tâm trí tôi, cả về nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Tôi thật sự không biết một tí ti gì về Châu Phi. Khi nghe tôi chuẩn bị sang Ethiopia, Asher hỏi: “Bay sang Addis Ababa à?” Tôi ngó người ra: “Addis Ababa là gì?” Anh chàng sặc cho tôi một trận:

- Là thủ đô của cái nước mày chuẩn bị qua đấy. Chả biết gì về Châu Phi mà cũng đòi sang.

- Ồ hay, vì không biết về Châu Phi nên mới phải sang để mà biết chứ!

Phần lớn các tên các nước Châu Phi tôi chưa nghe đến bao giờ, đừng nói đến thủ đô của chúng. Xin visa thế nào, đi lại ra sao, ăn tiêu cái gì, tôi chưa thể hình dung. Tất cả những gì tôi biết về Châu Phi chỉ là hạn hán, nạn đói, nội chiến... đọc được trên báo chí và những kinh nghiệm nửa kiêu chia sẻ, nửa kiêu răn đe của Asher. Cách đó ba năm, trong chuyến xách ba lô lên và đi của mình, anh cũng đã làm một chuyến đến Châu Phi. Những kế hoạch tươi đẹp đi dọc chiều dài Châu Phi từ Ai Cập xuống Nam Phi của anh chỉ thực hiện đến Uganda là anh phải bỏ của chạy lấy người, bay thẳng về Châu Âu, trở lại với thế giới văn minh.

- Châu Phi là như thế đấy mày ạ. Tao cũng không biết phải giải thích thế nào. Người dân ở đấy nghĩ rất khác, sống rất khác, mọi chuyện cứ như xảy ra theo một quỹ đạo khác. Thái độ không phải là thù địch nhưng rất khó chịu. Ngày ngày nó cứ găm vào tâm trí, ăn mòn sức chịu đựng của mày đến mức mày không chịu đựng được nữa phải nổ tung ra.

Một đứa coi trời bằng vung, chẳng sợ gì chỉ sợ chán như Asher mà còn nói như thế thì không biết Châu Phi thực sự như thế nào?

- Nhưng mày cứ đi đi. Mày đến từ Việt Nam, có khi mày lại thích nó.

Câu nói của Asher làm tôi suýt sặc.

Sau khi nghiên cứu bản đồ và thăm dò thông tin trên mạng, tôi quyết định mình sẽ đi dọc bờ phía Đông của Châu Phi, cái trục mà dân đi bụi hay gọi là Cairo – Cape Town theo tên của hai thành phố ở hai đầu Bắc Nam của châu lục này. Nhưng sau hơn một năm xách ba lô lên và đi, tôi đã thấm thía được rằng tất cả chỉ mang tính tương đối. Lịch trình có đặt ra cũng chỉ mang tính tương đối. Lịch trình có lập ra âu cũng chỉ để đối chiếu. Đi rồi mới biết chẳng có gì là giống như mình lên kế hoạch cả. Tôi chỉ có thể định hướng đi của mình là như thế và đánh dấu một số điểm đen không muốn bỏ qua, còn lại đường

đi nước bước cụ thể thế nào thì phải tùy cơ ứng biến.

Nước tiếp theo sau Ai Cập trong trục đường của tôi là Sudan. Mặc dù đã nghe kể nhiều về cảnh đẹp như mơ và những con người quá ư thân thiện của đất nước này nhưng tôi đành cắn răng bỏ qua vì với visa Isarel trong hộ chiếu của tôi thì đừng hòng chính quyền Sudan cấp visa cho tôi. Lòng đau như cắt, nước mắt đầm đìa, tôi đành đặt vé bay thẳng từ Ai Cập xuống Ethiopia. Để lấy được visa đi Ethiopia cũng không phải chuyện đơn giản. Ban đầu, tôi xin visa từ đại sứ quán Ethiopia ở Ai Cập thì bị từ chối thẳng thừng vì họ chỉ nhận hồ sơ của những người sinh sống ở Ai Cập thôi. Tôi đưa lý do là Ethiopia không có đại sứ quán ở Việt Nam thì họ bảo tôi sang nước lân cận như Thái Lan hay Trung Quốc để xin. Tôi nhờ đại sứ quán Việt Nam tại Ai Cập tác động cũng không được. Nghĩ họ cố tình làm khó mình, tôi đã cáu đến mức thề sống thề chết sẽ không thêm sang Ethiopia nữa. Nhưng khi sang đến Israel, tình cờ đi ngang qua đại sứ quán Ethiopia, tôi quên hết mọi ân oán giang hồ vào xin tiếp. Ai ngờ bác phụ trách visa chỉ hỏi tôi mấy câu rồi gật đầu cái rụp. Mười lăm phút sau, hai mươi lăm đô la tôi đã có visa sang Ethiopia ba tháng.

Những tưởng có visa, có vé máy bay là có thể ung dung cất cánh, nhưng rồi tôi vẫn bị một phen đau tim ở Cairo. Sô là tôi không có visa vào hãn Ai Cập, mà chỉ được phép vào khu vực Sinai. Sinai cũng thuộc Ai Cập, nhưng bán đảo này có chính sách visa riêng. Họ miễn visa cho bất kỳ ai muốn du lịch ở đây. Để tiết kiệm tiền, chuyến bay Sinai – Ethiopia của tôi quá cảnh ở Cairo, Ai Cập. Khi xuống đến Cairo, tôi phát hiện ra mình hạ cánh ở sân bay nội địa Cairo, tức là có thể thoải mái ra ngoài mà không phải đi qua hải quan. Thế là tôi tranh thủ đến thăm gia đình Âm r và những người bạn tôi quen ở đây, không quên cầm theo sổ của đại sứ quán Việt Nam ở Ai Cập để chẳng may có bị kết tội nhập cư bất hợp pháp thì còn có người để cầu cứu. Nhưng thật may, ngoại trừ nửa tiếng bị giữ ở lại sân bay để kiểm tra thì không có chuyện gì xảy ra cả.

Chuyến bay của tôi khởi hành lúc hai giờ năm mươi sáng. Cảm nhận đầu tiên trên chuyến bay đầu tiên ở Châu Phi của tôi là nó hơi... hơi hơi. Lúc đó tôi đã thầm nghĩ: “Đúng là Châu Phi.” Do không biết gì về Ethiopia, tôi đã hy vọng lên máy bay có thể hỏi chuyện người ngồi cạnh, nhưng bác ngồi cạnh tôi vừa đặt mông xuống là ngủ như chết.

Lạnh!

Châu Phi mà lại lạnh làm tôi cứ nghĩ mình vẫn còn mơ ngủ mà bước chân nhảm xuống trời cuối thu Hà Nội chứ! Cái lạnh Ethiopia không gay gắt như cái lạnh trên dãy Himalaya nhưng cũng đủ làm tôi rùng mình, cảm giác như vừa bước ra khỏi chăn sáng sớm đầu đông vậy. Những người xung quanh tôi rục rịch khoác thêm áo lên người nhưng tôi kiên quyết không mặc áo khoác ngoài. Tôi muốn để cái lạnh thấm vào từng thớ da thớ thịt, hít một hơi thật sâu để cái lạnh ngấm vào cả gan, cả phổi, để gió len lỏi vào từng chân tơ kẽ tóc, để không bao giờ có thể quên cái lạnh đầu tiên của tôi ở Châu Phi. Châu Phi ơi, còn bao nhiêu bất ngờ đang đợi ta phía trước nữa?

2. Alice ở xứ xứ thần tiên

Tôi đổi toàn bộ số tiền đang có sang đồng birr của Ethiopia, được khoảng bốn trăm birr (*đọc là bơ với âm r ở cuối*). Điện thoại hết pin, tôi phải dùng đủ loại ngôn ngữ cử chỉ để mượn điện thoại của một bác taxi gọi tới cho Elena. Elena là chủ tịch AIESEC, một tổ chức sinh viên chuyên gửi sinh viên đi thực tập ở nước ngoài. Trước khi sang đây, tôi đã viết thư xin gia nhập tổ chức để biết đâu có thể đi thực tập ở Ethiopia hay nước nào đó ở Châu Phi. Elena viết thư trả lời lại rằng rất ấn tượng với blog và hồ sơ của tôi nên cũng rất mong có thể gặp tôi trực tiếp để xem tôi có đủ tiêu chuẩn không. Chị cũng bảo sẽ sắp xếp người ra đón tôi ở sân bay. Nhưng khi tôi gọi điện cho chị, chị lại bảo là chị không đến đón được và cho tôi địa chỉ để tôi đến. Do không biết địa chỉ đó ở đâu, tôi đưa điện thoại cho bác taxi để hai người trò chuyện với nhau bằng tiếng Amheric, quốc ngữ của Ethiopia. Chẳng hiểu hai người nói chuyện rồi cãi nhau cái gì mà Elena cúp máy cái rụp làm tôi ngơ ngác không hiểu chuyện gì diễn ra. Tôi muốn gọi cho Mika, người đã đồng ý hồ sơ tôi trên CouchSurfing^[1] nhưng ngại không muốn mượn điện thoại của ai nữa. Không biết đi đâu về đâu, phản ứng của tôi là đi về trung tâm thành phố. Nhưng vấn đề là tôi cũng chẳng biết trung tâm thành phố là ở đâu. Các bác lái xe nhao nhao giải thích và đưa giá trên trời.

[1]CouchSurfing: là trang web kết nối những người sống ở địa phương và dân du lịch ba lô.

- Cháu có biết trung tâm nó ở đâu không? Xa lắm. Giá thế này là còn rẻ đấy.

- Cháu không biết nó ở đâu, nhưng cháu đã hỏi chuyện người trên máy bay và họ nói giả chỉ bằng nửa giá của bác.

Họ chẳng thèm nghe tôi nói mà cứ ra sức kéo ba lô của tôi lên xe. Bực mình, tôi quyết định sẽ đi bộ, tìm mua SIM điện thoại ở đâu đó rồi gọi cho Mika. Ở cổng sân bay, bắt chợt một loạt xe van (*xe thùng*) sơn xanh trắng chạy qua. Phụ xe mở cửa hét toáng lên phía tôi, thế là tôi nhảy lên.

- Giá vé bao nhiêu ạ?

- Hai mươi lăm birr.

Rồi tự nhiên tôi thấy một người trả hai birr.

- Hai birr thôi chứ?

- Không, đây là tùy thuộc vào em đi đâu.

Tôi quay ra hỏi mấy người xung quanh nhưng ai cũng lăm lét nhìn người lái xe rồi trả lời không biết. Bực nh, cả xe mà chả có ai la đồng minh với mình à?

- Em sẽ không trả cao hơn giá địa phương đâu.

- Ghê gớm nh. Được rồi, năm birr.

Nghe cũng không đến nỗi nào. Tôi đưa anh một đồng một trăm birr, anh trả lại tôi tám mươi lăm birr.

- Anh này, đây là tám mươi lăm birr mà.

- Ồ chưa đủ à? Thêm một birr nữa nhé.

Cái gì thế này? Tôi biết không ít người sẽ bỏ cuộc vì họ thấy không đáng để tranh cãi chỉ vì nửa đô. Tiền không phải là toàn bộ vấn đề mà cảm giác bị lừa khiến tôi bực mình hết sức.

- Trả lại em mười birr – Tôi hét lên.

- Đây, mười birr của em đây.

Lát sau tôi hỏi được giá xe buýt từ những người trên phố: một birr hai mươi lăm cho quãng đường ngắn, hai cho quãng đường trung bình và ba birr sáu cho quãng đường dài. Đi vài ngày là tôi đã khá quen với cách tính ngắn dài ở đây. Tôi phát hiện ra rằng ở Ethiopia, xe buýt thường xuyên tăng lờ không trả tiền thừa cho khách nước ngoài, và khi họ trả cũng trả không đúng. Trong khi với khách địa phương thì họ luôn trả đủ. Sự phân biệt đối xử này không chỉ dừng lại ở xe buýt mà còn với tất cả mọi thứ khác ở Ethiopia. Nhiều lúc tôi cáu phát điên lên mới thấy đồng cảm ghê ghớm với khách nước ngoài đến Việt Nam bị chặt chém.

Tôi dừng lại ở Abyssinia, nơi mà mọi người nói với tôi là trung tâm thành phố. Hai anh chàng địa phương tiếp cận tôi đề nghị giúp đỡ. Họ nói họ là nhạc sỹ, thấy tôi có vẻ mất phương hướng nên muốn giúp đỡ tôi. Họ nói tiếng Anh tốt, tóc rasta giống Bob Marley nên tự nhiên tôi thấy có cảm tình. Tôi bảo với họ rằng tôi cần tìm mua SIM điện thoại.

- SIM dùng cho Addis là ba trăm birr, dùng cho cả Ethiopia là bốn trăm birr.

Như thế có nghĩa là đắt hơn cả Israel, trong khi Ethiopia nghèo hơn bao nhiêu. Không ổn tí nào cả. Họ dẫn tôi đến một quán bán SIM để kiểm tra, nhưng họ nói chuyện với nhau bằng tiếng Amheric thì làm sao mà tôi hiểu được.

- Ba trăm là chuẩn rồi đấy. Em không có tiền à? Anh có hai SIM, anh để lại cho em một SIM giá hai trăm năm mươi birr rồi anh mua SIM khác cũng được.

- Vẫn đắt quá.

Lúc đó, tôi mới giật mình nhận ra rằng họ tiếp cận tôi chẳng vì bạn bè gì cả. Họ chỉ muốn kiếm tiền từ tôi thôi. Vậy mà tôi đã tin tưởng rồi lại có cảm tình với họ nữa chứ. Tự nhiên tôi thấy mình dại, mình ngu, rồi tự nhiên thấy thương mình ghê gớm. Bay cả đêm mới tới đây, bụng đói meo, lưng đeo ba lô mười lăm cân nặng trình trịch, thế mà sao ai cũng muốn lừa tôi thế này? Tôi quay lưng bỏ đi. Một đám đàn ông, phụ nữ, trẻ em chạy theo, kéo áo, kéo ba lô tôi í éo: “Money, money, give me money”. Tôi vừa đẩy họ ra, vừa cố gắng không bật khóc. Chợt một bác thợ may vẫy tay về phía tôi:

- Vào đây ngồi nghỉ đã cháu.

Bác có khuôn mặt hết sức nhân hậu. Đến lúc ấy, tôi đã hoàn toàn mất niềm tin vào con người nhưng quá mệt để có thể đi tiếp. Cửa hàng bác nhỏ xít, chỉ đặt vừa một cái máy khâu và một cái ghế.

- Người dân ở đây là thế, cứ thấy người nước ngoài là họ nghĩ đến tiền.

Bác chỉ cho tôi sang quán bên cạnh để mua SIM. Hóa ra, một cái SIM ở đây có giá chỉ sáu mươi birr, nhưng tôi không thể mua được vì tôi không phải là người Ethiopia. Tôi nhờ bác gọi cho Mika để lấy địa chỉ. Bác bảo Mika hẹn gặp tôi lúc chín giờ.

- Bây giờ là mấy giờ ạ?

- Năm giờ.

- Không thể nào. Cháu vừa đến đây lúc tám giờ sáng. Chẳng lẽ cháu ngất xỉu ở đâu mà không để ý thời gian à?

- Không, giờ là năm giờ. Cháu nhìn đồng hồ này. Đợi bốn tiếng nữa cháu sẽ gặp bạn cháu.

Hoang mang, tôi chạy ra phố hỏi giờ mọi người. Người thì nói là năm, người thì nói là mười một giờ. Chuyện gì đang diễn ra thế này? Tôi đi lạc vào thế giới nào chẳng? Tôi định chạy đến hỏi chuyện một cô bạn tầm tuổi tôi thì bác thợ may thì thầm.

- Gái bán hoa đấy.

Thì ra đây là khu vực nhảy cảm của thành phố.

Một cô gái khác bước đến gần tôi, áo hai dây và trang điểm cực đậm. Suy nghĩ tự nhiên của tôi là cô cũng làm cùng nghề với cô gái kia. Nhưng cô bạn nói tiếng Anh rất tốt. Cô phá lên cười khi tôi hỏi về giờ. Ở Ethiopia, ngày không bắt đầu từ lúc nửa đêm mà được tính từ lúc mặt trời mọc lên, bảy giờ sáng quốc tế là một giờ sáng giờ Ethiopia. Bây giờ đang là mùa hè ở Ethiopia, nhưng không như mọi người nghĩ, mùa hè mới là thời gian lạnh, còn mùa đông thì lại nóng. Mika hẹn tôi lúc chín giờ Ethiopia, tức là ba giờ chiều Châu Âu như mọi người ở đây gọi.

- Ấy định làm gì từ bây giờ cho đến lúc đấy?

- Tôi cũng chưa biết nữa.

- Sao ấy không đến nhà tôi chơi.

Đến thời điểm này thì tôi chẳng quan tâm đến việc cô làm nghề gì nữa. Tôi nhìn bác thợ may, bác gặt đầu. Tôi đi theo cô vào một ngõ nhỏ đầy rác và ngập ngụa nước thải. Ở giữa khu ổ chuột là một ngôi nhà cấp bốn xinh xắn. Một người đàn ông to cao, bặm trợn ra mở cửa. Ông nhìn khác gì một ông trùm mafia trong phim Hollywood. Trong nhà nghi ngút khói. Tôi hơi chùn chân.

- Đây là chú của tôi.

Tôi thật có trí tưởng tượng phong phú quá đây mà. Cô bạn này hóa ra là sinh viên ngành y. Cô rất thích nghịch tóc tôi.

- Tóc ấy mềm nhỉ.

Tôi cũng chạm vào tóc cô ấy. Tóc cô ấy xoắn và cứng, cảm giác cứ dài ra là xoắn tít, cuốn lại phía da đầu. Tôi tỏ vẻ thông cảm:

- Hay ấy thử đổi dầu gội xem sao.

Cô phá lên cười:

- Ai mà tạo ra loại dầu gội có thể làm tóc người Châu Phi thẳng và mềm được thì chắc chắn sẽ thành tỉ phú.

Người Ethiopia có tóc của người Châu Phi nhưng da lại không quá đen mà màu nâu đậm rất đẹp. Mới ngày đầu tiên sang đây mà tôi đã phát hiện ra quá trời cái mình hiểu sai về Châu Phi. Ngày xưa tôi còn tưởng người Châu Phi da đen vì cháy nắng nữa chứ.

- Ấy muốn ăn trưa món gì?

Ồi thích thế, lại còn được mời ăn trưa nữa!

- Đồ ăn Ethiopia ấy ạ.

Chị giúp việc trong nhà mang ra cho tôi injera, loại bánh mỳ nóng nhưng xốp và rất chua mà người Ethiopia ăn hàng ngày. Tôi cắn thử một miếng rồi nhăn mặt vì chua quá. Cả nhà phá lên cười.

- Từ từ, ấy phải ăn với “wat”.

Wat nghĩa là nước chấm. Hôm đấy là ngày ăn chay nên họ chỉ có wat từ đậu lăng. Thương tôi đói, mọi người làm thêm trứng cho tôi ăn.

- Gọi cho tớ nếu ấy cần giúp đỡ gì. Nếu ở chỗ ban ấy không thoải mái, ấy có thể đến ở nhà tớ. Nhân tiện tên tớ là Sawrawit nhưng mọi người vẫn gọi tớ là Berry.

Thật lạ đôi khi chúng ta có thể nói chuyện với nhau như thân quen lắm rồi mà chẳng hề biết tên nhau. Tôi cảm ơn rồi rít rồi mày mò tìm đường xe buýt đi đến nhà Mika.

Chuyến phiêu lưu của tôi ở Ethiopia mới chỉ bắt đầu.

Tối hôm đấy, tôi đã viết mấy bài học sau:

1. Luôn luôn tìm hiểu trước khoảng cách từ sân bay về thành phố cũng như giá cả đi lại. Một trang tôi hay dùng là <http://wikitravel.org>. Nếu không tìm được thông tin trên mạng thì hỏi người đi cùng máy bay, xe buýt.
2. Khi mua bán, nếu không có bảng giá thì hãy là người trả cuối cùng sau khi đã xem mọi người trả thế nào.
3. Luôn đếm tiền thừa.
4. Ở đâu cũng có người tốt và người xấu. Ta phải chịu khó tìm người tốt và kết thân với họ.

3. Tìm việc ở Addis Ababa

Mika có lẽ là người đầu tiên tôi gặp để râu quai nón mà nhìn vẫn hiền như cục đất. Tóc anh không xoắn dính sát đầu mà lại xù lên như đồng rom nên cứ rảnh là anh phải đi tết tóc. Anh sống cùng bạn gái Corine ở trong một căn hộ chung cư nằm ngay trên đường Boleh, con đường chính của thành phố - nơi tập trung các đại sứ quán. Đôi này có lắm cái buồn cười. Mika có vóc dáng điển hình của con trai Ethiopia: gầy và nhỏ. Trong khi đó Corine lại có vóc dáng điển hình của con gái Bỉ: to và cao. Thế là khi xem phim, Mika không bế bạn gái mà ngồi vào lòng bạn gái. Mika lâu lâu lại thèm thuốc lá, trong khi bạn gái anh thì rất ghét mùi thuốc. Thế nên thỉnh thoảng, anh giả vờ lẩn ra ban công hóng gió. Corine từ trong phòng gọi ra:

- Anh yêu ơi, anh làm gì lâu vậy? Anh lại hút thuốc à?
- Anh đứng đây cho mát, đâu có hút thuốc đâu.
- Lát nữa anh phải hôn em ngay mà không được đánh răng đâu đấy. Anh biết là em rất tinh, ngủ là biết có hút thuốc hay không.
- Em ơi, cả tuần nay anh mới hút điều này là điều đầu tiên – Mika đổi giọng ngay – Anh đã cố lắm rồi đấy nhưng lực bất tòng tâm, vút bao thuốc xuống rồi lại phải nhặt nó lên. Anh chỉ hút một điều thôi mà, anh năn nỉ đấy.

Tôi ngồi nghe mà cười đau hết cả ruột.

Vì Corine bạn làm luận án tiến sỹ, tôi nói chuyện với Mika nhiều hơn. Anh hiền khô và tốt bụng kinh khủng. Biết người nước ngoài không mua được SIM ở Ethiopia, anh mua một SIM để ai đến ở nhờ nhà anh thì anh cho mượn. Biết tôi hết tiền, anh chỉ cho tôi cách kiếm tiền.

- Em viết tốt thế lên oDesk nhận việc về mà làm. Đây công việc viết lách.
- oDesk là gì anh?
- Trời, trang web lớn thế mà em không biết à?

Đùa anh chút cho vui, tôi mang tiếng là làm việc trên internet bao nhiêu năm nay mà lại phải nhờ một người bạn Châu Phi dạy về cái này à? oDesk là trang về việc làm tự do lớn nhất thế giới. Các công việc trên này chủ yếu là lập trình, thiết kế, viết lách. Tôi tạo một hồ sơ, giới thiệu về kỹ năng của mình rồi apply một số công việc nhưng chẳng có ai nhận tôi cả. Mika bảo tôi phải kiên trì. Những người mới thường khó tìm việc hơn vì hồ sơ của họ chưa có gì để làm chứng. Hơn nữa công việc ở đó

tuyển rất nhanh. Người ứng tuyển hầu như lúc nào cũng phải online trong khi tôi không có đường internet thường xuyên. Internet ở Ethiopia vẫn do nhà nước độc quyền nên rất đắt đỏ. Nhà Mika chỉ có một cục G, khi nào anh không dùng thì tôi mới mượn được. Tôi quyết định vẫn nộp đơn trên oDesk nhưng vẫn ra ngoài tìm thêm việc. Yêu cầu của tôi rất đơn giản: chỉ cần có đủ tiền ăn và tiết kiệm một chút là được. Mika bảo có thể cho tôi ở nhà miễn phí cho đến khi nào tôi có đủ tiền đi tiếp.

Chiến lược tìm việc của tôi cũng rất đơn giản: ra đường thấy đâu có việc thì xin. Những chỗ có thể có việc cho tôi là các nhà hàng, quán café, khách sạn. Lý do đầu tiên là những công việc thường không đòi hỏi quá cao, có thể làm thời gian ngắn mà không cần work permit (*giấy phép làm việc*). Lý do khác là tôi thích những công việc dịch vụ thế này: nhẹ nhàng, không phải nghĩ nhiều mà lại cho tôi cơ hội quan sát người dân bản xứ. Đến đâu xin việc người ta cũng tưởng tôi nói đùa.

- Em là faranji mà lại phải xin việc ở Ethiopia à?

- Faranji hết tiền thì cũng phải làm việc chứ.

- Faranji mà lại hết tiền à?

Người ta phá lên cười “Faranji” trong tiếng Amheric có nghĩa giống “Tây” trong tiếng Việt của mình vậy. Giống như nhiều người Việt Nam mặc định Tây là giàu, người Ethiopia mặc định cứ “faranji” là có tiền. Nghĩ ra cũng có lý. Cứ ai có tiền đến nước họ là giàu hơn họ rồi. Tôi bị từ chối không phải vì tôi không làm được việc, mà vì “chỗ này xấu xấu bẩn bẩn, không xứng để cho rằng một “faranji như em làm”. Chán nản, tôi uể oải bước vào một quán café ở cuối đường. Cả ngày hôm nay đi bộ nên chân tôi đã mỏi nhừ. Anh chủ quán sau khi nghe tôi kể lể thì rất thông cảm. Anh bảo anh sẽ xem xét.

- Em không ngại việc chân tay đâu. Cho em làm bồi bàn cũng được.

- Không, không, faranji như em sao lại đi phục vụ bàn. Em có biết về marketing không?

Marketing thì đúng là nghề của nàng. Sau khi nghe xong về kinh nghiệm làm việc của tôi, anh chủ quán rất hào hứng. Anh bảo cần người phụ trách marketing, giúp anh tổ chức sự kiện cho quán.

- Nếu em chịu, em có thể bắt đầu làm việc ngay với mức lương tám trăm birr một tháng. Ăn hai bữa quán lo. Chỗ ở anh sẽ sắp xếp cho em.

Tám trăm birr tức là khoảng năm mươi đô la lúc bấy giờ. Như vậy, nếu chỉ làm việc mà không tiêu bất cứ thứ gì, tôi phải làm khoảng bốn tháng mới tiết kiệm được hai trăm đô. Ấy là mức lương đã cao hơn rất nhiều mức trung bình của công việc ban đầu tôi định xin. Nói chuyện nhiều với những người phục vụ bàn ở đây, tôi được biết thu nhập hàng tháng của họ khoảng ba trăm birr. Tôi thực sự không

hiều làm thế nào mà người ta sống được chỉ với mức thu nhập đó. Nhưng rồi nghĩ lại, con người là loài có khả năng thích ứng vô cùng mãnh liệt. Kiếm được nhiều tiền, tiêu nhiều. Kiếm được ít, tiêu ít. Ngày trước học cấp ba, một mình ở Hà Nội, tôi nhớ mình cũng tiêu hết ba trăm nghìn một tháng.

Tôi cảm ơn anh chủ quán, nói rằng mình sẽ suy nghĩ về lời đề nghị này rồi đi bộ về nhà Mika.

4. Thịt sống mềm mềm, lạnh lạnh

Vì internet ở Ethiopia quá khan hiếm, bất cứ nơi nào có wifi miễn phí đều trở thành huyền thoại. Huyền thoại gần nhà Mika nhất là khách sạn Jupiter. Đến đây, mọi người có thể gọi một ly trà khoảng mười tám birr và ngồi cả ngày dùng wifi của khách sạn. Một buổi chiều buồn buồn đang ngồi viết lách linh tinh thì tôi nhận được tin nhắn trên CouchSurfing từ một anh chàng tên là Hermann. Anh bảo anh vốn sinh ra ở Addis Ababa nhưng sau một thời gian lưu lạc, anh quay trở lại đây để nhận ra rằng hoặc là Addis Ababa thay đổi quá nhiều, hoặc là trí nhớ của anh quá kém nên anh cần phải khám phá lại thành phố này. Anh nghĩ, cách tốt nhất để khám phá là trò chuyện với những người cũng đang khám phá nó.

Ah, tôi thích cách viết của anh chàng này. Chúng tôi hẹn gặp nhau ở quảng trường Mexico. Mặc dù quảng trường rộng thênh thang và đông vui là thế, tôi vẫn có thể nhận ra anh chàng này từ cách cả chục mét. Tôi không hay dùng từ này để miêu tả ai đó tôi gặp trên CouchSurfing nhưng Hermann khá lịch lãm. Anh khoác một chiếc áo măng tô thanh nhã, đi giày da, đôi mắt sáng lấp lánh sau cặp kính cận, mái tóc xoăn đỏ nhô hẳn lên giữa quảng trường. Nhìn anh giống một nhà thiết kế thời trang trong một góc phố nào đó ở Châu Âu hơn là một tâm hồn lưu lạc trên Couch Surfing.

- Nhìn anh không giống người Ethiopia.

- Ủ. Bố đẻ anh là người Ý.

Một câu trả lời vài chữ thôi mà bao nhiêu thông tin. Tôi muốn hỏi chuyện xảy ra với bố đẻ của anh nhưng nghĩ nó hơi riêng tư cho lần đầu tiên gặp nên lại thôi. Ý – Ethiopia là một mối tương quan phức tạp mà một con bé hiểu biết lịch sử chẳng đến đâu như tôi không dám bàn luận. Ý đã mang quân sang xâm chiếm Ethiopia nhưng thất bại sau năm năm và người Ethiopia rất tự hào rằng họ là quốc gia duy nhất ở Châu Phi chưa từng bị đô hộ. Mặc dù chỉ có mặt ở Ethiopia năm năm, Ý đã kịp để lại không ít ảnh hưởng của mình lên đất nước này: người Ethiopia uống cà phê machitato hàng ngày, pizza ở Ethiopia thì cực ngon và người ta gọi trung tâm Addis Ababa là Piassa theo tiếng Ý. Một di sản quan trọng của người Ý ở nơi đây đó là những đứa con lai Ý – Ethiopia. Tôi muốn hỏi về dòng máu Ý của

anh, về việc người Ý sống ở Ethiopia những năm chiến tranh nhưng sợ không dám hỏi. Thấy mặt tôi cứ ngệt ra, anh như đọc được suy nghĩ của tôi, phá lên cười:

- Từ từ anh sẽ giải thích cho em. Em uống trà Ethiopia chưa? Hồi còn đi học có một quán trà anh hay ngồi, không biết bây giờ còn mở không.

Chúng tôi đi vào một con hẻm nhỏ, đến một cái quán nhỏ, ngồi xuống mấy cái ghế nhỏ ngoài vỉa hè nhìn ra đường. Có lẽ cả tôi và Hermann đều trông chẳng giống ai nên mọi người cứ nhìn hai đứa tôi cười khúc khích. Trà Ethiopia rất thơm, nồng nàn vị đinh hương, bạch đậu khế và quế. Người dân nơi đây uống trà với đường, rất nhiều đường, nhọt lịm đến mức đầu lưỡi tôi cứ mềm nhũn ra. Thông thường, trà ở đây uống kèm bánh mì. Bẻ bánh mì ra, nhúng vào trà ăn như kiểu chấm bánh mì với sữa. Chỉ vậy thôi là người Ethiopia đã có một bữa sáng ngon lành. Uống trà xong, bắt chột anh hỏi:

- Bụng của em thế nào?

- Nhiều mỡ.

- Ha ha ha, cái đấy thì anh biết – Anh chàng cười nhả nhở - Ý anh là em ăn uống có hay bị ngộ độc không?

- Không, em đến từ Việt Nam nên miễn dịch với ngộ độc thực phẩm rồi.

- Tốt. Vậy bây giờ anh sẽ dẫn em đi ăn món truyền thống của Ethiopia. Đây được coi là một trong những món ăn sang trọng nhất. Hồi anh còn nhỏ, chỉ có dịp đám cưới hay lễ hộ người ta mới phục vụ món này.

©STENT: <http://www.luv-ebook.com>

Nghe đến đồ ăn là tôi sáng mắt lên, nuốt nước miếng ừng ực, chẳng cần hỏi thêm, gật đầu cái rụp. Anh dẫn tôi đến một cửa hàng le lói ánh nến và giải thích ở Addis Ababa, mất điện là chuyện thường ngày ở huyện. Phía ngoài cửa hàng treo lủng lẳng từng tảng thịt bò tươi rói với từng tràng nội tạng. cạnh đó là một người đàn ông mặc áo choàng trắng kiểu bác sỹ bê bát máu, mài dao lia lịa. Phía trong lác đác vài cái bàn nhựa. Người bán hàng hỏi tôi muốn ăn phần nào, tôi chỉ đại vào một miếng nhìn ít mỡ.

- Hai đứa ăn bao nhiêu?

- Nửa cân anh nhé – Hermann trả lời

Anh bán hàng lấy con dao to đúng nghĩa dao mổ bò, xẻo ngay một miếng nửa cân bắp bò. Sau đó

ăn cắt miếng thịt ra thành từng miếng vuông vức như viên súc sắc, bỏ vào đĩa mang ra bàn cùng với một đĩa muối ớt.

- Ua, thế mình phải tự nấu à? – Tôi ngờ ngác.

- Hừ! Nấu làm gì! Thịt bò phải ăn sống thế này mới ngon. Ớt này cay lắm, đảm bảo giết chết hết mọi vi khuẩn.

Như để làm chứng, Hermann nhón một viên thịt đỏ hồng, chấm luôn vào đĩa muối ớt, cho lên miệng nhai ngấu nghiến rồi nuốt. Anh xuyết xoa:

- Ngon thật. Lâu lắm rồi anh không được ăn thịt sống. Cả Addis Ababa chỉ có quán này là đảm bảo nhất, thịt tươi nhất. Tere Segä mà ăn ở quán nào thịt ôi thì thôi xong.

Tôi bị khựng lại mất khoảng ba mươi giây, không biết nên nghĩ thế nào hay nên làm gì. Đây là món ăn mà anh kể với tôi sao? Món ăn sang trọng trọng nhất của Ethiopia á?

- Em không ăn được thịt sống à?

- Đây chỉ là một câu hỏi tu từ thôi đúng không?

Hermann phá lên cười. Thực sự lúc mới gặp, có đâm vào mặt tôi cũng không thể hình dung một anh chàng lịch lãm như Hermann lại có ngồi ăn thịt sống ngon lành đến thế.

- Bọn bạn anh ở Châu Âu nghe anh nói đến thịt sống thì sợ chết khiếp. Nhưng anh thấy nó bình thường. Từ nhỏ anh đã ăn món này. Mọi người xung quanh anh đều ăn món này mà có ai bị làm sao bao giờ đâu.

Có vẻ như sau bao nhiêu năm lưu lạc ở trời Tây, anh vẫn giữ nguyên cho mình những thói quen rất Ethiopia. Tự nhiên tôi có cảm tình với anh. Nói chung, tôi rất ác cảm với những ai hồi nhỏ ăn mắm tôm rồi lại đi Tây vài năm về lại giả bộ nhản mặt khi nhắc đến nó. Nhìn xung quanh, đúng là mọi người cũng đang bốc thịt sống ăn hồn nhiên như thể đây là điều bình thường nhất trên thế giới vậy.

- Người Ethiopia ăn được thì em cũng ăn được – Tôi bảo anh.

Rồi tôi cũng nhón một miếng, chấm thật nhiều muối ớt, nhắm mắt nhắm mũi cho lên miệng. Không hẳn là dai cũng không hẳn là nát, cứ mềm mềm, lạnh lạnh, ươn ướt. Vị thì giòn ngọt, tanh tanh làm tôi liên tưởng đến máu. Ở nhĩ, ở Việt Nam mình cũng ăn tiết canh, nghĩ ra còn đáng sợ hơn ấy chứ.

5. Quyết tâm vào South Omo

(Awassa – Shashemene – Sodo – Arba Minch – Konso)

Mika kêu tôi khùng, sang một châu lục mới mà chẳng có một quyển sách hướng dẫn du lịch nào.

- Cơ bản em không thích rơi vào bẫy của sách hướng dẫn du lịch, chỉ đi đến những nơi người ta chỉ cho mình đến. Em thích sự bất ngờ - Tôi cãi cố.

Thế tức là nếu bây giờ anh đưa cho em một quyển guidebook em cũng không lấy luôn hả?

- À, đây lại là chuyện khác. Anh có sách à? Đưa em đọc đi – Tôi như cảm giác da mặt mình vừa dày thêm vài chục centimét.

- Ủ, nhưng em giữ cẩn thận nhé còn để lại cho các bạn đến sau đọc.

Tôi hí hửng cầm quyển sách Bradt Guide cho Ethiopia, lật vội một lượt các trang. Tôi sững lại khi nhìn thấy bức ảnh chụp ngang một phụ nữ tóc xoắn dính sát đầu, gần như trọc, da đen bóng, mắt nhìn thẳng, hiên ngang thách thức. Môi dưới chệch tách rời hẳn ra, treo lủng lẳng ngang cằm. Bên cạnh đó là một bức ảnh mà cái môi tách rời đó đã được lấp kín bằng một đĩa to như đĩa ăn cơm, bập bênh trước khuôn mặt người phụ nữ như cái mỏ chim nổi dài vậy. Tôi thấy đau nhói ở trên môi, như thể chính môi tôi cũng bị cắt rời, kéo căng ra để nhét vừa cái đĩa ấy. Tôi đọc thêm thì được biết đây là tiêu chuẩn cái đẹp của họ. Phụ nữ có đĩa càng to thì hôn môn càng nhiều. Vẫn biết văn hóa là khác biệt và tôi tôn trọng văn hóa những nơi tôi đi qua. Nhưng như thế này thì thực sự ám ảnh quá. Tôi quyết định sẽ tìm đọc bộ tộc này. Đây cũng là bộ tộc Mursi ở South Omo, thung lũng tận cùng phía Tây Nam của Ethiopia. Sách Bradt ghi một dòng chữ to đùng: “Tự đi đến South Omo là một điều không tưởng. Ngoại trừ một số làng nhỏ nằm rải rác theo trục đường Konso –Jinka, tất cả các ngôi làng còn lại đều không thể đến chỉ bằng đi bộ hay bằng các phương tiện công cộng”. Các sách hướng dẫn du lịch gợi ý việc đi tour hoặc thuê một chiếc land cruiser. Một chiếc land cruiser với người lái tốn không dưới một trăm đô la một ngày, trong khi một tour đi lại trong tuần tốn không dưới một nghìn hai trăm đô. Cả hai lựa chọn này hiển nhiên đều không dành cho tôi. Nói chuyện với một số dân ba lô ở Ethiopia tôi nhận ra rằng tất cả mọi người đều lảng tránh South Omo.

©STENT: <http://www.luv-ebook.com>

“Nếu em muốn ném tiền qua cửa sổ thì cứ đi đi”.

Một cô gái Slovakia bảo tôi. Cô đã xuống tận Awassa, một nửa đường xuống phía Nam nhưng rồi lại quay về. Đi ba lô ở đấy nghe cứ như là truyện cổ tích vậy.

Đúng lúc đấy, tôi được biết Fidel, bạn nhai “khat”^[2] của Hermann đang có lịch xuống Awassa. Một ý tưởng chợt lóe lên trong đầu tôi. Tôi xin Fidel đi ké xuống Awassa.

[2] Khat: Một loại lá có tính kích thích làm quên cảm giác đói và mệt.

- Awassa đẹp lắm, em nên đến thăm. Nhưng anh chỉ ở đấy có mấy tiếng thôi đấy – Fidel bảo tôi.

- Dạ không sao. Anh cho em đi nhờ xe xuống đấy thôi, em sẽ đi thăm thú ở quanh khu đó.

Ở Awassa, chúng tôi tình cờ gặp Alex, một anh chàng lập dị người Ireland hiện đang xây dựng một khu nghỉ dưỡng sinh thái ở Konso. Anh chàng chỉ cười khẩy khi tôi nói với anh kế hoạch của mình.

- Em định đi xuống South Omo như thế nào? Đi bộ từ làng này đến làng kia tốn hàng ngày trời.

- Em sẽ đi nhờ xe.

- Ha ha ha, thế thì chúc may mắn nhé – Anh chàng cười chán chê rồi phui mông đứng dậy. Fidel lo lắng ra mặt.

- Em có chắc là em muốn làm điều đó không? Đây là một khu vực vẫn còn hoang sơ mọi rợ. Ở đấy không có điện, không có nước. Người dân không nói tiếng Anh, họ thậm chí còn không biết chữ. Em có thể bị cướp, bị tấn công mà chẳng có thể kêu gọi giúp đỡ từ ai cả.

- Insha' Allah^[3].

[3] Insha'Allah (tiếng Ả Rập) nghĩa là: nếu ý Chúa muốn.

Fidel cốc cho tôi một cái rỗ đầu vào đầu trước khi quay trở lại Addis Ababa.

Không có nhiều thông tin về đi lại ở South Omo cho những kẻ lữ hành độc lập. Thậm chí tìm được một cái bản đồ vẽ vội ở trên mạng cũng là một kỳ tích. Từ những thông tin tìm hiểu được ở những người tôi gặp, tôi được biết Konso và Jinka là hai căn cứ phổ biến nhất để khám phá thung lũng. Tôi chọn Konso vì nó gần hơn. Sau hai ngày hành xác trên xe chợ, đi qua đủ loại địa hình nhìn giống như là đường, ngủ qua đêm trong một nhà nghỉ không có điện, không nước với nhà vệ sinh cách đó phải vài

trăm mét ở Arba Minch, cuối cùng tôi cũng đến được Konso vào lúc hoàng hôn. Tôi cứ đinh ninh rằng ông lái xe lừa mình đây. Người ta gọi đây là thành phố ư!!? Cả thành phố chỉ bao gồm một tá ngôi nhà xập xệ và vài khách sạn tồi tàn nát xung quanh trạm xăng. Tôi tìm cho mình căn phòng rẻ nhất có thể ở khách sạn St. Mary, sau khi cãi nhau một trận nảy lửa với chủ khách sạn để lấy cái giá chuẩn chứ không phải giá dành cho faranji. Những ai từng đến Ethiopia chắc chắn sẽ nghe từ này rất nhiều. Ở đây, nếu bạn là người nước ngoài, người ta sẽ đi theo bạn và luôn miệng: “Faranji, money, faranji, money”. Bởi vì tôi là faranji duy nhất ở khách sạn nên tôi đi sang khách sạn cạnh đó để nói chuyện với khách du lịch khác, hi vọng tìm kiếm được thông tin có ích. Tôi gặp một người đàn ông trung niên người Mỹ đi một mình và Sylvain, một anh chàng Pháp đi theo nhóm. Cả hai đều đi xe land cruiser.

- Khi thật. Chắc em là người nghèo duy nhất đi vào đây quá.

- Yeah – Sylvain cười khúc khích – Em là người đầu tiên anh gặp mà không có xe đây.

- Cái anh nghĩ em nên làm là tìm ai đó giống như bọn anh – Người đàn ông trung niên chỉ vào mình rồi chỉ vào Sylvain – Và xin đi nhờ xe. Tiếc là bọn anh đã thăm hết cả thung lũng rồi, mai lại lên đường quay trở lại Addis Ababa thôi.

Hóa ra tôi chọn nhầm chỗ để bắt đầu. Bởi vì tất cả mọi người đều đi theo tour, tất cả mọi người đều có cùng một lịch trình: Addis Ababa – Arba Minch – Jinka – làng người Mursi – Turmi – Key Afar – Konso – Arba Minch – Addis Ababa. Tuy không đi nhờ xe được với họ nhưng tôi lấy được rất nhiều thông tin quý báu về các bộ tộc, về những ngôi làng truyền thống và quan trọng nhất là thông tin về thứ mà tất cả khách du lịch ở đây đều săn tìm: chợ phiên truyền thống. Người ta chỉ họp chợ một hay hai lần một tuần ở mỗi thị trấn. “Em phải đến xem chợ phiên. Nó không giống bất cứ một thứ gì ở thế giới hiện đại cả. Cứ như thể em bị lộn ngược trở lại thời kỳ bộ lạc vậy.”

[©STENT](#)

Vậy là không có gì tôi có thể làm ở thời điểm đó. Nếu muốn đi nhờ xe với khách du lịch, tôi phải khởi đầu ở Jinka, khoảng ba đến bốn trăm kilômét phía Nam Konso. Tôi nói chuyện với hai anh chàng và nhóm bạn của họ thêm một lúc nữa rồi cáo lui về khách sạn để nghỉ ngơi sớm. Từ ngày mai, tôi sẽ một mình dấn thân vào lãnh thổ xa lạ của South Omo, một trong những khu vực khó tiếp cận nhất thế giới, cái nôi của nhân loại.

- Ta ba lô ở South Omo – Sylvain nhún vai khi chúng tôi chia tay – Chúc em may mắn.

Cảm ơn anh. Đó chính xác là những gì em cần đây.

6. Ngày 1: Konso – Keyto – Key Afar – Jinka

Hóa ra phân bò khô hòa lẫn nước thì sẽ có mùi như thế này.

Tôi ngồi co ro trong một góc ở phía sau xe tải, cúi gập người xuống để tắm bọt xanh có thể trùm qua người, nước mưa hòa phân trâu, phân bò chảy ròng rọc từ trên đầu, trên cổ xuống mũi, xuống miệng. Tôi cố gắng tập trung đầu óc mình vào những chuyện khác để không nôn. Xung quanh tôi, mọi người vẫn rôm rả trò chuyện, thỉnh thoảng còn cười ré lên. Tôi thực sự không biết họ đến từ bộ tộc nào. Không ai nói ngôn ngữ nào mà tôi biết, cũng không ai có kiểu ăn mặc hay có kiểu tóc nào mà tôi thấy quen quen. Một bé trai cởi trần, mặc quần đùi đá banh đã rách nát, đầu chụp một cái vòng đan đủ loại hạt thủy tinh bé li ti. Một bé trai khác lại mặc mỗi áo mà không quần, đầu cuốn cái khăn như Alibaba. Một người khác tôi không xác định được là trai hay là gái, trùm một cái chăn chùng đến đầu gối, tóc tết xoắn tròn sát da đầu, ở giữa đỉnh đầu có lợn tóc vểnh lên như cái ăng ten. Tôi đang ngồi trên một chiếc xe tải chở trâu bò. Sau khi thả trâu bò xong, phía sau được tận dụng làm chỗ chở người. Đây là phương tiện đi lại duy nhất mà tôi bắt gặp sau gần hai tiếng cuộc bộ.

Nhưng đây không phải là chuyện quái dị nhất mà tôi gặp kể từ lúc bước chân ra khỏi cái khách sạn tồi tàn ở Konso.

Sáng nay, tôi đã dậy thật sớm, đi bộ lên phòng thông tin du lịch Konso với hy vọng vớt vát thêm được ít thông tin nhưng chẳng có ai ở đấy. Tiếp tục đi bộ một lúc, tôi vẫy xe đi nhờ được một anh chàng đi xe máy. Tôi chẳng biết anh đi đâu, chỉ biết là vẫn đang trên trục đường dẫn đến Jinka. Anh thả tôi ở lưng chừng đèo, ra hiệu cho tôi đi theo con đường mòn lên núi.

- Làng người Konso – Anh bập bẹ hai từ duy nhất bằng tiếng Anh, rồi bỏ tôi lại đi mất.

Làng người Konso nằm trên đỉnh đồi và được bố trí như pháo đài bằng gỗ, bao bọc xung quanh bởi một bức tường đá xếp kiên cố. Ngôi làng này rất lớn, chia thành từng cộng đồng nhỏ với mỗi cộng đồng lại bao gồm nhiều túp lều xếp vòng quanh túp lều chính. Lều ở đây cũng có chân như nhà sàn ở Việt Nam, phần gầm được dùng để chăn nuôi gia súc. Trong làng có vài ba túp lều với tấm biển ghi nguệch ngoạc chữ “shop” và treo lủng lẳng vài túi dầu gội đầu, vài cái kẹo mút. Làng lớn là thế nhưng tôi chẳng gặp ai, cho đến khi một đứa bé lao ra giật áo tôi: “Money, money” rồi lại ngay lập tức chạy đi mất. Thêm một đứa trẻ khác, rồi đến cả chục đứa trẻ kéo thành hàng dài theo đuôi tôi len lỏi trong những con ngõ tí hìn của làng. Cuối cùng, một người đàn ông xuất hiện. Ông chìa tay trước mặt tôi, ra lệnh:

“Money”. Không thích kiểu xin tiền như thế, tôi gạt tay ông ra, dừng đứng bước đi.

Tôi đã phạm một sai lầm khủng khiếp. Tôi quên mất rằng mình đang ở trong lãnh thổ của ông, rằng chính tôi mới là kẻ xâm phạm. Trước khi nhận định được chuyện gì đang diễn ra, tôi nhận ra rằng mình

đã bị bao vây bởi cả trăm người, già trẻ, lớn bé. Trẻ con thì hò hét. Người lớn thì nhìn tôi đầy đe dọa.

- Hướng dẫn viên du lịch của cô đâu?

- Cháu không có.

- Vé vào làng của cô đâu?

- Ủa, cần vé à?

- Cô chụp bao nhiêu bức ảnh rồi? Mỗi bức ảnh ba birr, không thì xóa hết.

Tôi giả vờ máy ảnh của mình hết pin, chỉ vào cái màn hình đen mò mò như thể chứng minh mình không có tấm ảnh nào vậy. Từ chối trả bất kỳ loại chi phí nào, tôi bị áp tải ra khỏi làng không thương tiếc. Bây giờ tôi mới chợt nhớ đêm qua Sylvain kể cho tôi nghe về việc người ta đã du lịch hóa các bộ tộc như thế nào, và rằng lúc nào người ta cũng tiền tiền tiền tiền. Sáng nay, tôi đến văn phòng du lịch sớm quá nên hiển nhiên không mua được vé vào làng.

[©STENT](#)

Ra đến đường chính, tôi nhờ xe được một cán bộ nhà nước đi kiểm tra rừng chè. Ông để tôi lại tại một chỗ dừng chân của các đoàn du lịch ở Wato. Tại đó, tôi năn nỉ mãi mà chẳng có đoàn nào nhận cho tôi đi cùng. Vậy là tôi đành phải đi bộ, và sau hai tiếng cuốc bộ qua con đường vắng hiu vắng hắt thì bắt được một cái xe tải. Xe dừng cho tôi xuống gần Key Afar. Tôi đi vào Nasa – khách sạn duy nhất trong thị trấn định bụng tắm rửa cho hết mùi phân trâu phân bò rồi đi tiếp. Ai ngờ vừa đến nơi thì gặp một đoàn khách người Ý đang chuẩn bị đi Jinka, đồng ý cho tôi đi nhờ. Thế là tôi chẳng kịp rửa ráy gì nữa, nhảy lên đi cùng họ luôn.

7. Ngày 2: Làng người Mursi

Jinka là một thị trấn nhỏ với vài ngôi nhà lụp xụp mọc hai bên một con đường đất rộng thênh thang. Lý do duy nhất để thị trấn tồn tại là làm căn cứ cho khách du lịch tới thăm bộ tộc Mursi nên người nào tôi gặp ở đây cũng đang chuẩn bị thăm bộ tộc này. Một người đàn ông lái xe hứa sáng mai sẽ cho tôi đi nhờ. Khách của ông chỉ có một giáo viên người Anh nên xe còn chỗ.

Bộ tộc Mursi sống sâu trong rừng quốc gia Mango, cách Jinka bảy mươi tư kilômét. Đường vào rất xấu, chúng tôi đi xe mười sáu chỗ mà phải mất gần hai giờ đồng hồ mới tới nơi. Trên đường đi, chúng tôi đi qua một vài ngôi làng bao gồm khoảng một tá các lều, quay vòng quanh khu vực tập trung của làng. Lều của người Mursi được xây bằng bùn và lợp mái lá. Khác với lều của các bộ tộc khác ở khu vực này, lều của người Mursi không có phân cách giữa tường và mái, từ ngoài nhìn vào giống đồng như đồng rơm. Những ngôi lều này cũng rất thấp, chỉ cao trên dưới một mét. Người lái xe cho biết người Mursi bị chính phủ ép phải chuyển làng đi nơi khác để tránh gây ảnh hưởng đến hệ sinh thái vườn quốc gia.

©STENT: <http://www.luv-ebook.com>

Cách làng vài cây số, chúng tôi bắt gặp một nhóm thanh niên người Mursi trong “trang phục truyền thống”. “Trang phục truyền thống” của đàn ông Mursi không phải là quần áo mà là những hình vẽ bằng vôi trắng phủ khắp người. Anh chàng du khách cho tôi đi nhờ xe xuống chụp ảnh thì bị đòi giá năm birr một ảnh. Hóa ra do cạnh tranh trong làng nhiều quá, nên nhiều người Mursi chặn du khách từ ngoài làng để moi tiền.

Vừa đến nơi chúng tôi bị hai người đàn ông Mursi lực lưỡng chặn xe đòi vé vào làng một trăm birr cho một người. Vé này là không chính thức, bởi chúng tôi mỗi người đã trả một trăm tám mươi birr để vào vườn quốc gia, nhưng vì ai cũng trả nên tôi cắn răng móc hầu bao. Khi hỏi vé này có bao gồm chi phí chụp ảnh không, họ lắc đầu.

Vẫn được cảnh báo từ trước rằng làng người Mursi đã bị “du lịch hóa” quá mức, tôi vẫn không khỏi thất vọng khi thấy du khách còn nhiều hơn cả người Mursi. Trong sân chung của làng đậu hàng chục xe land cruiser mười sáu chỗ. Đây không phải là làng người Mursi duy nhất ở đây, nhưng là làng lớn nhất và cũng nơi mà du khách đến nhiều nhất. Chính vì thế, những người làng lân cận cũng bỏ việc qua đây “kiếm ăn”. Cả làng không có ai làm việc: không trồng trọt, không chăn nuôi. Nam nữ, già trẻ, tất cả đều khoác lên mình trang phục truyền thống đứng chờ du khách. Phụ nữ đeo khuyên môi, khuyên tai to như cái đĩa, đàn ông đóng khố, cầm giáo, trẻ em thì phân bò trát đầy người. Phân bò có một vị trí quan trọng trong đời sống của người Mursi. Họ sử dụng nó để dựng lều, dùng trong các nghi lễ tôn giáo và để chữa bệnh. Khắp ngôi làng chỗ nào cũng có phân bò.

Thấy du khách là tất cả họ đều đổ xô vào: kéo chân, kéo tay, giật tóc, miệng không ngớt: “Photo, photo, camera, camera, five birr, five birr”. Ai tôi gặp cũng tỏ ra hết sức ngao ngán và khó chịu. Anh chàng cho tôi đi nhờ ở ngoài được khoảng mười phút thì trốn vào xe ngồi, không dám ra ngoài nữa. Tôi trả tiền vài bức ảnh, còn lại phần lớn là chụp lén. Nhưng người ở đây rất tinh, phát hiện ra tôi chụp lén là quát tháo dọa nạt. Được một lúc tôi oải, cất máy ảnh đi. Ấy vậy mà người ta vẫn cứ bám lấy tôi. Phản ứng tự nhiên của tôi là ... chạy. Lũ trẻ con lại tưởng tôi chơi trò đuổi bắt với chúng nên đuổi theo. Cảnh tượng mỗi lúc trở nên hỗn loạn không thể tả với một con bé châu Á chạy lấy được để thoát thân, va đập loạn xạ, theo sau là hàng dài trẻ con vừa hò hét vừa cười khanh khách. Chạy được khoảng mười lăm phút thì tôi mệt, phải chui vào xe ngồi.

Ở Jinka, tôi ra ngoài ăn tối thì gặp một đoàn khách du lịch Tây Ban Nha cũng vừa đi thăm làng Mursi hôm nay. Ai cũng rùng mình khi nhắc lại: người Mursi hung hăng quá, tham tiền quá, du lịch hóa quá. Họ bỏ cả công việc của mình để chờ khách du lịch. Họ sẵn lòng mang truyền thống của mình ra làm trò tiêu khiển. Nhưng người Mursi không phải là người duy nhất có lỗi. Suy cho cùng, họ cũng chỉ là nạn nhân của tính tò mò ham của lạ của khách du lịch. Chẳng nào còn có người sẵn lòng trả tiền, chẳng đó còn có người sẵn lòng nhận. Bản thân tôi sau khi đến đây cũng cảm thấy tội lỗi, rằng mình đã góp phần làm cho tình hình tồi tệ thêm. Chúng tôi có cùng kết luận: nhất định sẽ khuyên ngăn bạn bè đừng đến đây. Nếu tò mò, lên mạng xem ảnh, đọc báo. Nhiều khách du lịch đến đây chỉ làm cho tình hình tồi tệ hơn mà thôi.

Những chiếc môi dưới bị cắt

Con gái khi đến tuổi lấy chồng (*sáu đến mười hai tháng trước khi đám cưới*) sẽ bị cắt môi để nhét đĩa môi vào. Người cắt môi thường là mẹ của cô gái hoặc một người đàn ông trong gia đình. Đầu tiên môi dưới bị rạch khoảng một đến hai centimét, và một cái ngạc bằng gỗ sẽ được nhét vào đó. Sau khi vết thương đã khô (*khoảng hai đến ba tuần sau*), ngạc gỗ này sẽ được thay thế bằng một cái ngạc lớn hơn. Khi đường kính đạt khoảng bốn centimét, cô gái sẽ được đeo chiếc đĩa môi đầu tiên. Để đeo đĩa môi, hai răng cửa hàm dưới, hoặc cả bốn răng cửa sẽ bị nhổ. Sau một thời gian tập luyện, đĩa môi có thể to bằng cái đĩa đựng thức ăn, đường kính lên đến hai mươi centimét. Kích thước của đĩa môi tùy thuộc vào ước nguyện của cô gái. Theo quan niệm của người Mursi, đĩa môi càng to thì người con gái đó càng đẹp, và càng “trị giá” nhiều gia súc. Mỗi người phụ nữ đều tự mình làm đĩa môi từ đất sét, và trang trí chúng một cách đầy tự hào. Phụ nữ phải đeo đĩa môi khi có sự hiện diện của đàn ông không phải chồng mình, và chỉ được phép tháo ra khi ăn cơm hay khi đi ngủ.

Mursi là một trong những bộ tộc hiếm hoi ở Châu Phi vẫn còn giữ tục đeo đĩa môi, biến những người phụ nữ Mursi thành một đặc điểm hút khách du lịch. Ngày nay những cô gái Mursi được phép quyết định có rạch môi hay không. Không ít cô gái chọn rạch môi không phải vì đẹp, mà chỉ vì đây là cách dễ kiếm tiền mà không phải lao động.

8. Key Afar

“Tuy không phải chần ảm đẽm êm, nhưng ít nhất cũng biết được rằng mình an toàn” – Tôi đã viết trong nhật ký của mình đêm hôm đó như thế khi ngồi trên nền đất vừa cứng vừa lạnh trong sân đồn cảnh sát, trên lưng trùm tất cả các loại quần áo mang theo giữ ấm. Thực sự mỗi ngày là một chuyến phiêu lưu. Mỗi buổi sáng thức dậy, có đắm vào mặt tôi cũng không bao giờ có thể hình dung chuyện gì sẽ xảy ra với tôi ngày hôm đó.

Thăm bộ tộc Mursi xong, tôi gần như là mãn nguyện, có thể an tâm về lại Addis Ababa. Nhưng làm sao để về lại đó lại được là chuyện khác. Sau khi trả tiền khách sạn và tiền vé vào vườn quốc gia, tôi chẳng còn xu nào, đành vừa cuốc bộ vừa đi nhờ xe. Chắc sáng tôi bước ra khỏi nhà bằng chân trái hay sao mà đi mãi chẳng thấy có xe nào, đành nhờ xe ôm. Anh chàng thực ra chỉ đi lên phía trước một đoạn thôi, nhưng không nỡ để tôi lại ở giữa đồng không mông quạnh nên cứ đi, cứ đi cho đến khi không đi được nữa thì để tôi lại và quay về. Tôi bật nhạc to hết cỡ, vừa hát âm ỉ vừa hùng dũng bước đi. Tôi rời khỏi Jinka lúc tám giờ sáng vậy mà đến tận ba giờ chiều vẫn không gặp chiếc xe nào. Trời bắt đầu tối, tôi thấy lo lo. Thân gái một mình trên núi, không lều bạt, không đồ ăn, không đồ tự vệ, không lo sao được. Vậy nên khi nhìn thấy một chiếc xe đồ đi qua, tôi mừng hơn bất được vàng, nhảy ra giữa đường vẫy tay rồi rít. Xe đông chật kín người. Tôi bị đùn đẩy xuống tận cuối, thế nào mà lại ngồi cạnh anh chàng duy nhất nói được tiếng Anh trên xe.

Nghe hoàn cảnh của tôi xong, Lidet, tên anh chàng có một sáng kiến là cho tôi mượn lều cắm trại ở đồn cảnh sát. Đồn cảnh sát thực ra là một túp lều tranh cũng không điện, không nước. Buổi tối mọi người về hết, tôi sợ chết khiếp đành mò sang khách sạn Nasa tìm người nói chuyện cho đỡ buồn. Vừa sang đến nơi, tôi bắt gặp ngay một cô gái faranji đang ngồi khóc rung rức, cạnh đó một anh chàng đang cố gắng an ủi cô bằng tiếng Hebrew. Tôi khều tay anh lại, hỏi bằng chút tiếng Hebrew tôi còn nhớ:

- Này, chuyện gì đang diễn ra vậy?

Anh chàng nhún vai ra chuyện không biết. Cô bạn mới quay sang vừa nói vừa nắc cụt:

- Chị mới gọi điện về nhà, doanh trại lính Isarel ở biên giới Ai Cập vừa bị đánh bom, bốn người chết. Không biết bạn chị đang đóng quân ở đây có sao không. Không ai liên lạc được.

Nhớ lại những người bạn mình ở Israel, tự nhiên tôi thấy đồng cảm với chị ghê gớm, choàng tay ôm chặt chị.

Tôi quen Tomer và Sonja như thế đấy. Cả hai đều tầm tuổi tôi, lại đều là người Do Thái nên chúng tôi kết thân nhanh chóng. Tomer, sinh năm 1986, là một nhà làm phim 3D đến đây làm phim về các bộ tộc ở South Omo. Sonja, sinh năm 1987, là một sinh viên nhiếp ảnh được học bổng của trường sang đây làm khóa luận tốt nghiệp. Hai người còn trẻ mà tài năng quá. Nói chuyện chán chê xong, cả hai đi bộ cùng tôi về tận đồn cảnh sát.

Ngày mai cả ba chúng tôi đều có nhiệm vụ quan trọng để làm: Tomer quay phim, Sonja chụp ảnh, còn tôi sẽ đóng vai trò một khách du lịch hoàn hảo. Ngày mai là chợ phiên của người Banna.

9. Lễ hội nhảy bò của người Banna

Hôm sau, ai cũng tròn mắt nhìn thấy một con bé faranji ngồi co ro ở hiên khách sạn Nasa, chân đi đất, người quàng cái chăn to sụ. Đêm qua trời mưa, lều của tôi bị hở nên nước mưa nhỏ tong tong vào trong. Nửa mơ, nửa tỉnh, tôi quay qua bọc laptop và máy ảnh vào trong túi ni lông, rồi lại quay ra ngủ tiếp. Sáng dậy, tôi phát hiện ra tất cả quần áo, giày dép, ba lô của mình đã ướt sũng cả. Tôi phải vào khách sạn xin phơi ké đồ. Chủ khách sạn cho tôi mượn cái khăn choàng vào cho đỡ lạnh. Tomer cho tôi mượn đôi dép to sụ của anh đi tạm. Sonja thì bảo tôi vào ngủ cùng phòng với chị

Đã xem xong chợ phiên, tôi tính chuyện tiếp tục lên đường về lại Addis Ababa thì Tomer thì thầm.

- Nếu anh là em, anh sẽ ở lại đợi. Ngày mai có lễ hội nhảy bò của người Banna.

Mặc dù không biết nhiều về khu vực South Omo nhưng tôi đã nói chuyện với đủ người để quan tâm đặc biệt đến nghi lễ này. Người Banna hay còn gọi là người Hamar nổi tiếng với nghi lễ nhảy bò. Thanh niên của bộ tộc này chỉ được công nhận là đàn ông và sẵn sàng để lấy vợ khi đã nhảy qua lưng bò. Số lượng bò phụ thuộc vào sự giàu có của gia đình. Vì nghi lễ này chỉ xảy ra trong làng, thời gian của nghi lễ hoàn toàn phụ thuộc vào quyết định của gia đình, nên tự tìm đến mà không có sự trợ giúp của người địa phương thì không khác gì mò kim đáy bể.

- Mình đến xem bằng cách nào?

- Em phải mua vé từ kia kìa – Tomer chỉ đám thanh niên đang chơi bida ở ngoài sân khách sạn.

- Nó diễn ra trong sân vận động hay sân khấu hay sao mà người ta bán vé?

- Không, nó diễn ra trong làng thôi nhưng em phải trả tiền thì người ta mới dẫn em vào.

Thế là tôi lân la đứng ở bàn bida xem mọi người chơi. Một anh chàng hát hàm hỏi tôi:

- Muốn chơi à?

Tôi gật đầu. Bàn nhỏ, lỗ lại rộng, tôi chơi thắng ba ván liền một lúc. Mấy anh chàng hậm hực móc tiền ra trả. Tôi ngăn lại.

- Em không cần tiền. Em muốn mọi người giúp em một việc.

Tôi kể với mọi người về lễ hội nhảy bò. Mấy anh chàng nhìn nhau.

- Cái này sợ khó vì nó được quản lý bởi Hiệp Hội.
- Hiệp hội nào cơ?
- Hiệp hội đó. Cái này là để đảm bảo lợi ích cộng đồng.

“Vớ vẩn”, tôi nghĩ trong đầu. “Thế chẳng hóa ra anh nói lễ hội này tổ chức vì khách du lịch thôi hả? Lễ hội truyền thống, có bán vé hay không thì người ta vẫn tổ chức”. Tôi nghĩ thế nhưng không nói ra.

- Em chỉ cần các anh chỉ chỗ cho em, em tự đến.
- Không được, nó xa lắm, ở tận trong rừng cơ. Em thấy mấy người đội lông chim ở chợ phiên hôm nay không? Để kịp lễ hội chiều mai, họ đã bắt đầu đi bộ được hai tiếng rồi. Chưa kể em chưa biết đường thì chắc chắn sẽ lạc.
- Nếu chạy thật nhanh bây giờ em có bắt kịp nhóm mấy người đó không?
- Em thật là khủng quá!

Bất chợt có ai đó nói tiếng bản địa với mấy người còn lại. Một anh chàng quay sang hỏi tôi.

- Em là bạn của Lidet à?
- Vâng. Lidet cho em mượn lều ngủ trong đồn cảnh sát.
- Vậy thì bọn anh sẽ giúp em như bạn bè. Bạn anh Kusse là anh họ của cậu bé sẽ nhảy bò ngày mai. Em có thể đi cùng bạn anh.

[©S.T.E.N.T](#)

Thế là hôm sau, tôi ngồi sau xe máy một anh chàng Banna bấm tròn đầu trục, da đen trùi trùi, đi qua đường đá, rồi đường đất, rồi đến chỗ chẳng còn đường mà chỉ có thể len lỏi trong rừng. Cho đến khi bị nhiều cây và gai bao vây quá, chúng tôi phải bỏ xe máy lại đi bộ. Như vậy đâm ra lại hay. Thay vì đến lễ hội như khách du lịch mua vé trả tiền, tôi nghiễm nhiên được tiếp đón như khách của cả gia đình. Kusse vừa nói được tiếng Anh, vừa nói được tiếng địa phương bỗng chốc trở thành phiên dịch viên đắc lực của tôi. Người dân ở đây không ai nói được tiếng Anh, thậm chí không nói tiếng phổ

thông. Theo một phát ngôn của chính quyền địa phương, trong số 46,532 người Hamar ở khắp thung lũng South Omo, chỉ có sáu người đã học xong cấp hai.

Lúc tôi đến, ở đây chỉ có khoảng một tá người, tất cả đều đang bận rộn chuẩn bị cho nghi lễ. Xung quanh chẳng thấy bóng dáng ngôi nhà nào nhưng chẳng hiểu mọi người cứ từ đâu tự nhiên xuất hiện. Người thì bồ củi, người thì dựng lửa trại, người thì lúi cùi trong bếp nấu nướng. Gọi đây là làng cũng không đúng, bởi tôi chỉ thấy đúng có ba túp lều. Tôi đoán đây là nơi ở của một đại gia đình. Lều của người Hamar có hình tròn, mái hình nón, làm từ cành cây phủ cỏ và da bò. Mái nhọn rất cao nhưng tường thì rất thấp. Cửa vào bé tí, lùn như tôi cũng phải cúi sát mới vào được, tôi nghĩ, người nào cao cao một chút chắc phải bò mất. Người Hamar là dân du mục. Cứ ở vài tháng là họ lại di chuyển để tìm cỏ mới cho gia súc của mình nên lều rất tạm bợ. Người Hamar không trồng trọt. Họ trao đổi thịt và sữa với các bộ tộc khác để lấy lúa miến (*sorghum*) và ngô.

Khi công việc chuẩn bị đã hòm hòm, một người phụ nữ bung đồ ăn từ trong bếp ra. Đồ ăn là lúa miến khô vo tròn lại thành từng hạt như hạt trứng chim trộn với một ít rau xanh. Vì tôi là khách nên mọi người nhiệt tình mời tôi ăn cùng. Tôi ăn thử thì thấy vị nhạt như cám. Đàn ông ngồi quây thành một nhóm, phụ nữ ngồi riêng một nhóm. Thức ăn đựng trong một khay đặt giữa vòng tròn. Họ vừa ăn vừa uống borde – một đồ uống có cồn làm từ lúa miến. Borde được đựng trong một vỏ bầu to gấp đôi đầu người, tất cả truyền tay nhau uống chung. Đến lượt tôi, tôi cũng phải nhắm mắt nhắm mũi mà đưa lên miệng uống, cố gắng không nghĩ đến việc người dân ở đây có bao giờ đánh răng hay không. Bia này nhiều nhưng rất nhẹ. Người ta uống như uống nước lã.

Ăn xong mọi người bắt đầu màn trang điểm. Những người phụ nữ ngồi dưới một gốc cây làm tóc cho nhau. Họ trát đất sét và đất son lên tóc, vo lại thành từng lọn dài ngang lưng tạo thành kiểu tóc hết sức đặc trưng của phụ nữ Hamar. Đất son là để tạo màu cho tóc, màu đỏ như thế mới đẹp. Trời nóng được một lúc là lưng, cổ ai cũng nhoe nhoét mồ hôi trộn đất. Tôi không dám hình dung trời mưa thì sẽ như thế nào. Đàn ông Hamar cũng điệu đà không kém. Họ trang trí tóc mình với những mảnh đất sét nung vẽ nhiều hình trang trí lạ mắt. Tôi bắt gặp một anh chàng tỉ mỉ vẽ sơn lên mặt, tay cầm một mảnh gương vỡ kích cỡ chỉ bằng một con tem. Rõ ràng gương soi là một vật xa xỉ của bộ tộc này. Đàn ông trong làng mặc áo phong (*tôi đoán áo phong là thứ du nhập vào làng trong những năm trở lại đây*), quây một tấm vải sọc làm váy. Phụ nữ ở đây đều mặc váy làm từ da gia súc, ngoại trừ một số cô gái khoác lên mình những tấm vải màu sắc tươi tắn để tham gia nghi lễ, Đàn ông thường mang theo mình một chiếc gậy và một cái gối làm từ gỗ. Họ chăm sóc tóc rất cẩn thận nên chiếc gối gỗ này là để bảo vệ mái tóc khi đi ngủ. Khi cần thiết, chiếc gối sẽ được sử dụng để làm ghế ngồi. Phụ nữ thường đội trên đầu một chiếc vỏ bầu. Chiếc vỏ bầu này là để che nắng, che mưa, nhưng cũng là để đựng đồ ăn, thức uống. Một người phụ nữ đứng tuổi đưa cho tôi một tấm váy da bò đính vỏ ốc rất đẹp, ý bảo tôi mặc nhưng tôi không dám. Phần vì váy có mùi rất nặng, tôi không biết có chú bộ nào định cư trên đây không, phần vì váy này lộ ngực. Con gái ở đây không mặc áo ngực nhưng không hiểu sao ngực vẫn tròn trịa, đầy đặn. Tôi nghe nhiều du khách trầm trồ về vẻ đẹp của người Hamar. Đây có lẽ là bộ tộc đẹp nhất thung lũng South Omo. Trai gái đều có khuôn mặt thanh tú, đường nét sắc sảo, dáng người cao ráo, nụ cười thân thiện.

Điều buồn cười là không chỉ tôi thấy người ở đây lạ, mà họ cũng thấy tôi lạ. Họ chắc đã gặp nhiều du khách Châu Âu, nhưng du khách Châu Á thì có lẽ tôi là người đầu tiên. Ai cũng muốn chạm vào tóc tôi. Hôm đấy tôi mặc áo hở vai, để lộ dây áo ngực. Nhiều cô gái xúm xít lại... sờ thử bởi họ chưa nhìn thấy cái gì như thế bao giờ.

©STENT: <http://www.luv-ebook.com>

Họ còn giật giật đòi tôi... cởi ra để xem thử. Một anh chàng trong làng chạy đến xin chụp ảnh cùng tôi. Một anh chàng còn muốn cưới tôi. Tôi đùa:

- Anh có bao nhiêu bò?

Anh lẩm bẩm tính một lúc rồi nói:

- Bò chỉ có ba con, nhưng anh có năm con dê.

Một anh chàng khác chen vào:

- Đừng cưới nó, cưới anh này. Anh có mười con bò cơ.

- Bảo hấn ta tránh ra đi. Em sang Isarel với anh, anh trả em sáu mươi con bò – Tomer đứng gần nghe thấy chen vào. Anh chàng người Banna đặt tay lên ngực mình, rồi vẽ hình trái tim thật to.

Trái tim người Châu Phi đúng là to thật. Tôi yêu người dân nơi đây mất rồi.

9. Nghi lễ nhảy bò

Tiếng tù và cất lên báo hiệu nghi lễ bắt đầu. Những cô gái trẻ trung xinh đẹp vừa đi vừa nhảy múa, hát hò. Những người Hamar từ những ngôi làng khác cũng dần dần xuất hiện khắp bốn phía của khu rừng. Ban đầu chỉ có khoảng năm, sáu cô gái, sau nửa giờ đồng hồ, con số đó đã lên đến hai chục. Tiếng tù và ngân vang và sâu, tiếng bước chân chắc nịch, tiếng vỗ tay rộn rã, tiếng hát hò đầy hoang dã, tất cả hòa quyện vào một không gian rất ảo. Tôi cảm giác như mình đang ở thời kỳ sơ khai của thế giới loài người vậy.

Tiếp theo đó là nghi lễ vô cùng quan trọng nhưng cũng gây tranh cãi không ít từ cái nhìn của người ngoài cuộc: nghi lễ “đánh vợ”. Những người phụ nữ trong gia đình của cậu bé nhảy bò ngày hôm đó sẽ tự nguyện chịu đánh. Mục đích của nghi lễ này chứng tỏ tình yêu và sự hy sinh của người phụ nữ cho cậu bé đó. Người đánh là maza – những người đàn ông đã hoàn thành nghi lễ nhảy bò trước đó. Vật dùng để đánh là những chiếc roi dài và dẻo. Những người phụ nữ khiêu khích maza để họ đánh nhiều và mạnh. Tiếng roi quất trong gió kêu vun vút. Những tấm lưng bắt đầu lấm tấm máu. Vết thương sẽ để

lại sẹo cho họ cả đời. Sau này, nếu người phụ nữ cần sự giúp đỡ, họ có thể đưa những vết sẹo này ra để yêu cầu người đàn ông giúp mình, bởi vì người đàn ông mà họ đã phải chịu đánh. Lưng càng nhiều vết sẹo, địa vị của người phụ nữ càng cao trong xã hội Hamar. Những người phụ nữ hết sức tự hào về vết sẹo của mình. Họ nhờ tôi chụp lưng họ, rồi cười khúc khích với nhau khi xem những tấm lưng đầy sẹo trong bức ảnh.

Càng lúc người đến càng đông. Không biết người Hamar ở đâu ra mà nhiều thế. Cuối giờ chiều, số người có mặt ở đó phải đến cả trăm người. Hàng chục chú bò bị lừa ra từ bụi rậm bắt đầu chạy toan loạn, khiến cho mọi người ở đây được một phen hết hồn, xô nhau chạy. Chỉ những chú bò được thiến mới được sử dụng ngày hôm đó. Số lượng bò tùy thuộc vào sự giàu có của gia đình. Tôi nghe phong phanh hôm đó gia đình này sử dụng mười bốn chú bò. Những maza nhanh chóng giữ những chú bò ấy lại, ép chúng đứng sát với nhau để giảm thiểu rủi ro. Cậu bé nhảy bò sẽ phải chạy qua chạy lại trên lưng những chú bò bốn lượt tất cả. Khi nhảy cậu bé không được phép mặc gì ngoại trừ một sợi dây buộc chéo trước ngực và cổ để tượng trưng cho tuổi thơ mà cậu đang bỏ lại phía sau. Nếu cậu bị ngã, cậu sẽ không được phép cưới người con gái mình chọn và phải chờ một năm cho đến khi được thử lại. Thất bại trong việc nhảy bò cũng được coi là một điều sỉ nhục đối với gia đình. Nghi lễ diễn ra hết sức nhanh chóng, và thật may mắn, cậu bé hôm đó hoàn thành nhiệm vụ của mình mà không gặp bất cứ khó khăn gì. Tiếng hò reo vang dội. Tiếp theo là màn nhảy múa ăn mừng. Người Hamar rất thích ca hát nhảy múa. Tất cả đứng quây thành vòng tròn, thay phiên nhảy. Họ nhảy đúng là nhảy thật: nhún chân, bật người lên cao. Thỉnh thoảng, từng đôi trai gái nhảy điệu tán tỉnh hết sức vui mắt. Chàng trai đuổi theo cô gái, cô gái trốn chàng trai, rồi cả hai cùng bật người lên cao, nhảy. Nhạc được tạo thành bằng tiếng vỗ tay và những câu hò. Một vài anh chàng Hamar chạy đến mời tôi nhảy. Tôi đồng ý. Mỗi lần tôi nhảy là mọi người phá lên cười. Chưa bao giờ tôi thấy bữa tiệc nào vui như thế.

Trời tối, tôi phải về lại Key Afar mà trong lòng cứ tiếc hùi hụi. Bữa tiệc không có dấu hiệu ngừng nghỉ. Tiếng hò hát vang vọng cả một khu rừng. Mùi thịt nướng thơm phưng phức. Cuộc sống của người Hamar kể ra cũng thật hạnh phúc. Họ không có nhiều tiện nghi, nhưng họ biết trân trọng những gì họ có. Chẳng cần nhạc xập xình, chẳng cần những bộ váy đắt tiền, giữa cánh rừng bao la, họ vẫn có thể tạo cho mình một bữa tiệc đủ để bất cứ ai ở “thế giới văn minh” cũng phải ghen tị.

10. Konso – Arba Minch – Addis Ababa

Hôm sau, tôi đi nhờ được với hai thương gia người Ethiopia, rồi với một giảng viên đại học, rồi với một đoàn khách du lịch. Mọi người trên xe nghe nói tôi đến từ Việt Nam mới thích thú hỏi tôi có phải là con bé Việt Nam một mình đi nhờ xe khắp South Omo, ngủ qua đêm ở đồn cảnh sát hay không? Họ nghe kể về tôi từ hướng dẫn viên du lịch của họ ở Key Afar. Rõ ràng, người dân ở Key Afar đang lan truyền huyền thoại về con bé faranji tiền bạc không có bao nhiêu nhưng máu liều thì không thiếu.

Trời tối, tôi phải ngủ qua đêm ở nhà nghỉ rẻ nhất có thể tìm được ở Arba Minch. Lúc ra ngoài mua đồ ăn, gặp bao nhiêu cặp nam nữ ôm eo nhau đi lên cầu thang tôi mới giật mình nhận ra nhà nghỉ này chuyên được gái mại dâm trưng dụng làm nơi bán hàng. Thảo nào giá ở đây rẻ thế. Nhìn chần chệm loang lổ những vết trắng nhờ nhờ tự nhiên tôi thấy rùng mình. Không lẽ đêm nay ngủ dưới sàn.

Về lại được Addis Ababa, việc đầu tiên tôi phải làm là bỏ hết quần áo vào chậu giặt đi giặt lại cả chục lần mà vẫn cảm thấy những bàn chân li ti của rệp ở khắp người. Bụng tôi bây giờ có một đường tròn đỏ vòng quanh thắt lưng, chi chít vết rệp cắn. Ethiopia không chỉ nổi tiếng với nạn đói mà còn nổi tiếng với những chiếc giường khách sạn đầy rệp. Sau một tuần lăn lộn ở những chỗ tồi tàn nhất ở khu vực vùng sâu vùng xa nhất của Ethiopia, tôi coi như đã lãnh đủ.

Hạnh phúc nhất là được gặp bạn bè ở Addis Ababa. Bây giờ, tôi đã khá thân thiết với Hermann và Mika, đến mức hai người này tuy quen nhau qua tôi cũng đã kịp trở thành bạn tốt. Claudio và Fidel (*bạn nhai “khat” của Hermann*) hầu như tối nào cũng tụ tập ở một quán bar quen để uống rượu. Hermann lần nào đi cũng kéo theo tôi. Một buổi tối, Claudio bảo tôi có fan cuồng, một anh chàng Israel rất đẹp trai, rất thông minh, rất tốt bụng cũng vừa trở về từ South Omo. Ban đầu tôi đoán là Tomer, nhưng Tomer không dùng CouchSurfing và chắc chắn không ở nhà Claudio. Tôi gắng hỏi thế nào thì Claudio cũng không nói, lại còn nhăm nhá với Fidel cười phá lên:

- Cứ từ từ rồi em sẽ gặp thôi.

Buổi tối hôm đó, tôi nhận được tin nhắn trên CouchSurfing.

“Hi Chip, anh là Asaf. Anh ở nhà Claudio mấy ngày trước nhưng không gặp được em, có lẽ vì vị Chúa của đôi chân muốn anh đi một mình. Ngài nói rằng đi một mình mới phiêu lưu.

Ngài nói đúng. Anh đã lắng nghe Ngài trong suốt tám năm qua. Nhưng từ hôm được nghe kể về em ở Key Afar, anh quyết định sẽ không nghe theo Ngài một lần. Anh muốn một lần được đi cùng ai đó. Và bức thư này chính là lời mời chính thức để em trở thành “ai đó”.

Ký tên: Người bạn vô hình của em ở Ethiopia.

11. Đi bộ lên phía Bắc

Sự thật mà nói, sau khi đọc được tin nhắn siêu dễ thương của Asaf và đọc hồ sơ siêu thú vị của anh, tôi cũng rung rinh lắm. Vậy mà chẳng hiểu sao khi anh gọi điện rủ tôi đi leo núi miền Nam thì tôi

lại thấy run run. Đã quá quen với việc đi một mình, việc chia sẻ cuộc hành trình với một ai đó, đặc biệt là với một người mình thậm chí còn chưa gặp mặt, tự nhiên mang lại cho tôi cảm giác bất an. Đi cùng nhau lên núi rồi lờ như không hợp tính nhau thì sao? Tôi từ chối với lý do tôi muốn đi lên phía Bắc. Du lịch ở Ethiopia cơ bản được chia thành hai tuyến chính: tuyến xuống phía Nam thăm hồ nước, đồi núi và thung lũng South Omo; tuyến lên phía Bắc thăm các thành phố cổ huyền thoại: Bahir Dar – Gondar – Lalibela – Aksum.

Có lẽ tôi đã quyết định sai bởi vừa mới ra khỏi nhà để đi lên phía Bắc thì trời mưa như trút nước. Tôi chạy vào khách sạn trú mưa và làm rơi quyển Bradt Guide xuống cống. Tôi nhặt vội quyển sách lên, hứng nó dưới mưa để rửa cho trôi mùi nước thải rồi lấy chính khăn của mình ra lau cho khô, vừa lau vừa nghĩ khi nào nhận lại được quyển sách này chắc Mika sẽ giết tôi mất.

Trời ngớt mưa, tôi vẫy xe đi nhờ một cặp đã đứng tuổi. Nhìn vào cách cư xử của họ, tôi đoán hai người mới chỉ hẹn hò: người phụ nữ thì bẽn lẹn còn người đàn ông thì thích thể hiện ga-lăng quá mức. Hai người nói họ chỉ đi gần thôi, nhưng có thể đưa tôi đến đồn cảnh sát.

- Hả, đưa cháu đến đồn cảnh sát làm gì? – Tôi hốt hoảng.

- Đi nhờ xe nguy hiểm lắm. Cảnh sát sẽ giúp cháu tìm xe an toàn.

Đây là một điều mà sau này đi nhiều ở Châu Phi rồi tôi mới nhận ra: người Ethiopia nói riêng và người Châu Phi nói chung có một niềm tin sắt đá đến kỳ lạ vào cảnh sát. Họ cho rằng cảnh sát có thể giải quyết được tất cả mọi việc. Tôi đây đây từ chối nhưng cô chú này cứ nhất quyết để tôi ở lại đồn. Y như tôi đoán, mấy anh cảnh sát trẻ măng thấy tôi thì vô cùng tò mò, toàn hỏi nhưng câu chẳng liên quan gì đến sự nghiệp giữ gìn an ninh trật tự của mình cả. “Em đến từ đâu? Việt Nam ở Trung Quốc hay Nhật Bản? Sao em lại đi một mình? Bạn trai em đâu? Ở đây không đi nhờ xe được đâu, em phải đi xe buýt. Sao, em cứ nhất định phải đi nhờ à? Không được, thế thì bọn anh cấm đấy”.

Thời tiết đang xấu, cứ ngồi nghe các anh chị cảnh sát này nói chuyện thì nẫu hết cả ruột, tôi bực mình bỏ đi, mặc cho người ta í ới gọi theo. Tôi bắt xe đi nhờ hai thương gia được một đoạn, sau đó đi nhờ xe hai kỹ sư người Ethiopia. Lòng tôi nặng trĩu khi thấy những cột khói nhà máy nghi ngút nối tiếp nhau giữa cảnh làng quê hết sức thanh bình. Hai kỹ sư trẻ người Ethiopia trẻ măng, hào hứng kể chuyện:

- Bọn anh làm việc cho công ty em đây. Nhiều người giống em lắm. Nhưng toàn là con trai. Đây là lần đầu tiên bọn anh thấy con gái Trung Quốc.

- Em đến từ Việt Nam.

- Việt Nam là khu vực nào của Trung Quốc?

- Không, Việt Nam là một nước, Trung Quốc là một nước, giống như Ethiopia và Kenya là hai nước khác nhau vậy.

Tôi kiên nhẫn giải thích mà nghĩ thầm trong bụng: “Thử xem ai bảo Ethiopia là một phần Kenya thì các anh nghĩ sao?” Mặc dù hơi bức mình, vì tò mò, tôi vẫn theo các anh đi thăm nhà máy Trung Quốc, tranh thủ ghé thăm một thác nước cao gần trăm mét ở giữa đồng không mông quạnh mà chẳng có một bóng người. Mọi người ở lại nhà máy lâu hơn dự kiến, đến lúc rời khỏi thì trời đã gần tối, tôi phải nghỉ tạm ở một nhà nghỉ siêu rẻ chỉ hai mươi lăm birr một đêm (*khoảng ba mươi nghìn Việt Nam*). Lúc mở Bradt Guide ra đọc thì tôi phát hiện ra chỗ mình ở chỉ cách Addis Ababa có ba mươi kilômét. Xét về mặt năng suất đi thì hôm nay tôi đi không hiệu quả lắm. Vậy nên hôm sau tôi dậy sớm, mua vài cái bánh mì làm đồ ăn dọc đường rồi tiếp tục đi, không hề biết rằng mình sắp sửa có một chuyến nhờ xe điên rồ nhất trong hành trình.

©ST'EN'T

Đang đi nhờ xe một chiếc xe tải tốc độ mười kilômét một giờ ở lưng chừng đèo thì tôi quyết định nhảy xuống đi nhờ xe khác. Chẳng phải tôi đang vội đâu, nhưng cứ ngồi ì trên xe cả năm tiếng đồng hồ mà mới đi được khoảng năm mươi kilômét khiến tôi sốt ruột. Tôi đi nhờ được một chiếc xe tải khác có thể nói là đang đi nhanh nhất trong số những chiếc xe mà tôi thấy với tốc độ khoảng hai mươi kilômét một giờ. Xe tải nào đi qua tuyến đường này cũng chở nặng quá tải, mà đường ở đây vừa dốc, vừa ngoằn ngoèo như đường xoáy tròn ốc. Hai anh chàng lái xe trẻ măng với trình độ tiếng Anh chắc chỉ tương đương trình độ tiếng Amheric của tôi. Tôi cũng chẳng hiểu bằng cách nào mà chúng tôi lại có thể nói chuyện với nhau. Hai người đang chở cả chùa từ Shashemene lên Gondar, vừa đi vừa hát hò ầm ĩ lại còn làm đủ các trò làm tôi cười lăn lộn. Ban đầu tôi cũng hơi nghi ngại mấy anh chàng thanh niên lái xe, nhưng sau khi thấy cách cư xử đầy tình đồng chí của hai người với nhau, rồi thấy nụ cười hiền khô của anh chàng lái xe, tự nhiên tôi thấy ấm áp.

Đang đi, chúng tôi bắt gặp một chiếc xe tải nằm sõng xoài bên đường. Nói ra thì thấy hơi tội lỗi một tí, nhưng thực sự là chúng tôi mừng rơn khi phát hiện ra nó là xe chở bia. Thế là ngay lập tức, chúng tôi tìm tất cả chai lọ có trên xe, đổ hết nước đi rồi đổ đầy bia vào trong đó.

Xe cứ đi mãi miết, hai anh chàng nhai “khat” luôn miệng cho tỉnh ngủ và chống đói. Trời tối, tôi bắt đầu ngủ gà ngủ gật. Hai người bảo tôi cứ ngủ đi, khi nào đến Bahir Bar (*thành phố nơi tôi muốn đến*) họ sẽ gọi tôi dậy. Tôi mới giật mình nhận ra rằng kể từ hai ngày trước, họ chưa từng được chợp mắt. Bằng cử chỉ là chính và tiếng Anh, tiếng Amheric là phụ, họ bảo tôi rằng nếu không kịp đến Gondar thì ông chủ sẽ không trả tiền cho họ.

Họ gọi tôi dậy vào lúc một giờ sáng. Bahir Dar về đêm vắng hoe vắng ngắt, Chẳng có ai đi lại trên đường, cũng chẳng thấy cửa hàng hay khách sạn nào mở cửa. Tôi xuống đây rồi biết làm gì? Tôi tặc lưỡi quay qua ngủ tiếp. Sáng tỉnh dậy, tôi phát hiện mình đã ở Gondar, cách Bahir Dar những một trăm bảy mươi lăm kilômét.

Có cái gì đó không ổn. Lúc đi qua trạm cảnh sát, xe bị vầy dừng lại nhưng anh chàng lái xe rô ga vượt qua. Đi được một đoạn, một trạm cảnh sát khác dựng hàng rào chắn ngang đường, buộc xe dừng lại.

Chẳng mấy chốc, người hiếu kỳ đã tạo thành đám đông vây kín quanh xe. Hai anh chàng bị dẫn vào đồn, để lại tôi bơ vơ giữa đường không biết chuyện gì đang diễn ra. Một chú cảnh sát cố gắng giải thích một tràng dài tiếng Amheric, nhưng cuối cùng đành bỏ cuộc. Tôi hỏi mọi người xung quanh nhưng không ai hiểu tôi nói gì. Mãi về sau, có một bác đến gần tôi, hít một hơi thật sâu, lấy can đảm hắng giọng bập bẹ vài từ tiếng Anh: “Tai nạn. Một người. Chết”. Phía trước xe là một vết lõm to đùng.

Chúa ơi, đêm qua xe gặp tai nạn, đâm chết một người vậy mà tôi ngủ say đến mức thậm chí còn không biết.

Tôi thấy thương hai anh chàng vô cùng. Lái xe mấy ngày liền không được ngủ như thế, tai nạn là điều hiển nhiên. Giờ các anh phải làm sao? Giờ tôi phải làm sao? Hai người tốt với tôi như thế, có chuyện xảy ra tôi lại bỏ đi à? Tôi ở lại đợi khoảng nửa tiếng thì hai người ra bảo tôi đi trước đi. Tôi có ở lại thì cũng chẳng giải quyết được gì nên đành ra đường vầy xe đi nhờ về Bahir Dar mà long cừ nặng trĩu.

12. Người Việt ở Bahir Dar

Bahir Dar là một thành phố xinh đẹp soi bóng bên hồ Tân, một hồ nước không lò với những hòn đảo. Trên đó là những tu viện và nhà thờ cổ nhất thế giới. Hồ Tana cũng là khởi nguồn của Blue Nile, một trong hai nhánh chính của sông Nile huyền thoại.

©STENT: <http://www.luv-ebook.com>

Mika giới thiệu tôi ở nhờ nhà bạn anh là Yordanos. Yordanos xuất thân từ một gia đình nghèo, một mình chị lao động nuôi sống cả gia đình với gần chục miệng ăn. Vậy nhưng chị lại là một trong những người phụ nữ thông minh nhất mà tôi từng gặp. Hơn tôi có vài tuổi mà chị đã có trong tay một đồng bằng sáng chế. Thấy tiếc vì cứ đến mùa, xoài chín nhiều ăn không hết phải bỏ đi, chị nghiên cứu tìm ra cách làm rượu từ xoài. Dự án kinh doanh của chị được nhà nước ủng hộ, cấp cho chị mảnh đất hai nghìn mét vuông để xây nhà máy. Tôi gặp chị lúc chị vừa biết tin mình được chọn tham gia khóa Women Leadership's Forum được tài trợ và tổ chức bởi chính phủ Mỹ. Trên miệng chị lúc nào cũng thường trực nụ cười tươi rói. Chị ghét mái tóc Châu Phi xoắn xù như đồng rơm của mình nên luôn đội sùm sụp một cái mũ len.

Tôi ở đây đúng vào ngày lễ thánh Haymanot, vị thánh duy nhất xuất thân từ Ethiopia, rất nổi tiếng

ở cả trong và ngoài nước. Giai thoại kể lại rằng ngài đã đứng cầu nguyện suốt hai mươi chín năm trời trong một cái hang ở phía Bắc Ethiopia, cầm hơi bằng một hạt đậu mỗi ngày. Sau khi chân của ngài rụng vì đứng lâu quá, ngài tiếp tục đứng bằng một chân còn lại. Địa điểm nơi ngài cầu nguyện hiện giờ là nhà thờ và tu viện quan trọng nhất của Ethiopia. Vị trưởng tu viện này là người có quyền lực thứ hai trong giáo hội đất nước này. Tôi đã có dịp đến thăm nhà thờ này trên đường lên Bahir Dar. Phải đến vài ngàn người hành hương có mặt ở đó lúc tôi đến.

Vì là ngày lễ, nhà ai cũng trải cói xanh, nấu thật nhiều injera và wat, làm coffee ceremony mời khách đến ăn. Coffee ceremony là nghi lễ cà phê truyền thống của Ethiopia, là biểu hiện của tình bằng hữu và sự tôn trọng. Người nước ngoài không được coi là “biết” Ethiopia cho đến khi đã được mời đến coffee ceremony ở một gia đình địa phương. Nghi lễ cà phê thường được thực hiện bởi một người phụ nữ trẻ, mặc quần áo truyền thống, trên một bếp than nhỏ ngay trong nhà. Cà phê được rang, tách vỏ, nghiền nhỏ rồi pha đi pha lại ba lần. Có thể nhiều người không biết, Ethiopia là quê hương của cà phê nên cà phê nơi đây được xếp hạng ngon nhất thế giới.

Ông chú lái xe bajaj (*xe rickshaw ba bánh như của Ấn Độ*) ăn no uống say xong thì lăn ra ngủ như chết. Chúng tôi lấy trộm chìa khóa xe của ông lái xe đi khắp thành phố, vừa đi vừa hét: “Bajaj faranji, bajaj faranri”. Ai nhìn thấy cũng phải bò lăn ra cười. Lái xe ba bánh nhìn vậy mà rất khó. Xe nhẹ tang nên rất chòng trành cảm giác như có thể lật bất cứ lúc nào. Buổi tối cao hứng, tôi quyết định mời Yordano và em họ chị đi ăn coi như để cảm ơn. Hai chị em gọi injera và wat kitfo, thịt bò xay nhỏ trộn với bơ, ớt và nhiều gia vị khác. Món ăn này ngon đến mức thậm chí tôi còn không nhận ra rằng đây là thịt sống.

Một buổi chiều đang đi dạo loanh quanh ở Bahir Dar, tôi thấy một cô gái Châu Á đang đứng cùng một nhóm người Châu Âu. Chị ấy nhìn tôi, nhưng tôi đoán chị không phải là người Việt Nam nên không dừng lại. Tự nhiên, người đàn ông Châu Âu trung niên vẫy tôi lại, chào rành rọt bằng tiếng Việt:

- Xin chào.

Tôi giật mình:

- Hả! Bác nói tiếng Việt à?

Ông cười đắc thắng, quay sang chị kia:

- Haha, anh đã nói với em rồi. Anh ở Việt Nam sáu năm, nhìn cô bé anh biết là người Việt Nam ngay.

Tôi và chị Liên gặp nhau mừng như bắt được vàng. Thật không thể tin được là ở một nơi thậm chí còn được coi là vùng sâu vùng xa theo tiêu chuẩn Châu Phi, hai người Việt duy nhất lại có dịp chạm trán nhau. Chị Liên đang học ở Ý, sang Ethiopia thực tập cho một tổ chức phi chính phủ và hiện đang làm một chuyến khảo sát ở khu vực miền Bắc Ethiopia. Chúng tôi trao đổi liên lạc, hẹn khi nào về lại

Addis Ababa nhất định sẽ đi chơi.

13. Bahir Dar – Gondar: Bị lừa ở Gondar



Cứ nghĩ rằng mình đi nhiều, biết nhiều mảnh lối nhưng phải đến Gondar tôi mới thấy rằng mình vẫn còn non và xanh lắm.

Chia tay Yordanos, tôi tiếp tục đi nhờ xe lên Gondar. Trong lúc chờ xe ở phía ngoài một ngôi làng nhỏ, một đám trẻ con phát hiện ra tôi: “Hello, hello, hello”. Tôi mỉm cười trả lời lại: “Hello”, nhưng rồi nhanh chóng nhận ra rằng bọn trẻ con này không chào tôi để mong được chào lại. Ngay cả khi tôi đã trả lời rồi bọn nó vẫn cứ đi theo eo óc: “Hello, hello, hello”, “money, money, money”. Một đám trẻ con hơn hai chục đứa cứ bám theo tôi như thế phải đến nửa tiếng. Khi tôi tăng lờ chúng, chúng bắt đầu nhặt đá ném tôi, cho đến khi tôi nhảy lên được phía sau một chiếc xe tải.

-Nhưng chú chỉ đi lên phía trước vài cây thôi – Người lái xe bảo tôi.

-Dạ không sao ạ, cháu chỉ muốn chạy trốn được khỏi đám trẻ con này thôi.

Tôi đến Gondar khoảng đầu giờ chiều. Sau khi tìm cho mình chỗ ngủ xong, tôi ra ngoài đi dạo. Một anh chàng tóc cuốn lộn rasta tiếp cận tôi, đề nghị dẫn tôi đi giới thiệu vòng vòng. Tôi từ chối nhưng anh chàng cứ đi theo tôi, vừa đi vừa nói chuyện. Anh chàng này nói tiếng Anh rất tốt nên tôi cũng nói chuyện lại cho đỡ buồn. Sau khoảng hai tiếng, anh chàng bảo tôi rằng tối nay có một bữa tiệc trong thị trấn, anh muốn mời tôi tham gia. Tôi lấy lý do mình bận không đi được, từ chối.

Buổi tối ra ngoài ăn, tôi lại gặp một anh chàng khác trẻ măng, chắc chỉ tầm tuổi tôi. Anh giới thiệu mình là sinh viên ở Gondar, muốn nói chuyện với khách du lịch để thực hành tiếng Anh. Tôi ngồi không chẳng làm gì nên đồng ý. Ăn xong, anh chàng đề nghị đi bộ cùng tôi về khách sạn. Đang đi trên đường, chúng tôi gặp anh chàng tóc rasta chiều nay. Anh ta tức giận lao vào túm tay tôi:

- Mày bảo tao là tối nay mày bận không đi cùng tao được mà bây giờ mày lại đi cùng thằng này à?

[©STENT](#)

Anh chàng tôi mới quen đẩy anh chàng kia ra, rồi hai người lao vào đánh nhau. Tôi đứng tần ngần không biết phải phản ứng thế nào. Cuối cùng tôi lấy hết can đảm hét toáng lên. Nói thật, tôi cũng chẳng biết mình nói gì. Mục đích duy nhất của tôi tạo ra càng nhiều tiếng ồn càng tốt. Hai người buông nhau ra, tôi kéo anh chàng mới quen bỏ đi. Anh chàng rasta gọi với theo:

- Thằng đấy là người xấu đấy.

Tôi tảng lờ. Chúng tôi tiếp tục đi về nhà nghỉ. Nhưng sau khi tôi tạm biệt anh để vào phòng, anh vẫn đứng trơ trơ ở đấy.

- Em phải cho anh ngủ ở đây. Bây giờ nhà anh đóng cửa rồi.

Lúc ấy mới chỉ khoảng chín giờ tối.

- Anh đến tạm nhà bạn đi.

- Anh không có bạn.

Đồ dối trá! Chẳng có lý nào mà một người sinh ra và lớn lên ở đây lại không có bạn?

- Nhưng em không thể cho anh ở lại đây được.

- Anh ngủ dưới sàn thôi, sẽ không làm gì em đâu.

- Không được.

Tôi nhìn quanh tìm người quản lý nhà nghỉ nhưng không thấy ai. Chỗ tôi ở là chỗ rẻ tiền nên có lẽ buổi tối nhân viên về hết. Anh chàng bước vào trong phòng tôi, tôi đẩy ra.

- Anh mà vào trong là tôi hét lên đấy.

- Vậy thì em phải cho anh tiền ở khách sạn. Anh hết tiền rồi.

- Bao nhiêu?

- Hai mươi đô.

Vớ vẩn. Phòng tôi đang ở chỉ có bốn đô. Tôi ném cho anh mười đô coi như ngu phí, rồi phi vào phòng, khóa chặt cửa lại. Thật may là chưa có chuyện gì tệ hơn xảy ra. Mười đô cho một bài học xương máu, kể ra cũng đáng.

14. Lalibela – Debauch – Addis Ababa

Sau khi thăm những tòa lâu đài duy nhất của Đông Phi ở Gondar và thăm mười nhà thờ đục trong lòng núi đá của Lalibela, tôi tính sẽ đi tiếp lên Aksum để hoàn thiện đủ tour Bahir Dar – Gondar – Lalibela – Aksum như một khách du lịch chân chính. Nhưng sau khi đi được nửa đường lên Aksum đến Debauch thì tôi phải quay về vì trời mưa như trút nước. Đường ở đây toàn là đường đất, hễ trời mưa thì xe cộ không đi lại được. Người lái xe lắc đầu ngao ngán: “Cháu có tin được ở đây mấy chục năm trước là một con đường nhựa láng bóng không? Đất nước ngày càng đi xuống”. Sau đó, tôi đi nhờ xe về lại Addis Ababa mà không gặp khó khăn gì, ngoại trừ việc đang đi thì tôi muốn đi tiểu mà không biết giải thích với bác lái xe thế nào. Tôi ôm bụng nhăn nhó. Bác hỏi:

- Cháu đói à?

Tôi lắc đầu.

- Cháu bị đau bụng à?

Tôi lắc đầu. Trời ạ, từ trước đến giờ tôi toàn dựa vào ngôn ngữ cử chỉ để giao tiếp mọi người, nhưng làm thế nào mà tôi có thể diễn tả câu: “Tôi muốn đi tiểu” cho người ta được. Tôi đành cắn răng nhịn suốt năm tiếng đồng hồ cho đến khi về lại thành phố. Kể từ đó, tôi tự nhủ với bản thân cho dù đến bất cứ nơi đâu, ba câu đầu tiên tôi phải học của nơi đó là: “cảm ơn”, “tôi đói” và “nhà vệ sinh ở đâu?”

Tôi quyết định ở lại Addis Ababa chờ đến năm mới. Người Ethiopia dùng một loại lịch khác, năm mới của họ khi đó rơi vào ngày 11 tháng 9 năm 2011. Vậy nên trong khi cả thế giới đau thương tưởng niệm vụ khủng bố tòa tháp đôi, người Ethiopia lại tung bừng thất nơ cho lễ đón chào năm mới. Trong khi chờ đợi, tôi đến ở kẻ chị Liên thay vì ở nhà Mika để hai chị em nấu đồ ăn Việt Nam ăn với nhau. Sonja và tôi rất hợp tính nhau. Không phải nói tôi vui như thế nào khi ở Addis Ababa có bao nhiêu người mà tôi yêu quý: chị Liên, Mika, Sonja, Hermann. Và rồi tiếng cười trêu chọc của Claudio, Fidel và Hermann, cuối cùng tôi và Asaf cũng gặp nhau. Asaf là một chàng trai tuyệt vời. Tôi vừa khâm phục vừa ghen tỵ với anh. Mới ở Ethiopia có hơn một tháng mà anh đã có thể giao tiếp kha khá bằng tiếng Amharic. Đúng là thông minh như dân Do Thái. Chị Liên cứ gán ghép tôi với Asaf. “Đẹp trai, thông minh, tốt bụng, lại chăm sóc em như thế, sao em không yêu đi? Hai đứa đi cùng nhau có phải vừa vui vừa an toàn không?” Tôi cũng chẳng biết tại sao tôi lại không yêu. Viễn cảnh hy sinh tự do cá nhân để đi cùng một ai đó khiến tôi đổ mồ hôi hột. Tôi quý Asaf như một người anh trai vậy.

Khách sạn Sonja ở nằm ngay đối diện khách sạn Asaf ở. Một buổi chiều, khi đang đứng đợi Asaf cùng Sonja, tôi phát hiện ra một anh chàng đang chơi với đám trẻ con ngoài đường. Tôi nhìn anh toét miệng ra cười, anh cũng cười lại, nhưng rồi lại quay ra chơi với đám trẻ con tiếp. Anh bế bồng hai đứa lên cùng một lúc, khiến tụi nó cứ cười khanh khách.

- Em thích anh chàng đó à? – Sonja chọc tôi.

- Kiêu quá. Mình đã cười rồi mà không thèm sang nói chuyện.

- Đợi tí, anh ta qua đây giờ.

- Sao chị biết?

- Em không thấy anh chàng từ lúc phát hiện ra mình liền cố tình cười nói rất to để gây sự chú ý à? Chị biết con trai Do Thái nghĩ gì mà.

- Sao chị biết đây là người Do Thái?

- Ê hê, em không biết người Do Thái có radar để nhận ra nhau à?

Đúng như Sonja nói, được một lúc thì anh chàng đó qua chỗ bọn tôi. Và cũng đúng như thông tin từ radar của Sonja, anh chàng đó là người Do Thái thật. Anh ở đây theo chương trình của chương trình của chính phủ Israel giúp đỡ người Do Thái đến nhập cư ở Israel.

- Ở Ethiopia có nhiều người Do Thái không anh?

- Em muốn biết con số chính xác hay con số thật? À, con số chính phủ Israel nói là sáu nghìn, nhưng con số thực sự phải lên đến cả trăm nghìn.

- Tại sao lại có sự chênh lệch như vậy?

- Vì theo Luật Hồi hương của chính phủ Israel, tất cả người Do Thái ở Ethiopia đều có quyền nhập cư sang Israel. Nhưng cộng đồng người Ethiopia ở Israel hiện nay lại quá lớn và quá nghèo, gây ra mất ổn định về an ninh và kinh tế. 70% gốc Ethiopia ở Israel sống dưới mức đói nghèo. Chính phủ muốn hạn chế tình trạng nhập cư này.

Chúng tôi đang nói chuyện thì mấy đứa trẻ vừa nãy anh chơi cũng ríu rít chạy đến. Tôi hù chúng, thế nào lại biến thành trò chơi đuổi bắt từ sân thượng xuống tầng trệt. Sau đó một đứa bé cứ cầm tay tôi lôi vào chiếc xe ô tô đang mở sẵn cửa. Bố đứa bé, cũng là chủ khách sạn Sonja ở, chạy ra cười:

- Em nó muốn cháu đi cùng đến nhà bà nội ăn Tết.

- Cháu đi được ạ?

- Được chứ. Năm mới mà, ai cũng được mời.

Mặc dù rất muốn ở lại nói chuyện thêm nhưng sự tò mò muốn biết người dân Ethiopia đón năm mới thế nào đã chiến thắng sự hám trai của tôi. Nhà bà nội của em bé có một con dê buộc nơ hồng xinh xắn cột ở trong sân. Con dê này ngày mai sẽ bị thịt để chiêu đãi cả nhà. Bà nội em bé thấy chúng tôi đến thì rất thích thú, mang một cái bánh mỳ to như cái mâm ra mời chúng tôi. Bánh mỳ này được gọi là Defo Dabo, một phần không thể thiếu trong các dịp lễ tết ở Ethiopia. Mục đích làm bánh mỳ to như vậy là để chia se, hy vọng mang mọi người đến gần nhau hơn. Tôi vinh dự vô cùng khi là người đầu tiên cắt bánh. Ăn bánh uống trà xong, chúng tôi ra ngoài đường đốt lửa trại. Mấy người hàng xóm cũng cầm chai rượu sang góp vui. Mọi người vừa nhảy múa, vừa đốt pháo hoa, vừa uống rượu đến tận sáng. Tôi và Sonja cáo từ về trước. Tối nay tất cả dân lang thang tứ xứ đang ở Ethiopia tụ tập đi chơi cùng nhau, hứa hẹn một đêm long trời lở đất.

15. Chip sẽ đi nhờ xe dọc châu Phi

Tôi định rời khỏi Addis Ababa ngay sau năm mới. Nhưng khi tỉnh dậy ngày hôm sau, tôi giật mình nhận ra rằng mình chẳng biết gì về phía bên kia biên giới cả. Tất cả những gì tôi biết chỉ là biên giới giữa Ethiopia và Kenya là Moyale. Tôi cũng không biết đến đó bằng cách nào hay từ đó rồi sẽ đi đâu. Vậy nên tôi quyết định ở lại thêm một ngày ra chỗ có wifi để tìm hiểu thêm thông tin. Nhưng thông tin tôi tìm thấy khiến tôi khá nản. Những ai đã từng đi qua khu vực biên giới đó đều khuyến cáo người khác không nên làm theo. Trong khi đó, chị Liên cố gắng thuyết phục tôi ở lại đến cuối tuần để đi cùng chị đến bữa tiệc công ty. Với viễn cảnh một mình cô độc trên con đường xa lạ, sự ảm áp của Addis Ababa bỗng chốc trở nên vô cùng hấp dẫn. Tôi tự nhủ rằng thôi cứ đi ngủ đã, mai tỉnh dậy cảm thấy muốn làm gì thì sẽ làm việc đó.

Tôi tỉnh dậy và nhận ra rằng mình muốn đi.

Tôi tắm rửa, gói đồ. Đã quá quen với việc gói đồ đến mức tôi chỉ cần khoảng mười lăm phút là xong. Tôi nghĩ rằng mình đã quyết định rồi, nhưng khi gặp chị Liên để trả lại chìa khóa, tôi lại không muốn chia tay chị. Trong phút chốc, tôi hoàn toàn bị thuyết phục bởi suy nghĩ ở lại Addis Ababa để viết, thậm chí tôi còn suýt nữa cầm chìa khóa về lại nhà. Nhưng rồi tôi nhìn hai cái ba lô của mình. Tôi đã đi một con đường rất dài để có thể tha được chúng đến đây.

- Không được, em phải đi.
- Nhưng em biết mình sẽ đi như thế nào chưa?
- Em chưa biết, nhưng em sẽ hỏi.

Tại thời điểm đó, bỗng chốc mọi chuyện trở nên rõ ràng hơn bao giờ hết. Tôi sẽ đi nhờ xe dọc châu Phi!

©STENT: <http://www.luv-ebook.com>

Từ Addis Ababa đến Moyale khoảng bảy trăm năm mươi kilômét, đi qua Bishoftu, Shashemene và Awassa. Tôi đã đi nhờ xe ở Ethiopia đủ lâu để biết cách xác định phương hướng. Tôi không biết chính xác các con đường, nhưng tôi tin vào trực giác của mình. Sau khoảng nửa tiếng đi bộ, tôi đến được Debre Zeit, đường cao tốc chính để xuống phía Nam. Ở đây có một cây cầu dài đông nghẹt xe mà không có chỗ cho người đi bộ. Sẽ chẳng có ai cho tôi đi nhờ xe từ bên này cầu, nên tôi đành liều mình đi bộ sang phía bên kia với hàng trăm xe lái theo phong cách Ethiopia luôn lách ngay sát sườn. Sang đến bên kia cầu vẫn chẳng có ai cho tôi đi nhờ xe. Tôi quyết định thử vận may của mình ở trạm xăng. Tôi nhìn thấy một chiếc xe con màu xanh và tự nhiên có linh cảm rằng chiếc xe này sẽ đi xa. Thế là tôi đứng đợi ở lối ra, đợi cho chiếc xe đi qua và giơ ngón tay cái lên. Trên xe có hai người đàn ông.

Người lái xe đưa tay ra làm dấu: “Thế quái nào cũng được” rồi dừng lại.

Và rồi mọi chuyện trở nên vô cùng kỳ quặc.

Kể từ khi tôi bước chân lên xe, cả hai người hoặc là nói chuyện trên điện thoại, hoặc là hét toáng lên với nhau. Họ thậm chí còn chẳng thèm hỏi tôi đang đi đâu, còn tôi thì chẳng tìm thấy thời gian nào thích hợp để hỏi. Nhưng tôi biết họ đang đi trên con đường tôi muốn đi. Họ dừng lại ở ngã tư đường nơi mà một đám đông đang khóc lóc vật vã. Hai người đàn ông bước ra, khóc lóc một hồi rồi lại đi tiếp. Một người đàn ông khác bước vào trong xe. Họ cãi lại nhau một lúc, rồi người đàn ông mới vào này tự nhiên tru lên khóc. Một chiếc xe van chật kín người lái ngay bên cạnh. Cứ khoảng nửa tiếng, tất cả họ dừng lại, ra khỏi xe rồi cùng nhau khóc tu tu. Ban đầu tôi nghĩ đây là đám ma nhưng lại chẳng thấy quan tài, vòng hoa hay bất kỳ dấu hiệu nào. Tôi đã từng nhìn thấy kiểu khóc như thế này trước đó khi một đứa bé bị xe đâm chết. Tôi đoán rằng họ đang tưởng niệm ai đó chết trong một tai nạn trên con đường này.

Tất cả vẫn chỉ là phỏng đoán của tôi.

Chiếc xe van cuối cùng đã biến mất, nhưng chiếc xe con này tiếp tục đi một quãng khá xa nữa. Cuối cùng họ dừng lại ở một quán ăn, chỉ cho tôi đường đi Shashemene rồi biến mất. Tại sao họ lại nghĩ rằng tôi muốn đi Shashemene nhỉ? Một chiếc xe NGO dừng lại hỏi:

- Cháu đi đâu đấy?

- Cháu đi Awassa. Nhưng bác đi đâu đấy?

- Bác cũng đi Awassa, nhưng đây là xe của tổ chức nên bác chỉ cho cháu đi nhờ được khoảng bốn mươi đến năm mươi kilômét thôi, chứ không được phép chở cháu đến tận Awassa.

- Bốn mươi đến năm mươi kilômét cũng được ạ.

Tuy nhiên, người lái xe vẫn lắc đầu rồi phóng đi tiếp.

Hôm nay thật nhiều chuyện kỳ cục.

Cuối cùng tôi cũng đi nhờ xe được với ba bố con đang trên đường đến hồ Langano, nơi cả gia đình họ nghỉ lễ.

- Chú rẽ trái vào hồ, để lại cháu ở giữa đồng không mông quạnh – Người lái xe ngập ngừng nói với tôi.

- Dạ không sao ạ.

- Nó thật sự là đồng không mông quạnh. À, thậm chí nó còn chẳng là đồng mà chỉ là sa mạc. Chẳng có xe nào đi qua cho em đi nhờ đâu – Cậu con trai cố gắng thuyết phục tôi.

- Không đến nỗi là đồng không mông quạnh đâu. Em biết con đường này mà.

Tôi có một cuộc nói chuyện khá thú vị với ba bố con nhà này. Họ rất thích thú với ý tưởng đi nhờ xe dọc châu Phi của tôi. Họ mời tôi đến nghỉ cùng gia đình họ, thứ sáu cả nhà họ sẽ lái xe đi Awassa nhưng tôi lịch sự từ chối.

Tôi nhanh chóng đi nhờ xe được một cặp vợ chồng trẻ và đưa con thơ của họ đến Shashemene. Trời lúc đó đã gần tối, họ hỏi tôi có muốn nghỉ qua đêm ở nhà họ không. Nhưng tôi thực sự rất muốn đến Awassa. Tôi thèm kinh khủng món cá rán Awassa. Tôi cũng muốn gặp lại Mergia và tụi trẻ con ở Negat Children's Home. Đây là trại trẻ mồ côi lần trước đến Awassa tôi tình cờ ghé thăm sau khi gặp hai bạn tình nguyện viên ở đó. Shashemene cách Awassa chỉ mười lăm kilômét.

Một chiếc xe đắt tiền với bốn cậu thanh niên dừng lại cho tôi đi nhờ. Nhưng họ chỉ đang đi long vòng thôi. Họ để tôi lại bên xe buýt.

- Ôi không, em không đi xe buýt.

- Tại sao không?

- Vì em không muốn.

Họ bàn bạc với nhau điều gì đó rồi anh chàng lái xe tuyên bố:

- Được rồi, bọn anh sẽ đưa em đến Awassa.

- Mọi người có việc ở Awassa ạ?

- Không, bọn anh sẽ đưa em đến đấy rồi mình sẽ đi chơi.

Tôi cố gắng giải thích với họ rằng tôi không muốn đi chơi, rằng tôi phải đến thăm trại trẻ mồ côi, nhưng chẳng ai nói được chừng đầy tiếng Anh cả. Khi họ hiểu ra thì chúng tôi đã đi được nửa đường rồi. Mặc dù rất thất vọng, họ vẫn đưa tôi đến tận Negat Children's Home

Tôi gõ cửa và ngạc nhiên hết sức khi thấy lũ trẻ í ới gọi tên mình, thay phiên nhau chạy đến ôm chầm lấy tôi. Mergia, quản lý trại trẻ mồ côi, cũng vui hết sức khi thấy tôi đến. Anh dẫn tôi đi ăn món cá rán nổi tiếng và món bơ đỏ đậm huyền thoại của Awassa. Cả ngày không ăn gì, tự nhiên ăn nhiều quá khiến tôi có cảm giác như mình sắp chết vì bội thực. Mergia vừa nhìn tôi ăn uống say sưa vừa cười thích thú:

- Chào mừng em trở về nhà.

Ngày hôm sau, tôi tỉnh dậy lòng vui phơi phới. Đến lúc đó, tôi đã biết chắc rằng quyết định ra đi của mình là đúng đắn. Nếu như vẫn còn ở Addis, tôi sẽ vẫn chỉ đi chơi loanh quanh mấy chỗ quen thuộc. Không có rủi ro nhưng cũng không có hứng khởi. Bây giờ tôi có hẳn những bốn trăm tám mươi bảy kilômét phía trước để tha hồ khám phá. Mergia đi bộ cùng tôi ra đến con đường chính.

[©STENT](#)

- Gặp lại em sau nhé!

- Yeah, gặp lại anh sau.

Tôi đi nhờ ba loại xe khác nhau, mỗi xe chở tôi đi được khoảng hai mươi kilômét. Đường ở đây nghèo nàn và khó đoán. Tôi cứ nghĩ mình phải đi được ít nhất một trăm năm mươi kilômét nhưng thực tế chỉ đi được chưa đầy chín mươi kilômét. Với tốc độ đó, chắc phải ba ngày nữa tôi mới đến được Moyale.

Càng đi xuống phía Nam, xe cộ càng ít. Mười phút may ra mới có một xe đi qua, và hầu hết đều đi những quãng rất ngắn. Tôi phải đi bộ rất nhiều và thu hút rất nhiều sự chú ý không cần thiết từ những người dân mà có lẽ thú vui duy nhất trong suốt cả năm của họ là nhìn thấy một con bé faranji vừa đi vừa hát hò inh ỏi trên đường. Tôi bắt được một chiếc xe tải và ngay lập tức lăn quay ra ngủ. Tỉnh dậy, chiếc xe đã dừng lại từ lúc nào. Động cơ hỏng, bác lái xe thì đang cố gắng tìm cách sửa. Trên đường chẳng có bóng dáng xe nào qua lại. Tôi lại ngủ tiếp, tỉnh dậy vẫn thấy xe đang dừng và chẳng có hy vọng nào để sửa được nó sớm. Tôi cứ ngồi trơ ra giữa đường, kiên nhẫn đợi xem có chiếc xe nào đi qua không. Cuối cùng, một chiếc xe chở nội thất đã cho tôi quá giang đến Haggae Mariam, một thị trấn nhỏ cách biên giới khoảng một trăm tám mươi kilômét. Trời đã bắt đầu tối. Tôi không còn cách nào khác là ngủ lại qua đêm ở khách sạn duy nhất ở đó.

Sau khi đã sắp xếp được chỗ ở, tôi bắt đầu nhiệm vụ bất khả thi. Tôi sẽ phải mua visa Kenya ở biên giới bằng đô la, trong khi tất cả những gì tôi có là tiền birr. Ở Ethiopia, bạn không bao giờ có thể mua đầu được tiền đô ngoài Addis Ababa. Ngân hàng chỉ mua đô chứ không bán. Một người đàn ông hứa sẽ dẫn tôi đến chỗ có thể mua đô. Tôi hẹn sẽ đi với ông sau bữa tối. Nhưng khi tôi đi qua cửa khách sạn, cô bạn lễ tân xinh xắn túm lấy tôi, thì thầm:

- Này, hấn ta có làm gì ấy không?

- Không. Ông ấy chỉ hứa sẽ dẫn mình đi mua đồ thôi.

- Đừng có mà đi. Hấn không phải là người tốt đâu. Tụi mình ở đây, tụi mình biết – Mấy cô bạn khác cùng làm ở khách sạn nghe thấy thế gật đầu lấy gật đầu để.

- Nhưng ông ấy có vẻ khá tốt với mình.

- Hấn ta nói với tất cả mọi người rằng ấy hôn hấn ta.

Linh cảm chuyện chẳng lành, tôi cảm ơn cô bạn rồi quyết định từ bỏ việc mua đồ. Thôi kệ, cứ đến biên giới đã rồi tính.

Hôm sau, tôi dậy thật sớm. Đường vắng tanh vắng ngắt, không hề có bóng dáng xe cộ đi lại. Tôi buộc phải đi xe buýt. Đứng cạnh tôi là một người đàn ông trung niên khoác áo da nâu, đội mũ kiêu Anh. Phong thái ông khác biệt hẳn so với những người khác trên xe buýt. Khuôn mặt ông sắc nét, lông mày rậm, đôi mắt sâu, da nâu bóng đã chuyển sang màu đồng khỏe khoắn. Ông bắm một tay vào thanh ngang, một tay đút vào túi quần. Tôi cứ hình dung là chỉ cần có thêm một điều xì gà nữa thôi là nhìn ông sẽ không khác một ông trùm mafia trong các bộ phim Hollywood. Tò mò không chịu được nữa, tôi hỏi:

- Bác đi đâu đấy ạ?

- À, bác đến thăm mộ ở Yabello – Tiếng Anh của ông phải nói là hoàn hảo.

- Mộ?

- Đúng rồi. Mộ đá quý.

Và tôi có một cuộc hội thoại vô cùng thú vị về tìm kiếm và buôn bán đá quý. Đào vàng, đào đá quý luôn là một chủ đề đầy bí ẩn, mê hoặc với tôi. Trong suốt lịch sử, nó đã khiến không biết bao nhiêu người bỏ nhà, bỏ cửa để đào hố dưới lòng đất rồi tự chôn mình, không bao giờ trở về nữa. Tự nhiên, tôi muốn được biết về công việc này quá.

- Cháu có thể làm việc ở mộ đá của bác không ạ?

- Haha quý cô nương, nhìn tay cháu xem. Liệu cháu có thể cầm được một cái cuốc không?

- Dĩ nhiên là có chứ ạ. Trả cháu ít tiền hơn nếu bác nghĩ cháu không làm được nhiều việc như

những người khác, nhưng trả cháu nhiều hơn nếu như cháu tìm được cái gì đó.

- Bây giờ đang là mùa khô, không có nước để các mỏ hoạt động nên cháu sẽ phải đợi. Nhưng tại sao cháu lại muốn đi đào mỏ? Cháu không có tiền à?

- Bác có thể nói như thế.

- Bác phải xuống ở đây rồi. Email cho bác địa chỉ của cháu khi cháu ổn định. Bác sẽ gửi cho cháu một món quà.

Sau đó, tôi phát hiện ra bác đã trả tiền vé xe buýt cho tôi. Bác đưa tôi card của bác, nhưng tôi chưa bao giờ gửi mail. Có lẽ tôi nên gửi nhỉ, chỉ để cảm ơn thôi.

16. Con đường nguy hiểm nhất châu Phi

Cả thị trấn bao quanh bởi một con đường bụi bặm với một chợ trời lúc nào cũng đông đúc, một trạm xăng, một nhà thờ và một đền thờ Hồi giáo. Những thị trấn biên giới luôn mang lại cho tôi những cảm xúc đặc biệt. Những thị trấn này không bao giờ hiện đại, cũng không bao giờ lạc hậu. Không bao giờ có thị trấn nào giống thị trấn nào, bởi mỗi thị trấn lại là sản phẩm kỳ lạ của sự pha trộn hoàn hảo giữa hai nền văn hóa riêng biệt, hai tộc người, hai ngôn ngữ. Những thị trấn biên giới có lẽ là nơi duy nhất thực sự không biên giới, khi mà tất cả những sự khác biệt đều được chào đón thay vì bị chối bỏ. Không từ ngữ nào có thể diễn tả cảm xúc khi bạn nhìn thấy tám biển chào đón bạn đến với một quốc gia mới, khi bước chân bạn lần đầu tiên chạm lên lãnh thổ quốc gia đó.

Thứ duy nhất tôi không thích ở biên giới có lẽ là đổi tiền. Tôi cố gắng tìm một tiệm internet chỉ để lên mạng xem tỷ giá, nhưng chẳng thứ gì hoạt động ở đây cả. Tôi tiếp cận một người đàn ông mặc vest đen trịnh trọng, hy vọng ông biết tỷ giá.

- Cháu cần đổi tiền à? Lại đây, bác sẽ đưa cháu sang ngân hàng Kenya.

- Ở bên kia biên giới á? Không được, cháu không mua được visa Kenya bây giờ, cháu không có tiền đô.

- Đừng lo, cứ đi theo bác.

Khi tôi lên xe ông, tôi nhận ra rằng đây là xe của chính phủ Kenya. Người đàn ông này chính là thị trưởng tương lai của Moyale. Khi tôi đi cùng ông, chẳng ai hỏi han tôi gì về visa cả. Ông đưa tôi đi đổi tiền, đưa tôi về lại Ethiopia để xin dấu xuất cảnh, rồi lại đưa tôi sang Kenya để lấy visa. Tỷ giá tệ đến mức sau khi trả năm mươi đô cho visa, tôi còn đúng bốn trăm Tsh (*Kenya shilling, đơn vị tiền tệ của Kenya, tương đương bốn đô*) trong túi. Vị thị trưởng tương lai này giúp tôi tìm nhà nghỉ rẻ nhất có thể, một phòng khoảng ba mét vuông với chỉ độc cái giường đơn. “Nó sạch sẽ, an toàn và chỉ hai đô một đêm”, ông bảo tôi. Ông giúp tôi trả tiền phòng.

Nguồn ebook: <https://www.luv-ebook.com>

Moyale của Kenya khác hoàn toàn với Moyale của Ethiopia. Người dân ở đây gọi tôi là “mzungu” thay vì “faranji”, và không ai bắt tôi trả giá đắt hơn chỉ vì tôi nhìn khác mọi người cả. Người Kenya nói tiếng Anh tốt hơn và ít làm phiền bạn hơn. Đất cát khô cằn, lều trắng, những cô gái với khăn bịt mặt màu đen và tiếng cầu nguyện ngân nga từ nhà thờ Hồi giáo khiến tôi cảm tưởng tôi đang quay ngược trở lại đầu đó trong sa mạc ở Ai Cập.

Moyale nhỏ và không có gì nhiều để xem. Tôi biết mình cần rời khỏi đây nhưng không biết bằng cách nào. Tôi không còn tiền để đi xe buýt, nhưng lại không đủ can đảm để đi nhờ xe. Quãng đường từ Moyale đến Isiolo được coi là một trong những con đường nguy hiểm nhất châu Phi. Tất cả phương tiện đi lại qua đây đều phải có bảo vệ với súng đi kèm. Asher, cách đây vài năm đã từng đi qua đây, gửi cho tôi một tin nhắn: “Ha, từ Addis đến Moyale thì dễ rồi. Bây giờ thử tìm đường đi Isiolo xem. Mà mà dám đi nhờ xe thì tao sẽ giết mày”.

Tình cờ, tôi gặp một anh chàng Trung quốc tên là Roger và đồng nghiệp của anh. Hai người rủ tôi đi cùng tour quảng cáo cho điện thoại. Chỉ để giết thời gian trong lúc suy nghĩ, tôi đồng ý. Sáng hôm sau, khi đợi hai người ở khách sạn của họ, tôi bắt chuyện với một người đàn ông đang dùng laptop cạnh tôi. Hóa ra người đàn ông này cũng đang trên đường đi Isiolo.

- Chú định đi bằng gì?
- Xe riêng.
- Khi nào chú đi?
- Khoảng một tiếng nữa.

Vậy là tôi chạy như bay về nhà nghỉ, gói ghém đồ đạc, gọi điện báo cho Roger rồi đi cùng người đàn ông mới quen. Xe riêng của ông thực ra là một chiếc xe jeep và ông không đi một mình. Có vài người đàn ông bấm trợn khấc ở trên xe, tôi đoán ít nhất một hai người phải có súng. Tôi ngồi phía sau xe, phần được bao phủ sơ sài bởi mấy tấm vải rằn ri. Ban đầu tôi thích lắm. Tôi rất thích ngồi ngoài để khí trời chạm vào da mặt. Nhưng tôi nhanh chóng nhận ra rằng đi trên đường trải nhựa và đi trên sa

mạc là hai cảm giác hoàn toàn khác nhau.

Tôi không thể đếm được bao nhiêu lần đầu mình đập bôm bốp vào thanh thép phía trên xe. Đây là thứ duy nhất tôi có thể bám vào được, và tôi bám vào đó với tất cả sức lực của mình, bởi nếu không thì tôi có thể bị văng ra khỏi xe bất cứ lúc nào. Trời nắng chang chang. Gió thổi lồng lộng. Cát cuộn tứ tung. Nắng, gió, cát cùng lúc đập vào mặt khiến tôi không thể thở được. Mũi tôi nê tóe máu, mắt tôi mờ cả, mặt tôi phủ dày một lớp bụi. Nhìn sang phía bên trái, tôi thấy một chiếc xe jeep khác đang đi song song cách chỗ tôi khoảng một trăm mét. Tự nhiên tôi nhận ra rằng ở đây chẳng có con đường nào cả. Tất cả chúng tôi đang đi theo những dấu vết mờ mịt trên cát ngang qua sa mạc.

Thỉnh thoảng, tôi thấy một khu vực giống rừng, nhưng nhìn cứ như là khu rừng già ma quái trong phim *Chúa tể của những chiếc nhẫn* vậy. Cây ở đó to như cây sồi, mỗi cây lại có hàng trăm cành lớn nhỏ tỏa ra mọi hướng như râu bạch tuộc. Không cây nào có lá nhưng vỏ cây lại nhiều màu rực rỡ quái dị: xanh lá cây, xanh da trời, vàng, đỏ. Tôi cứ nhìn chăm chăm vào chúng như một kẻ say thuốc nhìn vào những dòng điện kỳ quái trong Windows Media Player, cho đến khi một tiếng bốp và vết lõm to đùng trên đầu kéo tôi quay trở lại hiện tại. Tôi biết rằng mình đã quá may mắn khi đi gặp được người đàn ông ở khách sạn sáng nay. Giả sử tôi có đi nhờ xe qua đây, nếu không bị bắt cóc hay bị thổ phi làm thịt, có lẽ tôi cũng sẽ đi lạc đường mà chết.

[©STENT](#)

Tôi đến Isiolo lúc nửa đêm với chỉ hai trăm Tsh trong túi. Trước đó, tôi đã tiêu hết hai trăm vào ít đồ ăn và nước uống. Tôi tìm thấy một nhà nghỉ với giá sáu trăm Tsh. Tôi nói với chủ nhà nghỉ rằng tôi không cần phòng, ông có thể cho tôi ngủ ở sofa với giá hai trăm Tsh. Chắc lúc đó tôi nhìn phải kinh khủng lắm. Quảng đường đi qua sa mạc đã hoàn toàn vắt kiệt sức lực của tôi. Ông nhìn tôi thương cảm rồi đồng ý cho tôi một phòng với tất cả số tiền tôi có.

Tôi rửa ráy qua loa rồi đi ngủ. Tôi không còn tiền nhưng thấy hạnh phúc hơn bao giờ hết. Tôi vừa đi qua một trong những con đường nguy hiểm nhất châu Phi, an toàn và nguyên vẹn. Bây giờ không gì có thể ngăn tôi đến Nairobi được nữa. Một niềm tin sắt đá cho tôi biết rằng mình có thể đến Nairobi trước ngày 19 tháng 9 – sinh nhật lần thứ hai mươi một của tôi.

17. Nếu bạn sống được thì tôi cũng sống được

Đúng như những gì tôi nghĩ, quảng đường từ Isiolo đến Nairobi đơn giản, tôi đi nhờ xe mà không gặp vấn đề gì. Meme, người cho tôi đi nhờ đã đưa tôi đến tận khách sạn nơi tôi hẹn gặp Mwega, người sáng lập Karika, tổ chức tôi chuẩn bị xin làm tình nguyện.

Tôi biến đến Karika một cách ngẫu nhiên và tình cờ (*viết đến đây, tự nhiên tôi nhận ra rằng tất cả các cuộc gặp gỡ của tôi đều diễn ra ngẫu nhiên và tình cờ. Nhưng chẳng phải đó là cách cuộc sống vận hành hay sao: ngẫu nhiên và tình cờ?*). Free Hugs Vietnam làm việc với một tổ chức phi chính phủ của Mỹ tên là HOW. Sáng lập viên của HOW là cô Hillary có một đối tác ở Ireland tên là Niamh. Khi tôi bắt đầu chuyến đi của mình, Hillary nhờ rất nhiều bạn bè của cô giúp đỡ tôi, và Niamh giới thiệu tôi với Karika. Nói một cách ngắn gọn, Karika đã cứu sống tôi khi tôi mới đến Nairobi.

Mwega và thư ký của Karika, Violet, đón tôi ở khách sạn Hilton. Tôi đến Nairobi chỉ mấy tiếng trước sinh nhật, không có một xu dính túi. Người tôi lâng lâng như bay vậy. Tất cả những gì tôi muốn bây giờ là tắm, ăn và không gì có thể khiến tôi phật lòng được.

Tôi được sắp xếp ở nhà Violet. Chị sống trong một khu ổ chuột tên là Kawangware với hai con trai: Kale, mười lăm tuổi và Hamfari, mười một tuổi (*ban đầu tôi cứ nghĩ tên cậu bé là "I'm free" mới chết chứ*). Căn phòng chín mét vuông được chia tách thành hai với một tấm vách, phía bên ngoài là phòng khách kiêm phòng ăn, phía bên trong là phòng ngủ kiêm bếp. Phòng khách có một bộ sofa nhỏ và một TV từ những năm 90. Phòng ngủ có giường tầng cho hai cậu con trai và một giường đơn cho Violet. Khi tôi ở đây, Kale ngủ ngoài phòng khách nhường chỗ của cậu cho tôi.

Sau năm ngày lang bạt trên đường, người tôi phủ một lớp bụi dày phải đến năm centimet và tỏa ra một mùi như mùi gạo ngâm. Không có gì tôi mong ước hơn lúc này là được tắm. Tôi nhìn xung quanh tìm dấu hiệu của nhà tắm nhưng chẳng thấy gì. Một tiếng sau vẫn chẳng thấy ai nhắc gì đến tắm rửa. Không chờ đợi thêm được nữa, tôi bèn lên xin phép dùng nhà vệ sinh.

Violet đang cười nói vui vẻ bỗng nhiên im bật. Chị đưa đèn pin cho Kale bảo cậu bé chỉ tôi nhà vệ sinh. Đây là một nhà vệ sinh truyền thống của châu Phi, dùng chung bởi khoảng một tá gia đình. Cạnh đó là một phòng nhỏ mà tôi đoán là nhà tắm. Giờ tôi đã hiểu tại sao không ai bảo tôi đi tắm. Tắm giờ này là điều không thể: không điện, không nước.

Không có gì để làm, tôi đành leo lên giường đi ngủ sau khi đã cẩn thận lau sạch da mình với giấy ăn để bụi khỏi rơi ra giường. Sáng hôm sau, tôi bị đánh thức bởi mùi ga nồng nặc. Violet đang đun trà. Thấy tôi ngồi trên giường, chị ân cần hỏi:

- Em có muốn tắm không?

- Một ngàn lần CÓ.

Chị mỉm cười, đưa tôi cái xô với khoảng năm lít nước!

Tại sao tôi lại quên mất là mình đang ở châu Phi nhỉ? Ở đây không có nước để mà lãng phí. Nước chỉ đến một tuần một lần, Violet phải dự trữ nước trong hai thùng lớn ở góc phòng khách. Tôi xin thêm một ít nước nữa để gội đầu, hứa với chị rằng ngày mai tôi sẽ không tắm.

Sau bữa sáng với trà sữa và mandazi (*bánh mì rán giòn ngọt*), Mwega và Violet dẫn tôi đến nơi làm việc. Karika là viết tắt của Kenyan Aged people Require Information, Knowledge and Advancement, nghĩa là “người cao tuổi Kenya cần có thông tin, tri thức và sự tiến bộ”. Tổ chức này thành lập để tư vấn và hỗ trợ người cao tuổi cả về mặt thông tin lẫn tài chính. Việc của tôi là hướng dẫn ban quản lý dùng máy tính nhưng “văn phòng” lại không có điện nên phần lớn thời gian, tôi chỉ tha thẩn trong lớp học. Thời điểm đó, Karika đang dạy làm đồ thủ công mỹ nghệ cho khoảng hai tá thanh niên không có điều kiện đi học đại học. Mọi người hỏi tôi bao nhiêu tuổi.

[©STENT](#)

- Hôm nay mình vừa tròn hai mươi mốt.

- Thật hả? Hôm nay là sinh nhật ấy hả? Ấy mua bánh kem mời bọn tớ nhé!

Ôi trời ạ, thậm chí tôi còn không có tiền mua bánh cho mình. Ngại quá, tôi chuyển chủ đề. Mọi người hỏi tôi làm gì ở Kenya và tôi bảo rằng tôi đang muốn đi dọc châu Phi.

- Wow, ấy giàu thế.

- Không, không phải ai đi du lịch cũng giàu. Sự thực là mình đi với rất ít tiền.

- Thế ấy mua vé máy bay bằng cách nào?

- Tớ không bay. Tớ đi chủ yếu bằng đường bộ, đi nhờ xe.

- Còn ngủ thì sao?

- Mình dùng CouchSurfing. Ý mình là mình xin ở nhờ nhà người địa phương.

- Ấy đùa bọn tớ đấy hả? Chip này, nếu ấy không muốn mua bánh cho bọn tớ thì thôi, đừng có nói dối bọn tớ như thế.

Tủi thân, tôi cười nhạt rồi bỏ đi. Không thể trách họ được. Hàng trăm năm đô hộ bởi người da trắng đã ảnh hưởng sâu sắc đến nhận thức của người châu Phi cho đến tận ngày hôm nay: người dân nơi đây tin rằng tất cả người da trắng đều là túi tiền di động (*tôi cũng được coi là da trắng*). Những vị khách du lịch tiêu tiền như rác và các tổ chức phi chính phủ nước ngoài thì nhau đổ tiền vào đây

không giúp cho tình trạng khá hơn. Buồn buồn, tôi sang tòa nhà gần đây cầu trộm wifi và ngay lập tức cảm thấy đời tươi đẹp trở lại khi một người bạn mà bạn tôi giới thiệu mời tôi đến ăn tối để mừng sinh nhật. Mwega không cho tôi đi. Nairobi, đặc biệt là Kawangware, không phải là nơi an toàn để tôi đi lại một mình vào buổi tối.

- Hơn nữa Violet đã nấu ăn cho cháu rồi. Chị ấy sẽ rất buồn nếu cháu không ăn.

Và chúng tôi về nhà ăn bữa tối sinh nhật. Violet nấu ugali (*đồ ăn chính của Kenya, làm từ bột ngô nấu trong nước thành một thứ gì đó nửa giống như cháo, nửa giống như bánh, không mùi không vị*) và bắp cải, giống hệt như tối qua. Tự nhiên, tôi cảm thấy như tim mình vỡ ra thành trăm ngàn mảnh. Tôi hiểu đề có được đồ ăn trên bàn mỗi tối với họ không phải là điều dễ dàng gì, và tôi cảm thấy vô cùng tội lỗi khi mình không những không giúp được gì mà còn góp thêm gánh nặng một miếng ăn. Tôi ăn vội cho xong rồi leo lên giường. Tôi không muốn khóc, những nước mắt cứ ứa ra. Tôi cắn chặt lấy ngón tay để khóc không thành tiếng. “Ôi Chip, mày nhận được những gì mày xứng đáng. Ai thêm đề ý đến mày hả? Hàng triệu người ngoài kia thậm chí còn không biết bố mẹ mình là ai, nói gì đến ngày sinh. Nếu mày nghĩ mày xứng đáng nhận được nhiều hơn, hãy chiến đấu mà giành lấy nó. Không ai có trách nhiệm phải làm cho mày vui cả”. Một cảm giác cô đơn hơn bao giờ hết nuốt chửng lấy tôi. Tôi nhớ nhà, nhớ bạn bè. Tôi thuyết phục bản thân rằng ngay khi tôi rút được tiền từ paypal, tôi sẽ thuê nhà ra ở riêng. Cuộc sống ở đây thực sự quá khắc nghiệt.

Nhưng rồi sáng hôm sau khi thức dậy với mùi ga nồng nặc quen thuộc, nụ cười rạng rỡ của Violet và hai cậu bé khiến tôi cảm thấy mình thật yếu đuối. Tôi mới ở đây có một đêm mà đã khóc hết nước mắt, trong khi họ đã ở đây hàng năm trời và vẫn nghĩ rằng không có nơi nào tuyệt vời hơn nhà. Hoàn cảnh không định nghĩa con người bạn, mà là cách bạn phản ứng với nó. Và hiển nhiên, những người đang sống ở khu ổ chuột này có cách phản ứng tốt hơn tôi. Tôi tự thấy xấu hổ với bản thân mình. Nếu họ có thể sống được, tôi cũng có thể sống được. Tôi sẽ làm quen với cuộc sống không điện không nước ở đây, làm quen với nhà vệ sinh lúc nhúc toàn giới bọ. Tôi sẽ làm cho tụi học sinh ở Karika hiểu được rằng bạn không cần phải là một túi tiền di động để có thể đi khắp nơi. Tôi sẽ dạy Violet sử dụng máy tính. Và tôi sẽ học tiếng Swahili để có thể hiểu con người nơi đây.

Thử thách được chấp nhận!

18. Denis

Người ta nói học một ngôn ngữ cũng như yêu một con người vậy, cả hai cần phải có duyên có số. Nếu như trước đây, tôi cảm thấy ghen tị với Asaf vì có thể nói tiếng Amheric trong thời gian ngắn như thế thì bây giờ, tôi nhận ra rằng mình cũng có thể làm như vậy với tiếng Swahili. Tiếng Swahili với tôi có một sức hút kỳ lạ. Ngôn ngữ này là một sự kết hợp ma quái của tiếng Ả Rập và tiếng Bantu, pha

trộn hoàn hảo giữa sự bí hiểm của Trung Đông với sự hoang dã của lục địa đen. Cũng như khi bạn yêu một người, bạn nhớ tất cả những thứ về người đó; khi tôi học tiếng Swahili, tôi có thể nhớ tất cả từ mới, ngữ pháp sau khi chỉ nghe qua vài lần. Sau vài ngày, tôi đã có thể lắp ghép một câu hoàn chỉnh. Sau một tuần, tôi đã có thể duy trì một cuộc nói chuyện đơn giản. Cả Violet và Mwega đều hết sức ngạc nhiên vì sự tiến bộ của tôi. Các cụ ông cụ bà ở Karika thì khỏi phải nói quý tôi như thế nào. Mọi người cứ luôn miệng gọi tôi để nghe tôi bập bẹ tiếng Swahili. Các cụ không ai biết nói tiếng Anh.

Để tiến bộ nhanh hơn, tôi nghĩ đến chuyện đi học ở trung tâm. Ở tòa nhà nơi tôi hay đến câu trộm wifi có một trung tâm dạy tiếng. Tôi gặp Denis, giám đốc trung tâm đó. Anh chàng trẻ măng, hơn tôi có ba tuổi, nói tiếng Anh với giọng Mỹ cực chuẩn. Tôi thắc mắc thì được biết hóa ra anh chàng hồi nhỏ sống ở Mỹ. Không chỉ thế, anh còn có thể nói tiếng Tây Ban Nha, tiếng Ý. Chúng tôi nói chuyện khá hợp.

- Mà này, anh có tuyển người không? Em không cần được trả lương, anh chỉ cần cho em học tiếng Swahili miễn phí.

- Em gửi CV cho anh xem sao.

Tôi gửi cho anh CV của mình. Anh bảo anh cần tôi giúp làm marketing. Vậy là mọi chuyện được sắp xếp; tôi sẽ học ở đây tuần ba buổi, đổi lại tôi sẽ làm cho anh tuần ba buổi.

Thầy giáo đầu tiên nói ngọng “l” với “r”, “v” với “b” làm tôi lúng túng vì tra từ điển mãi không ra. Tôi yêu cầu đổi. Thầy giáo thứ hai là một sinh viên trẻ măng. Tất cả những gì cậu làm là đọc từ trong sách ra cho tôi chép. Tôi lại yêu cầu đổi. Thầy giáo thứ ba thì cứ khẳng khẳng với tôi rằng tiếng Swahili là do người Đức phát minh, chính vì thế mà ở châu Âu đến bây giờ có nhiều chương trình radio tiếng Swahili. Tôi đứng dậy cãi liền bị thầy quắc mắt chửi: “Học trò kiểu gì mà lại láo toét, dám cãi thầy như thế hả?”.

Nản, tôi quyết định không đi học ở trung tâm nữa mà tự mua sách học ở nhà. Tuy nhiên, Denis và tôi vẫn tiếp tục chơi với nhau. Khi biết tôi đang ở khu ổ chuột, anh bảo anh đang ở một mình trong một căn hộ hai phòng ngủ, tôi có thể thuê phòng còn lại với giá rẻ. Ban đầu tôi nhận lời, nhưng rồi cuối cùng quyết định thử sống cuộc sống của gia đình Violet nên từ chối.

©STENT: <http://www.luv-ebook.com>

Sau khi trở về từ Naivasha, tôi gọi điện rủ Denis đi chơi nhưng không thấy ai bắt máy. Tôi đến trung tâm thì thấy đóng cửa. Tôi liền post lên facebook của anh, trách móc tại sao anh tảng lờ tôi. Một người bạn của anh đọc được nên đã gửi tin nhắn cho tôi.

- Em là bạn của Denis à?

- Vàng a.
- Em không biết chuyện gì xảy ra với cậu ấy sao?
- Chuyện gì ạ? – Tôi ngơ ngác, linh cảm chuyện chẳng lành.
- Nhà Denis bị trộm tấn công. Denis mất rồi.

Phải mất năm phút tôi mới định thần lại được.

Đến tận bây giờ, tôi vẫn không thể ngưng dằn vặt bản thân. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu như tôi chuyển đến ở với Denis: liệu tôi có thể cứu anh hay tôi cũng đã bị giết? Cuộc sống quả thực quá sức ngẫu nhiên và khó đoán. Một quyết định dù nhỏ nhất thôi cũng có thể làm thay đổi số phận một con người.

19. Sống chung với AIDS

Ở Kenya có một tổ chức chính phủ duy nhất hoạt động vô cùng tích cực và hiệu quả, tên là NACC, viết tắt của National AIDS Control Council – Hội đồng Kiểm soát AIDS Quốc gia. Mặc dù so với các nước láng giềng, tình hình HIV của Kenya sáng sủa hơn hẳn nhưng so với mặt bằng chung trên thế giới thì vẫn vô cùng u ám. Những năm 90, tỉ lệ nhiễm HIV ở người lớn lên đến 10%, nhưng những năm gần đây, nhờ vào những nỗ lực của chính phủ mà cụ thể là NACC, con số này đã rơi xuống mức 6.2%.

Lúc bấy giờ, NACC có tổ chức một hội chợ ba ngày để tuyên truyền phòng chống HIV/AIDS. NACC mời tất cả các trung tâm hoạt động xã hội liên quan đến AIDS đến mở gian hàng vừa để tiếp cận quần chúng, vừa để bán đồ gây quỹ. Karika cũng tham gia với một gian hàng bán đồ nữ trang từ giấy báo mà suốt mấy tuần vừa rồi chúng tôi hì hục làm. Thật sự tôi chưa thấy ở đâu mà người ta tận dụng đồ bỏ đi tốt như ở châu Phi. Có lẽ chính vì nghèo nên không có thứ gì bị bỏ phí bao giờ cả, tất cả đều có thể tái chế. Dưới bàn tay tỉ mỉ của họ, những tờ giấy báo thông thường bỗng chốc biến thành những chiếc vòng cổ lộng lẫy mà nhìn qua không ai có thể đoán được là làm từ giấy báo. Tại sao một thứ hay như vậy mà chưa có ai làm ở Việt Nam nhỉ? Tôi quyết tâm học nghề để về nhà truyền lại cho mấy đứa nhỏ Free Hugs Vietnam.

Hội chợ phải đến cả trăm gian hàng từ đủ các thể loại tổ chức nhưng đều có cùng một thông điệp: phòng chống HIV/AIDS. Ở đây cũng có rất nhiều trung tâm kiểm tra HIV với thông điệp kêu gọi rất khẩn thiết. Chưa đi kiểm tra HIV bao giờ, tôi tò mò cũng đi thử một lần cho biết.

Phương pháp kiểm tra khá đơn giản. Bác sĩ chọc kim vào đầu ngón tay bạn lấy ít máu rồi chờ nó

hiện lên dương tính hay âm tính. Trong lúc chờ đợi, vị bác sĩ trẻ ân cần hỏi tôi:

- Nếu bây giờ biết mình dương tính, em sẽ làm gì.

Tôi phì cười:

- Không có chuyện đó đâu.

- Rất nhiều người cũng nghĩ như em, cho đến khi nhìn thấy kết quả.

- Nhưng từ trước tới giờ em chưa thấy mình ở trong hoàn cảnh nào để có thể bị HIV cả.

- Chắc không? Em đã bao giờ bị tai nạn để máu của người khác vương vào vết thương hở của em? Em đã bao giờ hôn mà chẳng may lợi em chảy máu cùng lúc với lợi người kia chảy máu? Em đã bao giờ quan hệ tình dục? Bao cao su không an toàn 100% nhé.

Tôi có thể cảm thấy sức nặng của ánh mắt anh đặt lên tôi. Gương mặt anh không có vẻ gì là đùa cợt. Tự nhiên, tôi thấy sợ. Hồi ở Việt Nam, tôi cũng đã nghe nhiều đến HIV, nhưng lúc đó cảm giác như nó vẫn là một cái gì đó xa xôi lắm, chẳng liên quan đến mình. Chưa bao giờ tôi thấy HIV gần với mình như thế. Đúng như các cụ nhà ta nói: bói ra ma, quét nhà ra rác. Bình thường không động đến thì thôi, hễ đi khám là thế nào cũng cảm giác như mình có bệnh. Mười phút chờ đợi là mười phút dài nhất thế kỷ.

- Thông thường khi phát hiện ra mình bị nhiễm HIV, người ta phản ứng sao hả anh?

- Có người thì phủ nhận, khẳng định rằng kết quả là sai. Có người thì chẳng quan tâm. Có người thì tru lên khóc. Có người thì muốn tự tử. Nhưng em phải nhớ rằng cho dù mình có bị nhiễm HIV thì đó cũng không phải tận thế. Ở Kenya, em có thể được nhận ARV, thuốc ngăn chặn sự phát triển của virus HIV miễn phí.

Hôm đấy về nhà, tôi kể với Violet và những người tôi quen về trải nghiệm lần đầu tiên xét nghiệm HIV của mình. Suy nghĩ của tôi lúc đấy là nếu ai đó nói với bạn rằng họ vừa đi thi về, logic đơn giản là bạn sẽ hỏi người ta kết quả thế nào. Nhưng chẳng ai hỏi kết quả của tôi thế nào cả. Tôi thắc mắc với Violet thì chị nhìn tôi như người ngoài hành tinh:

- Nó là quyền riêng tư của mỗi người. Không phải ai cũng muốn người khác biết mình bị HIV.

Tôi giật mình chợt nhận ra rằng tôi có thắc mắc như thế bởi từ trước đến giờ tôi chưa bao giờ cân nhắc khả năng mình bị nhiễm HIV, trong khi với mọi người nơi đây thì đó là một mối đe dọa thật sự. Ai cũng biết ít nhất một người nào đó nhiễm HIV, trong nhà ai cũng có ít nhất một người chết vì HIV.

Liệu xung quanh tôi có ai bị HIV hay không?

[©S?T?E?N?T](#)

Nhưng rồi tôi lại nghĩ, câu hỏi quan trọng hơn là khi biết người ta nhiễm HIV, liệu tôi có thực sự chấp nhận điều đó không? Liệu tôi có sẵn sàng ở chung dưới một mái nhà với người đó? Hay nếu người đó là một chàng trai, liệu tôi có dám yêu?

Ở một đất nước mà cứ một trăm người thì có sáu người nhiễm HIV, tức là trong một lớp học khoảng ba mươi, bốn mươi người thế nào cũng có hai đến ba người dương tính, thì ở khu Kawangware, trung tâm của xã hội đen và mại dâm, tỉ lệ đó còn cao hơn nhiều.

20. Chiến dịch chim hồng hạc

Khi đi nhờ xe từ Isiolo lên Nairobi, tôi cầm tờ báo ở trên xe lên đọc và ngay lập tức bị hút hồn bởi ảnh hàng trăm ngàn con hồng hạc duyên dáng nhuộm đỏ mặt hồ.

- Cháu muốn xem cảnh này – Tôi nói với người lái xe.

- Hồ Nakuru đây, cách Nairobi ba tiếng lái xe thôi. Nhưng đi nhờ xe như cháu thế này thì không có tiền đi đâu. Đây là vườn quốc gia, vé vào cổng và vé thuê xe không rẻ.

Sau ba tuần tình nguyện ở Nairobi, tôi hết sức hơn hờ chuẩn bị cho chuyến trở lại đầu tiên của mình. Tôi kể với Asher về ước mơ chim hồng hạc.

- Đừng đến Nakuru. Ở đây đắt lắm, làm gì cũng phải theo tour. Đi Naivasha ý, nhiều động vật mà lại miễn phí. À, thực ra không miễn phí nhưng tao biết kiểu gì mà chả tìm cách lên vào được.

- Ở đây có hồng hạc không?

- Có. Khi tao ở đây, hồ Naivasha đỏ rực.

Naivasha nằm trên đường giữa Nairobi và Nakuru, đi nhờ xe đến đây mất gần hai tiếng. Người đầu tiên cho tôi đi nhờ đã tốt bụng dừng xe giữa lưng chừng đèo để tôi có thể ngắm toàn cảnh hoang mạc rộng mênh mông, chạy tít tắp đến tận chân trời với những ngọn núi hùng vĩ đứng gác hai bên. Người thứ hai là một tài xế xe tải. Khi phát hiện ra tôi có biết một ít tiếng Swahili, ông mừng đến mức

suýt nữa xin cưới tôi làm vợ.

Fredrik đón tôi trên con đường trung tâm thành phố, nơi tập trung tất cả các ngân hàng ở đây. Fredrik không phải là CouchSurfer, nhưng là anh trai của một CouchSurfer mà tôi quen. Fredrik làm việc ở một vườn hoa còn vợ anh là giáo viên. Hai người ở trọ trong một ngôi làng cách trung tâm thành phố mười lăm phút đi bộ. Khu nhà trọ này không khác gì những khu nhà trọ cho sinh viên thuê ở Việt Nam. Rộng khoảng sáu mét vuông, căn phòng được ngăn cách ở giữa thành hai phần bởi một tấm rèm. Phía bên trong kê một chiếc giường cho hai vợ chồng ngủ, phía ngoài là phòng khách kiêm phòng làm việc kiêm phòng ngủ cho khách (*là tôi*). Căn phòng tuy nhỏ nhưng khá đầy đủ tiện nghi.

Chỗ ngủ đã ổn định, chiến dịch chim hồng hạc bắt đầu. Tôi dĩ nhiên không biết đường đi ở đây, nhưng biết là mình phải đi về phía hồ Naivasha, cách thành phố khoảng hai mươi kilômét. Tôi đã đi nhờ xe ở Kenya khá nhiều. Bình thường đi nhờ xe rất dễ, nhưng không hiểu sao ở Naivasha lại khó đến thế. Rất nhiều xe qua lại trên đường nhưng không chiếc nào dừng lại cả. Sau gần một tiếng, một chiếc minivan với hàng rào chắn bảo vệ rất hoành tráng dừng lại. Đây là chiếc xe chở nhân viên y tế trên đường đi đến một bệnh viện di động, tôi không hiểu tại sao họ cần phải bảo vệ kỹ càng thế. Sau khi tra khảo tôi khoảng mười phút, cuối cùng họ cũng cho tôi lên ngồi phía sau.

- Hồ Naivasha rất lớn. Em muốn đi đến trại nào? (*Trại là nhà nghỉ và khu cắm trại cho khách du lịch ở quanh hồ*).

- Trại nào cũng được. Em chỉ muốn xem hồng hạc thôi.

- Anh không biết xem hồng hạc ở chỗ nào. Nhưng nếu em muốn xem động vật, bọn này có thể đưa em đến chỗ xem mà không phải trả vé vào vườn quốc gia. Đi đúng kiểu châu Phi.

[©S*T*E*N*T](#)

Họ rẽ trái vào một con hẻm nhỏ đi vào trong rừng. Hai bên đường là những cây hoa xương rồng cao với gai nhọn đầy đe dọa. Người dân ở đây gọi loài cây này là Jerusalem. Không ai giải thích được tại sao. Thỉnh thoảng, chúng tôi bắt gặp một người dân địa phương hồn nhiên đi chặt củi.

- Đi bộ ở đây rất nguy hiểm. Động vật có thể nhảy ra tấn công bất cứ lúc nào. Nhưng người châu Phi như tụi này thì chẳng sợ.

Ở đây có rất nhiều động vật: hươu cao cổ, ngựa vằn, wildebeest (*con này không biết dịch ra tiếng Việt là gì*),... Ban đầu, tôi thấy hơi sợ mấy chú hươu cao cổ to cao lực lưỡng, nhưng mọi người bảo tôi cứ đến gần vì hươu cao cổ là loại động vật rất hiền lành.

Ngược lại, những chú ngựa vằn nhìn có vẻ vô hại nhưng lại khá là hung hăng. Tôi suýt nữa bị ăn một cú đá hậu vì dám cả gan đến vuốt ve. Những người cho tôi đi nhờ cứ tùm tùm cười vì họ chưa bao

giờ thấy ai hào hứng xem ngựa vằn đến thế. “Ngựa vằn ở đây ai cũng nhìn chán rồi. Nó như lừa hoang ý mà”. “Ngựa vằn” tiếng Swahili là “punda milia” nghĩa là “lừa vằn”.

Bất chợt, tôi tắm tia thấy hàng trăm “wildebeest” đang nhón nhơ gặm cỏ cách đây khoảng vài trăm mét. Tôi chạy như bay đến để xem cho rõ, bỏ ngoài tai những lời cảnh báo của những người đi cùng về đám bụi gai trên mặt đất. Chỉ khi dừng lại, tôi mới nhận ra rằng chân tôi chỉ chít những quả gai to như hạt đỗ, chọc xuyên qua cả lớp quần bò. Những quả này có gai cong ở đầu, bám rất chắc. Nhỏ được chúng ra xong thì chân tôi đỏ tím tái, sưng vù, đau buốt.

Những nhân viên y tế này thả tôi cạnh hồ. Đây dường như là một điểm dã ngoại ưa thích của người dân địa phương. Khi tôi đến, một gia đình đang trải chiều nằm ngủ ngon lành ở dưới một tán cây. Một đôi trai gái đang cười lạc đà. Một vài người đàn ông cố gắng dụ dỗ tôi trả tiền cho một tour đi thuyền quanh hồ xem hà mã. “Giữa trưa nắng chang chang thế này đào đâu ra hà mã!”, tôi nghĩ thầm trong bụng, lịch sự từ chối. Tôi tìm cho mình một tảng đá dưới bóng cây ngay cạnh hồ ngồi ăn trưa. Từ sáng tới giờ tôi chưa ăn gì. Khung cảnh khiến cho bánh mì nguội và bơ lạc lỏm ăn ngon hơn hẳn. No đủ hạnh phúc, tôi tiếp tục lên đường, mặc dù vẫn chưa biết là sẽ đi đâu. Tôi quay trở lại con đường chính, vừa đi vừa hình dung mình sẽ làm gì nếu bây giờ một con sư tử nhảy ra tấn công hay một con rắn từ trên trời rơi xuống. Đang nghĩ lan man thì tự nhiên tôi nghe tiếng sột soạt từ bụi rậm. Tiếng bước chân nặng nề lao nhanh về phía tôi. Tim tôi đập mạnh, chân tôi tê cứng. Một đàn lợn rừng từ trong bụi rậm tiến ra, từng con từng con một đi qua ngay trước mặt tôi. Tôi không dám cử động, không dám thở vì sợ sẽ làm kích động chúng. Tôi không rõ lợn rừng lành hay dữ, nhưng nhìn cái sừng nhọn hoắt của chúng thì khỏi muốn thử luôn rồi.

Thật may, trước khi tai nạn đáng tiếc nào có thể xảy ra, tôi được một cặp vợ chồng trẻ tốt bụng, Solomon và Shobbana, cho lên xe đi nhờ. Shobbana là một nhiếp ảnh gia tự do người Ấn Độ. Năm ngoái, cô sang Kenya để chụp ảnh ở Kibera, khu ổ chuột lớn nhất châu Phi. Tại đây, cô gặp Solomon. Hai người yêu và cưới, một năm sau cô chuyển hẳn sang Kenya. Nghĩ mà thấy sợ. Thử tưởng tượng bạn đến một đất nước hoàn toàn xa lạ với ý định ở lại vài tuần để làm việc, thế rồi gặp một anh chàng trời ơi đất hỡi chẳng quen biết gì, thế nào lại yêu anh ta rồi ở hẳn lại nơi đó. Chẳng may ngày mai ra đường tôi gặp người như thế thì sao nhỉ? Mẹ tôi sẽ giết tôi mất.

©STENT: <http://www.luv-ebook.com>

Khi hai người cho tôi đi nhờ xe, chắc không ai ngờ rằng họ sẽ phải chăm lo cho tôi cả ngày hôm đó. Sau khi nghe tôi kể về chuyến đi của mình, chẳng biết ấn tượng thế nào, họ quyết định dẫn tôi đi xem hồ núi lửa. Trên đường đi, tôi tự nhiên phát hiện ra một dải màu hồng lấp ló sau rặng cây bên đường.

- CHIM HỒNG HẠC! – Tôi hét tướng lên.

Solomon quay xe lại tìm đường xuống bờ hồ. Hàng trăm ngàn con chim hồng hạc chen chúc nhau

đứng rửa lông rửa cánh bên hồ, không khác gì cảnh tượng tôi nhìn thấy trên tờ báo khi trước. Hí hửng, tôi định bụng phải chụp cho mình một tấm ảnh để đời. Nhưng ngay lập tức tôi nhận ra rằng trình của tôi còn lâu mới đủ. Hồng hạc là một loài chim rất nhát người. Để nghe tiếng chân đến gần là lập tức bay mất. Tôi chạy đuổi theo cả đàn từ đầu bên này sang bờ bên kia cố gắng kiếm một bức ảnh cận cảnh, cho đến khi cảm giác tội lỗi dâng trào và tôi quyết định để cho những chú chim tội nghiệp này yên. Cảnh tượng cứ như trong mơ. Thử tưởng tượng hàng trăm ngàn đôi cánh hồng mỏng manh đập cùng một lúc, rồi thử tưởng tượng vẻ hoành tráng nhân lên gấp đôi khi tất cả được phản chiếu trên mặt hồ long lanh gợn sóng. Tôi đứng đó ngẩn cả giờ liền, cho đến khi Solomon và Shobbana giục tôi lên đường đi tiếp trước khi trời tối.

Đã xem được chim hồng hạc rồi, tôi không còn mong muốn gì hơn nữa. Nhưng cặp vợ chồng tốt bụng này còn mua vé cho tôi vào xem hồ núi lửa, sau đó thiết đãi tôi một bữa tối thịnh soạn tại trại Rayfish Camp, rồi đưa tôi về tận thành phố, chỉ quay đầu đi khi đã chắc chắn rằng tôi gặp Fredrik an toàn.

Tôi không nhớ làm thế nào tôi bơm được giềng để lấy nước rửa ráy chân tay. Người tôi mệt mỏi đến nỗi. Tôi chỉ nhớ rằng sau đó tôi đi ngủ ngon lành, chắc vẫn cười túm túm trong mơ. Nhiệm vụ hoàn thành. Tôi đã thấy chim hồng hạc.

21. Mombasa

Hai vợ chồng tốt bụng ngày hôm sau đến đón tôi về lại Nairobi. Cả hai nhiệt tình mời tôi nghỉ lại nhà họ, nhưng tôi đành từ chối. Sau một thời gian dài ăn nhờ ở đậu, tôi tự nhiên có một ham muốn cháy bỏng được ở trong một căn phòng của riêng mình, muốn làm gì thì làm, không ai cảm thấy có trách nhiệm phải cư xử lịch sự với ai cả.

Tôi tìm cho mình một khách sạn bình dân ở ngay trung tâm thành phố. Lúc đứng chờ lễ tân gửi chìa khóa để ra ngoài, tôi phát hiện ra một anh chàng cao kều, tóc vàng hoe cũng đang đứng chờ ở đấy. Anh quay ra hỏi tôi:

- Em có bật lửa không?

- Anh hút thuốc à?

- Không, anh không hút...thuốc lá.

Anh nheo mắt nhìn tôi như để ước chừng tôi hiểu đến đâu. Tôi cũng nheo mắt nhìn lại. Rồi bất

chợt cả hai phá lên cười. Một đoạn code vô hình đã được truyền tải thành công. Chúng tôi ngay lập tức cảm giác như đã là bạn lâu năm vậy. Anh hỏi tôi đang chuẩn bị đi đâu đấy, tôi bảo tôi muốn đi dạo. Anh bật cười:

- Thật chẳng có ai hồn nhiên như em. Em không biết tên gọi khác của Nairobi là Nairobbery à? (*Robbery – cướp giật*). Ai dám nửa đêm đi dạo ở thành phố nguy hiểm nhất châu Phi này chứ?
- Em đi gần thôi. Em chưa nhìn thấy Nairobi về đêm bao giờ.
- Để anh làm một người đàn ông chân chính đi theo bảo vệ em vậy.

Vậy là hai đứa điếc không sợ súng nửa đêm đi dạo vòng quanh Nairobbery. Thành phố thường ngày ồn ào huyên náo, mù mịt khói bụi, đông nghịt xe cộ, về đêm bỗng chốc dịu dàng, xinh đẹp đến lạ. Thành thật mà nói, tôi chưa bao giờ có cảm tình với Nairobbery cho đến thời điểm này. Tôi không biết có phải sự thay đổi đó là do tôi nhìn Nairobbery từ một góc cạnh khác, hay đơn giản chỉ vì người “đàn ông chân chính” đang đi cạnh tôi lúc này không. Philip là một người Ireland điển hình: mắt xanh, mũi lõ, nói “i” giống như “oi”, thích uống bia và cứ nghĩ rằng mình nhảy đẹp. Anh hiền lành và tốt tính. Mỗi lần bị chọc quê là anh lại cười tít mắt. Anh đi nhiều và biết rất nhiều. Trong mười năm trở lại đây, anh đã đặt chân đến trên tám mươi quốc gia. Hiện nay anh đang làm việc cho một doanh nghiệp xã hội của Ireland ở Mombasa. Anh nói tiếng Swahili thành thạo và thuộc châu Phi như lòng bàn tay. Anh bảo nhà anh rất rộng, còn một phòng trống, khi nào đến Mombasa thì tôi có thể thoải mái ở nhà anh.

Nói nhà anh rộng có lẽ còn khiêm tốn. Nhà anh phải nói là bát ngát mênh mông. Căn hộ gồm hai tầng, tầng dưới bao gồm bếp, phòng khách rộng thênh thang, một phòng ngủ con con và một ban công rộng gió. Tầng trên bao gồm ba phòng ngủ: phòng ngủ của anh, phòng ngủ của bạn anh và phòng ngủ cho khách, hay còn gọi là Chip. Tôi yêu căn phòng đó vô cùng. Căn phòng có một chiếc giường đôi kê cạnh bức tường làm toàn bằng kính, buổi tối nằm trên giường mở mắt ra là có thể nhìn thấy một bầu trời đầy sao. Căn hộ nằm ở tầng trên cùng một tòa nhà nhìn thẳng ra biển, vừa có thể ngắm bình minh, vừa có thể xem mặt trời lặn. Một buổi chiều, khi đứng ở ban công ngắm hoàng hôn cùng Philip, bỗng nhiên tôi thấy yêu Mombasa kinh khủng. Lần đầu tiên nhìn ra Ấn Độ Dương từ Mumbai, trái tim tôi đã đập loạn nhịp. Đúng một năm sau đó, đứng ở bên kia bờ Ấn Độ Dương, tôi lại một lần nữa thấy trái tim mình rung rinh.

Nhà rộng mà tâm hồn anh cũng rộng, nên lúc nào nhà anh cũng có đủ người tứ xứ đến chơi. Quan anh, tôi quen thêm được bao nhiêu người hay ho thú vị. Nói chính xác hơn, bạn anh ai cũng hay ho thú vị đến mức tôi đã mặc định một quy luật: “Nếu người đó không thú vị thì đó không phải bạn Philip”. Một câu chuyện cứ thỉnh thoảng lại xuất hiện trong cuộc nói chuyện của chúng tôi là huyện thoại Kent Rock. Kent Rock là tên Philip và bạn bè anh đặt cho một thanh sắt lờm chờm nhô lên ở ngay bên đường chỗ gần nhà Philip. Mỗi lần chúng tôi đi bộ qua đấy, Philip đều phải cảnh báo: “Cẩn thận Kent Rock”. Không ít người không để ý đã đá phải thanh sắt này. Nạn nhân đầu tiên là Kent, bạn Philip khi anh hy sinh mất hai móng chân, nhưng bù lại tên anh được bắt tử hóa cùng với thanh sắt. Đâu phải ai

cũng có một thanh sắt đặt tên theo mình đâu nhỉ? Tôi nghe nhắc đến tên anh nhiều đến mức mặc dù lúc đó anh không còn ở Mombasa nữa, tôi cũng phải add anh trên facebook để xem mặt mũi anh như thế nào.

Nhưng nạn nhân của Kent Rock không chỉ dừng lại ở đây. Một buổi tối tôi đang ngủ thì nghe có tiếng ồn ào ở dưới nhà nhưng rồi vì ngại ngủ không biết tiếng ồn đó là thật hay mơ, tôi quay ra ngủ tiếp. Sáng hôm sau mắt nhắm mắt mở đi xuống cầu thang, tôi tá hỏa phát hiện ra sàn nhà bê bết máu. Fredrik Rosberg, anh chàng làm phim điện ảnh người Thụy Điển của What Took You So Long (*WTYSL*), đã vinh dự trở thành nạn nhân thứ tư của Kent Rock.

Tôi không thể nhắc đến Mombasa mà không nhắc đến WTYSL, những con người trẻ, tài năng, đầy ham mê và nhiệt huyết. Đây chính là những người đã truyền cho tôi vô vàn cảm hứng, theo đuổi một cuộc sống thực sự không bị bó hẹp về mặt không gian và thời gian. WTYSL là một nhóm làm phim du kích đi vòng quanh thế giới với mục đích làm thay đổi cách thế giới nhìn các quốc gia đang phát triển. Khi thì nhóm ở Haiti với cựu Tổng thống Bill Clinton để làm phim về những món ăn tuyệt vời của nước này. Khi thì nhóm ở Brazil để quay Hội nghị thượng đỉnh Doanh nhân Quốc tế. Khi thì nhóm ở Somalia hỗ trợ sự kiện TEDx đầu tiên của đất nước mà ai cũng nghĩ là chỉ toàn cướp biển. Khi thì nhóm lại lang thang ở Trung Đông làm phim về tầm quan trọng của sữa lạc đà. Đến tận bây giờ, ngay cả khi đang ngồi ở trong một căn phòng đầy nắng ở Chile, nhìn ra dãy Andes phủ tuyết hùng vĩ, mỗi lần kiểm tra facebook của Alicia hay Sebastian, tôi vẫn không kìm nén được một ngọn lửa ghen tị nhen nhóm trong tim. Nhóm gồm năm người đến từ khắp nơi trên thế giới, nhưng sau mỗi lần chinh chiến đường dài, mọi người lại quay trở về Mombasa bởi đây là nơi mọi người yêu nhất.

[©STENT](#)

Người tôi yêu quý nhất ở Mombasa là Shak, một anh chàng người Anh gốc Trung Đông, da đen nhẻm, mắt sâu hoắm, lông mày rậm nhưng lại nói giọng Anh đặc sệt, yêu tưởng chết. Tôi luôn bị phát cuồng về chất giọng như vậy. Shak ở cùng nhà với Philip và cũng làm cùng công ty với anh luôn. Shak là chàng trai tốt bụng và hào phóng nhất quả đất. Mỗi lần nói chuyện, thế nào hai đứa tôi cũng chỉ chớe như chó với mèo, nhưng tôi biết anh luôn chăm sóc tôi như em gái. Biết tôi thích ăn bánh ngọt, thỉnh thoảng anh lại mua bánh về để trong tủ lạnh cho tôi. Biết tôi thèm đồ ăn Việt, anh bí mật lên mạng tìm công thức, rồi không biết bằng cách nào mà lại tìm ra được nước mắm ở cái thành phố châu Phi nhỏ xíu này, nấu cho tôi một nồi canh chua cá hoành tráng với đầy đủ tất cả gia vị.

- Ngon thật không?

- Em thì là ngon kinh khủng.

- Tốt tốt. Thế em ghi cho anh cái giấy chứng nhận rằng chính người Việt Nam đã khen anh nấu canh chua cá ngon để sau này anh còn mang đi tán gái.

Tôi trình trọng lấy một tờ giấy, nắn nót ghi dòng chữ:

“Ủy ban người Việt Nam ở Mombasa trân trọng chứng nhận

Shak Padamsey

Nấu canh chua cá ngon tuyệt vời

Ký tên

Một con bé Việt Nam dễ thương kinh khủng”.

22. Chút dư vị Ý

Lamu là tên gọi chung cho quần đảo gồm bảy hòn đảo nằm ở phía Bắc bờ biển Kenya, cách Somalia không xa. Lamu là tên gọi cho cả quần đảo, tên gọi cho hòn đảo lớn nhất và cũng là tên gọi cho nơi tập trung dân cư đông đúc nhất ở đây: thị trấn Lamu. Cùng với quần đảo Zanzibar, quần đảo Lamu là cái nôi của nền văn hóa Swahili. Từ Swahili bắt nguồn từ từ “sahil” trong tiếng Ả Rập nghĩa là “ven biển”. Nền văn hóa Swahili phát triển qua hàng thế kỷ nhờ sự va chạm và hòa trộn văn hóa giữa những bộ tộc gốc Bantu của châu Phi và những lái buôn Ả Rập, Ấn Độ, Phổ, Bồ Đào Nha, thậm chí cả Trung Quốc thời nhà Minh. Văn hóa Swahili là nền văn hóa đặc trưng khắp khu vực ven biển Đông Phi và những hòn đảo lân cận. Vì yêu ngôn ngữ Swahili, tôi yêu lây văn hóa Swahili, nên quyết tâm phải đến nơi đây bằng được.

Tôi ở Kenya đúng lúc mối quan hệ Kenya – Somalia đang ở tình trạng căng thẳng cực độ. Hải tặc Somalia càng ngày càng hoành hoành, thậm chí đã liều lĩnh vào tận Lamu tấn công và bắt cóc nhiều du khách vừa để đòi tiền chuộc, vừa để phá hủy danh tiếng ngành du lịch của Kenya. Kenya lấy lý do tiêu diệt hải tặc đem quân đội vào hấn Somalia, nhưng người Somalia lại coi đây là một hành động xâm lược. Al-Shabaab, nhóm vũ trang bị gắn mác khủng bố của Somalia, trả đũa bằng hàng loạt hành động tấn công khủng bố. Khu vực biên giới Kenya – Somalia bỗng chốc trở thành khu vực chiến sự nảy lửa. Lamu xinh đẹp vốn được mệnh danh là “thiên đường bị bỏ quên”, do nằm ở vị trí chiến lược giữa hai nước, bỗng chốc trở thành đầu trường để người ta so kiếm. Khách du lịch không ai dám đến đây, những người nước ngoài sinh sống và làm việc ở đây cũng tạm thời bỏ đi lánh nạn. Khi biết tôi chuẩn bị đi Lamu, ai cũng ngăn cản, ngoại trừ Philip. Theo lý luận của anh, đây là thời gian tốt nhất để đến thăm nơi được mệnh danh là “thiên đường bị bỏ quên” này. Không có khách du lịch đồng nghĩa với việc giá cả mọi thứ đều rẻ hơn. Không có khách du lịch cũng đồng nghĩa với việc tôi có cơ hội tìm hiểu cuộc sống thực sự hàng ngày của người dân địa phương. Nghe anh nói kể cũng có lý. Với kinh

nghiệm đi lang thang cả gần trăm nước rồi, không lẽ anh lại dồn tôi vào chỗ chết. Tôi quyết định đi một chuyến cho biết. Trước khi đi, tôi mở tủ lạnh tìm gì ăn đỡ. Thấy bát súp ở đáy, tôi húp một hơi mà không biết đó là súp gì.

Lúc ra ngoài, tôi cảm thấy trong người không ổn. Lúc đấy, trời lại bắt đầu mưa. Tôi nhảy xe buýt vừa để ra ngoài thành phố, vừa để nghỉ ngơi một lúc nhưng người tôi mỗi lúc một khó chịu. Chóng mặt, buồn nôn, mồ hôi vã ra như tắm. Đầu tôi căng ra như dây đàn. Quá mệt để có thể câu nệ, tôi nằm dài ra trên ghế xe buýt, không biết là xỉu hay ngủ gục đi nữa. Khoảng hai tiếng sau tỉnh dậy, tôi đã thấy mình ở bên xe. Anh chàng phụ xe ngồi nhìn tôi chăm chăm:

- Em bị sao à? Để tui anh đưa lên bệnh viện nhé?

Mệt quá không đủ sức giải thích, tôi lắc đầu rồi lại lăn ra ngủ tiếp. Khi anh phụ xe đánh thức tôi dậy thì tôi đã ở ngoài thành phố rồi.

- Xe bọn anh dừng ở đây thôi. Em có muốn đến bệnh viện không?

Tôi lắc đầu, vớ lấy ba lô, lão đảo bước xuống xe. Một người đàn ông gốc Ý bậm trợn dừng xe lại và cho tôi đi nhờ. Ông bảo là nhìn tôi như đang sắp chết vậy. Tôi gật đầu:

- Cháu cảm giác như mình sắp chết thật.

- Cháu uống thuốc chưa?

- Không cần đâu ạ. Cháu nghỉ ngơi một tí là khỏi thôi.

- Chú không nghĩ là cháu nên đi Lamu hôm nay. Chú có mấy cái khách sạn ở Malindi. Cháu nên nghỉ ngơi tạm ở đây vài hôm cho đến khi khỏi hẳn rồi đi tiếp.

Nhìn thấy vẻ mặt băn khoăn không thể tin nổi của tôi, ông bảo:

- Nhìn thấy con gái đi một mình như cháu ở châu Phi chú rất phục. Cháu làm chú nhớ đến thời mình còn trẻ. Cháu cứ coi như đây là món quà chú dành cho tuổi trẻ của chính chú đi.

©STENT: <http://www.luv-ebook.com>

Người đàn ông này hóa ra là một đại gia bất động sản, sở hữu một loạt resort, khách sạn, nhà hàng ở Malindi. Ông cho tôi ở một resort ngay sát biển với bể bơi số tám đẹp lung linh. Nhưng ai cần bể bơi khi mà bạn có cả một Ấn Độ Dương xanh ngắt rộng mênh mông ngay ngoài cửa?! Ông không chỉ cho tôi ở nhờ, mà còn cho phép tôi ăn ở bất cứ nhà hàng nào của ông miễn phí.

Malindi là một thành phố biển xinh đẹp với những bãi cát trắng miên man nằm giữa Mombasa và Lamu. Đây có thể coi như một nước Ý thu nhỏ vậy. Nhìn đâu cũng thấy toàn người Ý. Đi đâu cũng nghe thấy tiếng Ý. Các cửa hàng đều treo biển trước hết bằng tiếng Ý. Các cô gái địa phương ai cũng nói được ít tiếng Ý với hy vọng tìm được chàng hoàng tử bạch mã có thể đưa các cô thoát khỏi cuộc sống nghèo túng của châu Phi. Chính vì ảnh hưởng sâu đậm của văn hóa Ý, nơi đây có lẽ là nơi có đồ ăn ngon nhất của Kenya với phong cách phục vụ cũng đậm chất Ý. Một bữa nọ, người phục vụ mang đồ ăn ra cho tôi với một bông hoa giấy.

- Từ đầu bếp, thưa cô.

Nhìn vào trong bếp, tôi bắt gặp nụ cười bên lên của anh chàng đầu bếp người Ý trẻ măng.

23. Thiên đường hải tặc Lamu

Khi tôi nói với người đàn ông tốt bụng rằng tôi đã khỏe hẳn và muốn tiếp tục lên đường, ông nhìn tôi với ánh mắt không thể tin được:

- Cháu không muốn ở lại đây với chú sao? Cháu sẽ có tất cả những gì cháu muốn. Nếu cháu muốn làm việc, chú có thể giao cho cháu một nhà hàng để quản lý.

Trời, thế hóa ra đây là lý do ông tốt với tôi. Tôi lịch sự từ chối.

- Chú không hiểu. Tại sao cháu phải tự hành hạ bản thân như thế? Tại sao rượu ngọt cháu không uống mà lại muốn uống dấm chua?

- Bởi vì còn trẻ như cháu thì mới cần uống dấm chua để sau này thấy tất cả mọi thứ đều ngọt. Bây giờ mà quen với rượu ngọt rồi thì cháu sợ sau này cháu không đối phó nổi bất cứ cái gì chua.

Từ Malindi đến Mokowe, địa danh gần Lamu nhất trên đất liền, chỉ khoảng ba tiếng lái xe trên đường chẳng có ai qua lại bởi con đường này đang bị gán mác “đặc biệt nguy hiểm”. Trong một trăm kilômét cuối, các xe qua lại đều bắt buộc phải có ít nhất hai lính canh với súng. Tôi đi nhờ xe được nửa đường thì phải nhảy lên đi xe buýt, bởi chờ mãi chờ mãi chẳng thấy chiếc xe nào khác chạy qua cả.

Đi cả ngày chưa ăn gì, việc đầu tiên tôi làm khi đến Lamu là dạt vào một quán bán đồ ăn vặt ngay gần bến cảng. Cái tôi thích nhất ở văn hóa Swahili là họ rất nhiều đồ ăn vặt: maandazi: bánh mì rán mềm, giòn ngọt; masala chips: khoai tây chiên với nước sốt cà chua; bhajia: hành chiên bột,... Tôi bắt

chuyện với mấy người địa phương cũng đang ăn ở đó. Người dân trên đảo nhìn khác với người Kenya trong đất liền. Hôn nhân giữa các chủng tộc khác nhau khiến cho dân số Lamu trở nên hết sức đa dạng, phần lớn có nước da sáng hơn, và khuôn mặt rõ nét Ả Rập. Khi biết tôi đang tìm chỗ ở, một người đàn ông trung niên cho tôi hay ông có một phòng trống, ông có thể cho tôi thuê với giá năm đô một đêm. Ngôi nhà ông đang ở nằm trong một ngõ hẻm của thị trấn Lamu. Như hầu hết những ngôi nhà ở đây, nhà ông được xây từ thế kỷ mười chín với kiến trúc Swahili đặc trưng: mái lá nhọn, nhiều tầng xen kẽ nhau trong không gian mở để đón gió. Căn phòng tôi ở là phòng gác mái mở cả bốn mặt với một mặt nhìn vào trong đảo. Đây là một trong những ngôi nhà cao nhất ở đây, *(nói là cao nhưng chỉ khoảng ba tầng rưỡi)* nên từ trong phòng mình, tôi không chỉ nhìn khắp đảo, mà còn nhìn được sang các đảo lân cận nữa.

Nhịp sống ở Lamu chậm hơn hẳn so với thế giới bên ngoài. Câu nói mà bạn sẽ được nghe nhiều nhất trên đảo là “pole pole, hakuna matata”, nghĩa là “từ từ, từ từ, không có vấn đề gì cả”. Lamu vốn là nơi yên tĩnh, giờ không có khách du lịch lại càng yên tĩnh hơn: không tiếng động cơ, không tiếng còi xe, không tiếng loa đài, không tiếng cãi vã ồn ào. Tất cả những gì bạn có thể nghe thấy trên đảo chỉ là tiếng sóng vỗ, tiếng gió thổi, tiếng lừa kêu, thỉnh thoảng là vài câu chào hỏi của những người qua đường. Cả quần đảo diện tích trên sáu nghìn mét vuông và dân số hai mươi lăm nghìn người này có chưa đến mười xe ô tô. Là cái nôi của nền văn hóa Swahili, Lamu mang những nét đặc trưng của một ngôi làng Swahili với những con hẻm nhỏ xiu thông nhau như ma trận. Mọi người trên đảo di chuyển chủ yếu bằng đi bộ, đi xa hơn thì bằng lừa, bằng dhow. Dhow là tên gọi những chiếc thuyền buồm loại nhỏ của người dân Swahili. Ngày nay, người dân Lamu chuộng dhow từ Mozambique hơn bởi nó có sức chứa lớn hơn và chắc chắn hơn. Mỗi chiếc dhow có một tính cách riêng, một màu sắc riêng, một tên gọi riêng. Với nhiều người dân trên đảo, dhow là tài sản lớn nhất của họ nên họ yêu quá dhow như yêu con đẻ vậy. “Lớn lên với dhow, đi lại bằng dhow, sống cũng bằng dhow, không yêu sao được”, Omar tâm sự.

[©SsTtEeNnTi](#)

Omar là một chàng trai đậm chất biển Lamu: người săn chắc, da sạm nắng, tóc cuốn lộn rasta. Tôi gặp anh khi đi bộ trên bãi biển Shela một buổi chiều. Anh và nhóm bạn đang chuẩn bị dong buồm ra khơi. Mọi người thấy tôi là người nước ngoài thì đơn đả mời chào đi dhow ra ngắm hoàng hôn. Tôi lắc đầu: “Hakuna pesa”, nghĩa là “em không có tiền”, “Kwa nini?” *(Tại sao?)*, mấy anh chàng hỏi lại. “Kwa sababu mimi ni mwanafunzi, mimi ni maskini sana” *(bởi vì em là sinh viên, em nghèo lắm)*. Mấy anh chàng thấy tôi nói được tiếng Swahili thì thích lắm, phá lên cười. “Sawa, twende. Bure kwa mwanafunzi” *(không sao, đi thôi. Miễn phí cho sinh viên)*. Thế là tôi nhảy lên thuyền đi. “Bình thường khách du lịch thích ra dhow ngắm hoàng hôn lắm, hầu như ngày nào cũng có khách thuê dhow đi. Nhưng bây giờ chẳng có khách, anh em đi với nhau cho đỡ buồn”.

Có đi rồi mới thấy tại sao mọi người lại mê ngắm hoàng hôn từ trên dhow đến thế. Biển, trời, mây và sóng, tất cả đều đồng loạt thay đổi màu sắc khi mặt trời dần khuất sau những đụn cát ở Lamu. Lúc mặt trời biến mất cũng là lúc hàng triệu vì sao xuất hiện, phản chiếu ánh sáng lung linh qua mặt nước dát bạc. Trăng Lamu mùa này lên muộn, phải tầm mười một giờ đêm mới thấy một viên ngọc lấp ló

trên mặt nước. Mặt trăng ở đây to và sáng lạ. Trăng không đủ sáng để làm mất đi vẻ huyền bí của đêm khuya, nhưng đủ sáng để ta có thể hình dung đủ loại màu sắc cho bức tranh thiên nhiên sáng tối độc nhất vô nhị. Ánh sáng dịu dàng bao phủ lên những rặng cây được xanh rì, những đụn cát vàng nâu, những ngọn sóng bạc màu. Biển và trời hòa vào làm một. Một bầu trời trên cao, một bầu trời dưới nước. Gió thổi hiu hiu. Tôi lim dim mắt ngủ. Đồi người được một lần đến Lamu ngắm trăng trên dhow cũng đáng.

Mọi người cho tôi hay ngày mai sẽ có một bữa tiệc lớn tại quán bar trên đảo Manda, một hòn đảo cách đảo Lamu không xa. Nhân dịp sinh nhật của mình, Liz, chủ nhân một ngôi nhà tại Shela, tổ chức một bữa tiệc miễn phí cho tất cả người lái dhow ở Lamu. Mọi người rủ tôi đi cùng. Shela là một ngôi làng nhỏ với bãi biển tuyệt đẹp cách thị trấn Lamu khoảng ba kilômét. Đây là nơi những người châu Âu giàu có, bao gồm cả hoàng tử Albert của Monaco xây dựng những khu biệt thự cực kỳ sang trọng làm nơi nghỉ mát cho gia đình.

Hoàng hôn ngày hôm sau tôi ra Shela đã thấy bốn chiếc thuyền căng buồm sẵn, mỗi chiếc dhow có khoảng năm, sáu anh chàng địa người dân địa phương. Tôi lên thuyền của Omar. Bữa tiệc nhanh chóng bắt đầu. Bốn cánh buồm trắng song song lướt sóng tạo thành một bức tranh thơ mộng khó lời nào tả xiết. Tự nhiên, tiếng trống nổi lên từ trên mặt nước. Chiếc dhow cạnh chúng tôi biến thành một sân khấu nhạc sống. Mọi người đồng thanh cất tiếng hát. Chúng tôi nhảy ngay trên thuyền. Cho đến khi mặt trời xuống bóng, bữa tiệc chuyển từ trên dhow sang đảo Manda, nơi mà quán bar đặt một tấm bảng với những dòng chữ viết tay nắn nót: “Bar mở: bia, rượu, nước ngọt, đồ ăn vặt miễn phí. Cảm ơn và chúc mừng sinh nhật Liz”.

Bữa tiệc bao gồm người dân địa phương và khoảng một tá người nước ngoài: chủ yếu là những chủ nhân giàu có của Shela. Liz hào phóng thiết đãi rất nhiều đồ ăn vặt, hải sản. “Thấy mọi người ở đây buồn quá, nên mình tổ chức tiệc cho có không khí”, Liz kể. Liz là một người phụ nữ độ tuổi ba mươi, người Ý, dáng dong dỏng cao, phong cách hết sức quý phái. Tôi cảm ơn chị về bữa tiệc và xin lỗi vì đã không mời mà đến.

Những ngày còn lại ở Lamu, tôi dành phần lớn thời gian của mình khám phá đảo. Tôi kết bạn với Lisbon, một giáo viên dạy cấp một và vợ anh. Buổi sáng, tôi thường dậy sớm ra bên câu cá với Lisbon. Biển lặng, cá cắn câu rất nhiều. Sau đó, Lisbon sẽ mang cá về nhà để vợ nấu, còn tôi ra biển tắm. Xứng đáng danh hiệu thiên đường của mình, Lamu có những bãi biển không chỉ đẹp nhất Kenya mà còn đẹp nhất châu Phi: bãi cát trắng mịn màng vô tận, biển xanh ngọc bích, nước trong vắt có thể nhìn xuống tận đáy. Buổi trưa, tôi sẽ sang nhà Lisbon ăn cùng vợ chồng anh. Chiều chiều, tôi đi lang thang vào các khu vườn sâu trong đảo, hoặc thuê dhow đi vòng quanh các hòn đảo khác của quần đảo này. Khi nào chán, tôi đi ra Shel tán dóc với những người lái dhow đang trong thời kỳ rảnh rỗi hay với những người nước ngoài sinh sống ở Shela. Không có khách du lịch, mọi người nhanh chóng quen mặt nhớ tên tôi. Ở Lamu mấy ngày mà tôi có cảm giác như mình đã ở đây cả năm trời vậy. Nhịp sống chậm nhưng kết bạn thì nhanh. Biển trời mênh mông nhưng cộng đồng thì nhỏ. Tôi rời khỏi Lamu mà trong lòng không khỏi băn khoăn: nửa tôi mong muốn khách du lịch sẽ nhanh chóng trở lại để người dân nơi

đây có thể tiếp tục làm ăn sinh sống, nửa tôi ích kỷ mong muốn Lamu cứ mãi như thế này, để làn sóng phương Tây không mài mòn những giá trị đã khiến Lamu trở thành Lamu mà tôi yêu và nhớ.

24. Ngày dài nhất cuộc đời mình

Tôi kiệt sức thật rồi.

Đó là một ngày dài, thật dài, dài nhất trong cuộc đời tôi: đi lạc trên đảo, cãi nhau với chủ nhà, hai lần vào đồn cảnh sát, bị cướp bởi sáu thanh niên cầm dao, mất máy ảnh và toàn bộ số tiền còn lại.

Sáng nay khi tôi tỉnh dậy, lúc đây mới là năm giờ nên tôi quyết định đi dạo quanh Lamu một lần cuối cùng trước khi quay trở lại Mombasa. Bình minh trên đảo thật tuyệt vời cho đến khi tôi nhận ra rằng mình đã đi quá sâu vào trong đảo và hoàn toàn mất phương hướng. Xung quanh chẳng có ai để tôi có thể hỏi đường. Sau gần bốn tiếng len lỏi trong bụi rậm, cuối cùng tôi cũng đến được nhà dân. Tôi mệt đến mức phải gõ cửa để xin nước. Chủ nhà đưa cho tôi một ly nước trắng trắng đục đục với đủ thứ kỳ quái bơi lội tung tăng. Nhưng lúc đó tôi đã quá khát và quá lịch sự để có thể từ chối, tôi liền tu một hơi. Nước đó có vị xà phòng.

[©SsTtEeNnTt](#)

Với sự giúp đỡ của con trai chủ nhà, cuối cùng tôi cũng tìm được đường về nhà để lấy đồ. Tại đó, tôi đã có một trận cãi nhau nảy lửa với ông chủ nhà. Rõ ràng ông nói với tôi năm trăm Tsh một đêm, thế mà khi trả tiền ông lại tính tám trăm. Tôi đã quá mệt nên đành bấm bụng đưa tiền cho ông mà cảm giác như mình là đứa ngu nhất thế giới vậy. Sau đó, khi tôi đang ở trên thuyền về lại đất liền rồi, ông gọi điện cho tôi xin lỗi. Ông bảo nhìn mặt tôi buồn quá nên có lẽ là tôi đã nói sự thật. Ông chắc đã nói với tôi giá năm trăm mà không nhớ. Ông đền bù bằng cách cho tôi ở hai đêm miễn phí, nhưng lúc đó tôi chỉ muốn về Mombasa gặp Philip, Shak và nhóm WTYSL.

Trên đường đến đây, tôi đi nhờ xe mà không có xe nên đành đi xe buýt. Nhưng lần này, vì đã tiêu nhiều hơn số tiền mình có, tôi thậm chí không còn tiền mà đi xe buýt. Tôi quyết tâm vừa đi bộ vừa chờ xe đi qua để xin đi nhờ. Nhưng chẳng có chiếc xe nào đi qua cả. Thứ duy nhất di chuyển trên đường ngoài tôi ra là một đàn khỉ. Tôi phát hiện ra mình đang ở giữa rừng. Trời mỗi lúc một nắng, nước tôi mang theo người mỗi lúc một cạn còn da tôi thì cháy mỗi lúc một rát. Nhưng không hiểu sao tôi vẫn cảm thấy lâng lâng. Tôi thấy hạnh phúc khi được trở lại trên đường. Tôi mở to hết cỡ những bài hát mình yêu thích, vừa đi vừa nhảy. Lũ khỉ cứ nhìn tôi như người ngoài hành tinh. Khoảng một tiếng sau, tôi leo lên được phía sau một xe tải với một nhóm người bản địa. Đường đầy ổ gà, ai cũng phải dùng hết sinh lực bám chặt lấy xe để khỏi bị văng xuống đất. Xe dừng lại ở Mpektoni để ăn trưa, và người

lái xe bắt đầu hỏi tôi những câu hỏi ngu ngốc.

- Cháu từ đâu đến?
- Việt Nam.
- Cháu có biết lịch sử nước cháu không?
- Cháu có được học.
- Vậy cháu có biết tại sao nước cháu thắng Mỹ không?
- Bởi vì bọn cháu quá giỏi.
- Không, bởi vì bọn cháu may mắn. May mà có rừng nên bọn cháu thắng.

Chúa ơi, sao mà tôi ghét những cuộc hội thoại kiểu này thế không biết. Người ta cứ nói về cuộc chiến tranh Việt Nam như thể người ta biết nó vậy. Sau đó, ông bắt đầu hỏi về cuộc hành trình của tôi. Tôi bảo ông rằng tôi đi bằng cách đi nhờ xe.

- Cháu đùa đấy à? Người ta cho cháu đi nhờ thật á?
- Chính chú cũng cho cháu đi nhờ đấy thôi.
- Chú dừng lại ở đây rồi. Cháu định đi từ đây về Mombasa bằng cách nào?
- Vẫn cách đó thôi.
- Không được, cháu không đi bộ từ đây được. Nó quá xa.

- Không sao, cháu có thời gian.

- Cháu không được phép. Đây không phải là một khu vực an toàn.

- Ai không cho phép cháu?

- Chú.

- Xin lỗi chú, nhưng cháu là người duy nhất có quyền quyết định cháu sẽ làm gì. Cháu sẽ đi bộ đến nơi nào cháu muốn.

- Thì cháu cứ đi, nhưng cháu phải viết một tờ giấy nói rằng nếu có chuyện gì xảy ra thì đó hoàn toàn là lỗi của cháu.

- Cháu không muốn viết cái gì cả. Nếu chú sợ trách nhiệm thì cháu đi đây.

Tôi đứng dậy bỏ đi. Người đàn ông liền gọi cảnh sát. Ngay lập tức, một cảnh sát phóng xe máy tới bên cạnh tôi.

- Xin lỗi, tôi có thể xem giấy tờ của chị không?

- Không, chẳng có lý do gì để tôi phải trình giấy tờ cho anh cả. Đây có phải là trạm kiểm soát đâu.

- Chị có dừng lại một phút không?

- Không.

Tôi cứ tiếp tục đi bộ. Viên cảnh sát đi theo tôi phải đến mười lăm phút. Sau đó, anh dựng xe bên đường, một viên cảnh sát khác đến và cả hai cứ lờ đờ theo tôi. Họ túm lấy ba lô tôi:

- Nếu chị không dừng lại, chúng tôi sẽ phải khám xét chị.

Tôi cởi ba lô ra để lại cho họ.

- Các anh giữ ba lô tôi cẩn thận, tôi sẽ quay lại lấy sau. Nếu mất gì thì các anh sẽ phải mua đền.

Vậy là họ xách ba lô đi sát tôi.

- Đây là một sự xúc phạm. Các anh không thể cứ ngẫu nhiên chặn khách du lịch và khám xét họ như thể họ là tội phạm.

Sự thật là tôi không bị xúc phạm. Tôi cũng không hiểu sao tôi lại cư xử như thế. Cuối cùng, cảnh sát trưởng cũng đến và cả ba bao vây tôi.

- Chị đã bị bắt.

Vậy là tôi phải đi theo họ đến đồn cảnh sát. Tại đây, họ bắt đầu lục soát đồ của tôi. Trong đồn có khoảng một tá cảnh sát nhưng dường như chẳng có ai làm việc cả. Tất cả túm tụm xung quanh nghiên cứu từng vật nhỏ li ti tôi có trong ba lô. Họ tìm thấy một cái tampon.

- Cái gì đây?

- Tampon.

- Nó dùng để làm gì? Nhìn như kẹo ấy nhỉ - Một anh cảnh sát đưa lên mũi ngửi. Ôi trời ạ, chẳng lẽ tôi thực sự phải giải thích về tampon trước mặt đám đàn ông lực lưỡng này sao?

- Nó dùng cho phụ nữ khi họ có kinh nguyệt. Hy vọng các anh hiểu “kinh nguyệt” là gì vì tôi thực sự không muốn giải thích từ đó đâu - Tôi cười nhiều đến mức suýt nữa ngã lộn từ trên bàn xuống – Mà anh đừng co ngửi nó nữa đi.

Vì thói quen ăn mặn, đi đâu tôi cũng mang theo một bịch muối. Họ tìm thấy nó nhưng nghĩ nó là thuốc phiện hay cocaine.

- Cái gì đây?

Tôi quyết định dùng nó để giải trí.

- Các anh tự tìm hiểu đi.

Vậy là tất cả bọn họ cúi sát mặt xuống bàn, mũi thì ngửi, tay thì sờ nhưng lại không dám nếm. Cuối cùng, một viên cảnh sát dừng cảm nhất lấy hết dũng khí ra, chấm ngón tay vào túi muối của tôi rồi dè dặt cho lên miệng nếm.

- Mặn mặn – Anh nhăn mặt như thể cố gắng nghĩ xem chất gây nghiện nào có vị mặn. Tôi không kiềm chế được nữa, phá lên cười.

- Dĩ nhiên nó mặn rồi. Muối mà lại.

Sau đó là màn “thăm vấn” mà họ gọi là “phỏng vấn”. Tôi bảo với họ rằng tôi từ Rainbow Island và rằng tôi tên là Marilyn Monroe còn bố mẹ tôi tên là Michael Jackson và Margaret Thatcher. Viên cảnh sát cẩn thận ghi lại vào trong tờ biên bản. Cuối cùng, họ cũng cho tôi đi, nhưng tôi không muốn đi đơn giản như thế. Họ làm khó tôi bao nhiêu thì tôi phải làm khó họ gấp đôi.

- Các anh khiến tôi bị muộn. Trời sắp tối rồi mà tôi ở lại giữa rừng. Các anh sẽ phải chịu trách nhiệm nếu có chuyện gì xảy ra với tôi.

- Chúng tôi sẽ đưa em lên xe buýt.

- Các anh có trả tiền vé xe cho tôi luôn không?

Vậy là họ đưa tôi lên xe và mua vé cho tôi. Xe đến Mombasa lúc khoảng chín giờ tối. Philip bảo tôi rằng anh và Shak đang nấu ăn và xem pháo hoa từ ban công. Hôm nay là Diwali, lễ hội ánh sáng của người Ấn Độ và Mombasa thì đầy người Ấn. Tôi hào hứng đến mức khi xuống khỏi xe, tôi chẳng để ý là mình đang đi đâu. Khi tôi nhận ra mình đang đi trên một con đường tối thì đã quá muộn. Một đám thanh niên áp sát tôi. Một trong số đó đẩy tôi ngã xuống đất, kề dao vào cổ tôi. Những kẻ còn lại giật lấy túi máy ảnh rồi chạy mất. Lúc đấy, thứ duy nhất tôi nghĩ đến là những bức ảnh tôi sẽ bị mất. Quá tức giận, tôi đuổi theo chúng, vừa chạy vừa hét “Cướp! Cướp!” cho đến khi vấp ngã và bong gân. Một đám bảo vệ mặc đồng phục đứng trước khách sạn nhìn tôi chăm chăm. Tôi hét lên:

- Cái chết tiệt gì xảy ra với các anh vậy? Các anh to khỏe như thế, mặc đồng phục bảo vệ mà không thấy xấu hổ à? Một đám cướp ranh con chạy qua ngay dưới mũi mà các anh không làm gì sao?

- Xin lỗi chị, nhiệm vụ của chúng tôi chỉ ở khách sạn thôi.

Đến đây thì tôi không kiềm chế được nữa, tru lên khóc. Hơn bao giờ hết, tôi cảm nhận được sự đơn độc và yếu đuối của chính mình. Không ai muốn giúp tôi và sẽ không bao giờ có ai giúp tôi. Tôi ngồi bệt trước cửa khách sạn, không biết phải làm thế nào. Tôi vẫn còn quá sốc để có thể tự đi bộ về nhà nhưng lại không còn tiền để gọi taxi. Tiền tôi đã để hết trong túi camera bị mất rồi. Ai đó gọi cảnh sát. Họ đến đón tôi đưa về đồn cảnh sát. “Của cải chỉ là vật ngoài thân. Ít nhất thì mình vẫn an toàn”, tôi tự an ủi bản thân, lấy hết sinh lực còn lại để có thể cư xử bình thường. Từ sáng đến giờ tôi chưa ăn gì. Tất cả những gì tôi muốn làm bây giờ là về nhà, tắm rửa, nghỉ ngơi rồi tính tiếp. Cảnh sát đưa tôi về chỗ Philip lúc mười một giờ.

- Em ăn bánh ngọt không? Biết em về, Shak mua bánh ngọt cho em nè.

Philip lấy bánh và nước mang ra cho tôi, rồi ngồi nhìn tôi ăn ngon lành.

- Anh không biết phải nói với em thế nào. Kenya đang chiến tranh với Somalia. Công ty buộc phải sơ tán bọn anh. Ngày mai, anh và Shak sẽ bắt chuyến bay sớm nhất đi Ethiopia.

Tôi cảm thấy cô đơn và yếu đuối hơn bao giờ hết. Niềm an ủi cuối cùng của tôi ngày mai sẽ bỏ tôi mà đi.

Tôi mệt, nhưng không dám ngủ. Tôi sợ, sợ không biết mình có đủ can đảm đối mặt với những gì sắp sửa đến hay không.

25. Chip đối đầu Châu phi

Philip và Shak bỏ đi, để lại tôi một mình trong căn hộ rộng thênh thang. Ban đầu tôi nghĩ chỉ cần có mái nhà ở trên đầu là tôi sẽ ổn, nhưng sau những gì đã xảy ra, căn hộ rộng mênh mông của Philip càng khiến tôi cảm thấy trống trải. Thêm vào đó, sức khỏe của tôi ngày một yếu. Ăn không đủ chất, ngộ độc thực phẩm, căng thẳng liên tục khiến tôi cứ thỉnh thoảng lại bị ngất xỉu. Một lần khi đi ngoài đường, mắt tôi tự nhiên tối sầm lại mất khoảng mười phút. Tôi vẫn đứng đó, nhưng bất tỉnh nhân sự. Khi tôi định thần lại thì đã thấy một vết cắt to đùng ở cổ tay đang nhỏ máu tong tong, với vết tay ai đó cũng đầy máu hằn rõ trên vết thương. Nghĩ đến tình trạng HIV hoành hoành ở đây, tôi sợ. Tại sao tay tôi lại bị cắt? Nó là vô tình hay cố ý? Vết tay kia là của ai? Liệu người đó có bị HIV không? Cả đêm tôi thao thức không ngủ được với hàng trăm câu hỏi không lời giải đáp cứ lớn vồn trong đầu.

[©\\$STENTS](#)

Một lần khác, khi đang chen lấn với đám đông ở trong chợ, tôi bị móc túi mất điện thoại. Theo thói quen, tôi vừa chạy theo vừa hét “Cướp! Cướp!” nhưng như thường lệ, vẫn chẳng có ai thèm giúp. Lần này tôi gặp may. Tên trộm thấy tôi đuổi gần kịp liền vứt điện thoại xuống đất. Tôi cúi xuống nhặt điện thoại, ngẩng mặt lên thì hắn đã biết mất vào trong đám đông.

Đến bây giờ tôi đã hiểu ý Asher khi anh nói với tôi về châu Phi ngày trước: “Ngày ngày nó cứ găm vào tâm trí mày, ăn mòn sức chịu đựng của mày, để đến mức mày không chịu được nữa phải nổ tung ra”. Châu Phi đang ăn mòn tôi, hút cạn sinh khí tôi, phá hủy tôi từng tí từng tí một. Ngày nào cũng có chuyện gì đó xảy ra. Mỗi lần bước chân ra khỏi nhà tôi có cảm giác như ra trận vậy: một mình mình đối mặt với cả thế giới.

Mong muốn rời khỏi châu Phi của tôi cháy bỏng hơn bao giờ hết. Asher cũng đã bỏ cuộc đấy thôi. Tại sao tôi phải hành hạ mình như thế này? Chỉ một chuyến bay thôi là tôi có thể có mặt ở Nam Mỹ. Chẳng phải tôi vẫn luôn muốn sang Nam Mỹ đấy sao? Hay tôi có thể quay trở lại Việt Nam. Bây giờ mà được ăn đồ Việt Nam có phải hạnh phúc không? Những ý nghĩ đó khiến tôi hào hứng hẳn lên.

Nhưng ngay khi lên mạng kiểm tra vé máy bay, tôi nhận ra rằng mình thậm chí còn không có đủ tiền chỉ để mua nửa vé máy bay ra khỏi châu Phi.

Tôi bị mắc kẹt ở đây. Tôi bị mắc kẹt ở châu Phi.

Lựa chọn duy nhất của tôi là đấu tranh và sinh tồn như những con người nơi đây vẫn làm hàng thế kỷ nay.

Đấu tranh và sinh tồn.

Mạnh mẽ lên Chip, mày sẽ làm được.

26. Đi lánh nạn ở Kilifi

Để sống sót ở đây, trước hết tôi cần bạn bè. Tất cả những người tôi quen ở đây đều đã đi sơ tán hết. Tôi post lên CouchSurfing tin nhắn đại loại như thế này: “Mình đang ở trong tình trạng cực kỳ khủng hoảng ở Mombasa và rất cần một người bạn. Nếu ai đó có thời gian gặp gỡ nói chuyện thì liên hệ với mình nhé”.

Paul Marum gửi lại cho tôi một tin nhắn như sau:

“Wow, anh đọc blog của em thì có vẻ như đúng là em cần một người bạn thật. Anh đang ở Kilifi, phải cuối tuần mới có lịch lên Mombasa, nhưng nếu em xuống đây, anh có thể cho em một căn phòng yên tĩnh bên bờ biển để em tĩnh dưỡng cho đến khi em cảm thấy khá hơn”.

Paul có một hồ sơ rất thú vị. Anh là người Mỹ nhưng phần lớn thời gian lớn lên ở châu Phi do bố mẹ anh công tác ở đây. Anh vừa hoàn thành xong hai năm tình nguyện viên Peace Corps ở Botswana, và hiện nay đang ở tạm nhà nghỉ của gia đình ở Kilifi để suy nghĩ xem mình sẽ làm gì tiếp theo. Nghĩ rằng ở một mình với anh chàng mình thậm chí còn chưa quen trong một ngôi nhà nghỉ trên bãi biển sẽ dẫn đến những tình huống bất tiện, tôi rủ William, một người bạn tôi mới quen đi cùng.

Gia đình Paul có một ngôi nhà nghỉ tuyệt vời. Paul kể rằng nhà anh gặp may khi mua được nó với giá rất rẻ. Hồi bố anh mới mua đất, ở đây không hề có bãi tắm mà bờ biển chỉ lởm chởm toàn sỏi và đá. Bố mẹ anh mua cát về đổ đầy nó. Những nhà xung quanh cũng làm theo. Thế là bây giờ, anh có một ngôi nhà nghỉ xinh đẹp lúc nào cũng lộng gió nằm bên bãi biển cát trắng mịn màng. Ngôi nhà nằm giữa một khu vườn rợp bóng cây với bể bơi, thư viện và đủ dụng cụ thể thao dưới nước. Nói đến thể thao dưới nước, khi phát hiện ra tôi không biết bơi, Paul và William liền có dự án nho nhỏ biến tôi thành

rái cá. Tôi nghĩ cũng đã đến lúc tôi vượt qua nỗi sợ vô hình của mình rồi. Hai mươi một tuổi đầu rồi mà nói mình không biết bơi thì xấu hổ quá đi mất.

Và dưới sự quan sát của hai bậc thầy bơi lội: Paul có chứng chỉ Dive Instructor (*thầy dạy lặn*), William đã từng ở trong đội tuyển chèo thuyền quốc gia, mọi người nhanh chóng nhận ra rằng tôi thực ra biết bơi! Lý do duy nhất khiến tôi không nổi được dưới nước là ngay khi nước chạm vào mặt, tôi tá hỏa lên, để nước vào mũi, thế là chìm. Nhận ra vấn đề, Paul bảo tôi thử đeo kính, ngậm ống hơi bơi thử xem sao. Tôi bơi ngon lành!

Paul dạy tôi bơi còn William dạy tôi chèo Kayak. Kể thêm một chút về William. Anh trẻ, thông minh, vừa tốt nghiệp Oxford, đi nhiều, biết nhiều. Không chỉ thế, anh còn đẹp trai lung linh. Anh cao hơn một mét tám mươi, tóc vàng bông bông, mắt xanh biêng biếc, khuôn mặt đẹp như diễn viên điện ảnh. Tôi không hiểu tại sao anh lại thích một con bé như tôi.

- Em là cô gái thú vị nhất mà anh từng gặp.
- Em lùn. Mỗi lần nói chuyện với anh em thấy mỏi cổ lắm.
- Con gái nhỏ nhắn khiến anh muốn che chở.

Một lần đi snorkel, tôi búng bình không chịu mang theo giấy. Lúc về, trời nắng chang chang, đường đầy đá dăm nóng bỏng, mỗi lần đặt chân xuống tôi đều phải kêu lên oai oái. Anh bế xốc tôi lên, cõng tôi suốt quãng đường gần hai kilômét mặc cho tôi kịch liệt phản đối còn bản thân anh thì mồ hôi nhễ nhại. Một lần khác, khi chúng tôi đứng ở ngoài sân vừa uống rượu vang vừa nghe nhạc, thấy tôi lắc lư theo một bản nhạc waltz, William hỏi tôi có muốn nhảy không. Tôi lắc đầu:

- Em không biết nhảy.
- Lại đây. Đặt chân lên chân anh.

Anh nhắc bông chân lên, để tôi đứng lên hai bàn chân anh, cầm lấy tay tôi rồi bắt đầu nhảy. Tôi cảm giác mình đang bay vậy. Ngày bé, tôi rất thích được nhảy với bố như thế. Nhưng bây giờ nặng thế này, bố chẳng tha nổi nữa. Nhảy với William, bất giác tôi thấy mình thật nhỏ bé. Bất giác, tôi thèm được ai đó che chở. Bất giác, tôi thấy nhớ kinh khủng một ai đó.

Khi chúng tôi mỗi đứa đã về lại phòng mình đi ngủ, William nhắn tin cho tôi:

- Ngủ ngon và đừng nghĩ về anh nhiều quá nhé.
- Anh biết em có người khác để nghĩ đến rồi.

- Em nên nghĩ nhiều hơn đến người đang bước vào cuộc đời mình, hơn là đến người đang bước ra khỏi nó.

- Goodnight, William.

27. Tạm biệt Mombasa

Sau một tuần sống mà như mơ ở nhà Paul, tôi đã khỏe trở lại, sẵn sàng quay trở lại Mombasa đối đầu với thực tại. Philip và Shak cũng đã trở về từ Ethiopia. Những tưởng cuộc sống của tôi đã lấy lại được thăng bằng, nhưng tôi nhanh chóng nhận ra rằng mình là một con bé ngốc. Tôi ngốc lắm. Những cái cần nín kẻo thì lại hồ hững nhìn nó trôi mất, những cái nên để cho nó đi qua thì lại cố nín kẻo. Những người thực sự yêu thương mình thì lại không yêu. Bao nhiêu tình cảm lại trao hết cho ai đó chỉ coi mình là người qua đường. Philip không phải là một người đàn ông xấu. Anh tốt với tôi. Anh chỉ đơn giản không coi tôi như một sự lựa chọn thích hợp. “Em là một cô gái tự do. Em thuộc về thế giới bao la ngoài kia. Mombasa không thể giữ chân em lại được”, anh bảo với tôi như thế.

[©STENT](#)

Mặc dù tôi vẫn biết mình sẽ rời Mombasa để tiếp tục lên đường, khi nhận ra rằng Philip không hề có ý định giữ tôi lại, tôi vẫn cảm giác như trái tim mình bị bóp nát thành trăm ngàn mảnh vụn.

Kế hoạch ban đầu của tôi là tìm thuyền sang đảo Zanzibar của Tanzania. Giống như Lamu, đây cũng được coi là cái nôi của nền văn hóa Swahili. Sau cả tuần năn nỉ ở bến cảng, cuối cùng tôi cũng tìm được một tàu chở hàng đồng ý cho tôi đi cùng. Theo luật, tàu chở hàng ở đây không được phép nhận hành khách. Sau khi suy nghĩ về việc lên đênh ba ngày trên biển với một nhóm thủy thủ toàn đàn ông, tôi cảm thấy không an toàn lắm nên đành đi đường bộ. Paul lên Mombasa tiễn tôi, nhưng rồi không nỡ nhìn thấy tôi đi, anh cùng tôi đi nhờ xe lên đến tận biên giới. Khi chia tay, anh bảo anh sẽ gọi điện cho mẹ anh ở Dar es Salaam (*thủ đô Tanzania*), xin cho tôi ở cùng.

Tìm hiểu thông tin, tôi biết hộ chiếu Việt Nam có thể mua visa Tanzania ở biên giới với giá năm mươi đô. Cái tôi không biết là để mua được visa, tôi cần phải có giấy chứng nhận tiêm phòng sốt da vàng. Chính xác là tôi có biết, nhưng chưa bao giờ coi mấy qui định đấy là bắt di bắt dịch. Tôi định cứ đến biên giới rồi năn nỉ, không lẽ người ta lại đuổi tôi về? Tôi không ngờ rằng người ta không đuổi tôi về, mà lại chỉ tôi ra chỗ tiêm phòng ngay ở biên giới với giá cắt cổ năm mươi đô la một lần tiêm. Không tiêm thì không được qua. Mà tiêm thì tôi không đủ tiền trả. Chẳng lẽ tôi lại phải quay ngược lại Mombasa để tiêm. Giá tiêm trong thành phố cũng lắm là hai mươi đô. Chưa biết làm thế nào, tôi đứng ở đấy ăn vạ. Tôi để ý thấy có rất nhiều người Kenya vào tiêm. Có cái gì đó không ổn. Những năm

mười đô thì không thể nào lại có nhiều người Kenya đến tiêm như vậy. Tôi hỏi một chị ở đó:

- Sao chị không tiêm trong thành phố cho rẻ mà lại tiêm ở đây.
- Đâu, giá tiêm ở đây cũng tương đương mà.
- Chị trả bao nhiêu?
- Mười đô.

Ha, thế hóa ra người dân những nước Đông Phi chỉ phải trả bằng một phần năm giá cho mzungu chúng tôi. Tôi liền tiếp cận lại bác hải quan, giải thích một thôi một hồi rằng nào thì chính sách đó là bất công, nào thì mzungu chúng tôi không phải ai cũng có tiền, nào thì tôi chẳng còn xu nào. Không biết vì thương hại hay vì sốt ruột, cuối cùng ông cũng đồng ý cho tôi tiêm với giá của người địa phương. Có được giấy chứng nhận tiêm phòng sốt da vàng rồi, tôi nhanh chóng lấy được visa. Một bác gái người Nam Phi đang lái xe từ Kenya lên Dar es Salaam đồng ý cho tôi đi nhờ.

Tôi nhìn sang biên giới phía Kenya lần cuối trước khi bước lên xe. Tạm biệt Mombasa. Tạm biệt phòng ngủ đầy sao. Tạm biệt những buổi hoàng hôn bên bờ Ấn Độ Dương đã khiến trái tim tôi một lần nữa rung động trở lại. Tạm biệt Philip. Tạm biệt Shak. Tạm biệt Kent Rock. Tạm biệt nhóm làm phim thật tài năng nhưng cũng thật nhắng nhít. Tạm biệt Paul. Tạm biệt William. Một ngày nào đó, tại một nơi nào đó, chúng ta sẽ gặp lại.

28. Gái sông bạc

Không một xu dính túi, việc đầu tiên tôi cần làm khi đến Dar es Salaam là tìm một việc làm. Chiến lược tìm việc của tôi đơn giản như mọi lần: đi lòng vòng thấy nhà hàng, cửa hàng, văn phòng nào cũng chạy vào hỏi. Tôi tìm được một việc ở một đại lý bán vé tàu thủy với mức lương năm nghìn Tsh một ngày (*khoảng sáu mươi nghìn VNĐ*). Nhưng ông chủ trẻ tuổi yêu cầu tôi phải ở lại buổi tối hôm đó để “phỏng vấn”. Nhận thấy có gì không ổn, tôi khéo léo từ chối rồi chạy mất dép. Hầu hết những chỗ đang hoàng tử té thì yêu cầu tôi phải có giấy phép làm việc (*work permit*), những chỗ khác thì trả một mức lương thấp đến nỗi không đủ cho tôi trả tiền ăn, nói gì đến chuyện tiết kiệm để đi nước tiếp theo.

Khi đang đi lang thang thì tôi bắt gặp một tấm biển lớn quảng cáo sông bạc lớn nhất ở Tanzania. Một ý tưởng chợt lóe lên trong đầu tôi, tôi đi theo biển chỉ dẫn chỉ để thấy mình ở ngay trước một sông bãi. Trước khi anh bảo vệ to cao có thể chặn tôi lại, tôi đi thẳng về phía anh yêu cầu gặp người quản lý.

- Người quản lý nào cơ?

- Người to nhất.

- Chị có hẹn không?

- Không.

Anh nhìn tôi như thể đang ước lượng tôi nặng bao nhiêu để còn ném tôi ra khỏi cửa, nhưng không biết anh đôi ý thế nào lại lấy bộ đàm ra nói chuyện với ai đó. Sau đó tôi được dẫn vào gặp một người phụ nữ dong dỏng cao, tóc vàng và nói giọng Nga đặc sệt. Tôi giải thích với chị rằng tôi đang tìm việc. Chị nhìn tôi từ đầu tới chân:

- Hừm, đúng là ở đây đang cần một host (*chủ nhà cái ở sông bạc*). Nhưng cô gái đó phải đẹp. Em nhìn thấy những cô gái làm việc ở sông bạc này không? Cô gái đó phải đẹp hơn cơ.

- ... (*Im lặng, tiu nghỉu, thôi thế chắc không đến lượt mình rồi*).

- Chị nghĩ em nếu cố gắng thì cũng có thể đẹp đó. Nhưng giờ thì nhìn em chẳng khác gì một đứa lang thang không nhà không cửa (*trời, sao đoán đúng quá vậy*). Ngày mai em quay lại đây, mặc đẹp hơn để chị xem thế nào.

Hôm sau tôi quay trở lại, tự hào nói với anh chàng bảo vệ kia rằng hôm nay tôi có hẹn đằng hoàng với chị tổng giám đốc. Anh lấy bộ đàm ra gọi. Từ những gì nghe lỏm được, tôi lờ mờ đoán rằng chị tổng giám đốc kia đã quên bém tôi mất rồi. Tôi tiu nghỉu, nhưng anh vẫn bảo tôi đợi. “Đợi bao lâu cơ anh?”. Anh nhún vai. Tôi kiên nhẫn ầm ức ngồi đợi. Cuối cùng, chị cũng xuất hiện với một chiếc micro và yêu cầu tôi nói gì đó với tất cả mọi người đang có mặt ở đây.

- Nói gì cơ ạ?

- Thì đại loại là chào mừng mọi người đến với sông bạc, giới thiệu bản thân em.

Thế là tôi lạc lõng đứng ngay giữa sông bạc, chẳng hiểu chuyện gì đang diễn ra còn tất cả thì cứ nhìn tôi chằm chằm. Tôi cũng không nhớ tôi nói cái gì, nhưng chắc là phải buồn cười lắm, vì sau đó, chị tổng giám đốc phá lên cười.

- Ít ra thì em cũng không thuộc dạng bẽn lẽn. Đợi một chút, chị phải kiểm tra lại cái này đã.

Mười lăm phút sau, chị gọi tôi vào phòng.

- Chị cần em một tuần ba tối, mỗi tối ba tiếng từ chín đến mười hai giờ. Công việc trả lương không cao nhưng yêu cầu cũng không có gì nhiều. Em có chắc là em muốn làm việc với mức lương này không?

Chắc chị thấy tôi nghiệp cho tôi lắm. Bất kỳ ai đến Dar (*tên gọi phổ biến của Dar es Salaam, thủ đô Tanzania*) trong một hai năm trở lại đây đều hiểu giá cả đã tăng đột biến như thế nào. Ở một quốc gia mà thu nhập bình quân đầu người còn thấp hơn cả Việt Nam, giá cả mọi thứ ở Dar cao hơn ở Thành phố Hồ Chí Minh đến mấy lần. Nếu đi ăn ở một nhà hàng hạng trung, bạn sẽ phải trả ít nhất mười nghìn Tsh một bữa (*khoảng một trăm hai mươi nghìn VNĐ*) chưa kể đồ uống. Để thuê một căn hộ chung cư hai phòng ngủ ở gần trung tâm thành phố, bạn phải trả ít nhất một nghìn năm trăm USD một tháng. Với mức lương chị trả tôi, tôi còn không thể thuê một nửa phòng, nói gì đến một căn hộ. Nhưng tôi nhẩm tính, nếu tôi ở nhờ nhà bạn, tôi có thể tiết kiệm khoảng hai trăm USD sau một tháng, đủ cho tôi đi sang Malawi.

- Với em hiện tại, làm việc không chỉ để kiếm tiền mà là để trải nghiệm. Em nghĩ làm việc ở sòng bạc sẽ cho em những trải nghiệm thú vị.

Chị mỉm cười và trao cho tôi một phong bao màu nâu.

- Thế thì tốt. Đây là một ít tiền để em mua váy và đồ trang điểm. Nhớ rằng em phải trở thành cô gái đẹp nhất ở sòng bạc.

Công việc ở sòng bạc của tôi bắt đầu như thế đấy. Thực sự, “công việc” là từ quá xa xỉ cho nhưng gì mà tôi làm. Ngoại trừ việc phải nói trên micro khoảng năm đến mười phút mỗi tối, tất cả những gì tôi làm chỉ là đi vòng vòng chào hỏi những người mà ban quản lý đã cho tôi biết trước là “khách chơi lớn”, đảm bảo rằng họ cảm thấy thoải mái ở đây và sẽ quay trở lại. Tôi hay đùa với bạn bè rằng nếu mà tinh tinh nhìn đẹp một chút, chắc người ta cũng chẳng thèm thuê tôi.

Có một điều khiến tôi suýt bỏ việc ngày đầu tiên đi làm, đó là 90% người chơi ở đó nghĩ tôi là...”gái làm tiền”. Tôi nói chuyện khá nhiều với những người chơi lớn ở sòng bạc và hệ quả của nó là tôi có vài nhà triệu phú, thậm chí cả tỷ phú, đề nghị cho tôi rất nhiều lợi ích về mặt kinh tế nếu tôi chịu “kết bạn” với họ. Nhưng tôi chỉ lịch sự từ chối. Sau khi bị tôi từ chối vài lần, một trong những đại gia ở đây nói với tôi:

- Em bị làm sao à? Cô gái nào mà không muốn ở trong vị trí của em? Khi cơ hội đến, em phải gạt bỏ nguyên tắc của mình sang một bên. Kết bạn với một người có thể cho em đủ tiền đi vài vòng quanh thế giới mà không phải tìm việc ở đâu nữa.

- Em không bị làm sao cả. Nếu như em tuyệt vọng đến mức không còn cách nào khác, có lẽ em sẽ phải chấp nhận “cơ hội” này. Nhưng bây giờ em hài lòng với những gì em có, tại sao em phải buộc

bản thân mình làm những gì mình không thích ?

29. Một Dar khác

Des es Salaam tiếng Ả Rập có nghĩa là “chốn bình yên”. Những ngày ở Dar es Salaam tôi có cảm giác như mình đang sống một cuộc sống khác vậy. Tôi ở nhờ nhà mẹ của Paul. Mẹ Paul làm cho một tổ chức của chính phủ Mỹ nên bà ở trong khu của sứ quán Mỹ, trong một ngôi biệt thự to vật vờ với bể bơi và lính gác riêng. Nhà rộng đến nỗi lần đầu tiên đến, tôi đã hỏi bác nhà này dành cho bao nhiêu gia đình. Paul khi đó cũng sang Tanzania, lý do chính là ở với mẹ nhưng thực ra là sang chơi với tôi. Ở Dar có một câu lạc bộ du thuyền với khu nhà nghỉ và bãi biển riêng. Để trở thành thành viên, bạn phải được một thành viên hiện tại mời và phải trả phí thành viên hàng năm cao ngất ngưởng. Nhưng mẹ Paul là thành viên nên chúng tôi nghiễm nhiên có thể trở thành thành viên kén. Paul lớn lên ở châu Phi, không có gì làm hay sao mà anh đầu tư toàn bộ thời gian vào niềm đam mê của mình và trở thành cao thủ của hầu hết các môn thể thao dưới nước: bơi, lặn, chèo kayak, lái thuyền buồm. Ở câu lạc bộ lại có tất tần tật các dụng cụ. Cứ chiều chiều hai đứa tôi lại ra câu lạc bộ để chơi, và Paul dạy tôi lái thuyền. Ở đây, tôi phát hiện ra niềm đam mê thuyền buồm của mình. Đi thuyền buồm là một nghệ thuật. Nó đòi hỏi không chỉ sự dẻo dai, tinh tế, mà còn vô vàn kiên nhẫn bởi vì không phải lúc nào gió cũng thổi theo hướng bạn muốn. Thuyền buồm đi rất chậm. Cuối tuần, chúng tôi và mẹ Paul ra câu lạc bộ xem đua thuyền buồm. Lần đầu tiên tôi được xem một cảnh tượng như thế. Cuộc đua đã bắt đầu được mười lăm phút rồi mà tôi vẫn ngơ ngác hỏi bao giờ thuyền bắt đầu chạy. Ngồi từ trong nhìn ra, tôi chẳng thấy cái gì di chuyển cả.

Để có thể tận dụng gió trời một cách hiệu quả nhất, bạn phải thực sự hòa mình làm một với thiên nhiên: trời, mây, gió và biển. Bạn phải nhìn trời để xác định phương hướng, nghe tiếng để biết gió sắp chuyển hướng đi đâu. Bạn có thể cảm nhận được nhịp đập của biển, đắm chìm vào sự chuyển dịch của những đám mây đủ hình thù kỳ quái trên bầu trời. Tôi có thể lấy một con laser (*thuyền buồm nhỏ dành cho dân chơi thể thao*) và một mình lênh đênh trên biển cả ngày trời. Tôi bảo với Paul về mơ ước một ngày nào đó có được con thuyền của riêng mình. Anh bật cười:

- Em biết người ta gọi thuyền là gì không? Nó là một cái lỗ trên mặt nước để mình đồ tiền vào. Mua thuyền giá một thì phí duy trì phải gấp ba lần. Nhưng nếu một ngày nào đó em muốn mua thuyền với giá hời thì đây chính là chỗ - Paul chỉ vào một loạt thuyền đang đỗ ở đấy – Cái này, cái này, cái này đang được rao bán. Hai vợ chồng mua du thuyền cùng nhau đi du lịch vòng quanh thế giới. Đi nửa đường thì chia tay, rao bán thuyền với giá rẻ ở đây.

Qua Paul, mẹ của Paul và sòng bạc, tôi quen khá nhiều người: chủ nhà hàng, chủ khách sạn, nhân viên ngoại giao ở các đại sứ quán. Tôi cũng bắt đầu kết thân với Gwynneth – một cô bạn người Ireland làm việc cho một NGO; Chitt – anh bạn tôi gặp ở Ấn Độ một năm trước bây giờ cũng đã

chuyển sang Dar làm chuyên viên IT; Alex – anh chàng người Pháp làm việc ở một sông bạc khác ở Dar; Robyn – cô bạn người Mỹ đang làm khóa luận tiến sĩ; Laura – cô bạn người Tanzania nhưng lớn lên ở Anh. Cuộc sống của tôi khi đó là một cái vòng luẩn quẩn: biệt thự, sông bạc, nhà hàng sang trọng, khách sạn, câu lạc bộ du thuyền. Tôi đi lại hoặc bằng xe với lái xe riêng của mẹ Paul, hoặc bằng một taxi quen, nhưng sống sót bằng mỳ tôm và đồ ăn vỉa hè. Nói ra chẳng ai tin tôi nghèo.

Mẹ của Paul là một người phụ nữ tuyệt vời. Ban đầu, bác tưởng tôi là bạn gái Paul, nhưng sau khi phát hiện ra không phải, bác vẫn quý tôi như trước. Bác bảo: “Ai cũng cần có bạn thân. Bác vui vì con trai bác có một người bạn thân như cháu”. Bác giúp tôi trang điểm để đi làm ở sông bạc. Bác còn cho tôi mượn trang sức của bác để nhìn thêm lộng lẫy. Bác bảo rằng bác cảm giác như mình là người mẹ Mỹ của tôi vậy.

[©STENTstenT](#)

Bác và chồng là bác sĩ làm việc cho tổ chức phòng chống dịch bệnh của chính phủ. Hai người đã dành cả cuộc đời mình để đấu tranh với AIDS ở khắp nơi trên thế giới, đặc biệt ở châu Phi, châu Á và Nam Mỹ. Bác hỏi tôi đến từ Việt Nam có thích ăn sầu riêng không. Bác bảo hồi bác ở Thái Lan, trong một lần trò chuyện, bác hỏi xem họ có gợi ý gì để giúp cho công tác phòng chống HIV hiệu quả hơn không. Một người đàn ông rụt rè gãi tay. Nhưng sau khi anh chàng thì thầm vào tai phiên dịch thì người này lắc đầu nguầy nguậy: “Không, tôi không dịch đâu”. Bác phải thuyết phục mãi người phiên dịch này mới chịu nói. Hóa ra anh chàng muốn có bao cao su vị sầu riêng. Một tháng sau, cơ quan bác chuyển hẳn một xe tải bao cao su vị sầu riêng đến, và nó trở thành bao cao su được yêu thích nhất ở Thái Lan lúc bấy giờ.

Nhờ vào mối quan hệ của mình ở Dar, tôi nhận được lời mời làm marketing quốc tế cho một tập đoàn khách sạn với thời hạn hợp đồng ít nhất hai năm. Bác kiên quyết phản đối:

- Công việc này ở dưới tầm của cháu. Cháu không phải là con người sinh ra để làm việc vì tiền.
- Nhưng cháu không biết cháu muốn làm gì.

- Đừng sợ, phải đến tận bốn mươi tuổi bác mới phát hiện ra mình muốn làm gì cơ. Bác làm rất nhiều thứ thú vị khi bác tầm tuổi cháu, nhưng bác chỉ bắt đầu đấu tranh với AIDS khi bác bước sang tuổi bốn mươi. Tuy nhiên khi nhìn lại, bác thấy rằng chính những cái bác làm khi bác hai mươi, ba mươi mới cho bác kỹ năng để làm công việc hiện tại. Vậy nên, cháu cứ đi và trải nghiệm đi. Có thể nó không phải là cống hiến rõ rệt cho thế giới, nhưng nó sẽ cho cháu những kỹ năng cần thiết để cháu theo đuổi lý tưởng của mình sau này. Cháu là một cô gái sáng tạo và thông minh. Bác tin là một khi cháu đã tìm ra thứ cháu muốn cống hiến cả cuộc đời mình, cháu sẽ làm nó rất hiệu quả.

30. Arusha và Zanzibar

Lần đầu tiên nhìn thấy bão núi, tôi cảm giác như mình đang bay vậy. Hàng triệu chiếc lá được gió cuốn xoay tròn trên không tạo thành những vòi rồng khổng lồ. Hàng ngàn chú chim vỗ cánh bay xào xạc cùng lúc tạo thành những âm thanh phi thường nhất mà tôi từng nghe. Gió thổi lồng lộng, mạnh đến mức tưởng như có thể bóc cả ngọn núi quay vòng trên không trung. Xe buýt phải dừng lại trú bão ở một khe núi. Lúc đấy tôi đang đi từ Dar es Salaam lên Arusha. Với tâm thế của người làm ra tiền, tôi tự nhiên thấy lười, quyết định đi xe buýt thay vì đi nhờ xe.

Không như chốn phồn hoa Dar es Salaam, Arusha là một thành phố trầm lắng nằm ở chân ngọn Kilimanjaro, đỉnh núi cao nhất châu Phi. Lý do duy nhất để người ta đến đây hoặc là để trèo ngọn núi này, hoặc là để đến thăm Serengeti, một trong những vườn quốc gia giàu có nhất châu Phi tính về số lượng động vật hoang dã, trải dài từ phía Nam Kenya đến phía Bắc Tanzania. Serengeti nổi tiếng vì những cuộc di trú huyền thoại hàng năm của hàng triệu chú wildebeest.

Chủ nhà CouchSurfing của tôi ở Arusha là một anh chàng người Pháp tên là Romain. Cũng giống như tất cả những người nước ngoài khác đang sinh sống ở cái thành phố vùng sâu vùng xa này, anh làm trong ngành du lịch. Anh phụ trách công ty du lịch lớn nhất khu vực Đông Phi, chuyên cung cấp các tour tham quan với một loạt nhà nghỉ cao cấp nằm ở những vị trí đắc địa nhất trong vườn quốc gia. Anh chưa đầy ba mươi tuổi nhưng lại có khuôn mặt của một người đã sống thật nhiều, sống gió cuộc đời hẳn rõ lên ánh mắt sâu thẳm. Trước khi định cư ở Tanzania, anh đã lăn lộn ở Haiti, Ấn Độ, kiếm thật nhiều tiền, phá sản, kiếm thật nhiều tiền, rồi lại phá sản. Gia đình anh từng nổi tiếng ở khắp các nước nói tiếng Pháp bởi bác anh là người đã tự tay giết chết hai đứa con nhỏ của mình. Anh kể là hồi anh còn nhỏ, mỗi khi bác anh sang chơi, bố mẹ anh đều phải gửi anh sang nhà hàng xóm.

Vì công việc của mình, anh ra vào vườn quốc gia liên tục. Anh gọi mỗi chuyến đi như vậy là đi vào “trong bụi”. Với anh, ở châu Phi là “ở trong bụi” (*in the bush*). Khi ở nhà anh, tôi năn nỉ anh cho tôi đi cùng anh một chuyến. Lúc đấy lại đúng là mùa di trú của wildebeest. Nhìn thấy hàng triệu chú wildebeest cùng lúc phi nước kiệu, bụi mù mịt cả bầu trời thực sự là một cảnh tượng tôi sẽ không bao giờ quên.

©STENT: <http://www.luv-ebook.com>

Romain là kiểu người mà ai xin ở nhờ cũng cho ở. Lúc đó anh cũng đang cho một chị gái khá quái dị tên là Torri ở nhờ. Tôi tưởng tôi đã đi khủng, gặp chị vẫn phải gọi là sư phụ. Suốt ba năm qua, chị một mình một lều một ba lô đi nhờ xe từ Anh sang tận châu Phi. Người chị to chắc, tóc bết lại kiểu không bao giờ gội, giọng ồm ồm như đàn ông và ăn mặc cũng rất bụi bặm. Cô nàng ghi rõ ràng trên hồ sơ CouchSurfing của mình: “NẾU ANH LÀ ĐÀN ÔNG VÀ ANH CHO TÔI NGỦ NHỜ, ĐỪNG CÓ CỐ GẮNG TÌM CÁCH NGỦ VỚI TÔI. TÔI ẮN CHAY, NÊN ĐỪNG CÓ CỐ DỤ TÔI ẮN THỊT”. Romain có lần bảo tôi: “Nói thật, anh thấy hơi sợ khi ở cạnh Torri”. Tôi thì đồng cảm với chị. Cái gì cũng có giới hạn của nó. Sau ba năm thân gái một mình rong ruổi khắp châu Âu, Trung Đông, Bắc Phi,

chị chắc không còn kiểm chế được nữa. Gặp chị, tôi quyết định sẽ chỉ giới hạn chuyến đi của mình tối đa là hai năm thôi.

Khách của anh lúc đó ngoài chúng tôi ra còn có một nhóm thanh niên người Đan Mạch vừa hoàn thành sáu tháng tình nguyện với Hội chữ thập đỏ ở Uganda, giờ tranh thủ đi quanh khu vực Đông Phi trước khi quay trở lại châu Âu. Nhóm này đều tầm tuổi tôi, đều ham vui, đều mất phương hướng, đều tốt nghiệp cấp ba xong không biết làm gì nên dạt sang châu Phi tìm cảm hứng. Khỏi phải nói chúng tôi kết thân nhanh chóng đến thế nào. Ida là một cô bạn cao lớn nhưng rất xinh xắn. Khi bị cô bạn nhận xét về chiều cao khiêm tốn của mình, tôi phũ tay:

- Tao nhỏ chẳng qua là tao “đậm đặc”. Mật độ sự tuyệt vời trong tao quá cao.
- Chuẩn, mật độ sự tuyệt vời trong mày là quá cao. Chúng tao yêu mày mất rồi Chip ạ.

Chúng tôi hẹn nhau năm mới cùng ra đảo Zanzibar tiệc tùng. Năm mới, tất cả những người mà chúng tôi quen biết đều có lịch đi nghỉ ở Zanzibar. Tất cả khách du lịch đều đổ dồn ra đây. Cả hòn đảo Zanzibar trở thành sân khấu cho bữa tiệc năm mới lớn nhất châu Phi.

31. Chán ngán Dar es Salaam

Tôi không hối tiếc thời gian mình làm việc ở sông bạc mà ngược lại, đó là khoảng thời gian tôi học được rất nhiều. Tôi làm quen với một thế giới hoàn toàn mới. Tôi đã từng rất ghét sông bạc, ghét lây cả những người mở sông bạc vì tôi từng nghĩ, họ như những kẻ hút máu vậy. Tôi bắt đầu chơi với Iain, một quản lý ở sông bạc nhưng cũng là con trai ông chủ. Tôi nhận ra rằng đó đơn giản chỉ là một ngành kinh doanh, nếu người này không làm thì người kia sẽ làm.

Nhưng sau hai tháng làm việc ở đó, tôi bắt đầu thấy chán. Tôi chán việc phải giả vờ quan tâm đến những người nhật nhẽo tưởng chết, ngày nào họ cũng chỉ nói đến một thứ duy nhất: tiền bạc và hưởng thụ. Tôi chán việc phải giả vờ đủ ngốc để đồng ý với việc họ đang làm. Con trai một cựu Tổng thống Tanzania ngày nào cũng đến sông bạc, thua hết tiền, ôm mặt khóc rồi hôm sau lại đến. Tôi chán việc phải giả vờ tôn trọng những người mà tôi thực sự khinh bỉ: những người tiền thì nhiều mà lương tri chẳng đáng một xu. Một vị tỉ phú ở đây khiến tôi buồn nôn mỗi khi nói chuyện với ông. Tôi biết ông là tỉ phú vì mặt ông chinh ình trên trang nhất tờ báo lớn nhất Tanzania khi công ty ông đầu tư hơn một tỷ USD vào đất nước này. Ông rủ tôi đi chơi nhưng tôi từ chối. Ông bảo: “Em nghĩ tôi quá già cho em à? Bạn gái tôi có người còn trẻ hơn em nhiều. Mười ba, mười bốn tuổi cũng có. Chính bố mẹ chúng đưa chúng đến với tôi, vì tôi sẽ cho họ tiền, rất nhiều tiền”.

Thật ghê tởm.

©STENT: <http://www.luv-ebook.com>

Lúc đẩy mẹ của Paul đã hết nhiệm kỳ ở Tanzania, cả nhà anh về lại Mỹ đón năm mới. Tôi ở lại Dar một mình. Jack chính là người đã giúp đỡ tôi rất nhiều về mặt tinh thần trong thời gian tôi khủng hoảng ở Dar.

*

Sau một bữa tiệc phải nói là huyền thoại ở Zanzibar, Ida và đám bạn rời đảo sớm bắt kịp chuyến bay, để lại tôi đứng tần ngần tần ngần vì buồn. Bất chợt, tôi nhìn thấy một anh chàng tóc đỏ hoe, xoắn tít, lông ngóng dắt chiếc xe đạp lên lối trong những ngõ hẻm nhỏ xíu. “Xe đạp gỗ”, một tia điện xẹt qua đầu tôi. Tôi chạy đến, gõ nhẹ lên vai anh.

- Anh là Jack phải không?

Anh quay lại, há hốc miệng ra nhìn tôi.

- Đúng rồi. Còn em là?

- Ninja – Tôi toét miệng ra cười.

Đến tận bây giờ, Jack vẫn gọi tôi là Ninja. Bằng cách nào đó tôi luôn xuất hiện đúng lúc đúng chỗ mà anh không thể nào ngờ được. Tôi biết Jack qua Philip. Lúc tôi mới sang Dar es Salaam, Philip nhắn tin bảo có một anh chàng khủng không kém em đang đạp một chiếc xe đạp bằng gỗ dọc châu Phi, chuẩn bị qua Tanzania. Anh cho Jack số điện thoại của tôi để hai người liên lạc. Chúng tôi có nhắn tin qua lại vài lần nhưng cứ anh ở đây thì tôi lại ở kia. Lần cuối cùng nhắn tin, tôi biết Jack cũng sẽ ra Zanzibar đón năm mới.

Có những người mình gặp hàng năm trời mà vẫn chẳng trở thành bạn được. Có những người vừa nói vài câu thôi mà cảm giác như đã thân quen từ lâu lắm rồi. Jack là một người như thế. Tôi quen Jack đúng lúc xe đạp của anh bị hỏng, anh phải ở lại Dar chờ Oxford gửi đồ sang sửa. Chiếc xe đạp của anh là chiếc xe đạp gỗ đầu tiên trên thế giới, xây dựng bởi trường Đại học Oxford. Anh tình nguyện đạp xe đi dọc châu Phi để gây quỹ cho một cơ sở các chương trình xã hội.

Anh hay lên sông bạc ngồi chơi với tôi bởi ở đây có wifi còn tôi thì có thể lấy đồ ăn uống cho anh miễn phí. Anh thích thú quan sát tôi làm việc. Anh bảo nhìn kĩ thì đúng là tôi xinh hơn tinh tinh nhưng có khi tinh tinh lại làm việc này tốt hơn tôi. Tôi không đóng kịch được. Anh có thể thấy cái sự ngán ngẩm không chỉ đẩy lên đến cổ tôi mà còn thể hiện trên cả khuôn mặt.

- Em không phải ép mình làm cái mình không muốn, Chip ạ. Còn cả châu Phi phía trước để em khám phá cơ mà.

Một lần đang đi bộ với Jack từ sông bạc về chỗ tôi ở, một anh chàng đi giày boots cổ cao, quần da đen, áo phông trắng, tóc dài ngang vai như ca sĩ nhạc rock chặn chúng tôi lại hỏi đường. Anh chàng đang làm một chuyến đi xe máy khắp châu Phi.

Vậy là ba chúng tôi: một người đi xe máy, một người đạp xe đạp, một người đi nhờ xe dọc châu Phi, ai khùng hơn ai?

32. Làm bà mai ở Dodoma

Tôi quyết định nghỉ việc ở sông bạc và rời khỏi Dar es Salaam, tiếp tục cuộc hành trình của mình. Với số tiền kiếm được từ sông bạc, tôi mua cho mình cái máy ảnh lỏm nhất có mặt trên thị trường. Châu Phi là mảnh đất tệ nhất thế giới để mua đồ điện tử: đồ vừa ít lại vừa đắt đỏ. Jack cũng đã sửa được xe và tiếp tục lên đường. Hai đứa tưởng như có cùng cuộc hành trình nhưng lại đi bằng phương tiện hoàn toàn khác nhau. Chúng tôi hẹn sẽ cố gắng gặp nhau nhiều nhất có thể.

Như một quy luật tất yếu, sẽ chẳng có ai cho bạn đi nhờ xe từ trong thành phố cả. Tôi phải đi bộ hơn một tiếng với cái ba lô nặng trĩu để ra được đến con đường chính xuống phía Nam. Ở đây, một nhân viên kiểm soát người Oman dừng lại cho tôi đi nhờ. Ông bảo ông đã đi qua rồi, nhưng nhìn thấy con bé hay hay nên ông lại quay lại đón tôi. Ông cho tôi đi nhờ xe đến Chelazi, còn mời tôi ăn trưa bằng một bữa buffet hoành tráng. Tiếp đó, tôi đi nhờ được xe một người đàn ông đang trên đường đến Morogoro dự đám tang chị gái. Thực sự tôi thông cảm với nỗi mất mát của ông và rất muốn nói năng nhỏ nhẹ, nhưng cách nói chuyện của ông thì cứ như đang mời tôi đâm vào mặt. Ông khẳng định rằng Việt Nam là một tỉnh của Trung Quốc, rằng cho dù tôi có phủ nhận điều đó thì tôi vẫn là người Tàu.

- Không phải thế thì làm sao giải thích được chuyện cháu nhìn giống người Trung Quốc đến vậy?

- Nói thật, trước khi sang đây cháu thấy người châu Phi ai cũng giống ai. Vậy cháu có thể nói là vì người Tanzania nhìn giống người Kenya mà Tanzania là một phần của Kenya không? – Tôi cúi lên nói.

Từ Morogoro, tôi chờ mãi vẫn chẳng thấy ai cho đi nhờ đành phải leo lên shared taxi (*một dạng xe taxi nhưng nhiều người cùng chia nhau tiền cước*). Lần đầu tiên tôi thấy một người phụ nữ lái xe ở châu Phi. Nói chuyện với tôi một hồi, mọi người quyết định không lấy tiền của tôi.

Xe dừng lại ở một nơi nào đó tôi cũng chẳng biết. Lúc đấy đã là năm giờ chiều. Trời sắp sửa tối. Tôi đang băn khoăn có nên bắt xe buýt đi không thì một chiếc xe tải đi qua. Anh lái xe bảo anh nhìn thấy tôi ở Morogoro, bật đèn ra tín hiệu mà tôi không nhìn thấy.

[©STENT](#)

Thật khó có thể hình dung cái thị trấn đất đỏ Dodoma này mới chính là thủ đô của Tanzania chứ không phải thành phố xa hoa Dar es Salaam. Vì một lý do nào đó, năm 1973, chính phủ nước này quyết định dời thủ đô từ Dar es Salaam về đây. Nhưng có lẽ nơi đây buồn quá hay sao mà đến tận bây giờ phần lớn các cơ quan nhà nước vẫn nằm lại ở Dar, để Dodoma trở trọi với mấy con đường đất đỏ, mấy khu nhà lụp xụp, một khu chợ trời và một sân bay nhìn không khác gì một sân vận động bỏ hoang. Cũng không thể trách tại sao Dodoma lại bị thất sủng. Với cái tên dịch ra chính xác là “đã chìm” thì làm sao mà thành phố này nổi lên được.

Jasmin và Will đến đón tôi ở ngã tư rồi đưa thẳng tôi về tiệc ăn mừng nhà mới của Will. Ban đầu, tôi gửi tin nhắn trên CouchSurfing xin ở nhờ nhà Chloe, bạn của Jasmin, nhưng vì tình trạng nhà ở của Chlow đang bất ổn nên chị sắp xếp cho tôi ở nhà Jasmin. Ở một thành phố mà chẳng có gì khác ngoài đất đỏ thế này, nhóm người nước ngoài duy nhất ở đây nhanh chóng kết thân với nhau. Chloe, Jasmin và Will hầu như ngày nào cũng gặp nhau. Bữa tiệc ăn mừng nhà mới của Will là một bữa tiệc Tanzania điển hình với konyagi, một loại rượu địa phương, thực sự địa phương bởi tôi dám cá rằng ở bất cứ nơi nào khác ngoài Đông Phi thì loại rượu này sẽ bị cấm. Được gắn cái mác hoa mỹ “nước mắt sư tử”, nhóm bạn của tôi đùa rằng nó có mác như thế vì nếu uống nó thì đến sư tử cũng phải khóc. Tôi đọc được blog của một sinh viên người Anh về trải nghiệm lần đầu tiên uống konyagi như thế này: “Đầu tiên, bạn cố gắng chống lại nó, tay nắm lại, môi mím chặt, mắt nhìn thẳng. Rồi bất chợt lời bài hát yêu thích nhất của bạn cứ tự bay ra khỏi miệng bạn với đủ các cung bậc âm thanh mà chính bạn cũng không biết rằng mình có thể làm được như thế. Rồi chân bạn theo bước, bàn ghế nhanh chóng được phân tán tứ tung bay qua khắp đồng cỏ trong khi thứ chất lỏng lạ lùng này len lỏi vào từng cơ bắp trong cơ thể bạn...”.

Martin là một anh chàng điển trai mà nhóm bạn này tình cờ phát hiện ra trong một ngày đẹp trời. Hôm đấy Chloe, Jasmin và Will đang đi chợ thì bất chợt Chloe véo tay Jasmin: “Nhìn kìa, đẹp trai chưa”. Vậy là hai nàng hám trai cứ nhìn chàng chăm chăm, chàng quay ra nhìn lại, thế là quen nhau. Martin là người Argentina, làm việc cho một công ty Pháp ở Nam Phi và hiện nay đang ở Dodoma làm nghiên cứu thị trường về tình hình đời sống của người dân vùng sâu vùng xa. Martin thông minh, hài hước, nói chuyện có duyên lại nói tiếng Anh giọng Argentina yêu không thể tả nên khỏi nói con gái thích như thế nào. Nhưng có lẽ Jasmin thích anh hơn cả và có vẻ như Martin cũng thích Jasmin. Một buổi tối, tôi đang ở nhà với Jastin thì chị kêu âm lên.

- Ôi, Martin rủ chị đi chơi này. Chị phải trả lời sao đây?

- Sao chị lại hỏi thế? Martin thích chị, chị cũng thích Martin. Sao chị lại không biết trả lời sao?

- Chị sợ lắm.

- Sợ gì cơ?

- Chị không biết. Lỡ anh ta chỉ muốn đùa cho vui thì sao?

- Sặc, ai lại đùa ác thế bao giờ. Martin nói với em là anh ấy thích chị.

- Thật á? Nhưng làm sao một người như anh ấy lại có thể thích chị?

Tôi nán lại không giải thích gì với chị nữa, cầm lấy điện thoại của chị, nhắn tin cho Martin:

- Anh đến đón em đi.

Một lát sau, tôi nghe tiếng xe đỗ xịch ngoài cửa.

Martin và Jasmin đến giờ vẫn còn yêu nhau.

*

Khi chào mọi người rồi hỏi Dodoma, tôi bảo Martin.

- Anh nợ em lần này.

- Khi nào em sang Argentina anh sẽ trả nợ. Nhà của anh cũng là nhà của em.

33. Tặng đá biết nói ở Iringa

Rời khỏi Dodoma, tôi tiếp tục lên đường tiến thẳng xuống phía Nam. Anh chàng cho tôi đi nhờ xe đang trên đường về lại Dar es Salaam. Tôi cân nhắc chuyện về lại Dar làm việc ở sòng bạc thêm mấy hôm để kiếm thêm ít tiền, nhưng nghĩ đến sự chán ngán của mình ở đấy lại thôi. Người lái xe để tôi lại Morogoro, thành phố mà chỉ cái tên thôi đã gợi cho tôi hình ảnh của đủ loại cướp bóc. Một tháng trước, Chloe đến chơi nhà bạn ở đây đã bị trộm đột nhập vào nhà, đánh đập và cướp đi tất cả tài sản có giá trị.

Đi dạo ở thành phố một lúc, tôi tiếp tục bắt được xe của một người đàn ông đi qua rừng quốc gia Mikumi. Hai bên đường đầy voi, linh dương, ngựa vằn, hươu cao cổ. Người lái xe hỏi tôi có muốn dừng lại chụp ảnh không, tôi lắc đầu nguầy nguậy. Sau bốn tháng ở Đông Phi, tôi đã nhìn thấy đủ động vật để khỏi phải nhìn lại từ đây cho đến cuối đời. Tôi thực sự không hiểu tại sao người ta lại bỏ một đồng tiền cho một chuyến tham quan để xem động vật, trong khi chỉ cần lái xe qua những tuyến đường thế này thôi là có thể nhìn thấy đủ các loại động vật hoang dã. Mọi chuyện có thể nói là hoàn hảo cho đến khi tôi xuống xe và nhận ra mình đã để quên cuốn sổ ghi chép trên đó. Một điều cần lưu ý với đi nhờ xe là nếu chẳng may bạn có để quên đồ gì thì coi như đã mất. Tôi buồn đến phát khóc: bao nhiêu cảm xúc ngẫu hứng, bao nhiêu địa chỉ liên lạc của mọi người tôi gặp trên đường đi thế là mất hết.

Chuyến xe cuối cùng đưa tôi đến Iringa là của một anh chàng vô cùng tốt bụng. Mặc dù không có việc ở đây, anh vẫn đưa tôi vào tận trong thành phố, đến chỗ hẹn với Hodaka. Hodaka là bạn của Jasmin. Nói là bạn nhưng thật ra hai người mới chỉ gặp nhau một lần. Khi đi bộ cùng tôi ra chỗ tôi có thể đi nhờ xe, chị cho tôi số của anh. Tôi nhắn tin cho anh xin ở nhờ, anh lập tức gọi điện cho Jasmin để xác nhận danh tính của tôi, rồi nhắn lại cho tôi một tin nhắn rất nhiệt tình, bảo rằng nhà anh luôn có chỗ cho tôi ở.

Ban đầu, tôi đến Iringa chỉ vì đây là điểm dừng chân tiện nhất nằm giữa Dodoma và biên giới Tanzania – Malawi. Tôi không ngờ rằng đây lại trở thành thành phố yêu thích nhất của mình ở đất nước này. Iringa không có những địa điểm hoành tráng khiến người ta nhớ ngay khi vừa nhắc đến như Cairo với Kim Tự Tháp, Agra với Taj Mahal hay Paris với tháp Eiffel. Iringa chỉ đơn giản là một phố núi nhẹ nhàng nhưng tinh tế, với những thung lũng xanh ngút ngàn, những ngôi nhà nhỏ xinh xắn, bầu trời đêm đầy sao và những huyền thoại kết nối thế giới hiện tại với thế giới của hàng ngàn, hàng triệu năm về trước. Thời tiết ở đây lúc nào cũng hoàn hảo, không bao giờ lạnh quá, không bao giờ quá nóng, luôn luôn chỉ khoảng trên dưới hai mươi độ. Điểm yêu thích nhất của tôi là Giganglonga – tảng đá nói. Nó bao gồm hai vách tường đá dựng đứng song song với nhau tạo thành một khe nứt ở giữa. Gió thổi qua khe nứt này tạo thành âm thanh vô cùng kỳ quái. Ngày trước, bộ tộc Hehe (*bộ tộc bản địa nơi đây*) cứ nghĩ rằng âm thanh đấy là lời của Chúa. Mỗi khi trong làng có quyết định quan trọng, tộc trưởng đều khăn gói quả mướp lên đỉnh ngọn núi này để lắng nghe lời khuyên của Ngài. Ngày nay, ngọn núi trở thành một điểm tuyệt vời để quan sát toàn cảnh thành phố. Cách thành phố khoảng mười lăm kilômét là Isimila, nơi vẫn còn lưu giữ những dụng cụ đồ đá đầu tiên của loài người những bảy mươi nghìn năm trước. Đây là một thung lũng tuyệt đẹp với những cột đá hình thành do sự bào mòn tự nhiên nhìn như một vũ đài ngoài trời của người khổng lồ. Bước đi dưới những cột đá khổng lồ đó, bên cạnh những dụng cụ đồ đá hàng chục ngàn tuổi đó, tôi cảm nhận rõ rệt hơn bao giờ hết sự nhỏ bé của con người và sự hữu hạn của đời người. Cũng chính ở thành phố này, tôi được chứng kiến một trong những sáng kiến ấn tượng nhất mà tôi từng thấy. Neema là một trung tâm chuyên làm giấy và sản phẩm thủ công từ phân voi với dây chuyền sản xuất điều hành hoàn toàn bởi người khuyết tật.

Iringa là một thành phố xinh đẹp với những con người nồng ấm. Hodaka và nhóm bạn của anh là những người bạn tuyệt vời mà tôi thực sự mong muốn có thêm thời gian ở bên cạnh họ. Họ đều là người Nhật hoặc người Hàn, ở Iringa theo chương trình tình nguyện của chính phủ hai nước. Đôi khi tôi cũng không hiểu người ta thấy ở tôi điểm gì hay ho, nhưng nhóm bạn của Hodaka đối xử với tôi rất

tốt. Cả nhóm nấu một bữa ăn Nhật hoành tráng để thiết đãi tôi với những món mà mọi người để dành dụm mãi từ hồi mới sang. Trước khi tôi rời Iringa, mọi người bắt tôi hứa nếu cuối năm tôi về Việt Nam, nhất định tôi phải sang Nhật thăm mọi người.

34. Ăn Tết ở châu Phi

Tôi đến biên giới đúng hôm ba mươi Tết. Thực ra cũng không phải biên giới mà là một xóm nhỏ cách biên giới khoảng một trăm kilômét tên là Mbeya. Tại đây đường tách làm hai: một đường đi xuống biên giới Malawi, một đường đi xuống biên giới Zambia.

Phải nói rằng mạng lưới phủ sóng của CouchSurfing quá rộng. Tôi không ngờ rằng ở vùng sâu vùng xa như thế lại có thể xin ở nhờ được. Tobi và Michael là hai cậu học sinh vừa tốt nghiệp cấp ba người Đức đang tình nguyện dạy tiếng Anh ở đây. Michael bảo tôi đứng chờ ở ngã tư đường ray xe lửa cũng là chỗ họp chợ địa phương. Khu vực này có lẽ ít người nước ngoài qua lại, thấy tôi xuất hiện, ai cũng giơ điện thoại lên chụp. Người thì chụp từ xa, người thì giơ máy ảnh lên sát mặt tôi chụp, người thì chụp từ đằng sau, người thì chụp từ đằng trước cứ như thể tôi không cảm nhận được những cái nhìn soi mói này vậy. Tự nhiên tôi đồng cảm ghê gớm với người dân địa phương khi khách du lịch đến ai cũng lăm lăm máy ảnh.

Khi biết hôm ấy là giao thừa Tết Ta, hai người bạn Tanzania của Tobi và Michael quyết định nấu cho tôi món ăn “truyền thống” của người châu Á. Ở châu Phi người ta có khái niệm thế này: tất cả đồ ăn châu Á đều giống nhau và đều được gọi bằng một tên: cơm rang. Mặc dù tôi chưa từng thấy ai ở Việt Nam ăn cơm rang vào dịp Tết bao giờ nhưng sự nhiệt tình của các bạn làm tôi xúc động ghê gớm. Món cơm rang truyền thống hôm đây là một mớ hỗn độn của cơm, rau cải bắp, cà rốt, đậu Hà Lan, xúc xích. Ăn xong, tôi đứng dậy ôm chầm lấy các bạn: “Đây là Tết vui nhất của tớ ở châu Phi”. Tự nhiên tôi thấy nhớ nhà kinh khủng.

[©STENT](#)

Có lẽ cảm nhận được tâm trạng của tôi, Tobi và Michael quyết định làm một bữa tiệc nho nhỏ. Các anh thiết đãi tôi một loại đồ uống đặc biệt: konyagi trộn một loại hương vị giống C sủi nhưng dạng bột. Các anh bảo đây là thứ bột rất phổ biến ở Đức. Các anh thềm nó đến mức khi bố mẹ Tobi sang thăm anh, anh phải năn nỉ mang sang cho anh một ít. Chúng tôi vừa uống vừa hát hò âm ỉ. “Bữa tiệc” hôm đây còn có rất nhiều chocolate. Khi biết đây cũng là đồ bố mẹ anh mang sang, các anh phải để dành khi nào có dịp đặc biệt mới mang ra ăn, mắt tôi lại một lần nữa ngân ngấn nước.

Nhà hai anh chàng không có nước nóng, nhưng chẳng lẽ lại ở bản mà đón năm mới, tôi đành cắn răng lao vào nhà tắm. Nhiệt độ bên ngoài: Mười lăm độ. Nhiệt độ trong nước: đóng băng. Tắm xong

ra cảm thấy mình vĩ đại ghê gớm. Bố tôi từng bảo: “Nếu con có thể tắm nước lạnh lúc sáng sớm, con có thể làm tất cả những điều con muốn”.

Trước khi lên giường đi ngủ, tôi nắn nót viết vào cuốn sổ tay mới của mình.

“Chúc mừng năm mới, Chip! Chúc em càng đi càng thấy mình được yêu thương”.

Tự kỷ vật vã.

35. Vượt biên vào Malawi

“Tin tốt: mình đã đến được Malawi. Tin xấu: mình đang ở đây bất hợp pháp. Tin tuyệt vời: tiết kiệm được một trăm đô tiền visa. Tin khủng khiếp: làm thế nào mình có thể ra khỏi Malawi mà không bị bắt đây?”.

Khi dừng chân ở Mbeya, ý định ban đầu của tôi là đi thẳng xuống Zambia. Tôi phải bỏ qua Malawi vì visa nước này giá những một trăm đô. Nhưng khi đang ở Mbeya rồi, thấy mình ở gần Malawi quá, bỏ qua cũng tiếc, tôi quyết định thử qua biên giới xem sao. Có rất nhiều nước được vào Malawi mà không mất visa, Việt Nam lại là một nước có tên lạ hươu lạ hoắc, có khi nào các chú hải quan nhầm lẫn không nhỉ? Tôi bảo Tobi và Michael:

- Nếu họ cho tờ vào thì tốt, tiết kiệm được một trăm đô visa. Nếu họ không cho vào thì thôi, tờ lại quay ngược trở lại đây để đi Zambia.

- Ừ, nếu ấy quay lại đây thì có thể đến nhà bọn tớ lúc nào cũng được.

Tình cò thế nào, lúc ra khỏi nhà Tobi, tôi lại đi nhờ đúng chiếc xe tải hôm trước cho tôi đi nhờ từ thành phố về đây. Ông cho đi nhờ một đoạn tí tẹo. Tôi ngồi phía sau xe tải cùng hai người đàn ông địa phương. Một trong số họ hỏi xin tôi một nghìn shilling để uống trà. Tôi tỉnh queo:

- Không.

- Chỉ một nghìn thôi mà.

- Tại sao thanh niên trai tráng khỏe như vâm các anh mà phải đi xin tiền?

Anh và bạn phá lên cười. Anh ta rõ ràng có công ăn việc làm ổn định, xin tiền tôi chỉ đơn giản vì nghĩ mzungu lắm tiền nên cứ xin đại. Xin được thì tốt, không xin được thì thôi. Tự nhiên tôi thấy bức mình quá.

Một chiếc xe đang trên đường đi Kyela hỏi tôi sẽ trả bao nhiêu tiền để đến đây. Họ không cho người đi nhờ miễn phí. Nhưng khi tôi từ chối và nói rằng tôi sẽ tiếp tục đi bộ, họ gọi tôi lại và cho tôi đi.

- Người Tanzania không ai cho cháu đi nhờ miễn phí đâu.
- Cháu ở đây hơn hai tháng rồi, nhiều người cho đi nhờ lắm.
- Thật á? – Họ có vẻ hết sức ngạc nhiên không tin rằng Tanzania lại nhiều người tốt đến thế.

Từ Kyela, tôi nhảy lên một shared taxi giá một nghìn Tsh đến biên giới. Tôi đi qua hải quan Tanzania mà không ai chặn lại hỏi han gì. Tôi đi ngay trước cửa đồn biên phòng Malawi cũng chẳng ai gọi vào kiểm tra hộ chiếu. Các chú hải quan chỉ ngồi trong phòng, ai vào thì đóng dấu, ai không vào thì thôi. Người dân địa phương ở đây, đặc biệt là cò mồi đổi tiền, thoải mái đi lại giữa hai nước mà không có vấn đề gì. Trước khi tôi kịp nhận ra mình đang làm gì thì tôi đã ở trong lãnh thổ Malawi mất rồi.

Vốn là một công dân ưu tú, nói thật lúc đầu tôi cũng hơi sợ. Hay bây giờ quay ngược lại Tanzania, giả vờ như chưa từng có chuyện gì xảy ra? Nhưng rồi tôi lại nghĩ, quay ngược lại bây giờ hay quay ngược lại sau hai tuần nữa có khác gì nhau đâu. Lỡ quay lại rồi họ không cho mình vào lại thì sao? Đã ở trong đất Malawi rồi mà không đi để xem thế nào thì nhục quá. Tôi bỏ qua sự cắn rứt lương tâm, nhắm mắt đưa chân đi vào con đường tội lỗi nhưng đầy hứng khởi.

36. Anh chàng buôn xăng lậu và cô nàng nhập cư bất hợp pháp

Đôi khi tôi có cảm giác như Jack là hoa tiêu dẫn đường cho chuyến đi của mình vậy. Anh đi trước, có vấn đề gì báo lại để tôi theo sau. Lần vào Malawi này, may mà được anh báo trước nên tôi biết Malawi đang có khủng hoảng ngoại tệ nghiêm trọng. Anh bảo tôi nếu có vào Malawi thì mang theo rất nhiều tiền mặt, và dù có chuyện gì xảy ra cũng không được rút tiền từ máy ATM. ATM sử dụng tỉ giá chính thức từ ngân hàng, mà tỉ giá ngân hàng lúc bấy giờ thấp hơn tỉ giá chợ đen gần một nửa.

Vừa thấy tôi xuất hiện, hàng chục đồng chí cò mồi tới tập lao đến dụ tôi đổi tiền. Tôi còn ít tiền Tanzania nên mang ra đổi nốt. Cả tiền Tanzania và tiền Malawi đều có rất nhiều số 0 nên tôi cứ loạn

hết cả lên. Máy đồng chí cò mỗi liên tận dụng cơ hội này nhét chữ vào miệng tôi, nói rất nhanh, rất nhiều như thể đang cung cấp thông tin cho tôi nhưng thực ra là càng làm tôi loạn. Tôi có thể hình dung du khách nào mất tinh táo một chút thôi là có thể bị lừa ngay lập tức rồi. Tôi nhớ mang máng Jack nói với tôi tỉ giá chính thức là một USD đổi một trăm sáu mươi kwacha, tỉ giá chợ đen là một USD đổi hai trăm năm mươi kwacha, nhưng sau khi nghe mấy anh chàng cò mỗi ở đây nói như đinh đóng cột rằng tỉ giá chỉ là một USD đổi mười sáu kwacha, tôi bắt đầu nghi ngờ trí nhớ của mình. Lúc đó không có mạng để kiểm tra lại email Jack gửi nên tôi càng lúng túng. Nhìn xung quanh thấy hai khách du lịch người Nam Phi đang ngồi nghỉ ở gần đó, tôi chạy lại hỏi tỉ giá thì họ cũng không biết. May thay, một người lái xe tải ở gần đấy gọi tôi lại thì thầm rằng tỉ giá chính thức là một trăm sáu mươi, không phải mười sáu.

Chờ mãi không thấy chiếc xe nào đi qua, tôi nhảy lên một chiếc xe buýt địa phương đến Karonga. Quãng đường đi chỉ bốn mươi lăm kilômét thôi mà giá vé nhữn hơn ba đô lậ. Đang đi, người lái xe dừng đột ngột ở chỗ đồng không mông quạnh. Một người đàn ông từ trong bụi rậm xuất hiện, ngó trước ngó sau rồi đưa cho người lái xe một bình chất lỏng. Tôi ngờ ngác không hiểu chuyện gì xảy ra, hỏi mọi người xung quanh bằng tiếng Anh thì không ai hiểu. Bực mình, tôi theo thói quen buột miệng chửi thề bằng tiếng Swahili (*vâng, một trong những thành quả của tôi khi đi qua nhiều nước như thế là tôi có thể chửi bậy bằng rất nhiều thứ tiếng*). Bất chợt mọi người trên xe phá lên cười. Họ hỏi tôi:

- Cháu nói tiếng Swahili à?

- Ủa cháu không biết là người Malawi cũng nói tiếng Swahili – Tôi đỏ bừng mặt.

Ai mà ngờ được rằng chửi bậy cũng có lúc hữu ích thế cơ chứ.

- Người Malawi thì không nhưng người ở gần khu vực biên giới này thì có.

Hóa ra người đàn ông lén lút trong bụi rậm đấy là người bán xăng lậu. Do khủng hoảng ngoại tệ, Malawi không có tiền để nhập xăng dầu dẫn đến tình trạng ba tuần nay không cây xăng nào có xăng mà bán. Muốn chạy xe, họ phải mua xăng chợ đen với giá cao gấp đôi giá xăng chính thức.

Karonga là một thị trấn châu Phi nghèo và bụi bặm, không có gì nổi bật. Từ đây, tôi đi nhờ được một anh chàng đang lái xe về Mzuzu. Monali, tên của anh chàng, có nghĩa là “chào buổi sáng” theo một ngôn ngữ châu Phi nào đó mà chính anh cũng không biết. Ở tuổi hai mươi sáu như anh mà có xe ô tô thì có thể được coi là khá thành đạt ở đất nước này. Monali cho hay anh từng kiếm được khá nhiều tiền từ việc trồng và bán thuốc lá. Nhưng dạo gần đây, do các chiến dịch của nhiều quốc gia và các tổ chức phi chính phủ về tác hại của thuốc lá khiến lượng tiêu thụ thuốc lá trên thế giới giảm một cách đáng kể, giá thuốc lá xuống ở mức thảm hại, anh bỏ không trồng nữa mà đang tính đi học tiếp đại học. Anh vẫn còn phân vân vì chi phí học đại học ở Malawi rất cao.

Do khan hiếm xăng dầu, rất nhiều người lái xe sang Tanzania nhập lậu xăng dầu về bán. Để kiểm

soát tình trạng này, chính phủ Malawi thiết lập các trạm kiểm soát dày đặc trên đường để kiểm tra toàn bộ xe cộ qua lại. Cứ đi khoảng hai mươi kilômét, xe chúng tôi lại bị chặn lại một lần. Những tương chỉ có tôi đang ở đây bất hợp pháp mới sợ, ai ngờ mỗi lần gặp cảnh sát mặt Monali cũng tái mét. Thật may, chẳng ai hỏi han gì giấy tờ của tôi mà toàn chăm chăm kiểm tra xe. Mỗi lần bị như thế, Monali lại phải rút ra ít tiền đứt lót. Trên xe anh hiện đang có mấy trăm lít dầu lậu nhập từ Tanzania về hôm trước. Lúc về qua Karonga, anh bị giữ ở đồn cảnh sát cả đêm giờ mới được thả.

Để tránh cảnh sát, Monali lái xe theo sau một chiếc xe mà anh gọi là “bạn anh” rẽ vào con đường tắt đi qua rừng. Trời mỗi lúc một tối. Đường rừng toàn đất đá gồ ghề, ruột gan tôi cứ long lên sòng sọc. Không biết bao nhiêu lần tôi cảm giác như xe sắp lật đến nơi vậy. Xung quanh chỉ toàn cây là cây, chẳng có dấu hiệu gì của sự sống nói gì đến dấu hiệu của thế giới văn minh. Tôi bắt đầu thấy sợ. Monali là một anh chàng hiền lành, có lẽ anh không làm gì tôi đâu nhưng còn bạn anh thì sao? Lỡ họ lừa tôi đi vào chỗ vắng vẻ thế này để tấn công tôi thì sao? Nếu có chuyện gì xảy ra ở đây thì tôi có kêu đến sáng mai cũng chẳng ai nghe thấy. Tôi quay sang hỏi Monali:

- Anh quen bạn anh thế nào? Có tin được họ không?

- A, tin được. Họ ở với anh cả đêm qua trong trại giam ở Karonga mà.

Tôi đau tim tí xiu.

37. Bạn cũ ở Nkhata Bay

Thật may, “bạn” của Monali không làm gì chúng tôi và tôi đến Mzuzu an toàn lúc mười một giờ đêm. Quá muộn để có thể tìm nhà nghỉ, Monali mời tôi ở tạm nhà anh qua đêm. Anh ở cùng vợ chồng chị gái trong một căn nhà ở ngoại ô Mzuzu. Không hiểu sao viết xong từ “ngoại ô” tôi lại thấy ngượng tay. Đây thực ra là một làng nhỏ phía ngoài thành phố với những ngôi nhà đá bi xinh xắn nằm rải rác hai bên một con đường đất to và rộng. Chị gái anh có một bé gái chưa đầy bốn tuổi. Bé này cứ nhìn thấy tôi là khóc ré lên, làm tôi phải nhìn đi nhìn lại mình trong gương, tự vấn bản thân rằng liệu mình có thật sự đáng sợ như thế. Mẹ bé phải phân trần rằng tại vì bé chưa nhìn thấy người nước ngoài bao giờ, làn da không đen của tôi khiến bé sợ.

Hôm sau, Monali tốt bụng chở tôi đi vòng quanh giới thiệu thành phố. Cứ đi được khoảng mười lăm phút, Monali lại dừng lại để đổ thêm xăng vào bình, không bao giờ đổ quá một lít để que chỉ bình xăng xe của anh luôn ở vạch đỏ báo hiệu chuẩn bị hết xăng. Khi tôi thắc mắc thì anh đỏ bừng mặt trả lời: “Để bạn khỏi mượn”. Thời kỳ này, không gì đáng sợ bằng bị bạn mượn xe. Người Malawi nổi tiếng thân thiện, hào phóng, không từ chối ai bao giờ. Xe không có xăng là một cái cớ rất hợp tình hợp lý để không phải từ chối.

Mzuzu nói tóm lại cũng chỉ là một thành phố nhỏ không có gì nổi bật khác của châu Phi với vài con đường nhựa, một khu chợ trung tâm và lác đác vài tòa nhà cao tầng bao quanh bởi những ngôi nhà bê tông cấp bốn, bển lển như mấy cô bé cấp hai ngại ngùng vì cao quá khổ so với đám bạn lùn tịt xung quanh. Trạm xăng nào của thành phố cũng có hàng dài cả cây số xe đứng chờ đến ngày xăng dầu xuất hiện trở lại. Không có xăng, xe cộ đi lại trên đường vắng hẵn, phương tiện đi lại chính ở đây là xe đạp. Du khách sang Việt Nam mắt tròn mắt dẹt khi nhìn thấy xe ôm ở mình. Khi sang đến Malawi tôi phải cúi đầu khâm phục tinh thần có gì dùng nấy của người dân nơi đây khi nhìn thấy những chiếc “xe đạp ôm” trang trí rực rỡ bắt mắt. Ghế sau xe được lót đệm to và dày, có thể chở cả người và hàng hóa. Nhiều ghế được kéo dài để có thể chở hai, ba hành khách lận. Những anh chàng lái xe da đen bóng, cơ bắp cuộn cuộn, tuy kiếm không nhiều nhưng lúc nào miệng cũng cười tươi rói.

Mặc dù gia đình Monali nhiệt tình mời tôi ở lại, tôi vẫn tiếp tục lên đường đi Nkhata Bay, một thị trấn ven hồ xinh đẹp cách Mzuzu chỉ năm mươi kilômét. Jack đón tôi ở một quán ăn bình dân. Khi nhìn thấy anh, tự nhiên tôi thấy một cảm giác bình yên tràn ngập trong lòng. Đó luôn là cảm giác tuyệt vời khi sau những chặng đường dài và những khuôn mặt xa lạ, bạn tìm lại được một chút ấm áp thân quen. Có quá nhiều chuyện xảy ra trên đường mà tôi không biết kể với ai: không có ai đủ thân để có thể kể mà có kể thì cũng không có ai hiểu. Nhưng Jack thì luôn hiểu. Chúng tôi có nhiều điểm chung hơn hai tâm hồn lưu lạc trôi nổi ở lục địa đen. Tôi ôm chầm lấy anh:

- Trời ơi, anh không thể tưởng tượng được chuyện gì xảy ra với em trong suốt tháng vừa qua đâu.
- Với em thì anh nghĩ là không có chuyện gì là không thể!
- Em đang ở đây bất hợp pháp.
- Anh cũng đoán thế. Lần trước em nói với anh là em không sang Malawi được, nhưng anh biết là với tính cách của em thì thế nào em cũng tìm được cách sang.

Jack tìm được một hostel mà theo anh là hostel thú vị nhất ở đây. Hostel là một ngôi nhà gỗ nằm ngay bên hồ, với một ban công lồng lộng gió ở tầng hai và ghế đu để mọi người có thể vừa nằm vừa đọc sách. Ngay dưới hostel là bãi đá, là nhà của đủ các loại cá màu sắc sặc sỡ bơi lội tung tăng. Tôi chưa bao giờ biết rằng cá nước ngọt lại có thể có nhiều màu sắc như thế. Kể từ khi biết bơi, tôi mạnh dạn hần lên. Tôi thường dành hàng giờ liền dưới nước, bị các chú cá hút hồn, mãi mê theo chúng bơi từ bãi đá này sang bãi đá kia. Những khi ở trên bờ, tôi và Jack thường đi dạo loanh quanh trong thị trấn, thử tất cả các loại đồ ăn, đồ uống tìm thấy. Buổi tối, chúng tôi thường ngồi tán dóc với mọi người ở hostel hay chỉ đơn giản ngồi đàn mặt ra ở ban công nhìn biển trời mênh mông, để đầu óc bay bổng, cố gắng trả lời mọi câu hỏi vĩ đại về vũ trụ. Một buổi tối hai đứa đang ngồi ở ban công đọc sách, Jack bất chợt bỏ sách xuống quay lại nhìn tôi chăm chăm.

- Em biết không, khi làm việc ở sông bạc, em trang điểm lên rất xinh, rất lộng lẫy, nhưng em đẹp

nhất là những lúc như thế này: đơn giản và là chính em.

- Sao tự nhiên lại khen em thế?

- Không biết, tự nhiên thấy em đẹp nên khen.

- Haizz, đừng có tư tưởng. Em sẽ không bao giờ thích anh đâu, vì anh là bạn của Philip.

*

Tôi không biết là châu Phi khiến cho người ta trở nên điên rồ hay để có ý định sang châu Phi thì trước hết người ta phải điên rồ sẵn rồi. Ở đây tôi gặp rất nhiều người kỳ quặc. Ông chủ hostel tôi ở là một ví dụ. Tối thứ sáu ông say xin thể nào mà cởi bỏ hết quần áo trên người, nhảy lên bàn ăn ở giữa bếp, tuyên bố một câu xanh rờn trong tiếng vỗ tay reo hò của tất cả mọi người: “Tối nay miễn phí toàn bộ bia”. Tất cả uống một trận tới bờ khói lửa đến tận sáng. Vì ngày mai tôi muốn dậy sớm lên đường nên lên về phòng đi ngủ trước.

Sáng hôm sau, tôi tìm Jack để chào tạm biệt mà chẳng thấy đâu. Đi khắp hostel thì thấy giày anh để ngoài lều của một cô bé cũng đang ở đây. Tự nhiên tôi thấy trong lòng buồn trĩu. Tôi viết vội cho anh một tờ giấy để lại rồi lên đường thẳng tiếng Lilongwe – thủ đô Malawi.

38. Lilongwe – Blantyre

Vừa đặt chân lên Lilongwe, tôi liên tục bị sốc giá cả. Ở Malawi như tồn tại hai thế giới vậy: nếu ở Nkhata Bay tôi ăn một bữa với cơm, rau, thịt giá chỉ một đến hai trăm kwacha thì ở Lilongwe, một cái bánh sandwich cũng đã một nghìn kwacha. Nếu một xô xoài khoảng bốn mươi quả mua bên đường phía ngoài Nkhata Bay giá chỉ một trăm kwacha, thì một chai Head&Shoulder ba trăm mililit trong siêu thị ở Lilongwe lại có giá những ba nghìn kwacha. Lần đầu tiên trong đời, tôi cân nhắc nghiêm túc chuyện cao trọc đầu để tiết kiệm tiền. Tôi nhanh chóng nhận ra đây không chỉ là vấn đề của Malawi mà còn là vấn đề của toàn bộ châu Phi. Hệ thống giá cả các thành phố lớn đã bị bóp méo hoàn toàn để tương xứng với túi tiền lương khổng lồ của nhân viên vô số các tổ chức phi chính phủ quốc tế đang đặt tại đây. Để dụ dỗ người giỏi sang châu Phi làm việc, các tổ chức phi chính phủ không ngại ngần trả lương tương đương hoặc cao hơn hẳn mức lương ở nhà. Thử tưởng tượng bạn sống ở một đất nước với thu nhập bình quân đầu người hai trăm đô một năm và nhận lương năm nghìn đô một tháng. Chắc chắn bạn sẽ tìm các tiêu tiền. Giá cả đồ ăn, đồ uống cứ như thế mà leo thang.

Tôi ở Lilongwe hai ngày, đi dạo vòng quanh thành phố rồi nhả neo. Phần vì tôi không thích thành phố lớn, phần vì tôi nghĩ chẳng lẽ nào mình cũng sẽ trở lại đây trên đường quay lại biên giới Tanzania để ra khỏi Malawi nên quyết định đi tiếp. Một nhóm nhạc tôi tình cờ quen ở Lilongwe đúng lúc ấy có lịch đi diễn ở Blantyre. Tôi nhảy lên xe của nhóm đi cùng.

*

Đón tôi ở Blantyre là một anh chàng người Anh tên là David. Tôi biết David qua bố của anh. Vì chuyến đi sang Malawi là kết quả của một phút ngẫu hứng, tôi đặt chân lên đất nước này mà chẳng có tí chuẩn bị gì. Theo thói quen, tôi post một bài rất thảm thiết trên CouchSurfing thì một người đàn ông tên là Ged trả lời bảo tôi liên hệ con trai ông là David đang dạy học ở Blantyre. Tôi chưa kịp liên hệ thì anh đã gọi điện cho tôi.

David có một cô bạn gái rất xinh người Malawi bằng tuổi tôi. Cô bạn hay nhìn tôi bằng ánh mắt kiêu: “Con bé này làm gì mà lại ở trong nhà bạn trai tao?”. Cô bạn rất ít nói, có hỏi thì cũng trả lời giật cục. Ban đầu tôi cũng hơi áy náy, hỏi David: “Này, bạn gái anh có vẻ không thích em hay sao ý?”. Anh gạt đi: “Không có chuyện đó đâu. Cô bé ít nói vậy đó”. “Anh có chắc không? Nếu ảnh hưởng đến mối quan hệ của hai người, em có thể chuyển đi”. “Em đừng nói vớ vẩn. Em là khách của anh. Kệ bạn gái, cứ ở lại đây”. Buổi tối, David rủ tôi đi nhậu. Bạn gái anh lấy cớ đau bụng ở lại nhà. “Anh có chắc là anh muốn đi không? Bạn gái anh đang ốm kìa”. “Cô bé nghỉ một tí là khỏi ý mà”. Anh dẫn tôi đi nhậu kiểu Malawi ở một quán nhậu đặc chất địa phương với chibuku shake shake và chân giò luộc. Chibuku là một loại bia làm từ ngô đã lên men rất phổ biến của khu vực Nam Phi. Người dân ở đây gọi nó là shake shake vì sau khi để lâu nó sẽ lắng xuống, phải lắc đều để biến nó trở thành giống như cháo lỏng trước khi uống. Nói chung là uống nó kỳ kỳ, ghê ghê, cảm giác như uống cháo rượu vậy. Tôi không hiểu sao nó lại phổ biến đến thế. Uống một hơi, tôi giật mình phát hiện ra mình là cô gái duy nhất trong quán. Mấy người đàn ông trong quán say rượu bắt đầu nói lảm nhảm gì đó với chúng tôi. David cứ ôm bụng cười. David sống đúng như một người Malawi thực thụ. Anh ăn tất cả nhưng gì người ta ăn, uống tất cả những gì người ta uống, nói tiếng Chichewa như người địa phương... Tôi nghĩ nếu sau này tôi sống ở một nước nào đó không phải Việt Nam, đó là cách tôi muốn sống. Tôi thật sự không hiểu tại sao người ta sang một nước khác để sống rồi lại vẫn giữ y nguyên thói quen ở nước nhà: chỉ chơi với những người nói ngôn ngữ của họ, từ chối ăn đồ ăn địa phương, không biết tí gì về văn hóa bản địa. Nhưng mỗi người có một cách sống, ai đánh giá được ai nhỉ?

39. Tên em là Aisha

Không một kẻ ham vui nào đến Malawi mà lại có thể bỏ qua Cape Maclear. Nằm trên đường hành lang Tete Corridor nối giữa Mozambique và Zimbabwe, Cape Maclear từng là điểm dừng chân yêu

thích của những chiếc xe tải chở khách du lịch xuyên quốc gia, nổi tiếng với những bữa tiệc ồn ào suốt đêm. Tuy nhiên, do cuộc khủng hoảng gần đây tại Zimbabwe, lượng khách du lịch đến đây cũng giảm hẳn, đồng nghĩa với việc những chiếc xe tải không còn đi qua Cape Maclear nữa. Tuy nhiên, con ngựa có chết vẫn còn bộ xương, Cape Maclear tuy không còn là mảnh đất tiệc tùng huyền thoại nhưng vẫn là một ngôi làng ven hồ vô cùng xinh đẹp.

Nhờ mối quan hệ của mình, David sắp xếp cho tôi đi cùng một chiếc xe tải đang chở đá dăm lên Cape Maclear để làm đường. Quảng đường chỉ có bảy tiếng đồng hồ thôi nhưng có một đoạn đi qua vườn quốc gia âm u như đang đi vào tận cùng trái đất khiến tôi đổ mồ hôi hột.

Có một điều như thế này về tên của người châu Phi. Đôi khi, người ở đây chỉ nghe loáng thoáng người “da trắng” nói một từ gì đó, thấy âm hay hay và quyết định dùng nó để đặt tên con cái mình. Vậy nên, ở đây bạn có thể nghe thấy những tên như Bicycle, Lovemore hay Fishbone. Có lần tôi còn gặp một anh chàng tên là Godknows (*God Knows: có Chúa mới biết*).

Vậy nên không có gì lạ khi một ngày đẹp trời, tôi đang đi dạo trên bãi biển xanh ngắt ở Cape Maclear thì bất chợt một đám trẻ con vây kín lấy tôi hỏi hết cái gì tôi cũng không hiểu. Từ trong đám đông, một bà mẹ trẻ bẽn lẽn bước đến, trên tay bồng một bé gái còn đỏ hỏn. “Vợ anh muốn em đặt tên cho con gái của bọn anh, để sau này lớn lên sẽ xinh như em”, người đàn ông đi cùng cô phiên dịch. Tôi lúng túng mất mấy giây không biết làm thế nào. Đặt tên cho con là một vinh dự vô cùng to lớn mà tôi không nghĩ một kẻ xa lạ như tôi có đủ tư cách. Thêm vào đó, tôi cũng không nghĩ rằng “xinh như tôi” là điều mà bất cứ bà mẹ nào cũng mong muốn cho con gái của họ. Nhưng khi bắt gặp ánh mắt khẩn thiết của bà mẹ trẻ, tôi không đành lòng từ chối được. Vận dụng hết tất cả số lượng nơ-ron thần kinh khiêm tốn và vốn hiểu biết ít ỏi của mình về Malawi, tôi cố gắng nghĩ cho em bé một cái tên thật ý nghĩa nhưng nhanh chóng nhận ra rằng mình cũng chẳng biết cái tên Malawi nào đạt tiêu chuẩn đây cả. Không lẽ lại đặt tên cho em là Nguyễn. Thật may, tôi nhớ lại bài hát tình cò nghe được lúc sáng. Cả bài hát tôi chẳng hiểu một chữ gì, nhưng giai điệu bài hát rất hay nên tôi phải hỏi anh chàng ở gần đây tên bài hát là gì. Tôi mỉm cười với bà mẹ trẻ: “Aisha”. Chị nở một nụ cười tươi rói, thơm chụt lên má bé: “Aisha, Aisha”. Lũ trẻ con xung quanh cũng hò reo rồi rít: “Aisha Aisha Aisha Aisha”.

Ban đầu tôi cũng vui lắm, cứ cười tùm tùm suốt cả ngày hôm đó. Nhưng tối về đến hostel, nghĩ đến cảnh sau này em bé lớn lên hỏi mẹ: “Mẹ ơi, tên con có nghĩa là gì?” và mẹ em chỉ lắc đầu: “Mẹ cũng không biết, một con bé ba lô mẹ tình cờ gặp ở bãi biển ngày xưa đặt tên cho con”. Tự nhiên tôi thấy tội lỗi kinh khủng. Tôi quyết định rằng mình phải hơn một con bé ba lô hai mẹ con tình cờ gặp. Tôi không có tí tẹo thông tin gì về mẹ cô bé cả. Tất cả những gì tôi biết là người phụ nữ hôm qua bế đưa bé đến nhờ tôi đặt tên. Thật may, Cape Maclear này nhỏ xíu, có chuyện gì cả làng cũng biết nên khi tôi vừa hỏi người đầu tiên, anh chàng đã ồ lên: “Anh biết nhà đấy. Em đi theo anh”.

Bố mẹ bé Aisha sống trong một ngôi nhà nhỏ ngay cạnh bờ hồ. Trong nhà chỉ có một bộ bàn ghế và một cái TV, còn lại không có cái gì khác. Lúc tôi đến, anh nhà đang bế bé còn chị nhà đang hì hụi nấu asima (*bánh bột ngô mà ở Kenya và Tanzania gọi là ugali*). Thấy tôi đến, mọi người bất ngờ lắm, rồi rít mời tôi uống trà. Ban đầu tôi cũng hơi lúng túng không biết hỏi chuyện gì, chị chủ động hỏi trước.

- Bố mẹ em đâu mà em lại đi một mình?
- Bố mẹ em ở Việt Nam. Bố mẹ chị ở đâu?
- Bố mẹ chị mất rồi.

Hồi mới sang châu Phi, nghe những câu chuyện này tôi cũng sốc lắm nhưng giờ nghe nhiều thành quen. Tuổi thọ trung bình của nhiều nước châu Phi chỉ nằm trong khoảng ba mươi đến bốn mươi lăm tuổi nên gia đình có bố mẹ mất sớm là chuyện bình thường. Nguyên nhân cái chết có rất nhiều, nhưng chủ yếu là do HIV, do lao phổi và suy dinh dưỡng.

- Còn anh chị em chị thì sao?

- Chị có em trai. Nhưng em trai chị được một gia đình người Tây Ban Nha nhận làm con nuôi từ lâu lắm rồi.

- Chị có hay gặp em trai chị không?

Chị lắc đầu.

- Để được nhận vào gia đình nhà khác thì trước hết phải từ bỏ gia đình cũ của chính mình mà em.

Thực ra chị nói cũng có lý. Giả sử sau này tôi có nhận con nuôi, tôi không chắc mình có muốn nhận tất cả những rắc rối từ gia đình trước của bé.

- Chắc chị nhớ em chị lắm nhỉ.

- Nhớ nhiều chứ. Nhưng chị mừng vì nó có được một cuộc sống tốt đẹp hơn. Bao nhiêu người ở đây mong mà còn không được.

-...

Những câu chuyện buồn thường làm tôi càng khó xử. Tôi quyết định đổi chủ đề.

- À mà này, sao chị lại muốn em đặt tên cho con gái chị? Chị biết rằng cho dù em đặt tên cho bé thì sau này lớn lên bé cũng không thể biến thành người châu Á được mà?

Cả nhà chị phá lên cười.

- Không. Chị chỉ muốn con chị được chúc phúc bởi một người có cuộc sống tốt hơn bọn chị, để sau này bé lớn lên sẽ không phải chịu khổ.

-...

Nếu có những cuộc hội thoại có thể làm thay đổi hoàn toàn suy nghĩ của bạn, thì đây là một trong những cuộc hội thoại như thế. Đó là lần đầu tiên trong đời tôi suy nghĩ thật sự nghiêm túc về chuyện nhận con nuôi. Tôi không biết mình có đủ phẩm chất để làm một người mẹ tốt hay không, tôi chỉ biết rằng, có quá nhiều trẻ em trên thế giới này cần có một gia đình.

40. Như chưa từng đặt chân vào Malawi

Sau gần hai tuần lang bạt ở Malawi, bị mấy phen đau tim suýt ngất khi bị cảnh sát chặn lại hỏi giấy tờ, tôi nghĩ đã đến lúc mình nên lẳng lặng chuồn khỏi đây. Tôi gặp lại Jack ở Cape Maclear. Vì không phải quay ngược trở lại Tanzania như tôi nên anh có thể đạp xe qua biên giới sang Zambia luôn. Trước khi đi, anh chàng dúi vào tay tôi bình xịt hơi cay:

- Cầm lấy đi, đừng có ương bướng từ chối. Em cần nó hơn anh.

Tôi đi nhờ ở phía sau một chiếc xe tải về lại Lilongwe. Xe đi nhanh đến mức mấy lần tôi xém văng ra ngoài. Ở Lilongwe, tôi ở nhờ nhà một chị người Hà Lan tên là Marije nướng bánh ngon kinh khủng. Thấy tôi hám đồ ngọt, ngày nào chị cũng nướng cho tôi ăn. Marije còn là thành viên gương mẫu của nhóm “Petrol Watch” – nhóm theo dõi xăng dầu ở Lilongwe để hề thấy khi nào xăng dầu xuất hiện là lập tức nhấn tin cho nhau.

Vì từ Lilongwe về lại biên giới là một chặng đường dài nên tôi phải dậy sớm ra đường bắt xe. Sáu giờ sáng, đường vẫn còn tối mờ, sương mù phủ kín đặc, tôi chẳng nhìn thấy gì cách tôi thậm chí chỉ là một mét. Thỉnh thoảng từ trong đám sương mù dày đặc đấy, một vài bóng đen bỗng nhiên xuất hiện làm tôi mất hết cả hồn vía. Thật may, trước khi tôi tè ra quần vì sợ, một bác cán bộ chính phủ dừng lại cho tôi đi. Mà nghĩ lại tôi cũng không biết mình may hay dở. Suốt cả quãng đường, không một giây phút ông ngừng khoe khoang về thu nhập khủng của mình. Ông bảo lương ông một tháng là năm nghìn đô và cơ quan trả học phí ở trường quốc tế cho cả ba đứa con của ông. Tôi không hiểu tại sao một cán bộ nhà nước ở một đất nước mà thu nhập bình quân đầu người chỉ hai trăm năm mươi ba đô một năm lại có thể tự hào về việc hút máu nhân dân như thế.

Người tiếp theo cho tôi đi nhờ xe lại là một anh chàng vô cùng thú vị. Anh sinh ra ở Anh nhưng đã làm ăn ở khu vực Nam Phi này gần chục năm. Khi nghe tôi kể về vị cán bộ nhà nước đáng kính, anh bảo đó là chuyện bình thường:

“Malawi giờ như là Zimbabwe của mười năm về trước vậy”, anh nhận xét. “Khác một điều là nền kinh tế của Zimbabwe trước đây mạnh hơn nền kinh tế hiện nay của Malawi rất nhiều, nên nếu nền kinh tế của Malawi sụp đổ thì sẽ sụp đổ nhanh hơn rất nhiều”.

Hiếm có người nào tôi gặp mà lại hợp tính tôi như thế. Hai đứa cứ cười lẫn cười lộn suốt cả quãng đường. Lúc anh cho tôi xuống, chúng tôi cứ đứng tần ngần tần ngần như mất một người bạn thân vậy.

Tôi đến biên giới lúc gần tối. Bây giờ thử thách khó khăn nhất của tôi mới thực sự bắt đầu: làm sao để có thể ra khỏi Malawi và vào lại Tanzania, đi qua đồn biên phòng của cả hai nước mà không bị ai chú ý. Nhưng trước hết, còn ít tiền Malawi, tôi muốn đổi sang tiền Tanzania cho đỡ phí. Mấy anh chàng cò mồi ngửi thấy mùi máu, lao vào tới tấp. Như thường lệ, họ dùng đủ mánh lới để có thể gạt tôi. Sau khi thỏa thuận được tí giá, anh chàng bảo: “Đổi tiền chợ đen là bất hợp pháp, cảnh sát bắt được thì chết. Theo anh đi ra chỗ kia để không ai nhìn thấy”. Tôi chột dạ. Mánh truyền thống của dân chợ đen ở đây mà: dụ mình ra chỗ vắng vẻ để tha hồ bắt chẹt mình. Tôi khẳng khẳng đổi ngay giữa đường, không thì thôi không đổi nữa. Thuyết phục tôi mãi không được, anh chàng cò mồi này đành quay lại đi tìm ông chủ. Gọi là ông thì hơi quá, anh ta chỉ trong độ tuổi hai mươi. Tôi đưa cho anh ta tám nghìn kwacha, anh ta chỉ đưa cho tôi đúng nửa số tiền đã thỏa thuận. Tôi đòi anh ta trả đủ, không thì không đổi nữa. Thế là anh ta giật lại số tiền Tanzania và đưa lại cho tôi chỉ năm nghìn kwacha. Tôi ức nghẹn cổ, gằn giọng nói bằng tiếng Swahili: “Trả tiền lại cho tao”. Anh ta gạt tay: “Tiền gì?” rồi quay lưng bỏ đi. Tôi túm áo anh ta: “Anh biết là tiền gì”. Anh ta giơ tay lên định đánh tôi, tôi hô toáng lên: “Cảnh sát!!!”. Lúc đó tôi chỉ muốn làm thật ồn ào cho mấy tay này sợ thôi chứ thực ra bản thân tôi cũng không mong cảnh sát đến. Lỡ cảnh sát đến thật rồi phát hiện ra tôi ở đây trái phép thì sao? Mọi người xung quanh biết rõ chuyện gì đang diễn ra, biết rõ rằng tôi bị lừa nhưng chỉ đứng nhìn chứ không ai đến giúp. Cũng may, người châu Phi thường không dám đánh người nước ngoài, tôi lại cứ túm chặt lấy áo hắn ta, cương quyết không để cho đi. Không còn cách nào, hắn ta đưa lại tiền cho tôi với lời đe dọa: “Liệu hồn lát nữa đi qua chỗ không người nhé”. Tôi vênh mặt lên bước đi nhưng thực ra trong lòng tự nhủ lát nữa phải tìm ai đi bộ cùng, có chết cũng không dám một mình đi bộ qua cây cầu vắng vẻ nối giữa hai nước.

- Mà mày đi đâu đấy? Đồn biên phòng ở kia cơ mà.

Tôi tăng lờ. Có lẽ mấy tay thanh niên kia báo cảnh sát hay sao mà một lúc sau, một chú cảnh sát đứng chặn tôi lại đòi kiểm tra hộ chiếu của tôi. Tôi lấy bộ mặt bình thường nhất có thể, cố gắng hết sức để tay không run.

- Chị làm gì ở Malawi? Tại sao hộ chiếu chị không có visa Malawi?

- Đâu, cháu giờ mới định đi sang Malawi nhưng trời tối quá cháu muốn nghỉ qua đêm nay ở Tanzania. Chú xem này. Hộ chiếu của cháu vẫn chưa đóng dấu xuất cảnh Tanzania nữa.

©STENT: <http://www.luv-ebook.com>

Chú nhìn mặt tôi, nheo mắt nghi ngờ. Lúc đó mà chú hỏi tại sao tôi lại có tiền Malawi thì tôi coi như xong. Nhưng nghĩ lại nếu như giả sử chú có hỏi, tôi vẫn có thể nói là vì bạn tôi biết tôi sang Malawi nên cho tôi nhỉ? Sau mấy câu hỏi linh tinh nữa, cuối cùng chú cũng cho tôi đi. Tôi vào lại Malawi trót lọt. Với những chú cảnh sát nơi đây, tôi chưa một lần đặt chân lên Malawi.

41. Dù gì thì hôm nay cũng là một ngày mới

Về lại Tanzania trót lọt nhưng tôi vẫn chưa thể mừng ngay được. Trời đã sắp sửa tối, tôi lại một mình ở biên giới không còn một xu tiền mặt. Quanh đây cũng không có khách sạn nhà nghỉ nào cả. Lời đe dọa của đám cò mồi vừa nãy khiến tôi dựng tóc gáy. Trời tối, chẳng có chiếc xe nào qua lại để tôi đi nhờ. Lựa chọn duy nhất của tôi là mấy chiếc xe tải qua đêm, nhưng những người đó tôi đều đã có ít nhất một chút thời gian ban ngày để tìm hiểu và xác định là họ tin được. Còn đi nhờ đại mà không biết lái xe tốt xấu thế nào thì tôi không chắc? Đến tận bây giờ, tôi vẫn nghĩ đó là rủi ro lớn nhất tôi buộc phải chấp nhận trên suốt cuộc hành trình của mình.

Ở biên giới có quá nhiều xe tải chờ hàng đi lại giữa hai nước. Tôi tìm một người lái xe tải mặt mũi đứng đắn nhất xin đi nhờ. Bác lái xe mặt mày nghiêm nghị, ít nói, chỉ hỏi tôi qua loa vài câu cho có rồi im lặng suốt cuộc hành trình. Đường biên giới thường đã vắng vẻ đêm đến lại càng vắng vẻ. Xung quanh chỉ có rừng cây và núi đồi, một túp lều tranh đơn côi cũng chẳng có. Mặt trăng to tròn vành vạnh trên cao, ánh trăng hắt xuống mặt đất, vẽ lên những bóng đen ma quái hai bên đường. Tôi mệt mà không dám chợp mắt. Một tay cầm điện thoại đã mở sẵn số của hai cậu sinh viên Đức ở Mbeya, tay còn lại luôn để trong túi, chạm vào bình xịt hơi cay Jack tặng. Xe dừng lại ở ngoài Mbeya lúc nửa đêm. Thật sự lúc này tôi chẳng biết về nhà Tobì và Michael bằng cách nào, cũng chẳng biết tìm nhà nghỉ ở đâu, đành ngủ lại trên xe. Bác lái xe nằm trên cái giường nhỏ, tôi xoay sở tìm cách nằm trên ghế sao cho thoải mái: chân thẳng thì lưng cong, lưng thẳng thì chân co quắp. Đóng cửa lại thì ngột ngạt, mở cửa thì muỗi. Xe đỗ lại ngay phía ngoài một sân nhảy địa phương mở cửa cả đêm, âm ỹ đến mức đã nhét hai cục giấy to dùng vào tai rồi mà tôi vẫn tưởng như mình đang ở giữa chiến trường vậy. Lúc vào đi nhờ nhà vệ sinh, tôi bắt gặp cảnh tượng phi thường khiến tôi mắt mở tròn, mồm há hốc, chân tay bủn rủn như thể bị trúng gió. Sau năm tháng ở châu Phi, tôi đã thấy nhiều thứ kỳ quặc. Nhưng chưa bao giờ tôi thấy người ở đâu ăn mặt quái dị như thời trang của câu lạc bộ đêm này. Một người đàn ông mặc cả cây vest màu nồn chuối, trơn bóng như túi ni lông, lấp lánh phản chiếu ánh đèn đủ màu sắc. Một chàng thanh niên mặc quần bò ống loe, rách te tua, đeo kính đen to bự như thể màu áo của người đàn ông kia làm anh ta đau mắt. Một người phụ nữ tóc tết lọn rasta, ngọn tóc dính vảy gỗ, xếp tầng tầng lớp lớp không khác gì quả dứa. Tôi cứ đứng ngây ra ngắm, suýt nữa quên mất là mình phải dùng nhà vệ sinh. Trí tưởng tượng và sự sáng tạo trong phong cách thời trang của người dân nơi đây có khi nào là nguồn cảm hứng cho Lady Gaga không nhỉ?

Tờ mờ sáng hôm sau, tôi nhảy xuống xe lên đường đi tiếp. Cuối tháng hai, trời bắt đầu vào thu, cái rét ngọt tàn đêm khiến tôi vừa đi vừa phải xoa hai tay vào nhau cho ấm. Mũi tôi đỏ ửng lên vì lạnh. Chờ mãi, chờ mãi, chờ mãi, cuối cùng những tia nắng đầu tiên cũng le lói xuất hiện từ phía sau rừng cây. Bóng núi đổ xuống thành những tảng màu khổng lồ trên mặt đất. Trời bắt đầu ấm dần lên. Ánh nắng bình minh mờ trón đùa nghịch từng lọn tóc, tan vào trong da thịt, tinh khôi, trong vắt. Có mấy xe đi qua nhưng tôi không giơ ngón tay ra xin đi nhờ. Tôi muốn hít thở cho thật đã không khí trong lành buổi sáng sớm đầu thu. Đời tôi mấy lần được bước đi trên con đường này nữa?

Nguy hiểm tạm thời đã qua. Châu Phi bắt đầu một ngày mới. Tôi bắt đầu một cuộc hành trình mới.

42. Zambia hoang dã

Từ Mbeya, tôi nhanh chóng bắt được xe xuống biên giới Zambia, rồi từ đây tôi đi nhờ xe hai chú cảnh sát lên một thị trấn nhỏ ở gần đó. Đường vắng vẻ, tôi đứng đợi mãi vẫn chẳng thấy bóng dáng ai qua lại. Xung quanh chỉ có toàn cỏ là cỏ cao quá đầu người. Hai chú cảnh sát đi được khoảng ba mươi phút thì quay lại vì lo cho tôi quá.

- Cháu có chắc cháu ở đây một mình mà không sao không?

- Các chú cứ yên tâm. Cháu có bình xịt hơi cay nè.

Sau khoảng hai tiếng, cuối cùng cũng có một chiếc xe tải cho tôi đi nhờ. Người lái xe chở hàng từ Tanzania qua đây. Ông nói tiếng Anh rất dở nên ông mừng như bắt được vàng khi phát hiện ra tôi biết nói tiếng Swahili. Phải có một tỷ câu hỏi ông muốn tôi trả lời. Đầu tiên là về tôn giáo.

- Cháu theo đạo gì?

- Cháu không theo đạo nào cả.

- Sao lại thế được? Cháu đi nhà thờ nào?

- Cháu không đi nhà thờ.

- Hả? Chúa của cháu là ai?

- Chúa nào cũng là Chúa.

- Quái lạ. Vậy cháu cầu nguyện với ai?

- Cháu không cầu nguyện.

- Không thế nào. Cháu theo tôn giáo nào mà lại không cầu nguyện?

- Trời ạ. Thôi được rồi – Tôi bỏ cuộc – Cháu theo đạo Thiên Chúa.

- Có thể chứ. Làm gì có chuyện có người nào lại không có tôn giáo.

Người châu Phi đôi khi không thể hiểu được rằng tôn giáo chỉ là một sự lựa chọn. Với họ, con người có tôn giáo cũng giống như chim có tổ, người có tông vậy. Họ dùng tín ngưỡng để xác định họ là ai và thiết lập mối quan hệ với những người xung quanh.

Tiếp theo là về hôn nhân.

- Ở Việt Nam, khi một người đàn ông muốn lấy vợ, anh ta phải trả khoảng bao nhiêu tiền?

- Ở nước cháu người ta cưới nhau là vì yêu nhau, không phải vì tiền.

Ông ngậy người ra một lúc nhưng rồi nghĩ lại là tôi không hiểu, ông giải thích lại.

- Thế này nhé: nếu một người đàn ông muốn cưới cháu thì họ phải trả cho bố mẹ cháu bao nhiêu? Nếu không phải bằng tiền thì bằng bò, bằng lừa, bằng ngựa?

- Không phải trả một xu nào cả. Cháu rất ghét nếu chồng tương lai của cháu định giá cháu bằng gia súc.

- Không thể nào – Mặt ông thẳng thốt như thể vừa nghe điều gì đó khó tin nhất thế giới – Có nghĩa là vợ ở nước cháu là miễn phí?

Tôi bị đứng hình mất mấy giây không biết phản ứng sao.

- Ở đây, nếu một người đàn ông lấy vợ mà không trả đồng nào có nghĩa là người đàn bà đó chẳng đáng một xu. Nếu sau này cháu muốn lấy chồng châu Phi thì nhớ phải ra giá thật cao với anh ta. Đừng nói là cháu miễn phí, người ta khinh cho.

- Haizz, có mà bố mẹ cháu phải cho thêm tiền người ta để đẩy cháu đi chứ ai thêm trả tiền để lấy cháu – Biết là vốn tiếng Swahili của mình không đủ để tranh luận với ông về chủ đề này, tôi giả vờ buồn ngủ rồi quay mặt ra phía ngoài cửa sổ.

Những tưởng Malawi đã là hoang vu, đến Zambia mới biết thế nào là hoang dã. Càng đi tôi càng thâm tại sao người ta gọi Zambia là “The Real Africa” – châu Phi thực sự. Chúng tôi đi cả mấy trăm cây số chỉ toàn cây là cây, một túp lều cũng chẳng thấy nữa là quán ăn. Cả tuần nay ăn uống chẳng ra gì, tôi phải nhai lạc sống ăn cho đỡ đói. Bình thường ngửi mùi lạc sống đã thấy ghê, hôm nay ăn lại thấy ngon lạ. Đêm đến, xe đỗ lại phía ngoài một nhà trọ bình dân. Ông lái xe vào trong ngủ, nhường cho tôi cái giường nhỏ trên xe. Hôm sau, chúng tôi tiếp tục lên đường từ sáng sớm. Ông để tôi lại ở Mposhi, nơi con đường duy nhất của Zambia chia làm hai: ông tiếp tục lên đường đi Congo, tôi tiếp tục bắt xe về Lusaka, thủ đô Zambia. Đi đường, cứ thỉnh thoảng tôi lại bắt gặp một nhóm thanh niên thổi kèn, đánh trống, hát hò ầm ĩ. Howard, chủ nhà CouchSurfing của tôi ở Lusaka, đến đón tôi về tận nhà.

Sau ba ngày, hai đêm, gần chục chiếc xe, một nghìn bảy trăm kilômét, hai biên giới và gần như không có đồng nào trong túi, cuối cùng tôi cũng đã đến Lusaka nguyên vẹn. Tự nhiên thấy mình phục mình quá. Người tôi mềm nhũn ra như cám và bốc mùi hôi như cú, nhưng ít nhất thì tôi cũng không còn bất hợp pháp nữa. Thêm vào đó, một thông tin từ Howard khiến tinh thần tôi lên cao hơn bao giờ hết. Chính tôi cũng không tin vào vận may của mình: tôi đặt chân lên Lusaka đúng thời khắc lịch sử, thời khắc mà cả đời người có khi chỉ được chứng kiến một lần.

43. Phan cuồng bóng đá Zambia

Lusaka, Zambia.

Bảy giờ ba mươi tối, thứ tư ngày 8 tháng 2 năm 2012.

Cửa hàng KFC hôm nay khác với mọi ngày. Tất cả bàn ghế được xếp lại ngay ngắn hướng cùng về một phía như trong một lớp học. Chỉ khác có điều thay vì bảng đen ở trước mặt, mọi người nín thở chăm chú hướng lên màn hình TV. “Vàooooooooooooo!!!”, tiếng bình luận viên gào trên TV cũng là lúc cả thành phố Lusaka nổ tung với hàng loạt âm thanh: tiếng hò hét, tiếng còi xe, tiếng loa kèn, tiếng cười, tiếng khóc. Emmanuel Mayuka vừa ghi bàn thắng quyết định chiến thắng 1-0 cho Zambia trước Ghana, đưa Zambia vào vòng chung kết cúp vô địch các quốc gia châu Phi (CAN). “Đây là một sự kiện lớn, lớn hơn bất kỳ một nghi lễ nào. Cả đời người chắc chỉ chứng kiến một vài lần”, Andrew, anh chàng đứng cạnh hét vào tai tôi giải thích trước khi chạy ra ngoài hòa vào dòng người hâm mộ quá khích. CAN là giải bóng đá lớn nhất của châu Phi, tổ chức hai năm một lần. Đã mười tám năm trôi qua kể từ khi Zambia tiến xa đến thế.

Những ngày này ở Zambia, câu chào cửa miệng của mọi người không còn là: “Xin chào, bạn có khỏe không?” nữa mà đã biến thành: “Sunday” (*chủ nhật này nhé*) và người đối diện sẽ hồ hởi trả lời: “Tuzawina” (*chúng ta sẽ chiến thắng*). Chủ nhật này là thời điểm diễn ra trận chung kết tranh cúp vô địch châu Phi giữa Zambia và Bờ Biển Ngà. Tất cả các nhà hàng, quầy bar đều chuẩn bị TV, bàn ghế để người hâm mộ đến xem. Áo đội tuyển quốc gia và quốc kỳ trở thành hai món hàng bán chạy nhất: người người mặc áo đội tuyển quốc gia, xe nào cũng có gắn quốc kỳ phía trước, các công ty tung ra những mẫu thiết kế dành riêng cho sự kiện này, báo chí tràn ngập tranh ảnh cổ vũ, xe buýt vẽ chi chít những câu cổ động dành cho đội tuyển quốc gia. “Go Chipolopolo boys” (*cổ lên những chàng trai Chipolopolo – tên thân mật dành cho cầu thủ đội tuyển quốc gia*), “this time for Zambia” (*đây là thời khắc của Zambia*), “Chipolopolo – we love you” (*Chipolopolo – chúng tôi yêu các anh*) là những câu cổ động được ưa chuộng nhất. Một chiếc xe buýt còn có dòng chữ quá khích: “Do or Die: Zambia vs Ghana” (*chơi hay chết: Zambia - Ghana*).

Sự phấn khích của người dân không chỉ dừng lại trên đường phố mà còn len lỏi vào chốn văn phòng. Trước cửa công ty Jacana, công ty chuyên trồng cây, thiết kế phong cảnh ở Lusaka, dán tấm biển thông báo: “Nếu Zambia thắng, thứ hai tất cả được nghỉ. Nếu Zambia thua, đi làm bình thường”. Ông David, chủ nhân công ty giải thích: “Nếu Zambia thắng thì chắc chắn ai cũng sẽ ăn mừng đầu đêm, thứ hai có đi làm nếu không say tã lả thì cũng chỉ có bàn luận về bóng đá thôi chứ làm ăn gì”. Ông cho hay thêm: “Với người dân Zambia, trận chung kết lần này không chỉ là thể thao đơn thuần mà còn là một sự kiện mang đậm cảm xúc”. Năm 1993, máy bay chở đội tuyển quốc gia tham dự vòng

loại World Cup gặp tai nạn tại Gabon khiến toàn bộ cầu thủ và huấn luyện viên tử vong. Gabon cũng sẽ là nơi diễn ra trận đấu hôm chủ nhật này. Hôm thứ sáu, đội tuyển quốc gia Zambia đã đến bờ biển Gabon, cách điểm máy bay rơi năm 1993 chỉ vài trăm mét để cầu nguyện. Zambia là một đất nước hết sức yêu chuộng bóng đá. Giống như Việt Nam, đội tuyển quốc gia trở thành những người hùng trong trái tim người dân.

Nếu như ở Việt Nam, thường chỉ cánh đàn ông mới đam mê bóng đá. Ở Zambia, cả phụ nữ và trẻ em đều hết lòng với môn thể thao vua này. Tất cả mọi người đều có một niềm tin sắt đá đến kinh ngạc vào chiến thắng của đội nhà. “Tôi không quan tâm Bờ Biển Ngà có Drogba, lần này nhất định cúp sẽ về tay Zambia. Đây là ý Chúa định”, Ntemba – nữ y tá bệnh viện Beit Cure Hospital hào hứng chia sẻ. Đội hình Zambia chỉ có đúng một cầu thủ hiện chơi cho một câu lạc bộ ở châu Âu, trong khi Bờ Biển Ngà có hàng loạt các ngôi sao đang chơi cho các câu lạc bộ danh giá. Bờ Biển Ngà cũng xếp cao hơn Zambia sáu mươi ba hạng trong bảng xếp hạng của FIFA. Trước giải đấu, Zambia không được đánh giá cao, vậy nhưng đã gây cho fan hâm mộ không ít bất ngờ khi liên tiếp đánh bại những đội mạnh như Senegal và Ghana với lối chơi sắc bén. Tôi hỏi đùa: “Trong Kinh Thánh có ghi thế hả?”. “Không. Nhưng Kinh Thánh ghi rằng nếu ta cầu nguyện thì Chúa sẽ ban cho. Hàng triệu người dân Zambia đang cầu nguyện, chẳng lẽ Chúa không cho à?”. Zambia là một quốc gia sùng đạo với 75% dân số theo đạo Thiên Chúa. Trong lịch sử ba mươi tám năm tham gia CAN, Zambia mới chỉ lọt vào trận chung kết đúng hai lần: 1974 và 1994, và cả hai lần đều thất bại, không chạm được tay vào chiếc cúp vô địch. Trận chung kết năm 1974, Zambia cầm hòa Zaire (*nay là Cộng hòa dân chủ Congo*), nhưng để thua 0-2 trong trận đấu lại. Năm 1994, Zambia ngậm ngùi nhận chức á quân khi để thua Nigeria với tỉ số sát nút 1-2.

[©STENT](#)

Cũng giống như ở Việt Nam, hâm mộ quá khích không phải là không dẫn đến những hệ quả đáng buồn. Elvis, một bác lái taxi ở đây khi được hỏi tối chủ nhật này bác có làm việc không, bác lắc đầu: “Không, nghỉ sớm xem bóng đá chứ”. “Sau trận đấu thì sao?”. “Ai dại gì mà lái xe sau trận đấu. Tai nạn như chơi”. Bác lo lắng không phải không có lý do. Chiến thắng đồng nghĩa với con số tai nạn tăng lên gấp đôi: nào là đánh võng, nào là chồm lên vỉa hè, nào là đua xe, nào là vượt đèn đỏ. Tự bản thân tôi cũng đã đứng tim khi đi từ KFC về nhà sau trận đấu hôm thứ tư. Khi đang đi bộ, một chiếc xe bất ngờ bóp phanh đánh kết dừng ngay cạnh tôi: “Lên xe đi tụi này cho đi nhờ”, nhóm thanh niên trong xe gào lên, “Zambia thắng rồi”. Ham vui, tôi leo lên xe nhưng rồi ngay lập tức nhận ra rằng đây là một sai lầm to lớn. Máy cô cậu này lái xe cực ẩu, lạng lách với tốc độ lên đến một trăm kilômét một giờ trong khi đường phố đầy những xe phóng nhanh không kém. Người Zambia cũng cuồng bóng đá không khác gì người Việt Nam. Nếu ở Việt Nam khi đội nhà chiến thắng, đường phố sẽ tràn ngập màu cờ đỏ sao vàng, thì ở Zambia, khi đội nhà chiến thắng, màu sắc tràn ngập là màu xanh lá cây với kẻ sọc vàng đen đỏ của quốc kỳ Zambia. Người dân không đi xe máy nhiều như ở Việt Nam, mà những chiếc xe tải sẽ chở đầy fan cuồng ở phía sau. Không ít người trong cơn quá khích đã rơi ra khỏi xe mà tử nạn. Một số tờ báo địa phương đưa tin rằng hôm thứ tư, sau khi Zambia thắng Ghana, ít nhất bảy người chết và mười bốn người bị thương vì ăn mừng. “Đây mới chỉ là bán kết. Lần này mà Zambia giành cúp thì không biết sẽ thế nào”, Elvis nói vậy nhưng vẫn cười rạng rỡ, không giấu nổi niềm vui khi nghĩ đến viễn cảnh những chàng trai Chipolopolo yêu quý của mình nâng cao trên tay chiếc cúp vô địch châu

Phi mà hàng triệu người dân Zambia đã mong chờ bao nhiêu năm nay.

Sự phấn khích của người dân nơi đây lan truyền như virus, khiến kẻ ngoài cuộc như tôi cũng không khỏi hồi hộp. Đi qua một quán nước ở gần nhà bạn, tôi hét tướng lên: “Sunday”, và tất cả mọi người trong quán đều cười toe toét đáp lại: “Tuzawina”. Thể thao mang mọi người đến gần nhau hơn, và bóng đá quả thực là một môn thể thao không biên giới.

Khi tôi viết xong phần này cũng là lúc Sunzu thực hiện thành công quả đá penalty ấn định chiến thắng cho những chàng trai Chipolopolo trong lượt đá luân lưu nảy lửa. Sau giây phút ngỡ ngàng không tin vào vận may của mình, quán Smuggle’s – một trong số những điểm xem bóng đá yêu thích nhất của người hâm mộ nơi đây – bỗng chốc trở thành trung tâm của hỗn loạn và hưng phấn. Tất cả quay sang ôm hôn nhau như thân quen lắm rồi. Bia tươi như champagne, chai đập tứ tung, tôi phải chạy nạn với hai tay ôm đầu như chạy bom rơi đạn lạc. Ở quán thì hàng chục người nhảy vào bể bơi, vài chục người nữa bị đẩy vào. Ra đường thì mọi người cứ nhảy đại lên bất kỳ một xe nào, gào thét với bất kỳ ai đi qua, vừa đi vừa nhảy như cả thành phố là vũ trường. Zambia đã đánh bại Bờ Biển Ngà để chính thức trở thành đương kim vô địch châu Phi, danh hiệu mà đất nước này đã thèm muốn suốt bao nhiêu năm nay. Cơ hội đời người có một lần được chứng kiến người Zambia vui đến thế. Chúc mừng Zambia. Chúc mừng các chàng trai Chipolopolo đã giành chiến thắng tuy bất ngờ nhưng hoàn toàn xứng đáng.

44. Làm việc ở Zambia hay Howard và những người bạn

Howard bảo rằng, anh biết tôi là một đứa con gái hay ho khi thấy tôi sơn cờ Zambia kín mặt và hét Chipolopolo với tất cả người đi đường. Lúc bấy giờ, anh đang đi quay phim đưa tin về người dân Zambia chuẩn bị cho trận bóng lịch sử. Tôi đáng lẽ cũng đang đi lấy thông tin viết bài cho báo Tiền Phong, nhưng sau khi phỏng vấn một vài fan cuồng, tôi cũng bị cuồng theo để họ vẽ chi chít lên mặt. Howard ngồi trong xe với máy quay dán mác BBC của mình, thấy tôi hò hét ầm ĩ ngoài đường cùng đám fan cuồng cũng ham lắm nhưng sợ mất máy không dám ra ngoài. Bằng tuổi tôi, Howard vừa tốt nghiệp ngành làm phim ở Anh. Bác David, giám đốc công ty Jacana ở trên chính là bố Howard. Bác là người Anh nhưng sinh ra và lớn lên ở Zambia vì bố mẹ bác sang đây từ những ngày Zambia còn là thuộc địa của Anh. Tốt nghiệp đại học xong, Howard chưa biết mình sẽ làm gì nên sang đây ở để tìm cảm hứng. Với tài năng của mình cộng với việc Zambia ít có nhà làm phim kinh nghiệm quốc tế, anh dễ dàng tìm được hợp đồng với khá nhiều hãng truyền thông lớn ở đây. Bố Howard ở trong một khu nhà rộng với căn nhà chính để bác và bác gái ở, hai căn nhà phụ làm văn phòng và một căn nhà nhỏ xíu để Howard ở.

Gia đình Howard sống rất lạ. Nhưng tôi nghĩ, lạ với tôi nhưng có lẽ là bình thường với văn hóa Anh. Bác David rất nghiêm khắc về việc Howard đã lớn và phải tự lập. Bác cho anh ở nhờ, nhưng chỉ

đến đó thôi là sự giúp đỡ chấm dứt. Howard phải tự mua đồ ăn, không được ăn đồ ăn của bác. Anh không được lấy xe của bác đi, phải tự trả tiền điện. Mới vào nghề, lương ba cọc ba đồng, Howard thường xuyên hết tiền. Bố anh không cho anh tiền mà nói nếu anh làm thêm cho bác thì bác sẽ trả lương. Nhưng Howard không chịu. Thế là tôi xin làm thay. Công ty bác có một trang danh bạ trực tuyến, công việc của tôi chỉ đơn giản là nhập thông tin về các doanh nghiệp tìm được từ các tờ báo, tạp chí, danh sách địa chỉ vào máy tính. Nhập xong, tôi lên báo cáo với bác. Bác sừng sốt:

- Mới có hai ngày đã xong rồi à? Bình thường nhân viên của bác làm phải một tuần mới xong.

“Đây là cháu vừa làm vừa vào facebook đấy”, tôi nghĩ thầm trong bụng.

- Sao lâu thế hả bác? Công việc có gì khó đâu, chỉ là nhìn rồi gõ máy thôi mà.

- Bác không biết – Bác nhún vai – “Người châu Phi”.

Sau đó, bác giao cho tôi cho một cơ sở dữ liệu khác mà nhân viên trước của bác làm, kêu tôi nhập dữ liệu tiếp vào. Tôi đọc được một tí mà phát rồ lên. Tôi không hiểu bằng cách nào một người có thể làm một công việc đơn giản như nhập dữ liệu tẻ đến như thế. Cửa hàng bán xe thì lại cho vào danh sách quán ăn. Số điện thoại thì cho vào ô số fax. Thà đưa cho tôi hẳn một cơ sở dữ liệu mới để tôi nhập từ đầu còn hơn là phải ngồi sửa lại cái đồng này.

- Ấy biết tại sao tớ không làm cho bố tớ chưa? – Howard bảo – Làm việc với người châu Phi là một cực hình.

©STENT: <http://www.luv-ebook.com>

Thỉnh thoảng, chúng tôi được kêu đi phụ một quán ăn Đức ở gần đó. Quán ăn này chuyên phục vụ hội nghị, và những lần chúng tôi được kêu đi phụ cũng toàn là hội nghị lớn. Ví dụ như lần chúng tôi phục vụ đồ ăn cho Ngày Uganda trong khu nhà ở của Đại sứ Uganda tại Zambia. Cũng như mọi lần, với chúng tôi làm việc ở đây là vừa làm vừa bày đủ trò ra chơi. Đang tán dóc thì tôi ngửi thấy mùi nước hoa nồng nặc. Thế là tôi làm bộ mặt mày nhăn nhó, tay phúi phúi trước mũi ra hiệu với Howard. Đúng lúc ấy, chủ nhân của mùi nước hoa đi qua, lườm cho tôi một phát. Howard thở dài:

- Chọc giận ai không chọc lại chọc giận đúng bà đại sứ.

Cũng may mà bà đại sứ không phải là người nhỏ nhen mà để bụng con bé phục vụ bàn như tôi.

Howard là một người mà tôi thấy thật khó để xác định được rõ tình cảm của tôi với anh là gì. Đôi khi tôi nghĩ, tình cảm của tôi với anh là “chấp nhận”, giống như cách chúng ta luôn chấp nhận người trong gia đình mình vậy, dù người đó có làm gì tẻ đi chăng nữa. Tôi không thích nhiều cái mà Howard làm. Tôi không thích cách anh đội mũ lệch để tóc dài đến một bên mắt. Tôi không thích cách anh mặc

quần tụt đến ngang hông. Tôi không thích cách anh cả tôi làm gì đó, rồi khi tôi làm được lại chối bay chối biến vì lý do “hai đứa chưa từng bắt tay”. Tôi không thích cách anh thể hiện mình là dân võ thuật bằng cách suốt ngày nói về các võ sĩ tôi không bao giờ nhớ được hết tên. Nhưng Howard là bạn tôi. Có thể thỉnh thoảng khi nói chuyện với anh, tôi có ham muốn điên cuồng được đâm thẳng vào mặt anh, nhưng lâu lâu không gặp anh tôi sẽ thấy nhớ. Và nếu anh cần tôi giúp đỡ, chắc chắn tôi sẽ không bao giờ quay lưng lại. Chúng tôi đã có những kỷ niệm đẹp. Đó là hôm cả hai đứa treo tường vào trong câu lạc bộ xem bóng đá khi câu lạc bộ đó đã đóng cửa không nhận thêm khán giả vì đông quá. Đó là hôm tôi theo anh đi quay phim, anh mặc định tôi là trợ lý, cứ sai vặt tôi từ lum đến mức tôi cáu chữ um lên, anh lúng túng đi mua kem xin lỗi. Đó là hôm hai đứa đốt lửa nướng thịt, nướng cháy đen cháy đỏ nhưng cứ vừa ăn vừa giả bộ xuýt xoa khen ngon. Tôi vẫn nhớ một buổi tối mất điện, hai đứa ngồi ngoài trời ngắm bầu trời đầy sao của Lusaka, nói chuyện về tương lai mù mịt phía trước. Bằng tuổi nhau nhưng mỗi đứa một xuất thân, mỗi đứa một hoàn cảnh, mỗi đứa một đam mê, mỗi đứa một tham vọng, bằng cách nào đó, lại gặp nhau tại một châu lục hoàn toàn xa lạ đúng giai đoạn bất ổn nhất của đời người: không đứa nào biết mình đang đi về đâu và sẽ đi đến đâu.

- Dù có chuyện gì xảy ra, chúng ta sẽ vẫn là bạn nhé.

- Ừ, bắt tay nhé.

45. Đen tình đỏ bạc

Tôi không nhớ chính xác tại sao tôi cãi nhau với Howard. Tôi chỉ nhớ là tối hôm ấy chúng tôi đang ngồi ăn ở một quán Trung Quốc, Howard nói câu gì đó động chạm đến lòng tự ái dân tộc của tôi. Tôi yêu cầu anh xin lỗi, nhưng anh bảo vì anh đang cho tôi ở nhờ nên anh muốn nói gì cũng được. Tôi giận điên tiết, đứng dậy đi thẳng về lấy đồ, dọn ra khỏi nhà Howard. Anh đi theo tôi:

- Ấy đừng giận phát là đừng đừng bỏ đi như trẻ con thế. Nửa đêm rồi ấy còn đi đâu?

Lúc đấy đã gần nửa đêm, tôi cũng chẳng biết mình sẽ đi đâu nữa. Xung quanh chẳng có nhà trọ, khách sạn nào. Nơi duy nhất tôi nghĩ đến là Johnny's, một quán bar ở gần đó. Johnny, chủ quán là người Singapore. Tôi đã gặp ông mấy lần và tôi nghĩ ông cũng quý tôi. Quán mở thâu đêm, tôi nghĩ mình có thể tạm thời tá túc ở lại đó chờ đến sáng rồi tính tiếp. Nhưng Johnny sau khi hỏi chuyện thì đã cho tôi ở nhờ phòng khách của ông ngay tầng trên. Trước đó tôi đã gặp ông mấy lần chỉ nói chuyện qua loa chứ không thân. Năm nay đã hơn bảy mươi tuổi, ông dành trọn đời mình lưu lạc từ châu Á sang châu Phi, lấy vợ và có con ở Nam Phi, sống ở đó suốt thời Apartheid, sau đó thời kỳ phân biệt chủng tộc kết thúc và ông sang Zambia để sống. Ông khá ít nói và bí hiểm. Nhiều câu tôi hỏi ông chỉ cười mà không nói gì. Lúc tôi đến, ông mới nhận được một gói hàng nhỏ, bên trong đầy những viên đá kích cỡ từ hạt đậu đến viên bi.

- Đá quý đây – Ông tỉ mỉ soi từng viên một dưới một cái máy nhìn giống kính hiển vi trong các phòng thí nghiệm sinh học.

- Máy gì đây ông?

- Máy phân tích để phân định thật giả. Dĩ nhiên là không tuyệt đối. Đôi khi người ta chỉ bọc một ít bột đá thật ở bên ngoài, bên trong vẫn chỉ là đá giả.

- Ông mua làm gì ạ?

- Để bán. Nếu cháu muốn làm giàu từ vàng bạc đá quý thì Nam Phi là khu vực tốt nhất để làm điều đó.

Ông chỉ tôi cách phân biệt một số loại đá quý. Tôi nghe đến làm giàu cũng ham lắm, nhưng vừa buồn ngủ, vừa đói (*vừa nãy bỏ đi chưa kịp ăn gì*) ngồi nghe ông nói chẳng hiểu gì.

- Ở Johnny's này có đồ ăn không ông? Cháu đói quá.

- Johnny's thì chỉ có mỳ tôm thôi, cháu ăn tạm. Nếu cháu muốn ăn đồ ăn Trung Quốc, tối mai ông dẫn đi sòng bạc ăn.

Ở đây người ta có câu nói: Nếu không có người Trung Quốc thì tất cả sòng bạc ở châu Phi sẽ chết hết. Người Trung Quốc lúc nào cũng phải chiếm đến hơn nửa lượng khách ở đây. Chính vì thế, nếu nơi đâu đảm bảo có đồ ăn Tàu ngon nhất, nơi đấy chính là sòng bạc. Tôi chưa đi sòng bạc ở Zambia bao giờ nên rất hào hứng. Johnny rõ ràng là khách quen ở đấy. Tất cả mọi người chào ông theo tên và đưa ông lên thẳng phòng VIP. Trong đó có khoảng chục người đàn ông trung niên ăn mặc sang trọng và quen Johnny cả. Nói chuyện một lúc tôi phát hiện ra một người đàn ông trong số đó chính là chủ sòng bạc ở Tanzania mà trước đó tôi làm việc. Nói thật, chẳng ai có vẻ gì quan tâm đến tôi cả cho đến khi chúng tôi bắt đầu chơi Poker. Sau vài ván thua, Johnny hỏi tôi có muốn thử chơi không. Tôi trả lời có. Tôi chẳng hiểu hôm đó số tôi đỏ thế nào mà thắng liền năm ván toàn tay đẹp lung linh. Đỉnh cao là một lần tôi được royal flush và một lần khác được bốn con K. Tôi thắng cho Johnny khoảng bốn trăm đô. Ông chia cho tôi hai trăm đô. Sau đó tất cả mọi người trong sòng bạc muốn chạm vào tay tôi để lấy may mắn.

Đúng là đen tình đỏ bạc.

Sau quá nhiều vất vả mà vẫn không xin được visa Nam Phi, tôi quyết định bỏ cuộc lên đường sang Zimbabwe, hy vọng có thể xin visa ở đây. Việc này ban đầu là lỗi của tôi hoàn toàn. Yêu cầu để xin visa Nam Phi khi đó bao gồm vé máy bay ra khỏi Nam Phi và đặt phòng khách sạn ở nước này. Lúc đấy tôi vẫn còn rất gà mờ, biết cách đặt vé máy bay rồi hủy nhưng không biết làm thế nào để đặt được phòng khách sạn mà không mất tiền đặt cọc. Nói chuyện với Paxton, anh bảo tôi cứ làm giả một booking đi, chẳng ai kiểm tra đâu. Tôi nghe theo lời xui dại của anh mà quên mất là mình đang nói đến Nam Phi, một trong những nước có hải quan nghiêm ngặt nhất trên thế giới. Đại sứ quán Nam Phi gọi điện đến khách sạn phát hiện ra booking của tôi là giả và từ chối hồ sơ của tôi. Sau đó, tôi xin gặp cán bộ phụ trách lãnh sự. Sau khi nghe tôi giải thích, ông chấp nhận cho tôi nộp lại nhưng lần này sẽ mất một tháng mới có được visa. Lúc đó, phần vì tôi đã chán ở Lusaka, phần vì tôi hy vọng mình có thể xin visa Nam Phi ở Zimbabwe hay Mozambique nên tôi quyết định tiếp tục lên đường.

Đích đến tiếp theo của tôi là Barotseland, đất của người Barotse, một khu vực mà nhắc đến nó phải 90% khách du lịch ở Zambia chưa từng nghe thấy tên. Đây là một trong những tỉnh nghèo nhất của một đất nước vốn dĩ đã siêu nghèo. Cứ đến mùa mưa là cả khu vực bị bao quanh bởi nước, biệt lập hẳn với thế giới bên ngoài. Nói chung ngoại trừ nhân viên các tổ chức phi chính phủ thỉnh thoảng đến đây thì khu vực này chẳng bao giờ có người nước ngoài. Tôi cũng không biết tại sao tôi lại quyết định đến đây nữa. Một cuộc hội thoại với một cô bạn Zambia và cái tên đó cứ dính chặt trong đầu, khiến tôi phải đến đây một lần cho biết mặc dù nó chẳng nằm trên đường đi đâu cả.

Người ta nói tái ông thất mã, vận may khó đoán. Sau khi đi bộ gần hai tiếng chẳng ai đoái hoài gì, chiếc xe đầu tiên cho tôi đi nhờ lại là xe đi thẳng xuống Mongu, giúp tôi ngày hôm đó đi được gần bảy trăm kilômét lận. Đúng là vùng sâu vùng xa, dịch vụ thiếu thốn đủ điều. Khách sạn không những hiếm mà lại còn đắt. Sau khi đi khắp từ đầu này đến đầu kia thị trấn, cuối cùng tôi cũng tìm được một nhà nghỉ không điện với giá mười hai đô một đêm. Không chỉ nhà nghỉ này không có điện, mà xung quanh chẳng ở đâu có điện. Buổi tối cả thị trấn tối om om. Ở trong phòng thì chán, ra ngoài đường thì sợ, tôi quanh quẩn ở trong sân nhà nghỉ. Một nhóm đàn ông cũng là khách trọ đang ngồi nói chuyện ở đó. Tôi hỏi chuyện thì biết tất cả bọn họ đều là quan chức chính phủ cả. Khách ở nhà nghỉ này toàn là quan chức chính phủ. Một điều lạ là ở Zambia quan chức chính phủ toàn là đàn ông. Họ chọn nhà nghỉ này không phải vì để tiết kiệm tiền nhà nước, mà để lấy tiền chênh lệch giá phòng.

Mọi người rất tốt bụng. Cũng giống như ở tất cả các nơi khác ở châu Phi, ai thấy tôi đi một mình cũng tò mò. Nhất là thấy một đứa con gái đi một mình ở nơi heo hút thế này. Các bác hỏi tôi đến đây xem lễ hội Kuomboka à. Và cũng giống như mọi lần, tôi lại đàn mặt ra:

- Kuomboka là cái gì cơ?

Đây là lễ hội dời đô của vua Barotseland. Barotseland cứ như một mảnh đất trong chuyện cổ tích vậy. Không phải vì nó đẹp, mà vì nó nửa tồn tại, nửa không tồn tại. Nó gần như một quốc gia riêng với một triều đình và một vị vua, nhưng vẫn là một tỉnh của Zambia. Kuomboka trong tiếng địa phương

nghĩa là “ra khỏi nước”. Hàng năm, cứ đến mùa mưa là cả khu vực này bị lụt, cung điện cũng bị ngập trong nước nên nhà vua phải tạm thời chuyển nó đến vùng đất cao hơn. Kuomboka chính là lễ hội ăn mừng sự kiện đó. Câu hỏi đầu tiên của tôi là sao từ đầu không đặt cung điện ở chỗ cao hần đi mà bây đặt chuyển ra chuyển vào làm gì cho mệt.

- Ồ thì vua bây giờ ở hần chỗ cao rồi kia mà.

- Vậy sao vẫn còn lễ hội này?

- Truyền thống mà cháu.

Thực ra nghe kể về hình ảnh cả triều đình bỏ toàn bộ đồ đạc lên thuyền chạy lụt tôi cũng ham xem lắm, nhưng không thể đợi ba tuần để xem được. Không xem được lễ hội thì đành đi xem tạm cung điện vậy. Vua ở đây là vua của người Lozi, được gọi là Litunga. Người Lozi trung thành vô cùng với vua của mình. Cho dù vị vua ấy có “không được yêu thích” thế nào đi chăng nữa thì cũng không ai được phép chê. Xúc phạm Litunga tức là xúc phạm cả bộ tộc. Cung điện của ngài nằm ở một làng nhỏ tên là Limulunga, cách Mongu khoảng mười lăm kilômét. Đường đến đây vắng đến mức tôi đi bộ lúc chờ xe mà cứ cảm giác sẽ có động vật hoang dã nhảy ra từ hai bên đường tấn công bất cứ lúc nào. Một con đường đất nhỏ rẽ sang từ đường chính dẫn vào cung điện. Phía trước là mấy lán bảo vệ bao quanh bởi đầy phân trâu bò. Các chú mặc quân phục đứng trong lán chặn tôi lại, vừa hỏi vừa cười khúc khích vì chưa thấy con bé châu Á nào ở đây bao giờ.

- Cháu vào đây thăm vua không có quà gì à?

- Quà là quà gì ạ?

- Gì cũng được. Nhiều thì tiền. Ít thì mua cái thẻ nạp điện thoại.

- Mua thẻ nạp điện thoại tặng vua á? – Tôi không tin vào tai mình. Sao lại có vị vua nào “rẻ” vậy?

- Ủ, thế thôi.

Tôi tính chạy ra ngoài mua tạm một cái thẻ nhưng nhìn xung quanh chẳng thấy bóng dáng cửa hàng nào nên thôi kệ, cứ vào rồi tính. Người gác cổng thấy tôi đến thì tươi cười đón tiếp. Ông nói tiếng Anh khá bập bẹ, nhưng tôi có thể tạm hiểu ông là thư ký triều đình và ông sẽ chịu trách nhiệm dẫn tôi đi tham quan cung điện. Lúc bấy giờ đang có một buổi họp của quan chức triều đình ở trong một căn nhà ngay cạnh cung điện. Ngôi nhà lợp mái ngói cao chỉ ba bức tường, phía hướng về cung điện hoàn toàn để trống. Giữa căn nhà có khoảng một tá đàn ông tuổi trung niên ngồi trên ghế nhựa, vây xung quanh một tấm chiếu cói trải dưới đất. Ghế nhựa chiếu cói nghe có vẻ không xứng với một buổi họp toàn những nhân vật quan trọng trong triều đình, nhưng nếu so với những ngôi nhà tranh vách đất xung quanh thì đây đã là sang lắm rồi. Vị thư ký bảo sẽ dẫn tôi vào nói chuyện với điều kiện tôi phải làm theo tất

cả những thứ ông làm.

Vị thư ký quỳ xuống tám chiều rồi đi bằng hai đầu gối đến gần người đàn ông ngồi chính giữa vòng tròn vỗ tay, cúi đầu. Thấy tôi vẫn đứng trơ trơ, ông giật ống quần ra hiệu cho tôi quỳ xuống. Tôi thực sự rất muốn thể hiện sự tôn kính của mình, nhưng từ nhỏ đến giờ tôi đã được dạy không quỳ gối trước ai trừ trong nhà thờ và trước bàn thờ tổ tiên nên không thể nào ép mình quỳ xuống được. Tôi đành chấp tay trước ngực, cúi đầu rất thấp, hy vọng cử chỉ này có thể phần nào thể hiện tấm lòng thành của tôi. Một người đàn ông xung quanh gật gù ra hiệu rằng họ hiểu đây là tập tục ở nơi tôi đến. Vị thư ký sau đó lần lượt lặp lại quy trình vỗ tay, cúi đầu với tất cả những người đàn ông đang ngồi ở đó. Cuối cùng, sau khi màn chào hỏi dài bất tận đã xong, người đàn ông ngồi chính giữa (*tôi đoán là chức danh cao nhất*), nói cái gì đó với tôi bằng tiếng Lozi và mọi người xung quanh cười ré lên. Tôi ngơ ngác quay sang vị thư ký cầu cứu. Ông đỏ bừng mặt.

- Người ta tưởng cháu là “cá” của ông.

- “Cá” là gì cơ?

Những người xung quanh cười càng to và mặt ông càng đỏ. Tôi đoán ngay ra rằng “cá” ở đây là bồ nhí. Tôi đứng hình mất mấy giây không biết phản ứng thế nào. Cuối cùng, sau khi đã ra khỏi phòng họp đó, tôi nuốt nước bọt hỏi ông:

- Ở đây mọi người có nhiều “cá” lắm ạ?

Động đùng tim đen, ông cười khúc khích.

- Ở đây ai chẳng ai có “cá”. “Cá” ngoại quốc thì lại càng có giá – Ông nói như thể giá trị một người đàn ông nơi đây phụ thuộc hoàn toàn vào số lượng và chất lượng “cá” anh ta có. Tự nhiên tôi thấy thương vô cùng những người phụ nữ Barotseland.

- Ở đây đàn ông có được phép lấy nhiều vợ không ạ?

- Không, nhà nước không cho phép – Nhà nước ông nói ở đây là nhà nước Zambia.

- Còn Litunga thì sao?

- Litunga cũng chỉ có một vợ thôi, nhưng “cá” thì nhiều vô kể. Litunga mà lại – Ông lại cười khúc khích – Nhưng mà cháu đừng có đi kể lại với ai nhé.

Cạnh cung điện có một bảo tàng Barotseland, ông cứ khẳng khẳng dẫn tôi vào xem. Đáng lẽ chỉ

cần đi qua sân trước cung điện là đến, nhưng vị thư ký không cho tôi đi qua mà bắt tôi phải đi vòng ra phía sau phòng họp. Lý do đơn giản là vì tôi là con gái, mà đàn bà con gái ở đây không được phép đi qua trước mặt các vị quan khách triều đình.

Bảo tàng là một căn nhà gỗ lợp mái tranh khá đẹp trưng bày một số dụng cụ nghệ thuật truyền thống của Barotseland và tranh ảnh về lịch sử vùng đất này. Tôi xem một cách hồ hững. Những cái này thì tôi tìm đọc trên mạng cũng được. Tôi quan tâm đến những gì thực tế mà đồ trưng bày không thể thay thế được. Tôi hỏi ông về bến nước nơi diễn ra lễ hội. Ông dẫn tôi đi xem. Không có lễ hội dời đô, bến nước vắng tanh vắng ngắt. Cạnh đó có một cái lán khoảng bốn, năm gian, mấy người đàn ông vô gia cư trải chiếu nằm ngủ ngon lành.

Nhìn đi nhìn lại không còn gì để tôi có thể tìm hiểu thêm với vốn tiếng Anh ít ỏi của người thư ký và vốn tiếng Lozi bằng 0 của mình, tôi quyết định về lại thành phố. Trên đường về lại cung điện, vị thư ký không dẫn tôi đi theo đường cũ mà lại dẫn tôi đi đường vòng. Tôi băn khoăn hỏi thì ông bảo: “Cháu phải đến thăm nhà ông đã”. Tôi nghi ngờ:

- Về nhà ông làm gì ạ?

- Vợ ông chắc chắn sẽ rất vui khi được gặp cháu. Bà chưa gặp người Trung Quốc bao giờ.

Nghe thấy có phụ nữ tôi cũng yên tâm hơn. Vậy nên mặc dù không muốn tí nào, tôi cũng đi theo. Giống như hầu hết những ngôi nhà nơi đây, nhà ông là một ngôi nhà vách đất lợp mái tranh, rộng khoảng vài chục mét vuông. Ông thở dài:

- Cháu thấy đấy. Nhà ông chỉ có thế này thôi. Làm ở cung điện toàn tình nguyện viên hết đây chứ làm gì có ai được trả lương.

- Vậy ông sống bằng gì? – Tôi hỏi xong rồi lập tức biết mình hỏi ngu.

- Thì nhờ vào khách du lịch đến đây. Ông cũng dẫn họ đi như cháu rồi họ cho ông ít tiền bồi dưỡng.

Vậy là mặc dù bản thân mình cũng nghèo rớt mùng tơi, từ sáng tới giờ chưa có gì vào bụng, tôi đành rút năm nghìn kwacha ra biếu ông. Thế là hôm nay mình khỏi ăn trưa vậy, tôi thở dài. Hồi ở châu Phi, tôi sụt mất năm kilôgam.

©STENT: <http://www.luv-ebook.com>

Trên đường đi về, tôi đi ngang qua một ngôi trường đúng giờ tan học. Mấy cậu thanh niên choai choai tầm khoảng học cấp ba thấy tôi thì xúm vào hỏi chuyện, mặc dù chẳng ai nói được tiếng Anh. Tôi đoán mấy cậu hỏi tôi đi đâu, tôi bảo: “Mongu”. Mấy cậu hỏi tiếp tôi đi bằng gì, tôi dùng ngón tay

giả bộ bước đi, ý rằng tôi đi bộ về. Mấy cậu này giờ đang đạp xe chậm chậm theo bước của tôi, liền lập tức dừng lại, bắt tôi ngồi lên xe. Tôi từ chối thế nào cũng không được, mấy cậu cứ nhất định nếu tôi không lên xe thì không đi tiếp. Tôi đành leo lên ngồi, ề hết cả mông mà không làm gì được. Mấy cậu thanh niên đèo tôi về tận thành phố.

Buổi tối, đói méo cả mặt, tôi tìm được một quán ăn bình dân ở gần đây. Trong thực đơn có bush meat, tức là thịt động vật hoang dã. Có lẽ chỉ ở châu Phi thịt động vật hoang dã mới rẻ như thịt gà. Động vật quý hiếm ở đâu chứ ở đây lên đĩa rồi giá trên dưới một đô. Tôi hỏi thịt gì thì không ai biết, chỉ nói là của động vật trong rừng. Tôi gọi ăn thử. Đó là một cục thịt to, đen, thơm, tôi nghĩ nếu luộc lên sẽ khá dai nhưng sau khi hầm thì ăn khá ngon. Đang ăn, tôi cắn phải một cục gì đó cứng đến suýt gãy răng. Lấy ra nhìn thì phát hiện ra đây là một viên đạn tròn vo, loại đạn được sử dụng trong súng hỏa mai cổ lỗ sĩ chỉ còn ở châu Phi. Tôi nhả viên đạn ra, cho vào túi quần làm kỷ niệm, rồi lại cắm mặt vào ăn tiếp.

47. Ta có bình xịt hơi cay, ta không sợ ai hết

Vì Mongu đã là tận cùng phía Tây của Zambia, tôi tiếp tục hướng về phía Đông thẳng tiến. Điểm đầu tiên tôi định đến là Senanga, một thành phố nhỏ cách Mongu khoảng trăm cây. Đi nhờ xe ở đây khó hơn tôi tưởng. Đây là khu vực hoang vắng nhất của Zambia, xe cộ qua lại rất hiếm. Không chỉ thế, hầu hết các xe qua lại đều chỉ nhìn tôi với con mắt lạnh lùng rồi nhấn ga phóng đi tiếp. Những xe dừng lại thì cũng chỉ đi những đoạn rất ngắn, khoảng một, hai kilômét. Ngồi chờ không thì sốt ruột, tôi vác ba lô lên vừa đi bộ vừa chờ xe. Đi được một đoạn, tôi bắt gặp một chiếc xe bán tải cơ động với một nhóm thanh niên chỉ khoảng hai mươi tuổi, cả nam cả nữ, mặc đồng phục cảnh sát ngồi sau đó. Nghĩ thế nào tôi lại giơ ngón tay cái ra. Và chẳng hiểu thế nào, xe cảnh sát lại dừng lại. Tôi nhảy lên phía sau xe ngồi với nhóm cảnh sát trẻ măng đó. Xe chỉ đi một đoạn đến chỗ có bóng râm thì dừng lại. Một anh chàng cảnh sát bảo tôi:

- Bọn anh dừng ở đây để làm việc rồi. Nhưng đừng lo, bọn anh sẽ tìm xe cho em đi nhờ.

- Sao anh biết họ sẽ dừng lại? – Tôi hỏi bắn khoả. Suốt hai tiếng đồng hồ vừa rồi tôi tìm xe đi nhờ mà có được đâu.

- Vì bọn anh là cảnh sát giao thông! – Cả hội cười khúc khích.

Với sự giúp đỡ của các “bạn” cảnh sát tốt bụng, tôi nhanh chóng bắt được xe đi Senanga. Đây là một thành phố ven sông như bao thành phố ở phía Tây Zambia, nhỏ, buồn và không có gì đặc biệt. Lúc bấy giờ mới khoảng ba giờ chiều, tôi quyết định bắt thuyền sang bờ bên kia. Con thuyền dài chỉ khoảng ba mét, nhọn hai đầu, chỗ rộng nhất ở giữa rộng chỉ khoảng nửa mét, vậy mà nhét được đến ba mươi

người: già có, trẻ có, lớn có, bé có, đàn ông có, đàn bà có. Số người trên thuyền nhiều phải gấp ba lần số áo phao có ở đó. Đây là chưa kể ai cũng có một đồng hành lý nặng trĩu. Người ngồi chen chúc nhau, chênh vênh ở mũi thuyền, đu lên cả mạn thuyền. Trước khi lên thuyền, tôi cẩn thận bọc máy tính, điện thoại, máy ảnh vào túi ni lông, chọn chỗ ngồi chiến lược ở cạnh mấy cái can nhựa để có chuyện gì xảy ra sẽ bám luôn vào đó. Thuyền quá tải chìm xuống đúng ngang mặt nước. Một chú bé phải liên tục lấy ca nhựa tát nước ra khỏi thuyền. Chiều muộn trên sông đẹp như mộng. Những tia nắng hoàng hôn đầu tiên dát bạc trên mặt nước. Hai bên không một bóng người, chỉ toàn cây là cây, ngút ngàn tầm mắt. Cảnh đẹp nhưng tôi không có tâm trí đâu mà ngắm. Nước vào mỗi lúc một nhiều, mình cậu bé tát ra không kịp. Tôi sợ tái mặt, tình nguyện giúp cậu một tay. Niềm hy vọng duy nhất của tôi trên thuyền là một cậu sinh viên nói tiếng Anh khá tốt. Cậu bảo cậu đang học đại học ở Mongu, hôm nay ngày nghỉ nên về thăm nhà ở làng Kalangola bên kia sông. Tên làng gì đọc méo hết cả miệng, cậu phải đọc đi đọc lại mấy lần tôi mới nhớ. Tôi hỏi cậu biết bơi không, cậu gật đầu: “Tớ bơi giỏi lắm, nếu có gì tớ sẽ cứu cậu”.

Sau khoảng một tiếng dài như cả thế kỷ, cuối cùng thuyền cũng sang đến bờ bên kia an toàn. Làng Kalangola của cậu bạn kia đúng là nhỏ thật, chỉ lác đác vài túp lều. Đầu làng có một chiếc xe buýt đợi để đón tất cả khách đi thuyền về Sioma, thị trấn gần nhất ở đây. Vì không có thói quen leo lên chiếc xe buýt đầu tiên mình thấy, tôi định đi bộ một đoạn xem tình hình xe cộ ở đây thế nào rồi tính tiếp. Nhưng rồi tôi nhanh chóng nhận ra đó là một sai lầm khủng khiếp. Đây đã là chuyến thuyền cuối cùng trong ngày, đồng nghĩa với việc đây là chuyến xe buýt cuối cùng. Vì xóm này ở cuối đường, không có xe cộ nào đi qua đây hết. Tôi đi bộ hơn nửa tiếng mà không thấy một bóng người nào, đừng nói là bóng xe. Trời mỗi lúc một tối. Tôi một mình giữa đồng không mông quạnh với cái ba lô to hơn người, muốn chạy cũng không chạy được. Tôi sợ, sợ rần rết, sợ động vật hoang dã, sợ bóng ma trong rừng. Tiếng ếch nhái, côn trùng kêu như tiếng cô hồn đồng vọng. Tôi có hai lựa chọn: hoặc là đi bộ lên phía trước và tạt vào nhà người dân gần nhất để xin tá túc qua đêm, hoặc là quay ngược trở lại bến thuyền để ngủ nhờ nhà anh chàng kia. Tôi vẫn còn nhớ tên anh này. Làng này cũng nhỏ, tôi có thể hỏi người dân trong làng đến nhà anh, chắc anh không nỡ để tôi ngủ ngoài đâu nhỉ? Nhưng tôi đã đi bộ quá xa để có thể quay trở lại. Tôi quyết định đi tiếp, trong tay lăm lăm bình xịt hơi cay mà Jack tặng. Một chiếc xe tải quân sự chở đầy binh lính ra sông lấy nước. Tôi núp vào sau bụi cây trôn. Tôi đã ở châu Phi đủ lâu để nghe không ít chuyện về phụ nữ đi một mình bị binh lính bắt cóc. Thật may, chiếc xe tiếp theo đi qua là xe của dân thường. Đây là dạng taxi chạy theo kiểu như xe buýt. Đầu tiên chỉ có người lái xe, người phụ xe và tôi, nhưng rồi trên đường gặp ai xe cũng dừng lại cho lên. Cuối cùng, xe bốn chỗ mà phải nhét đến mười người vào: phía trước ngồi bốn người, phía sau ngồi sáu người. Đây là chưa kể một đồng hành lý và chai nhựa buộc chênh vênh ở phía sau. Rạp xiếc cũng phải gọi chúng tôi là sư phụ. Người lái xe phải khó khăn lắm mới len qua được đồng thit người ngồn ngộn để chạm tay vào cần lái. Mỗi lần gạt cần số anh phải gào lên kêu gọi nỗ lực của cả tập thể. Xe chật là thế nhưng không ai dám kêu. Tự nhiên tôi thấy cảm thông với những người lái xe đồ bị chửi là nhồi nhét khách. Đôi khi, họ nhét khách không phải để tăng lợi nhuận, mà là vì không nỡ để khách lại trên đường.

Cuối cùng, tôi cũng đến được Sioma lúc nửa đêm. Cả thị trấn đang ngủ say. Ánh đèn leo lét hắt lên mặt đường không bóng người qua lại. Nhìn xung quanh, không có dấu hiệu gì cho thấy tôi sẽ có cơ hội tìm được một nhà nghỉ mở cửa. Tôi cũng không nghĩ là đi bộ một mình quanh thị trấn vào thời điểm này sẽ an toàn. Nơi đầu tiên tôi nghĩ đến là đồn cảnh sát. Nhưng ở Sioma không có đồn cảnh sát. Nơi

thứ hai tôi nghĩ đến là nhà thờ, tu viện. Thật may cho tôi là ở Sioma có một tu viện nữ khá lớn. Người lái xe tốt bụng chở tôi đến tận tu viện. Anh còn kiên nhẫn đợi ở ngoài với tôi cho đến khi có người ra mở cửa. Đó là một nữ tu người địa phương đã khoảng ngoại ngũ tuần. Dì nói tiếng Anh khá tốt, tôi đoán là vì các nhà truyền giáo sang đây đều là người châu Âu. Nghe tôi trình bày hoàn cảnh xong, dì bảo tôi cứ bình tĩnh ngồi xuống đã. Dì hỏi tôi có khát nước không, tôi gật đầu. Dì mang cho tôi một ly đầy nước. Tôi uống một hơi là hết, xin dì thêm một ly nữa. Dì hỏi tôi có đói không, tôi gật đầu. Dì mang cho tôi đĩa pasta còn lại của bữa tối. Đợi tôi ăn uống xong xuôi, dì mới từ tốn bảo rằng rất tiếc, đây là tất cả những gì tu viện có thể làm cho tôi. Vì tôi không phải người thuộc tu viện, tu viện không thể cho tôi ở nhờ được. Nhưng tu viện có một nhà trọ cách đây “không xa”. Nói là “không xa”, nhưng đêm hôm thành ra tôi có cảm giác như xa bất tận. Nhà trọ là một dãy khoảng chục căn phòng nằm giữa một khu đất trống. Xung quanh chẳng có bóng dáng một ai. Nhà trọ có phòng có điện, và có phòng không có điện. Tôi chọn ở phòng không có điện vì nó rẻ hơn. Nhà vệ sinh cách đó cũng phải mấy chục mét. Tôi hỏi dì rằng có ai trực ở đây không, dì bảo là có một cậu bé trực đêm. Dì đưa tôi mấy cây nến rồi quay về. Tôi đứng ngoài gọi khản cổ mười lăm phút cũng không thấy cậu bé ấy đâu. Vậy là chỉ có một mình tôi trong căn nhà như căn nhà hoang. Trời bắt đầu mưa, sấm chớp đùng đoàng. Tôi đóng chặt cửa, thấp nền lên đọc sách. Có muốn ra ngoài đi vệ sinh cũng không dám. Thật may, trong lúc ở tu viện, tôi đã hỏi mượn được dì một loạt sách hay. Đọc xong cuốn “No coins, please” của Gordon Korman, tôi ngủ thiếp đi lúc nào không biết.

48. Thác Ngonye

Sáng hôm sau, mặt trời vừa lên là tôi nhảy ra khỏi giường, phi ngay ra nhà vệ sinh giải quyết nỗi buồn. Cậu bé trực nhà trọ cả đêm qua gọi khản cổ không thấy đâu, giờ đứng ngay phía ngoài cười toe toét:

- Bốn mươi nghìn kwacha, please.

Có cho tiền tôi cũng không dám ở lại nhà trọ đó thêm một đêm nữa, thế là tôi vác ba lô đi tiếp. Sioma lại là một thị trấn ở khu vực vùng sâu vùng xa của Zambia. Trung tâm thị trấn là khoảng chục ngôi nhà cấp bốn nằm hai bên một con đường đất chạy dọc khắp trục Đông – Tây của Zambia. Con đường này đang được làm lại bởi một công ty xây dựng Trung Quốc. Đã thành luật bất thành văn, ở châu Phi cứ ở đâu có đường cần làm, ở đó có người Trung Quốc. Các công ty cầu đường Trung Quốc ở đây nhiều đến nỗi mấy người bạn nước ngoài của tôi ở châu Phi gọi Trung Quốc là building nation: quốc gia xây dựng.

Lúc tôi ra chợ ăn, người dân ở đây cứ nhìn tôi chỉ trỏ. Một anh chàng ngồi đối diện tôi ở trong

quán bảo họ nghĩ tôi là vợ con hoặc họ hàng của mấy người làm đường. Họ thấy lạ vì trước giờ toàn thấy đàn ông, tôi là cô gái “Trung Quốc” đầu tiên họ thấy. Tôi chỉ cười không nói gì.

Có vẻ như càng đi về phía Đông, đường càng vắng. Xe duy nhất tôi gặp là mấy xe chở đá dăm đi làm đường. Mấy người công nhân Trung Quốc hớn hờ vẫy chào, bắn một loạt tiếng Trung tôi chẳng hiểu gì. Tôi hỏi họ có nói tiếng Anh không, họ lắc đầu. Thế là tôi lại đi tiếp.

Đi bộ được khoảng nửa tiếng, một chiếc xe máy không biết từ đâu phóng vèo qua, bắn bùn tung tóe lên người tôi. Sau cơn mưa, đường đất trở nên nhão nhoét, trơn nhầy nhựa. Tôi đi bộ mà còn trơn trượt mấy lần, vậy mà người lái xe cứ phóng xe vèo vèo như không có chuyện gì xảy ra. Đi qua được một đoạn, nghĩ thế nào người lái xe lại quay lại cho tôi đi nhờ. Anh tên là Oliver, bảo vệ của vườn quốc gia Ngonye Falls cách đó khoảng năm kilômét. Tôi đã đọc loáng thoáng về thác nước này trong một cuốn sách hướng dẫn du lịch mượn được của bạn tôi. Đây là một trong những thác nước hùng vĩ nhất châu Phi nhưng lại rất ít được biết đến bởi có vị trí quá khó tiếp cận. Và quả thật, phải tự mình đến thì tôi mới hiểu được vị trí này hiểm như thế nào. Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ của một du khách (*đi thăm thác nước, chụp ảnh lưu niệm*), tôi ra đường bắt xe đi tiếp thì phát hiện ra chẳng có xe nào qua lại. Tôi đứng chờ đến tận trưa mà vẫn chẳng thấy gì, bụng đói meo, sôi lên sùng sục. Thấy một lán tre với mấy túi ni lông treo ngoài cửa sổ ở gần đây, nghĩ là cửa hàng, tôi vào hỏi xem có gì ăn được không thì họ lắc đầu. Tất cả hàng hóa họ có chỉ là mấy túi bột giặt, một ít đường, một ít muối, một ít ngô sống. Lúc bấy giờ ở phía trước, mấy người phụ nữ đang ngồi bệt xuống đất bóc lạc. Lạc này nghiền ra, nấu với rau xay nhuyễn ăn sẽ rất ngon. Chẳng có gì lắm, tôi cũng ngồi xuống giúp họ. Bụng đói, tay buồn, tôi nhón luôn mấy viên lạc sống cho lên miệng nhai ngấu nghiến. Ngày trước tôi không ăn được lạc sống. Nhưng sau lần đi nhờ xe tải ở Zambia, đi suốt cả ngày trời mà không thấy quán ăn nào, có mỗi túi lạc sống của người lái xe, tôi ăn tự nhiên lại thấy ngon. Thực sự lúc đấy tôi chẳng nghĩ gì, thèm ăn thì ăn thôi. Nhưng mấy người ở đấy thấy tôi ăn như vậy thì rất thảng thốt. Chắc họ nghĩ: “Tội nghiệp con bé mzungu, đói đến mức phải ăn lạc sống”. Thế là một chị tức tốc cầm mấy bắp ngô mang đi nướng. Một chị khác về nhà mang cho tôi một nồi bí luộc to đùng. Tôi ăn không hết, mọi người gói vào túi ni lông cho tôi mang đi ăn đường. Tôi đề nghị trả tiền thì nhất định không ai chịu nhận.

Đến khoảng chiều tối, tai tôi dựng đứng lên như tai thỏ khi bất chợt nghe tiếng động cơ xe đi qua. Một anh chàng người trong làng nhảy ra giữa đường, vẫy tay rồi rít. Phía sau xe chở đầy vật liệu xây dựng, còn trên xe là hai người đàn ông: một người lái xe và người còn lại, tôi đoán là ông chủ, to béo, da đen bóng, đầu trọc nhìn hết sức đáng sợ. Ông nhìn tôi với con mắt lạnh lùng, khuôn mặt không biểu lộ cảm xúc, rồi gật đầu ra chuyện đồng ý. Nói thật, tôi thấy ông như thế thì hơi sợ, định bụng không đi nhưng anh chàng kia lại bảo là số tôi hên, gặp được người tốt. Vậy là tôi leo lên xe đi.

Đi được một quãng, xe rẽ vào một căn nhà trống đang xây dở. Tôi hỏi ông ngủ ở đây à, ông lắc đầu bảo chỉ để đồ ở đây thôi. Thực sự lúc đấy tôi vẫn chưa biết ông đang đi đâu, hay tối nay tôi sẽ ngủ ở đâu. Thấy mặt tôi lo lắng, ông phì cười:

- Cháu đừng sợ. Đây là trường học ông xây ủng hộ làng. Tối nay mình ngủ ở khu nhà nghỉ trong rừng. Mai mình sẽ tiếp tục đi thác Victoria.

49. Khói mây dậy sầm

Quả thật đúng như anh chàng ở thác Ngonye nói, số tôi hên, gặp được người tốt thật. Người đàn ông đó nhìn bặm trợn vậy nhưng lại là một người rất tốt. Ông có một khu nhà nghỉ ở giữa rừng, chuyên đón các sinh viên quốc tế sang thực tập tìm hiểu về các loài động thực vật ở Zambia. Ông cho tôi một túp lều cực xinh ở ngay cạnh hồ, dạy chị giúp việc nấu ăn, đun nước cho tôi chu đáo. Hôm sau, ông tiếp tục lên đường đi Livingstone. Thác Victoria nằm giữa hai nước Zambia và Zimbabwe. Thành phố bên phía Zambia được đặt tên theo nhà thám hiểm người Scotland huyền thoại David Livingstone, người châu Âu đầu tiên phát hiện ra thác nước này. Lý do duy nhất để khách nước ngoài đến thị trấn này là để xem thác Victoria. Lý do duy nhất để người dân địa phương đến đây là để buôn đồ lậu sang Zimbabwe.

Không muốn cập rập vừa đến đây lại ra thác nước luôn (*vì nếu sang thác nước rồi tôi sẽ sang luôn phía bên Zimbabwe, không quay lại Zambia được nữa*), tôi tính ở lại đây thong thả một bữa xem sao đã. Tôi tìm được một hostel giá chỉ mười đô một đêm cho một giường trong phòng ngủ tập thể, nhưng có nào là bể bơi, tường leo núi. Thật là một sự xa xỉ cần thiết sau một tuần lăn lộn ở nơi vùng sâu vùng xa nhất của Zambia. Trong lúc đi ra chợ ở gần bến xe buýt tìm đồ ăn, tôi thấy hai anh chàng mzungu đứng lúng ta lúng túng ăn cái gì. Người bán hàng giải thích món gì là món gì bằng tiếng địa phương, hai anh dần mặt ra không hiểu gì. Tôi thương hại hai anh, dùng vốn liếng hiểu biết ít ỏi của mình Zambia để giải thích, thế là chúng tôi quen nhau. Hai anh vừa học xong cấp ba ở Đức, dành một năm đi thám hiểm châu Phi trước khi quay lại Đức quyết định mình sẽ học gì. Hai người đã xem xong thác Victoria rồi và đang chuẩn bị bắt xe buýt đi Lusaka. Buồn buồn, tôi thuyết phục hai anh ở lại Livingstone thêm một đêm. Nghe nói đến giá mười đô cho nhà trọ có bể bơi, mắt hai anh chàng tự nhiên sáng rực lên. Đúng là ở châu Phi, thỉnh thoảng ai cũng phải tự thưởng cho bản thân một chút xa xỉ.

- Nhưng bọn anh mua vé chiều nay rồi, không biết có đổi được không.

- Chắc chắn được chứ. Vé máy bay còn có thể đổi được nữa là vé xe buýt. Với lại anh chỉ đổi ngày thôi chứ có phải trả lại đâu.

Thế là một anh để lại cái ba lô to bự chẳng của mình cho chúng tôi rồi chạy như bay ra ngay bến xe buýt đổi vé. Mấy anh chàng này đi du lịch với ba lô quân đội, mỗi cái phải nặng khoảng ba mươi cân. Đêm hôm đấy mấy anh chàng liên hoan mừng sống sót trọn vẹn sáu tháng ở châu Phi, chúng tôi

mưa rệu về nhậu, rồi say xỉn thế nào ngủ luôn ở ngoài trời, may mà không ai trúng gió.

Có những tình bạn thật chóng vánh. Sáng hôm sau ngủ dậy, ôm chào nhau xong là lại vác ba lô lên vai, mỗi đứa một ngả. Tôi giơ ngón tay cái ra, đi nhờ xe đến thác Victoria. Đây là thác nước lớn nhất của châu Phi và là một trong những thác nước lớn nhất thế giới, kéo dài những gần hai kilômét và cao đến một trăm linh tám mét. Người dân nơi đây gọi thác là Mosi-oa-Tunya, dịch ra nghĩa là khói mây dậy sấm. Quả thật không hổ danh tên gọi hoành tráng của mình, thác nước này đúng là hoành tráng thật. Từ cách đây cả chục cây số đã thấy những cột mây nước khổng lồ hình cây nấm bốc thẳng lên trời như cột khói của vụ nổ bom nguyên tử ở Hiroshima. “Bụi nước từ thác đây”, bác cho tôi đi nhờ xe bảo. Từ cách đó cả cây số cũng đã nghe tiếng nước đổ ầm ầm như tiếng sấm. Bên bờ thác, trời lúc nào cũng mưa vì mây luôn nặng trĩu nước. Mọi người đến đây đều thuê áo mưa. Tôi cũng thuê áo mưa, nhưng để bọc điện thoại và máy ảnh, còn mình thì cứ để mây mưa thấm vào da thịt. Có những điểm thế này mới thấy thiệt thòi cho những ai đi du lịch một mình. Cơ hội cả đời người có một mà lại chẳng có ai chụp ảnh cho. Tôi đứng quay lưng lại phía thác nước, tay giơ máy ảnh lên tự sướng nhưng ảnh vẫn chẳng ra đâu vào với đâu. May mà có hai cô cậu đi qua chụp hộ tôi vài kiểu. Cô gái bằng tuổi tôi còn bạn trai cô thì hơn cô những sáu tuổi. Hai người là người Lusaka, nhưng bị bố mẹ cấm yêu nhau, phải trốn đến những điểm xa xôi thế này mới được ở bên nhau.

Tại chân thác nơi hàng triệu mét khối nước đổ xuống mỗi ngày là dòng nước chảy cuộn cuộn, khói mây mù mịt mà người dân nơi đây gọi là Boiling Point (*điểm sôi*). Để tăng thêm sự hùng vĩ của quang cảnh, hai bên dòng nước lại là hai vách đá dựng đứng cao cả trăm mét, uốn lượn như thân một con rồng, một bên là Zambia, một bên là Zimbabwe. Nối hai vách đá này với nhau là cây cầu biên giới huyền thoại vô cùng duyên dáng và xinh đẹp. Có thể nói là biên giới đẹp nhất mà tôi từng thấy. Thỉnh thoảng lại có bóng người nhỏ xíu lao từ giữa cầu xuống thẳng dòng nước, đến gần mặt nước thì bị sợi dây ở chân giật lại, kéo tung người lên. Cây cầu này là một trong những điểm nhảy bungee đẹp nhất và hấp dẫn nhất cho những người thích chơi trò mạo hiểm này.

50. Sang Zimbabwe

Xem chán chê thác nước, người đã ướt nhèm nhẹp từ đầu đến chân rồi, tôi tiếp tục lên đường sang Zimbabwe. Tôi quyết định đi bộ sang bên kia để ngắm cảnh chứ không đi nhờ xe. Cái tôi không ngờ đến là trên cầu đầy khỉ (*baboon*). Thấy tôi khác khác, lũ khỉ giương mắt lên nhìn. Tôi đã giấu kỹ máy ảnh, điện thoại và tất cả những vật dụng có khả năng lấp lánh đi mà tụi nó vẫn cứ nhìn. Có mấy con tiến đến mỗi lúc một gần. Chúng tiến một bước thì tôi lại lùi một bước. Xung quanh chẳng có ai để cầu cứu. Cứ tốc độ này, có lẽ tôi sẽ không bao giờ sang được đến bờ bên kia mất. Tôi cứ đứng ngạp ngừng ở đấy mãi cho đến khi có mấy chị, mấy cô người Zimbabwe không biết từ đâu xuất hiện, vừa đi vừa cười nói ung dung chẳng sợ trời trăng gì. Thấy tôi mặt tái mét đứng lăm lét nhìn đám baboon, mấy chị phá lên cười, vẫy tôi lại gần rồi đi cùng tôi sang tận bờ bên kia. Lũ baboon tiến lại gần, mấy chị chỉ

xua tay khiến chúng chạy té khói. Sao tôi không có được dũng khí này nhỉ?

Cuối cùng, với sự giúp đỡ của các nữ nhi anh hùng, tôi cũng sang được đến bờ bên kia an toàn. Một chú hải quan cho tôi đi nhờ từ biên giới đến thị trấn gần đó nhất, thị trấn Victoria Falls. Trước khi đến đây, tôi đã được Jack cảnh báo trước là thị trấn này nhìn không khác gì Disneyland ấy. Những ngôi nhà đầy màu sắc sặc sỡ: vàng, tím, xanh, đỏ, đủ những hình dáng kích cỡ kỳ quặc uốn lượn bắt mắt như đồ chơi trẻ con. Lúc bấy giờ đã khoảng ba giờ chiều, đã khá muộn để có thể bắt xe lên Bulawayo (*thành phố ở phía Nam Zimbabwe mà tôi đã liên hệ với CouchSurfer ở đó trước*), nhưng không muốn ở lại thị trấn Disneyland này thêm một đêm, tôi cứ ra đường thử xem sao. Đến khoảng năm giờ chiều, một chiếc xe tải chở cá từ Nambia lên Bulawayo cho tôi đi nhờ. Tôi đến Bulawayo lúc khoảng mười giờ tối. Người lái xe tốt bụng cho tôi mượn điện thoại gọi cho Orio, chủ nhà CouchSurfing của tôi, rồi còn giúp tôi bắt taxi đến tận nhà chị. Người lái xe làm tôi một phen hết hồn khi đang chở tôi mà còn vòng qua một câu lạc bộ đêm đón người em trai say xỉn, nôn thốc nôn tháo trên xe.

Oria vốn là người Anh, sang Zimbabwe du lịch, gặp và yêu một anh chàng nhạc công ở đây, rồi ở lại luôn. Chị gần như trở thành huyền thoại trong giới đi bụi như một người luôn mở lòng cứu giúp bất cứ tâm hồn lưu lạc nào đi qua đây. Jack khi đến đây cũng đã ở nhà chị. Và buổi tối, khi nằm trong phòng con gái chị, ngắm soi đủ các thể loại chữ viết trên tường từ những người đã từng ở với chị, tôi bất ngờ phát hiện ra chữ ký của chị Lan Anh. Chị Lan Anh cũng là một huyền thoại khác trong giới đi ở Việt Nam, là thân gái nhưng đã khiến tất cả các đồng nghiệp nam phải cảm phục. Chị đã một mình lưu lạc ở châu Âu, Nam Mỹ và bây giờ đang có mặt ở châu Phi. Hai chị em đã thư từ hẹn gặp nhau rất nhiều lần nhưng vì lịch trình ai cũng bất định nên đến giờ vẫn chưa gặp được. Bây giờ đọc dòng chữ của chị, tự nhiên tôi thấy một cảm giác ấm áp bình yên đến lạ trào dâng trong lòng. Oria bảo tôi chị mới rời đi cách đây hai tuần, tức là rất có thể tôi sẽ gặp chị ở đâu đó không xa.

Mấy ngày tiếp theo ở Bulawayo, tôi nhảy lên xe buýt rồi cứ ngồi lì ở trên đó cho đến khi nó đã đi mấy vòng quanh thành phố, xem nhẵn mặt các phố phường rồi mới thôi. Bulawayo có quá nhiều chợ, hầu như con phố nào cũng tràn ngập kẻ bán, người mua tấp nập. Cái tiện lợi ở Zimbabwe là đất nước này dùng đồng đô la Mỹ, không phải đổi. Nhưng vấn đề là tiền xu ở đây lại rất hiếm và đồng đô mệnh giá lại cao so với giá cả nên hầu như tất cả đều được làm tròn. Giá một bó rau cũng như giá năm bó rau, đều là một đô hết. Những lúc bắt buộc phải trả lại tiền, người ta dùng đồng rand của Nam Phi. Tỷ giá cũng khá là thất thường, chỗ thì một đô – tám rand, chỗ thì một đô – mười rand.

Ở Bulawayo cũng là lần đầu tiên tôi cảm nhận rõ rệt sự khác biệt của các cộng đồng khác màu da ở châu Phi. Ngày xưa tôi cứ nghĩ người châu Phi phải là da đen, sang đây mới biết có nhiều người da trắng vẫn gọi mình là người châu Phi. Zimbabwe cũng như các quốc gia khác tại khu vực Nam Phi có cộng đồng người da trắng rất lớn, lên tới hơn chục phần trăm dân số. Cộng đồng người da trắng này tuy là thiểu số nhưng lại chiếm giữ phần lớn nền kinh tế khu vực. Tại thành phố này, tôi gặp một anh chàng da trắng tên là Adam. Anh sống cùng gia đình trong một ngôi nhà cổ rộng thênh thang như cung điện, có nhà chính rồi nhà phụ, từng nhà riêng cho từng đứa con trong nhà, rồi lại còn thư viện, nhà bếp, hành lang rộng, bàn ăn như nhà hàng, vườn rợp bóng cây với đủ loài chim quý được sưu tầm, bể bơi, sân chơi tennis. Anh chàng còn dẫn tôi đến buổi barbecue thịt nướng với nhóm bạn của anh. Ở khu vực

Nam Phi này mọi người ăn nhiều thịt kinh khủng và cách nấu thịt yêu thích nhất của mọi người ở đây là cho nướng trên vỉ than. Không chỉ Adam mà đám bạn của anh ai cũng giàu! Ai cũng sống trong những ngôi biệt thự đẹp lộng lẫy, ai cũng có người giúp việc. Hầu hết bạn bè anh đều mới về nước sau khi chạy trốn cuộc khủng hoảng ở Nam Phi, Úc, châu Âu. Tôi băn khoăn không biết sự giàu có của nhóm bạn anh là do mã tầm mã, ngu tầm ngu hay đơn giản là do người da trắng ở đây ai cũng giàu hết.

51. Harare – thủ đô đẹp nhất của châu Phi

Bắt xe lên Harare khó hơn tôi tưởng. Chồng Oria cho tôi hay anh cũng hay đi nhờ xe lên Harare, nhưng phần lớn lái xe sẽ yêu cầu trả tiền. Không có ai yêu cầu tôi trả tiền cả, bởi đơn giản chẳng có ai dừng lại cho tôi đi nhờ. Chờ mãi chờ mãi, cuối cùng tôi cũng nhảy lên được một chiếc xe tải lên Kwekwe (*nửa đường giữa Bulawayo và Harare*). Đói, tôi còng lưng vác ba lô đi dọc khắp các ngõ hẻm tìm chỗ ăn rẻ nhất. Tôi thích thú phát hiện ra ở đây có rất nhiều quán ăn một đô, tức là chỉ với một đô bạn có thể có một đĩa thức ăn gồm bột ngô, rau và một vài miếng thịt. Máy quán ăn dạng này lúc nào cũng đông nghịt người. Thấy tôi mzungu ai cũng lăm lét nhìn. Cô bán hàng cười ré lên khi tôi đến xin thêm một ít nước kho.

- Ăn ngon không cháu? Người Zimbabwe toàn ăn kiểu này đây – Người đàn ông ngồi đối diện tôi trong quán bắt chuyện. Ông hỏi tôi đi đâu, nghe tôi kể tôi muốn đi nhờ xe lên Harare, ông bảo tôi phải đi ra phía ngoài thành phố. Ông có xe có thể cho tôi đi nhờ đến đấy. Bên đường, có một nhóm người dân cũng đang đứng chờ xe. Ông bảo tôi đứng đấy chờ cùng mọi người cho an toàn. Không muốn cạnh tranh, tôi đi bộ quá hẫng lên phía trước. Hai anh chàng lái xe chở đồ lên Harare nhanh chóng nhặt tôi lên xe của họ. Tôi thật có duyên với xe chở đồ đó mà. Hai anh chàng vui tính, vừa đi vừa nói cười ầm ĩ, cao hứng nhún ga phóng xe như bay. Tôi ngồi trong xe mà tóc gáy cứ dựng đứng cả lên. Harare rộng lớn và ồn ào, giờ tan tầm thì tắc đường như điên. Hai anh chàng tốt bụng chở tôi đến tận khách sạn nơi mà Haus hẹn sẽ đến đón tôi. Haus là CouchSurfer tôi đã liên hệ từ trước xin ở nhà. Mặc dù hai anh chàng lái xe rất nhiệt tình chở tôi đến tận nơi, nhưng Haus bảo nhà anh khó tìm lắm, đợi anh ở đâu dễ tìm anh đến đón. Có lẽ chỉ ở châu Phi tôi mới thấy trân trọng việc mình là mzungu đến như thế. Tôi chẳng phải khách ở khách sạn nhưng vẫn có thể ngồi thoải mái ở sảnh khách sạn, sử dụng nhà vệ sinh, ổ điện, internet ở đấy thoải mái.

Ấn tượng đầu tiên khi tôi gặp Haus là nhìn anh thật... đáng sợ. Anh to lớn, bặm trợn, cao đến gần hai mét, cơ bắp cuộn cuộn, xăm trổ đầy mình, đầu trọc không một lọn tóc. Ở Harare không có nhiều CouchSurfer, tôi cũng không có nhiều thời gian để gửi yêu cầu ở nhờ nên nói chung tôi không có nhiều lựa chọn cho lắm. Haus là người duy nhất trả lời tôi vào lúc đấy. Tôi không biết nhiều về anh. Nhìn thấy anh thế này tôi cũng hơi sợ, nhưng anh đã đến tận nơi đón tôi rồi nên tôi không thể từ chối.

Nhưng hóa ra Haus là một trong những CouchSurfer rộng rãi và tốt bụng nhất mà tôi từng gặp. Anh sống một mình trong một căn nhà khổng lồ, đúng tiêu chuẩn nhà của người da trắng với đầy đủ bãi cỏ, vườn cây, bể bơi, sân tennis. Tôi ở đây cùng với hai CouchSurfer khác, một người Mỹ, một người Nam Phi. Biết chúng tôi thích ăn thịt xông khói, anh dặn chỉ giúp việc ngày nào cũng rán thật nhiều thịt xông khói cho chúng tôi ăn sáng tẹt ga. Mặc dù tiền cũ không còn giá trị gì nữa, anh vẫn giữ một thùng các-tông nặng cả chục cân toàn tiền Zimbabwe với mệnh giá khổng lồ để tặng những kẻ lưu lạc qua nhà anh như chúng tôi làm quà lưu niệm. Những đồng tiền vô giá trị một thời bị vất đầy đường này kể từ khi được khách nước ngoài phát hiện ra bỗng chốc trở nên có giá. Đồng một tỷ đô Zimbabwe được chào bán giá năm đến mười đô và vô cùng khó kiếm. Vậy mà Haus cho chúng tôi thoải mái chọn, muốn lấy bao nhiêu thì lấy. Tôi thủ cho mình một tập, định mang về Việt Nam tặng bạn bè, thế mà lúc đi qua hải quan Việt Nam đánh mất lúc nào không biết.

Haus có những người bạn kỳ lạ. Đó là Adam, cựu tuyển thủ quốc gia môn cricket, nhìn không khác gì tử tù bị kết án vì giết người hàng loạt: khuôn mặt nhọn, đôi mắt sâu, miệng luôn thường trực một nụ cười bí hiểm mà chẳng ai biết là tại sao. Anh hơn tôi bốn tuổi nhưng bạn gái anh chỉ bằng tuổi tôi: một cô gái người Pháp vô cùng xinh đẹp đang ở đây cùng mẹ. Adam có một con thuyền cao tốc và dụng cụ để chơi water skiing và tubing. Water skiing là trò giống như trượt tuyết, nhưng được chơi trên mặt nước với tám ván trượt được buộc vào phía sau thuyền để thuyền kéo đi. Đây là một trò rất phổ biến trong giới thượng lưu ở khu vực Nam Phi, Adam và bạn thường chơi ở một đập nước cách thành phố không xa. Nhìn mọi người lướt băng băng, lượn vòng trên mặt nước, tôi thích mê, nằng nặc đòi thử chơi một lần cho biết. Nhưng thể thao dưới nước đúng là không liên quan gì đến sự tự tin của tôi. Sau khi nhảy xuống nước, buộc hai tám ván vào chân, tôi thậm chí còn không thể nhấn tám ván đó xuống mà đứng dậy. Mọi người bảo là do tôi nhẹ quá, không đủ sức để thắng lực đẩy của nước. Tubing đơn giản là có một tám phao tròn được buộc vào thuyền, mình ngồi vào trong đó để thuyền kéo đi. Khi thuyền lên tới tốc độ tám mươi đến một trăm kilômét, việc ngồi trên phao bỗng chốc trở nên hết sức đáng sợ, cảm giác như sẽ bị văng ra bất cứ lúc nào.

Bạn gái của Haus cũng là một cô gái lạ lùng. Cô tên Larrine, trẻ măng, làm việc cho đại sứ quán Anh.

Hết nhiệm kỳ của mình, cô có tổ chức một bữa tiệc chia tay và bảo Haus dẫn cả tôi đến. Bạn bè Larrine toàn là dân ngoại giao từ các nước. Tôi tìm xem có ai làm ở đại sứ quán Nam Phi không mà không thấy, hỏi quanh quẩn thì toàn người làm sứ quán Anh, Úc và các nước châu Âu. Nói chuyện với dân ngoại giao một lúc tôi hơi nản, vào trong nhà tìm sách đọc. Tôi vẫn nhớ như in đó là lần đầu tiên tôi nghe bài Paradise của Cold Play. Khi những nốt nhạc đầu tiên cất lên, ngân nga thánh thót, ảo như âm thanh từ một thế giới khác, tôi đứng chết lặng, làm rơi cả quyển sách đang đọc trên tay.

- Anh cũng có phản ứng hệt như em khi lần đầu tiên nghe bài này. Đĩa đơn mới của Cold Play – Một anh chàng đẹp trai đang đứng cạnh tôi từ lúc nào, trên tay cầm quyển sách tôi vừa làm rơi. Anh làm ở đại sứ quán Úc ở Zimbabwe. Chúng tôi đang nói chuyện phiếm thì bất chợt một cô gái trẻ măng tiến lại gần. Anh chàng đổi giọng ngay:

- Oh, em à? Cô bé này đang muốn hỏi về visa đi Úc.

May cho anh là tôi tốt bụng nên cũng giả vờ là mình đang hỏi về visa đi Úc thật, mặc dù chuyện chúng tôi đang nói trước lúc cô đến chẳng liên quan gì đến visa.

Lý do tôi tìm người làm ở đại sứ quán Nam Phi vì việc xin visa đi Nam Phi của tôi lại một lần nữa không được chấp nhận. Đại sứ quán Nam Phi ở Harare khẳng khái không nhận hồ sơ của người không sống ở đây. Tôi lên đây năm lần bảy lượt, năn nỉ thế nào cũng không được. Tôi bắt đầu tuyệt vọng. Jack đã sang đến Nam Phi rồi, liên tục hỏi tôi khi nào sang. Những người bạn Nam Phi của tôi không thể tin được là tôi lại gặp nhiều khó khăn đến vậy.

- Không thể nào. Nam Phi chào đón tất cả khách du lịch mà.

- Trừ tao.

- Tao có thể giúp được gì không?

Tôi im lặng. Đến nhận hồ sơ của tôi họ còn chẳng nhận thì làm sao bạn bè có thể giúp tôi được. Thỉnh thoảng, tôi nhìn hộ chiếu của mình mà bật khóc. Tôi cảm thấy bất lực. Chuyến đi dọc châu Phi từ Cairo đến Cape Town sẽ không thể nào hoàn thiện được nếu thậm chí tôi không thể đặt chân lên Nam Phi. Tôi đã nỗ lực rất nhiều, đã đi một quãng đường rất xa, vậy mà giờ đây chẳng lẽ tôi phải bỏ cuộc chỉ vì một thứ mà tôi không thể điều khiển được? Tại sao những người với hộ chiếu như Jack chỉ đơn giản bước chân vào Nam Phi, còn tôi dù vất vả thế nào cũng không nhận được visa? Tôi có lỗi gì sao, ngoại trừ việc sinh ra là người Việt Nam?

52. Lẻn vào Great Zimbabwe

Quá mệt mỏi với những nỗ lực vô vọng của mình, tôi đành tạm chấp nhận rằng mình không thể xin visa Nam Phi từ Harare và tiếp tục lên đường, định bụng sẽ thử lại ở Mozambique.

Có lẽ vì quá đen với visa mà việc đi nhờ xe của tôi khá may mắn. Sau khi đi bộ ra khỏi thành phố, tôi nhanh chóng bắt được xe lên Great Zimbabwe, hệ thống tàn tích trung tâm của đế chế Mutapa vĩ đại một thời. Trong tiếng Shona, dzimba có nghĩa là những ngôi nhà, mabwe nghĩa là đá, và Great Zimbabwe có nghĩa là những ngôi nhà đá khổng lồ. Đây là khu tàn tích cổ lớn nhất khu vực cận Sahara của châu Phi, bao phủ một diện tích bảy trăm hai mươi héc-ta. Nó lớn đến mức chính quyền thực dân châu Âu ngày trước cứ kiên quyết phủ nhận việc người châu Phi có thể xây dựng được một công trình

tầm vóc như thế, dẫn đến đủ loại học thuyết về việc công trình này được xây dựng bởi người Roman, người Ả Rập cổ hay thậm chí bởi bộ tộc bị thất lạc của Israel. Mãi đến năm 1932, công trình khai quật của nhà khảo cổ học Gertrude Caton-Thompson mới trả lại cho người châu Phi thành quả xây dựng công trình này. Sau ngày độc lập, tên nước Nam Rhodesia được đổi thành Zimbabwe, theo tên của khu tàn tích, để tưởng nhớ đến gốc gác của mình.

Great Zimbabwe nằm ở phía Đông Nam Zimbabwe. Đây là một khu vực cực kỳ hoang vắng mà tôi tự nhủ nếu không có Great Zimbabwe thì chắc chẳng có ai có lý do gì để đến đây. Trên đường đến khu di tích có một số nhà nghỉ nằm rải rác, nhưng tôi được bác lái xe cho đi nhờ khuyên rằng nên ở nhà nghỉ ở ngay phía trong khu du lịch, rẻ mà lại gần. Tôi nghe lời bác đến đây thì đúng là rẻ thật, chỉ bảy đô cho một giường trong một khu phòng ngủ tập thể, nhưng lúc đây ngoài tôi ra thì chẳng có ai khác nên coi như tôi có cả phòng. Khu nhà trọ này gần giống như một vườn quốc gia với vườn cây rộng thênh thang, là nơi cư ngụ của đủ loài chim chóc và vô số khỉ. Trong vườn này có cây marula, quả được dùng làm rượu amarula nổi tiếng của Nam Phi. Hạt và vỏ quả này nhìn giống quả sấu nhưng kích cỡ thì to như quả quýt, khi chín vàng rụng xuống đất ăn rất ngọt. Vậy nhưng những quả đây chín thì một hai hôm là sẽ lên men thành rượu. Lũ khỉ ham ăn, ăn nhiều marula bị say xỉn, nhìn rất buồn cười.

©STENT: <http://www.luv-ebook.com>

Lúc bấy giờ đã là năm giờ chiều. Cả ngày không ăn gì, bụng tôi đói meo, định bụng vất ba lô xong sẽ chạy đi ăn một bữa tối hoành tráng. Nhưng ai ngờ khi chạy ra phòng của quản lý khu nhà trọ hỏi, cái mặt hớn hở của tôi xẹp xuống ngay như một cái bánh đa nhúng nước: trong khu nhà trọ không có đồ ăn! Xung quanh đây cũng chẳng có hàng quán, cửa hàng nào bán cái gì ăn cả. Chỗ gần nhất có đồ ăn ở đây là một khách sạn bốn sao, hiển nhiên nằm ngoài túi tiền của tôi. Ban đầu, tôi nghĩ thôi đọc sách cho đỡ đói rồi chờ đến sáng mai ra ngoài xem sao. Nhưng cái bụng nào có nghe theo cái đầu. Đọc một lúc mà mắt tôi hoa cả lên. Mặc dù trời tối om om, đói không chịu nổi, tôi liều mình đi vòng vòng tìm cái gì ăn. Khi đi, tôi không quên cầm theo một cái gậy để có gì còn đối phó với lũ khỉ baboon nghịch ngợm, kẻ thù lớn nhất của tôi ở Zimbabwe. Buổi tối, sự vắng vẻ khiến cho không gian xung quanh mang một màu sắc hết sức u ám và đáng sợ. Ở đây không có điện, vừa đi tôi vừa phải nhìn trước nhìn sau chỉ sợ lạc. Bất chợt, từ phía xa, tôi thấy ánh lửa le lói và mùi thức ăn thơm phức. Tôi chạy như bay đến thì phát hiện ra một gia đình đang cắm trại ở đó. Họ rất tốt bụng. Thấy tôi mắt chăm chăm nhìn đồ ăn, miệng nuốt nước bọt ừng ực, họ nhiệt tình mời tôi ăn. Bữa ăn chỉ gồm khoai tây nướng, trứng bác và súp bột gói xôi mà tôi thì ăn ngon lành như chưa bao giờ được ăn. Gia đình người Hà Lan này gồm có một cặp vợ chồng trẻ măng và một bé gái mới chỉ ba tuổi. Mặc dù có con nhỏ thế, hai vợ chồng vẫn chẳng ngại ngần lái xe từ Hà Lan xuống tận Nam Phi. Đến giờ họ đã đi được hơn một năm trời, tức là bé gái này đã dành nửa cuộc đời mình theo bố mẹ long đong trên con xe bán tải từ châu lục này sang châu lục kia. Ai bảo là vương bận gia đình thì không thể nào theo đuổi ước mơ của mình?

Sáng hôm sau, tôi tính vào tham quan khu Great Zimbabwe, hỏi ra thì vé những mười lăm đô. Thực ra tôi nghĩ bỏ ra bằng đấy tiền để xem một trong những công trình đồ sộ nhất của châu Phi cổ đại thì cũng đáng, nhưng vì tôi lúc đấy đã quá nghèo, ăn còn chẳng dám ăn nữa là mua vé, nên tôi đành tặc lưỡi thôi đành đi vòng vòng xung quanh xem phía ngoài vậy. Ai dè đi vòng vòng một lúc thì tôi phát hiện ra mình đã ở trong khu di tích từ lúc nào. Đúng như tên gọi của mình, khu di tích là hệ thống

những ngôi nhà, tường đá khổng lồ. Có những bức tường cao đến mười một mét, chạy dài hai trăm năm mươi mét được xây hoàn toàn bằng đá tảng mà không hề dùng vữa để gắn kết. Một phần của khu di tích là một tảng đá khổng lồ mang hình dáng của chú chim Zimbabwe, biểu tượng của đất nước Zimbabwe bây giờ. Nói chung khu di tích nhìn rất hoành tráng, rất nhiều huyền thoại kỳ bí, rất nhiều ý nghĩa thú vị, ai muốn tìm hiểu thêm có thể Google. Không biết là may hay rủi mà chịu chung số phận với ngành du lịch Zimbabwe, khu di tích vắng vẻ như chùa bà đanh. Xung quanh chỉ có những bức tường đồ sộ và lũ khỉ baboon nghịch ngợm hò hét inh ỏi khi thấy người lạ. Chẳng mấy khi có dịp được ở một nơi có ý nghĩa lịch sử trọng đại như thế nhưng tôi không dám chụp ảnh vì sợ lũ khỉ sẽ chạy ra giật lấy máy ảnh mất. Tôi đành phải tự an ủi bản thân mình: thôi thì đi trải nghiệm nó thấm vào trái tim mình, chứ ảnh ọt các thứ âu cũng chỉ là vật ngoài thân.

53. Phía Đông Zimbabwe

Từ Great Zimbabwe, tôi bắt xe đi tiếp lên phía Đông Zimbabwe. Đi mà không có sách hướng dẫn du lịch, tôi chỉ nghe loáng thoáng là cao nguyên phía Đông Zimbabwe rất đẹp. Vốn thích núi non hùng vĩ, tôi đi ngay mà chẳng nghĩ ngợi gì. Một xe cho tôi đi nhờ được nửa đường, sau khi chờ hơn bốn tiếng mà không có bóng dáng xe nào đi qua, tôi quyết định nhảy lên chiếc xe buýt đầu tiên mà mình gặp. Mọi người trên xe nhìn tôi soi mói. Chắc có lẽ tôi là con bé mzungu nghèo đầu tiên mà họ gặp, dám đi xe chợ như ai. Xe dừng ở Birchenough, một làng nhỏ gần cây cầu được đặt tên theo một doanh nhân người Anh ở Nam Phi ngày trước (*nói chung đến bây giờ tôi vẫn không hiểu tại sao người châu Phi lại thích vinh danh thực dân đô hộ ngày trước thế*). Thật sự, đến tận bây giờ tôi vẫn còn nhớ như in cảm giác khi lần đầu tiên nhìn thấy những đĩa chim rán được những cô bé, cậu bé rao bán, vây kín xung quanh cửa xe buýt. Những chú chim nhỏ xíu, sau khi vặt lông, cho vào chảo rán, tong teo lại chỉ nhỏ bằng ngón tay cái. Khi ăn, người ta cho tất cả con chim vào miệng nhai ngấu nghiến, nhai cả cái đầu lâu trọc lóc to như viên lạc và cả bàn chân với những ngón chân nhỏ xíu queo quắt như que tăm. Vốn tự hào mình sinh ra ở Việt Nam đã quen với đủ các thể loại đồ ăn quái dị, vậy mà khi một người trên xe buýt nhiệt tình mời tôi ăn một chú chim, tôi vẫn phải cố gắng không nhăn mặt khi cái đầu chim rệu rạo trong miệng.

Xe đến Mutare lúc đấy đã là hơn tám giờ tối. Mutare nhỏ và vắng vẻ hơn tôi nghĩ. Tôi đã định là đến đây sẽ tìm nhà nghỉ, nhưng xuống xe nhìn xung quanh tôi mới nhận ra rằng họa chẳng có muốn bị cướp giết hiếp lúc này mới một mình đi lang thang tìm phòng trọ. Một trong những vấn đề khi đi ở châu Phi là thông tin du lịch ở đây rất hiếm. Nhiều nơi tìm trên bản đồ còn chẳng có nữa là thông tin hướng dẫn. Thấy tôi cứ đứng tần ngần tần ngần không biết đi đâu về đâu, anh chàng phụ xe tốt bụng dẫn tôi đi xem mấy nhà nghỉ. Nhà nghỉ đầu tiên thì rẻ, nhưng khi tôi chuẩn bị vào nhận phòng thì thấy hàng loạt trai gái ôm eo nhau đi ra đi vào, ngoài hành lang thì đầy những cô gái ăn mặc quần áo ngắn cũn cỡn, không hở cái này thì hở cái kia. Tự nhiên tôi thấy sờn gai ốc, nhận ra đây giống nhà thổ hơn là nhà nghỉ. Nhà nghỉ thứ hai thì lại đắt quá số tiền tôi có thể trả. Anh chàng phụ xe cũng phải thở dài không biết giúp tôi sao nữa. Không muốn làm phiền anh hơn, tôi nhờ anh cho tôi quay lại trung tâm thì

trần, định bụng thôi ngồi ké ở nhà hàng nào đó mở cửa qua đêm. Nhưng trước vẻ mặt tiu nghỉu của tôi, ai cũng bảo là chỉ khoảng vài tiếng nữa thôi họ sẽ đóng cửa. Mutare quá nhỏ để có một cửa hàng mở 24/24. Tôi oải quá, quãng ba lô xuống, ngồi bệt ở con đường trung tâm thành phố, không biết làm gì. Ai đi qua cũng nhìn tôi chằm chằm. Thật nhanh, một đám đông hiếu kỳ đã vây quanh tôi, chỉ chỉ trỏ trỏ, bàn ra tán vào bằng ngôn ngữ gì tôi cũng chẳng hiểu. Lúc đấy giá mà tôi bán vé cho người ta xem thì có khi cũng đủ tiền khách sạn ở vài ngày. Thấy cảnh lộn xộn, một chú cảnh sát đi qua e hèm một tiếng. Sự xuất hiện của chú khiến một ý tưởng lóe lên trong đầu tôi, thế là tôi năn nỉ chú cho tôi ở nhờ đồn cảnh sát. Chú lúng túng một lúc không biết giải quyết cái yêu cầu quái đản này ra sao, rồi bảo tôi mang giấy tờ theo chú về đồn.

Đồn cảnh sát ở Mutare nằm ở phía ngoài trung tâm, trên đường cao tốc đi vào rừng Bvumba. Đường đến đó đã vắng vẻ lại chẳng có điện đóm gì, tôi vừa đi vừa nghĩ có khi nào đây là lưu manh giả danh cảnh sát, dẫn tôi đi ra nơi vắng vẻ để tiện bề xử lý không. Chỉ đến khi nhìn thấy quốc huy và cờ Zimbabwe tung bay trước một căn nhà cấp bốn, tôi mới tạm thời yên tâm.

Đồn cảnh sát nhỏ xíu, vắng vẻ, với chỉ hai cảnh sát trẻ măng đang trực: một anh chàng và một cô nàng. Ở đây có nhà vệ sinh nhưng không có nước, mùi hôi thối bốc lên nồng nặc. Không biết cảnh sát ở đây hồn nhiên hơn bình thường hay việc tôi là mzungu đã kích động sự tò mò của họ mà họ cứ vừa tra hỏi tôi vừa cười khúc khích. Mặc dù đã cầm hộ chiếu của tôi trên tay, lật qua lật lại mấy lần, họ vẫn cứ khẳng khẳng tôi là người Trung Quốc, khiến tôi suýt nữa phát cáu bỏ đi (*nhưng tôi vẫn kịp nhận ra rằng giờ này mà bỏ đi thì đi đâu*). Họ hỏi tôi những câu hỏi muôn thuở: tại sao tôi là mzungu mà lại nghèo? Nếu nghèo thì tôi lấy tiền đâu ra mà sang tận châu Phi như thế? Tôi đi gì, ăn gì, làm sao tôi dám tin người lạ. Đi một mình thế bố mẹ tôi bảo sao? Tôi ngồi kiên nhẫn trả lời hết từng câu hỏi. Đến lúc không thể kiên nhẫn được nữa, tôi lấy cớ mệt xin đi ngủ. Họ đồng ý cho tôi ở đấy qua đêm, nhưng đồn cảnh sát này chẳng có chỗ nào có thể ngủ được. Bên trong có một cái ghế dài thì đã có một chú cảnh sát khác đang ngáy o o rồi. Tôi đành ngồi bệt xuống đất, dựa lưng vào ba lô ngủ. Nền nhà lạnh, lưng cổ đau buốt khiến tôi không thể nào chợp mắt được. Tôi đành phải năn nỉ mọi người cho mình vào phòng tra khảo ngủ. Phòng trơ trọi độc có cái bàn và vài cái ghế. Tôi trải khăn lên mặt bàn cho đỡ bẩn, cởi áo khoác ra làm gối, rồi lăn quay ra ngủ như chết.

[©STENT](#)

Sáng hôm sau, mặt trời vừa lấp ló, tôi đã vác ba lô lên đi nhờ xe vào lại thị trấn kiếm đồ ăn. Bước ra đường chính, tôi ngay lập tức bị choáng ngợp bởi phong cảnh quá ư hùng vĩ mà thiên nhiên đã ban tặng cho thị trấn này. Ngay cửa ngõ thị trấn sừng sững mọc lên một ngọn núi khổng lồ phủ xanh bóng cây. Buổi sáng sớm, mây phủ kín từ lưng chừng lên đến đỉnh núi, đứng từ thị trấn nhìn lên cảm giác như đang nhìn vào bức tranh nền người ta hay treo trên tường để quay phim chứ không có thật. Không khí trong lành buổi bình minh khiến tinh thần tôi lên cao chót vót. Tôi luôn thích không khí buổi sáng sớm: khi mọi người vừa tỉnh dậy, tràn đầy năng lượng cho một ngày mới nhưng lại chưa sẵn sàng để bon chen. Dường như ai cũng đang cố gắng đi chậm lại, hít thở sâu hơn, tận hưởng sự thiêng liêng của ngày mới. Tôi vào trong chợ, ngồi xuống cùng mấy người địa phương, gọi một đĩa sadza với rau, thịt (*sadza là tên gọi của bánh bột ngô trắng mà ở Đông Phi gọi là ugali, ở Malawi gọi là nsima*).

Mutare tuy đẹp nhưng nhỏ, đi bộ vòng vòng một ngày là hết. Cách Mutare khoảng chín mươi kilômét là khu khai thác kim cương Marange. Đây vốn được coi là mỏ dự trữ kim cương lớn nhất thế giới, nhưng cũng là trung tâm của rất nhiều tranh luận quốc tế bởi những người khai thác kim cương bất hợp pháp và lao động khổ sai. Sau khi đã xem bộ phim Kim cương máu, những mỏ khai thác kim cương ở khu vực Nam Phi trở thành đề tài vô cùng hấp dẫn tôi, khiến tôi nhen nhóm ý định đến thăm khu khai thác này. Nhưng vấn đề là khu mỏ bị chính quyền liệt vào danh sách các khu vực giới hạn, tức là muốn đến đấy thì phải có giấy cho phép của nhà nước. Hỏi vòng vòng mấy người ở chợ, cuối cùng tôi cũng tìm được văn phòng nơi cấp giấy phép. Nhưng vừa mới thấy tôi đặt vấn đề đến đó là họ gạt phăng ngay, đơn giản là vì tôi không có việc gì ở đấy thì không nên đến, chỗ đó không phải là chỗ dành cho khách du lịch. Nản, ban đầu tôi định cứ bắt xe đi bừa. Nghe nói ở đấy có nhiều người Trung Quốc làm việc, biết đâu họ lại nhăm tôi với vợ con của một trong số những người Trung Quốc đó mà cho qua. Nói chuyện với mấy người đàn ông đang đứng đợi giấy tờ ở gần đấy, tôi biết được rằng họ cũng làm việc ở mỏ. Nghe nói tôi muốn ra mỏ, họ cười phá lên như thể đó là thứ buồn cười nhất trên thế giới vậy.

- Thứ nhất, không có xe đến đó để mà đi nhờ. Thứ hai, chỗ đó không phải là chỗ dành cho đàn bà con gái. Có chuyện gì xảy ra, cháu lại đi bất hợp pháp nữa khó nói chuyện.

Nghe mọi người nói cũng có lý, tôi đành từ bỏ ý định của mình. Không đến được mỏ thì thôi đành đi ăn vậy. Tôi nhận ra phần lớn quyết định của mình đều nghe theo tiếng gọi của bao tử. Tôi nhớ đọc được ở đâu đó trong khu rừng Bvumba hoang dã có một trong những quán cà phê được bình chọn là quán cà phê ngon nhất thế giới, Tony's Coffe House. Thật quái dị. Bình thường, quán cà phê phải nằm ở khu trung tâm mới hút khách, đằng này Tony's Coffe House chất đến mức mặc dù nó ở tít trong rừng, người ta vẫn phải tìm đến. Tò mò, tôi bắt xe vào rừng xem cho biết. Đó là một quán cà phê đặt trong một ngôi nhà xây bằng đá lộng lẫy như một lâu đài cổ, nằm cạnh một vườn hoa đào đẹp lung linh, phía ngoài là bãi cỏ xanh mềm mại, bao xung quanh là núi rừng bạt ngàn. Ngày trước, khi mà ngành du lịch Zimbabwe vẫn còn phát đạt, có lẽ quán này đã từng rất đông khách. Nhưng bây giờ, kể từ khi cuộc khủng hoảng xảy ra, nơi đây giống một khu nhà ở hơn là một quán cà phê. Tôi là khách duy nhất, phải gọi mãi mới có người ra tiếp. Bánh ở đây nhìn rất đẹp, nhưng khi nghe giá thì tôi tá hỏa: những mười hai đô một miếng. Tôi tính đi tính lại vẫn không có cách nào có thể mua được, đành thở dài chào cáo lui. Vậy nhưng khi ra đến xe, bác lái xe cười toe toét đưa tôi một hộp giấy gói ghém cẩn thận, bên trong là miếng bánh tôi thích.

- Nhìn mặt cháu tiu ngưu tội nghiệp quá. Cháu ăn đi, coi như đây là món quà hiếu khách của người Zimbabwe.

54. Chimanimani

Tôi ngồi bệt luôn trên bãi cỏ ở ngoài nhà trọ, cười ngẩn ngơ như con bé bị khủng. Tôi tự hào về

bản thân mình kinh khủng. Ngày hôm nay, tôi đã đi bộ khoảng hai mươi lăm kilômét đường bằng, cộng với leo lên leo xuống mười bốn kilômét đường núi, lên đến đỉnh ngọn Chimanimani một mình, đối đầu với cả một đàn baboon, mà vẫn sống sót trở về.

Từ Mutare, tôi bắt xe lên Chimanimani, vườn quốc gia vốn nổi tiếng với những đồi núi gồ ghề hiểm trở, tô điểm bởi những hẻm núi khắc sâu trong lòng đá, những đỉnh núi mây phủ chên vênh. Khách du lịch đến đây thường ở ngôi làng dưới chân vườn quốc gia cũng tên là Chimanimani luôn. Ngôi làng nhỏ xíu, chỉ có vài con đường nằm rải rác xung quanh khu trung tâm làng với vài cửa hàng tạp hóa, vài quán ăn vỉa hè, một cái chợ, một trạm xăng. Như tất cả các điểm du lịch khác ở Zimbabwe, nơi đây vắng vẻ điều hiu. Khách sạn lớn nhất trong làng có cả trăm phòng mà giờ chỉ có đúng duy nhất một khách. Vắng vẻ thế mà họ vẫn không chịu hạ giá. Tôi đi bộ ra phía ngoài làng thì tìm được một hostel giá mười đô một đêm. Tôi nhắn nhủ, hỏi năm đô một đêm liệu có được không, ông chủ quán tặc lưỡi bảo ừ thì năm đô, rồi quay lưng đi vào trong quán, để tôi lại cho cậu bé giúp việc. Tự nhiên tôi thấy tội nghiệp ông thế, chắc là ông đã quá chán nản với việc kinh doanh ở đây rồi nên cũng kệ, chẳng mặc cả gì nữa.

[©ST*EN*T](#)

Núi Chimanimani nằm cách làng mười chín kilômét, rồi từ chân núi, phải leo bảy kilômét nữa mới lên đến vườn quốc gia. Nhà trọ của tôi nằm phía ngoài làng, ngay đầu con đường lên núi, ẩn mình trong một vườn cây toàn hoa lá, dựa lưng vào một ngọn đồi xanh rì. Buổi sáng dậy, sắc xanh mơn mơn của cây cối và sự trong lành của núi đồi khiến tôi cảm giác khỏe khắn đến lạ. Tôi bước ra ngoài đường, vừa đi vừa ngất ngây ngắm cảnh trời mây núi rừng. Lúc đấy tôi chẳng có ý định đi đến đâu cả, đơn giản tôi chỉ muốn hít thở chút khí trời và đi bộ cho khỏe người. Cao hứng, tôi cứ thế bước đi. Bẵng đi khoảng hai tiếng, nhận thấy mình đã đi khá xa, tôi nghỉ thôi thì tranh thủ lên vườn quốc gia luôn. Tôi để ý nhìn trước sau xem có xe nào cho đi nhờ không mà chẳng có xe nào đi qua. Đến tận chân núi rồi mà tôi vẫn không gặp ai, thế là tôi đành cặm cụi leo lên một mình. Đường lên núi không quá dốc, nhưng vì tôi đã đi bộ gần bốn tiếng đồng hồ, sáng lại chưa ăn gì, chân tay tôi bắt đầu bủn rủn. Tôi vừa bước đi vừa lăm bắm cầu trời cầu Phật có đoàn khách du lịch nào cũng lên vườn quốc gia dừng lại cho tôi đi nhờ. Vậy mà chẳng có ai. Đến khi bắt gặp một cái cây đổ ngang chắn ngay giữa đường, hy vọng của tôi tắt hẳn.

Con đường ở phía dưới ẩm và rậm rạp, đi trên đường mòn mà tôi cảm giác như đi dưới rừng rậm nhiệt đới vậy. Đây đó có tiếng suối chảy róc rách. Thỉnh thoảng, tôi lại thấy một bác nông dân hì hụi chặt cây, vạt cỏ. Tôi dừng lại hỏi chuyện xem làng bác ở đâu (*để may ra có đồ ăn*), thì bác lắc đầu không hiểu tôi nói gì, thế là tôi lại tiu nghỉu ôm cái bụng đói đi tiếp. Đúng là châu Phi, tôi nhận ra rằng tình trạng thường xuyên của mình ở đây là đói, đói và đói. Đến khi tôi mệt sắp chết, định bỏ cuộc thì tự nhiên thấy một bà mẹ trẻ lưng đeo con, tay xách một gói to bự phóng đi phăng phăng. Tự nhiên thấy tự ái, tôi cắn răng đi tiếp. Chẳng lẽ mình lại thua bà mẹ trẻ ấy à.

Lên cao hơn, đường bắt đầu thông thoáng hơn. Rừng rậm nhiệt đới thay bằng rừng thưa với một loài cây đặc trưng của Zimbabwe mà tôi không biết tên. Ngọn đồi phía bên cạnh biến thành một thảo

nguyên cở mệnh mông. Đến đây thì chẳng còn bóng dáng người dân đầu nũa. Nghe tiếng bước chân phía sau, tôi quay lại nhìn thì thấy một chú baboon đang giương mắt lên nhìn. Chột dạ, tôi nhìn xung quanh thì phát hiện ra cả một đám baboon lấp ló sau rừng cây, tò mò theo dõi nhất cử nhất động của tôi. Bỏ mẹ, ở giữa đồi núi hiu quạnh thế này mà bị baboon tấn công thì chỉ có đường chết. Ở thác Victoria còn có người cứu, ở đây thì ai cứu? Tôi lừ lừ nhìn lại chúng, rồi cẩn thận nhặt một cành cây lên, lăm lăm trên tay tự vệ. Có một chú baboon dè dặt tiến lại gần, nhưng rồi nhìn cái mặt hầm hè của tôi nghĩ thế nào lại dừng lại. Tôi tiếp tục bước đi, bên ngoài cố gắng tỏ ra bình thường nhất có thể: không chạy, không nhìn; nhưng thực sự bên trong thì mồ hôi vã ra như tắm.

[©S'TEN'T](#)

Sau gần sáu tiếng đồng hồ đi cả đường bằng lẫn đường núi, cuối cùng tôi cũng nhìn thấy tấm biển “vườn quốc gia Chimanmani”. Mừng hơn bất được vàng, tôi chạy như bay vào lán bảo vệ định hỏi xem ở đây có bán đồ ăn không. Vậy mà lán bảo vệ lại vắng như chùa bà đanh. Tôi đứng gọi khản cổ nửa tiếng mới có một chú bảo vệ tất tả chạy đến, rồi rít xin lỗi rằng ở đây chẳng mấy khi có khách du lịch đến nên khi nghe gọi, chú cứ tưởng là mình bị ảo giác. Tôi nhăn nhó hỏi:

- Ở đây có gì ăn không chú? Từ sáng đến giờ cháu chưa ăn gì mà trên đường lại chẳng có gì ăn.
- Ở đây chỉ có đồ khô thôi. Cháu đợi khoảng nửa tiếng, chú luộc lên cho mềm mà ăn.

Chú làm việc ở trên này, rất ít khi xuống dưới. Mỗi tháng hai ba lần, lại có xe mang đồ ăn lên cho chú. Trên này không có tủ lạnh nên đồ ăn của chú toàn là đồ khô chứ không có thịt cá. Tôi thấy tội nghiệp chú quá. Giá mà tôi biết trước hoàn cảnh thế này thì tôi đã mang lên cho chú cái gì đó ăn. Mặc dù đói nhưng tôi đành từ chối vì không muốn chú đã ít đồ ăn thì chớ lại còn phải cho tôi ăn.

Ở trên đây nghỉ ngơi một lúc cho đỡ mệt, tôi bắt đầu đi xuống. Đúng là một con bé dở hơi, hì hụi leo cả sáu tiếng đồng hồ chỉ để ở trên đây được mười lăm phút. Nhưng như mọi lần, bản thân vườn quốc gia này không hấp dẫn tôi lắm. Cái quan trọng với tôi là tôi đã lên được đến đó. Chẳng hiểu vì đường xuống dễ hay vì động lực đồ ăn ở bên dưới thúc đẩy mà tôi phóng như bay xuống, đi như chạy, chỉ hơn một tiếng đã xuống đến chân núi. Tôi phải tiếp tục bước đi, vì chỉ cần dừng lại một phát là chân tôi bủn rủn, khụy xuống ngay. Đi qua một cây ổi trái vàng mọng ở bên đường, không cảm lòng nổi, tôi chạy vào gõ cửa chủ nhà xin ăn. Bà cụ chủ nhà đã gần bảy mươi tuổi, nhìn thấy con bé tự nhiên đứng trước cửa nhà mình ngỡ ngàng không hiểu tại sao. Tôi ôm bụng ra chuyện mình đói, rồi chỉ vào cây ổi gần đường, đưa tay lên miệng ý xin ăn. Sau một lúc múa máy chân tay, cuối cùng bà cũng có vẻ hiểu, gật gật đầu trong khi miệng thì cười tủm tỉm. Tôi hái một trái to mọng nhất, đưa lên miệng cắn một miếng rõ to. Tôi giật nảy mình khi phát hiện cái gì ngo ngoáy trong miệng mình. Người ta nói, cái đáng sợ nhất không phải là một con sâu, mà là nửa con sâu. Tôi đưa quả ổi cắn dở lên nhìn, một tá nửa con sâu đang ngo ngoáy. Eww, ghê chết mất! Thảo nào ổi sai thế mà chẳng có ai ăn, quả nào cũng đầy sâu là sâu. Máy bé học sinh cấp một, cấp hai đi học về thấy tôi mặt mày nhăn nhó, cố gắng phui hết tàn dư của đám sâu ra khỏi miệng thì phá lên cười thích thú. Một cậu bé tìm một trái ổi chín vàng khác, đưa cho tôi, ra hiệu “không có sâu đâu, ăn đi”. Tôi ngập ngừng đưa lên miệng cắn, đúng là không có

sâu thật. Mấy bé lại phá lên cười.

[©STENT](#)

Đi được một lúc nữa thì tôi nghe tiếng động cơ đi qua. Tôi nhảy ngay ra đường vẫy rồi rít. Người lái xe hóa ra lại là bạn của chủ nhà trọ nơi tôi đang ở. Chimanimani nhỏ xíu, ai cũng là người quen của nhau. Ông đưa tôi về tận nhà trọ. Tôi ra thẳng chợ, ăn no căng bụng rồi về phòng lăn ra ngủ như chết.

Zimbabwe sau cơn khủng hoảng

Từ trước đến giờ, tất cả những gì tôi nghe về Zimbabwe chỉ là vụ siêu lạm phát lên tới ngàn tỷ phần trăm, nền kinh tế suy sụp thảm hại và một nền độc tài chuyên chế ngột thở. Như tất cả mọi người, Zimbabwe trong hình dung của tôi là một đất nước kém phát triển, nghèo nàn, lạc hậu. Tiếp xúc đầu tiên của tôi với Zimbabwe là khi tôi gặp Chen-j, một lập trình viên người Zimbabwe đang ở Zambia công tác. Khi nghe tôi hỏi về Zimbabwe, anh cười như thể đã quá quen với những câu hỏi kiểu này: “Báo chí chỉ mị dân là giỏi thôi. Zimbabwe phát triển lắm, phổ xá đẹp hơn ở Zambia nhiều. Em phải đến tận nơi mới hiểu được”. Chính vì vậy, mặc cho bạn bè ngăn cản, tôi quyết định lặn lội lên đường sang Zimbabwe.

Vào Zimbabwe

Như thường lệ, hộ chiếu Việt Nam là một trong những hộ chiếu hiếm hoi phải xin visa trước khi vào Zimbabwe. Xin visa vào Zimbabwe khá phức tạp, bởi đại sứ quán Zimbabwe ở Zambia không có quyền cấp visa trực tiếp, mà họ phải gửi hồ sơ về Harare, để Harare thông qua rồi gửi visa lại. Trên lý thuyết thì chỉ một tuần là visa sẽ đến, nhưng tôi đợi cả ba tuần rồi mà ngày nào lên đại sứ quán cũng chỉ nhận được cái lắc đầu. Gọi điện thoại cũng không được vì hệ thống điện thoại bị hỏng mà không được sửa chữa. Bạn bè tôi bên Zambia lo ngại cho tôi thực sự: “Zimbabwe mà, có chắc là visa sẽ đến không đấy?”. Sau gần một tháng, cuối cùng visa cũng đến nơi.

Mặc dù đã được Chen-j chuẩn bị tinh thần, tôi vẫn hết sức bất ngờ khi đặt chân vào đất Zimbabwe. Trong tám nước ở châu Phi mà tôi đi qua, Zimbabwe có lẽ là nước có cơ sở hạ tầng tốt nhất. Hệ thống đường trải nhựa bao phủ rộng khắp đất nước. Các thành phố được xây dựng rất quy mô. Thủ đô Harare đầy những tòa nhà cao tầng hiện đại, những đại lộ rộng thênh thang rợp bóng cây cọ. Không phải ngẫu nhiên mà nhiều sách hướng dẫn du lịch nhắc đến Harare như một trong những thủ đô quyến rũ nhất của châu Phi.

Đáng buồn thay, những thành quả này chỉ gợi nhớ đến một quá khứ hào hùng của nền kinh tế Zimbabwe. Năm 1954, GDP bình quân đầu người của Nam Rhodesia (*tên gọi cũ của Zimbabwe*) đạt mức 151 USD/năm. Năm 2008, con số này rớt xuống chỉ còn 136. Siêu lạm phát đã phá hủy toàn bộ thành quả kinh tế Zimbabwe đạt được trong suốt năm mươi ba năm trước đó. Người dân Zimbabwe sau vụ siêu lạm phát nghèo hơn so với năm thập niên trước.

Trên tường một nhà vệ sinh tại biên giới Zimbabwe và Nam Phi là tấm biển với dòng chữ: “Đề nghị không sử dụng giấy báo, vải, bìa cứng, tiền đô Zimbabwe thay thế giấy vệ sinh”. Đây là tấm biển còn sót lại từ cuộc khủng hoảng. Lúc bấy giờ, giá trị đồng tiền đô Zimbabwe đã xuống thảm hại đến mức sử dụng tiền trực tiếp làm giấy vệ sinh còn rẻ hơn là dùng tiền đây để mua giấy vệ sinh thực sự.

Đồng tiền mất giá nhanh đến nỗi tất cả hàng hóa đều đắt gấp đôi chỉ sau vài giờ. Nếu ngày 30 tháng 6 năm 2008, nhà nước Zimbabwe in đồng tiền mười triệu đô la Zimbabwe, thì chỉ ngay ngày hôm sau, nhà nước đã phải in đồng một trăm tỷ đô. Nhưng chỉ một năm trước đó, ngày 1 tháng 7 năm 2007, Zimbabwe vẫn còn sử dụng đồng một đô la. Lúc bấy giờ, người Zimbabwe không tiêu tiền theo đồng nữa mà tiêu theo cân, theo hộp. Haus Miedler, chủ một công ty chuyên xây dựng bảo trì bể bơi ở Harare, cho biết trong thời kỳ đó, mỗi khi ký hợp đồng, anh phải cho nhân viên đi theo khuân vác tiền. Cuối tháng trả lương, tiền lương không đủ để mua một ổ bánh mì. Nhưng ngay cả những người có tiền cũng không mua được đồ ăn, bởi các siêu thị, cửa hàng lúc nào cũng sạch trơn hàng hóa. Công ty Haus không trả lương nhân viên bằng tiền nữa, mà anh nhập khẩu đồ ăn từ Nam Phi và trả lương nhân viên bằng bánh mì, bột ngô, dầu ăn. Vậy nhưng nhập khẩu đồ ăn không phải chuyện dễ dàng. Biết anh nhập khẩu đồ ăn, nhiều khi cảnh sát vào nhà khám rồi tịch thu toàn bộ hàng hóa mặc dù anh đã trả thuế nhập khẩu đầy đủ. Lý do chỉ là: “Tất cả người dân đều không có tiền, anh lấy tiền ở đâu ra để mua?”. Nhà nào có đất cũng phải dọn vườn làm đất trồng rau. Bạn bè Haus thuộc tầng lớp trung thượng lưu chưa bao giờ phải lo đến cái ăn cái mặc cũng phải làm vườn để khỏi chết đói.

©STENT: <http://www.luv-ebook.com>

Haus cho hay anh biết có những người cần tiền quá phải bán nhà đi, nhưng đến lúc nhận được tiền thì chưa đủ để mua một bữa ăn. Anh cũng biết có những người tranh thủ vay tiền ngân hàng mua nhà, mua xe để rồi mấy hôm sau khoản tiền nợ ngân hàng chẳng còn giá trị gì nữa. Con số ước lượng cho rằng từ năm 2001, có tới ba triệu trong số mười ba triệu người dân Zimbabwe nhập cư ra nước ngoài. Đây chủ yếu là tầng lớp trí thức thuộc giới trung thượng lưu có điều kiện di cư.

Có tiền nhưng không có tiền lẻ

Năm 2009, khi tốc độ in tiền không thể đuổi kịp tốc độ lạm phát, chính phủ Zimbabwe chính thức chuyển sang chính sách đa tiền tệ. Đồng rand của Nam Phi và đồng pula của Botswana đều được nhà nước cho phép lưu hành, nhưng đồng đô la Mỹ được dùng chủ yếu. Điều này có nghĩa là đồng đô la Zimbabwe bị mất giá trị hoàn toàn. Thử hình dung bạn làm lưng vắt vãi, ăn không dám ăn, tiêu không dám tiêu, tích góp cả đời được vài trăm triệu, sáng dậy mở mắt ra nhà nước tuyên bố là tất cả số tiền đấy không có giá trị gì nữa. Người dân Zimbabwe trở nên trắng tay hoàn toàn. Những người có ngoại tệ để tiêu ở Zimbabwe hầu hết là nhờ người thân ở nước ngoài gửi tiền về.

Đa tiền tệ hóa ở Zimbabwe là điều tất yếu. Trong suốt cuộc khủng hoảng, đồng đô la Mỹ vẫn được bí mật sử dụng trong giao dịch chợ đen. Tuy nhiên, với nhiều người chính sách này vẫn khá lạ lẫm bởi trước đó, mua bán ngoại tệ là phạm pháp, giao dịch bằng ngoại tệ có thể bị bỏ tù.

Tuy nhiên, mặc dù tiêu tiền đô la Mỹ, Zimbabwe không có tiền xu. Đồng đô la Mỹ nhỏ nhất ở đây là một đô. Nhiều cửa hàng, siêu thị trả tiền thừa bằng phiếu tự in với giá trị một xu, hai xu, năm xu, mười xu... Bạn có thể sử dụng phiếu này để mua hàng lần sau. Nhiều nơi khác thì dùng đồng rand của Nam Phi làm tiền lẻ nhưng tỷ giá đổi cũng khá phức tạp. Các thành phố khác nhau có tỷ giá khác nhau. Ngay cả các cửa hàng khác nhau trong cùng một thành phố cũng không thống nhất về tỷ giá. Thường thì một USD đổi tám rand hoặc một USD đổi mười rand. Nhưng không phải nơi nào cũng có sẵn tiền rand hay có thể in được phiếu. Có lần tôi chỉ muốn mua một gói kẹo hai mươi xu, nhưng vì cửa hàng không có tiền thối nên tôi phải mua cả năm gói.

Sự sụp đổ của ngành du lịch

Siêu lạm phát khiến cho tất cả các ngành nghề kinh tế của Zimbabwe đều bị ảnh hưởng nghiêm trọng, nhưng một trong những ngành chịu thiệt hại nhất là ngành du lịch. Cùng với khai khoáng và nông nghiệp, ngành du lịch từng là ngành kinh tế quan trọng nhất của Zimbabwe. Zimbabwe có nhiều danh lam thắng cảnh đẳng cấp thế giới. Thác Victoria nằm ở biên giới Zimbabwe – Zambia là ngọn thác lớn nhất, đẹp nhất trên thế giới, một di sản thiên nhiên của UNESCO và là một trong bảy kỳ quan thiên nhiên của thế giới hiện đại. Great Zimbabwe không chỉ là một khu đồ nát còn sót lại của thủ đô vương quốc Zimbabwe từ thế kỷ mười hai, mà còn là một kỳ quan của thời kỳ đồ đồng. Hồ Kariba là hồ nhân tạo lớn nhất ở châu Phi với nước xanh thăm thẳm, khách du lịch có thể thăm hà mã, cá sấu. Khu cao nguyên phía Đông hấp dẫn du khách với những thung lũng mơ màng, những vườn bách thảo xinh đẹp e ấp nằm khép vào vách núi. Vậy nhưng, đi khắp Zimbabwe suốt hơn hai tuần, tôi chỉ gặp đúng ba nhóm khách du lịch. Hầu hết thời gian, tôi là khách nước ngoài duy nhất ở nhà nghỉ.

Có nhiều lý do để khách du lịch loại bỏ Zimbabwe ra khỏi danh sách điểm đến yêu thích. Thứ nhất, việc sử dụng đồng đô la Mỹ khiến cho giá cả mọi thứ tăng lên gấp nhiều lần bởi mệnh giá đồng đô la Mỹ cao hơn hẳn mệnh giá đồng đô la Zimbabwe cũ. Zimbabwe không còn là nước rẻ để du lịch nữa. Thứ hai, sự sụp đổ của nền kinh tế kéo theo sự sụp đổ của ngành dịch vụ, giao thông vận tải khiến cho việc đi lại, ăn ở ở Zimbabwe gặp rất nhiều khó khăn. Hàng loạt các hãng hàng không quốc tế bao gồm Qantas, Lufthansa, Austrian Airlines đã rút khỏi Zimbabwe; British Airways cũng ngừng toàn bộ các chuyến bay thẳng đến Harare. Thứ ba, do không có tiền, nhà nước Zimbabwe cũng lơ là việc bảo tồn động vật hoang dã, vốn là một điểm nhấn của du lịch ở các quốc gia châu Phi. Theo thống kê của Lực Lượng Bảo tồn Zimbabwe (*Zimbabwe Conservation Task Force*) công bố tháng 6 năm 2007, kể từ năm 2000, có tới 60% động vật hoang dã của Zimbabwe đã bị tiêu diệt. Một lý do nhạy cảm khác là nhiều khách du lịch tẩy chay Zimbabwe bởi họ không muốn nguồn thu từ du lịch đến tay chính quyền độc tài Mugabe.

Dần dần hồi phục

Sau ba năm kể từ khi Zimbabwe chuyển sang chính sách đa tiền tệ, thoát khỏi vụ siêu lạm phát, nền kinh tế đã bắt đầu hồi phục. “Vụ siêu lạm phát là một cú ngã đau, nhưng bây giờ mọi thứ đang tốt lên dần dần”, câu nói của Haus tóm tắt thái độ lạc quan của hầu hết những người dân Zimbabwe tôi gặp nơi đây.

Tầng lớp trí thức trung thượng lưu của Zimbabwe di cư ra nước ngoài cũng đã bắt đầu quay trở lại. Adam Herscovitz, chủ một nhà máy sản xuất bao bì ở thành phố Bulawayo, trở về Zimbabwe cuối năm 2009 sau sáu năm đi lánh nạn ở Nam Phi. Anh cho hay, ngoại trừ một số người đã lập gia đình ở nước ngoài, hầu hết bạn bè anh đã quay trở lại Zimbabwe trong hai năm trở lại đây. Sự hồi hương của tầng lớp này kéo theo sự mở cửa trở lại của các nhà máy, trung tâm thương mại. Haus nhận xét rằng các cửa hàng, quán bar đông nhất ở Harare hiện nay mới được ra mắt trong vòng một năm trở lại đây.

Việc sử dụng một đồng tiền ổn định giúp giá cả ổn định hơn. Haus cho hay, giá cả bây giờ đã giảm xuống rất nhiều so với hồi mới chuyển sang dùng ngoại tệ. Lúc bấy giờ, do vẫn còn lo sợ siêu lạm phát, chủ các đơn vị kinh doanh đặt giá cao gấp năm, gấp sáu lần giá thực tại để phòng giá lại tăng lên. Zimbabwe đang dần dần lấy lại lợi thế của mình là một nước rẻ với giá trị kinh tế cao cho khách du lịch. Theo nhận xét của tôi, giá cả ăn uống, đi lại, khách sạn ở Zimbabwe giờ rẻ hơn các nước láng giềng là Mozambique và Zambia.

55. Những thị trấn đất đỏ ở Mozambique

Mỗi khi nhớ về Mozambique, ấn tượng của tôi luôn là những thị trấn đất đỏ nằm dọc theo trục đường chính Nam Bắc của đất nước này. Như hầu hết các quốc gia khác ở châu Phi, Mozambique chỉ có đúng một con đường chính chạy dọc chiều dài đất nước. Phía ngoài trục đường này hoặc là chỉ đất hoang đồi trọc, hoặc là có những làng nhỏ nối với nhau bằng những con đường đất đỏ ngoằn ngoèo, trời mưa là không thể đi lại. Thị trấn đất đỏ đầu tiên tôi đến là Manica, cách biên giới Zimbabwe khoảng mười tám kilômét về phía Đông. Thị trấn nhỏ xíu chẳng có đường nhựa, đi đâu cũng chỉ thấy bụi đất đỏ khoác một màu ảm đạm lên tất cả mọi thứ. Trời chuẩn bị mưa, mây đen phủ kín khiến không gian càng u ám. Nhìn chẳng có hy vọng gì, tôi bắt xe đi tiếp lên Chimoio, thủ phủ của tỉnh Manica, cách thị trấn Manica chỉ khoảng sáu mươi kilômét. Chimoio có đường nhựa, nhưng không hiểu sao mọi thứ nhìn vẫn hơi đỏ đỏ màu đất. Đã đi hơn sáu mươi ki lô mét rồi mà tôi vẫn không thoát khỏi cái vẻ u ám, ảm đạm: những ngôi nhà lụp xụp, những tòa nhà cao tầng nhìn như sắp đổ, những con đường thung lũng lổ chỗ. Nhưng ít nhất ở đây còn có dấu hiệu của chợ búa nhộn nhịp. Tôi tìm được một chỗ đổi tiền ngoài chợ đen, mua cho mình một SIM điện thoại, chạy đến trung tâm xếp hàng đăng ký số. Ở đây, SIM nếu như không đăng ký thì không gọi được, mà tôi thì đang rất cần gọi điện cho bạn của một người bạn. Anh chàng này là người Brazil nhưng đang sống ở Beira, thành phố ven biển miền trung của Mozambique. Trước khi tôi sang đây, một người bạn Brazil đã giới thiệu chúng tôi với nhau và anh đồng ý cho tôi ở nhờ khi tôi sang đến nơi. Vậy mà tôi gọi anh đến cả chục lần không thấy ai nhắc máy. Lúc đấy trời đã nhập nhoạng tối. Tôi đã định là gọi điện cho anh rồi bắt xe lên Beira. Đến Beira tuy có muộn nhưng tôi biết anh ở đấy rồi nên cũng không sợ. Nhưng bây giờ anh không nhắc máy tôi chẳng biết làm sao nữa. Chimoio nhìn quá ảm đạm để có thể ở lại. Đi nhờ xe bây giờ thì quá nguy hiểm, bắt xe buýt nữa thì tôi không có tiền. Mà kể như có bắt xe buýt thì tôi cũng chẳng biết bắt đi đâu. Tôi có nhớ qua qua bản đồ của Mozambique, nhưng tôi chẳng biết thị trấn nào an toàn để đến. Tính đi

tính lại rủi ro, tôi thấy đi nhờ xe bây giờ vẫn đỡ hơn. Nếu đến tối hẳn vẫn không có ai cho tôi đi nhờ, tôi sẽ tìm nhà trọ vậy.

Phía trong thành phố ẩm đạm là thế, vậy mà cửa ngõ phía Đông của thành phố xe cộ nườm nượp như mắc cửi. Cảnh quan hỗn loạn phải gần như giao thông Hà Nội giờ tan tầm. Ở đó chẳng có biển báo gì hết, tôi không biết đến chỗ nào bắt xe thì tiện. Lúng túng đứng ở đó một hồi thì có một chiếc xe đỗ lại cho tôi lên. Trên xe là hai người đàn ông không nói được một từ tiếng Anh nào. Ngôn ngữ chính của Mozambique là tiếng Bồ Đào Nha. Họ coi tiếng Bồ Đào Nha như ngôn ngữ quốc tế nên chẳng mấy ai nói tiếng Anh. Tôi khua chân, múa tay một hồi chẳng được tích sự gì. Tôi hỏi đường cao tốc, họ không hiểu. Tôi nói Maputo (*thủ đô của Mozambique*), ý hỏi đường lên đây, họ nói một tràng gì đó, đến lượt tôi không hiểu. Tôi bị mắc kẹt giữa đường trong một thành phố đất đỏ quái quỷ đúng lúc trời nhập nhoạng tối, trời thì lại sắp mưa, vậy mà tôi lại chẳng giao tiếp được với ai. Trong lúc bối rối không biết làm thế nào, nhớ đến lần mình ở Malawi, tôi thử tiếng Swahili xem sao. Thế nào mà bác lái xe lại hiểu. Bác bảo, xe bác chỉ đi trong thành phố thôi chứ không đi xa. Mặc dù phản đối gay gắt chuyện tôi đi nhờ xe lúc này, bác vẫn chở tôi ra ngoài hẳn thành phố để bắt xe.

Nguồn ebook: <https://www.luv-ebook.com>

Trời mỗi lúc một tối, mây đen kéo đến mỗi lúc một dày. Tôi ngồi trên ba lô ở bên vệ đường, bình thản nhìn xe cộ lướt qua mỗi lúc một thưa thớt. Chẳng hiểu sao lúc đấy tâm trạng tôi lại thanh thản đến lạ. Tôi đã làm hết những gì mình có thể, giờ thì “kệ bà nó”. Phía bên kia đường, mấy ngôi nhà tranh vách đất thưa thớt chìm dần vào trong bóng tối. Mấy chị con gái đứng trước cửa nhà, nhìn tôi chăm chú. Xe cộ mỗi lúc một vắng. Tôi nghĩ, cùng lắm thì sang bên kia đường xin mấy chị kia cho tôi ngủ nhờ một đêm.

Nhưng nhân tính không bằng trời tính. Đúng lúc đang nghĩ quẩn thì một chiếc xe con đỗ xịch trước mặt tôi. Ngồi phía sau tay lái là một anh chàng khoảng hai mươi lăm, hai mươi sáu tuổi, người nhỏ xíu (*chắc chỉ cao bằng tôi*), da ngăm ngăm đen nhưng mặt lại có nét của người châu Á. Sau này nói chuyện, tôi được biết anh là người Bangladesh, nhập cư sang đây theo sự dẫn dắt của một ông chú. Anh hỏi tôi đi đâu, tôi bảo Maputo. Anh gạt đầu rồi ra hiệu cho tôi lên xe. Tiếng Anh của anh khá dở nên tôi chịu không biết anh đi đâu, chỉ biết rằng nó là một trong những thành phố nằm trên đường đến Maputo. Quả thực, kể từ địa điểm này xuống phía Nam thì khó tìm được một thành phố nào không nằm trên đường đến Maputo. Tất cả mọi thứ đều nằm ven theo trục đường chính nối hai đầu đất nước.

Xe lướt qua vô số những thị trấn đất đỏ mà mặc dù bóng đêm phủ mỗi lúc một dày, thị trấn nào cũng đông đúc nhộn nhịp, tấp nập người mua kẻ bán. Nửa đêm rồi mà vô số nhà hàng vẫn bật đèn sáng trưng, nhạc bật xập xình như thể các câu lạc bộ đêm. Thỉnh thoảng, chúng tôi lại nhìn thấy một nhóm người ở ven đường, hành lý linh tinh đứng chờ xe. Đất nước Mozambique dài hơn ba nghìn kilômét, hầu hết các xe nối các điểm dọc trục Bắc Nam đều phải chạy đêm, và những thị trấn đất đỏ dường như tồn tại để trở thành điểm dừng chân của những chiếc xe đó. Mỗi khi xe dừng lại là cả tá người già trẻ lớn bé chạy đến vây lấy xe, rao bán đủ thứ: từ cam, táo, lạc đến thịt xiên, gà rán, cơm hộp. Tôi mua cho mình một xiên gà rán từ một bé gái mới chỉ tám tuổi, còn anh lái xe vẫn một câu

thanh niên đến, nói gì đó bằng tiếng Bồ Đào Nha. Cậu thanh niên lăm lét nhìn trước nhìn sau rồi chuyển tay cho anh một lọ thủy tinh to khoảng hai phần ba lon Coca-Cola, bên ngoài bọc giấy, bên trong đựng đầy một thứ giống như mùn cưa nhưng màu vàng óng.

- Nếu em có tiền muốn đầu tư, thì hãy sang đây mua vàng – Anh nói với tôi bằng tiếng Anh khi mở lọ thủy tinh ra. Anh chấm tay vào ít vàng vụn, đưa lên miệng nhai. Tôi tá hỏa nhận ra anh đang làm gì. Nhìn xung quanh, xe đang đậu ở một góc tối để tiện cho việc trao đổi. Tôi không biết anh chàng lái xe, còn mấy cậu thanh niên bán lậu đứng cách đó khoảng nửa kilômét thì khó có thể tin được. Trong góc khuất thế này lẽ người ta làm gì mình thì sao? Tôi dáo dác nhìn trước sau, tay giữ chặt ba lô để có gì còn chạy.

Sau khi đã nếm, ngửi chán chê, anh đẩy lọ vàng qua cho tôi giữ. Mặt anh vẫn lạnh tanh không thể hiện cảm xúc gì. Anh lại trao đổi với cậu thanh niên, rồi đưa cho anh ta một nắm tiền. Khi xe đã đi xa khỏi đám thanh niên buôn vàng lậu, và tôi lấy lại được cảm giác an toàn mới quay ra hỏi anh:

- Sao anh biết đây là vàng thật?

- Anh không biết. Nhưng nó đủ rẻ để có thể chấp nhận rủi ro.

Khoảng hai giờ sáng, xe dừng lại ở một thị trấn đất đỏ khác cũng vô cùng nhộn nhịp. Anh chẳng hỏi gì mà chở thẳng tôi đến một khách sạn với mỗi căn phòng nhìn như một căn hộ riêng. Tôi lúng túng:

- Khách sạn này đắt lắm, em không đủ tiền trả đâu.

- Không sao, em ở phòng anh, anh trả tiền cho.

Tôi giật mình nhận ra mục đích anh cho tôi đi nhờ xe. Tôi cảm ơn “thiện ý” của anh, rồi lấy ba lô đi xuống xe. Anh nhún vai, rồi nhấn ga phóng đi. Nếu một mình thì anh ta cũng chẳng ở khách sạn đấy.

Ha, một mình giữa một thị trấn lạ nửa đêm cũng không tệ như tôi tưởng. Nhất là ở Mozambique, nửa đêm mà mọi thứ vẫn nhộn nhịp như chợ phiên. Tôi đi bộ lại cái quán đang chơi nhạc âm ỉ mà chúng tôi đi qua vừa nãy. Quán tranh vách đất rộng thênh thang, đèn đỏ lập lòe như quán karaoke. Trong quán có khoảng bốn mươi bàn, hơn một nửa trong đó có người ngồi. Ở một góc, cô chủ quán và một chị giúp việc nửa hồi hải chuẩn bị gần trăm gói cơm hộp cho chuyến xe buýt chuẩn bị dừng lại. Phía sau quán là nhà trọ. Ở đây có phòng trọ nhưng giá những hai mươi đô một đêm cho một phòng không điện không nước. Thôi thà tôi ngồi ở ngoài quán chờ đến khi trời sáng còn hơn. Tôi nhìn quanh xem có hy vọng tìm được ai nói tiếng Anh cho đỡ buồn không. Ở bàn gần cửa sổ, một anh chàng đang ngồi làm gì đó với chiếc netbook. Phía bên trái anh cắm một cục USB 3G. Nếu ở đây có ai nói được tiếng Anh, thì người đó chắc chắn là anh. Tôi rón rén lại gần:

- Xin lỗi, anh có nói tiếng Anh không ạ?

Anh chàng ngẩng mặt lên nhìn tôi, cười tươi rói:

- Có chứ. Em cần giúp gì?

56. Người Việt Nam ở Mozambique

Anh chàng có cái tên rất Pháp: Sommeil. Anh là người gốc Maputo nhưng dạy cho một trung tâm tin học ở thị trấn này. Hôm nay cuối tuần, anh ngồi chờ xe về lại thành phố. Nghe nói tôi là người Việt Nam, anh bảo:

- Ở đây có người Việt Nam đấy.

Tôi có nghe nói Viettel đầu tư sang châu Phi, nhưng không ngờ công ty Việt Nam lại thâm nhập thị trường nhanh đến vậy. Đến cả thị trấn đất đỏ nhỏ xíu này cũng có văn phòng thì độ phủ sóng ở đây rộng phải biết. Anh dẫn tôi đến văn phòng Viettel ở gần đó, nhưng trời tối mọi người về hết rồi. Tôi viết vội một tờ giấy ghi số điện thoại rồi gửi lại cho chú bảo vệ.

Sáng hôm sau, mặt trời vừa lên, tôi nhảy ra đường chính bắt xe đi tiếp. Một chiếc xe tải nhật tôi cùng vài hành khách nữa trên đường, nhưng mọi người phải trả tiền, còn tôi thì không. Khi xe vừa thả tôi xuống phía ngoài Maputo, còn đang phân vân chưa biết nên rẽ hướng nào để vào thành phố thì tôi nhận được tin nhắn của chị Lan Anh. Mấy anh chị Viettel sau khi đọc được tờ giấy của tôi đã báo cho chị, cũng đang làm việc cho Viettel nhưng ở thủ đô. Cuối cùng sau mấy năm trời liên lạc với nhau bằng email, con đường của hai chị em cũng có lúc cắt nhau. Chị Lan Anh cũng đã ở châu Phi khá lâu, cũng lăn lộn đủ các thể loại công việc ở lục địa đen này. Nói chung tôi nghĩ lúc nào chị có hứng viết sách thì chắc chắn sách của chị sẽ bán rất chạy.

CS@T@E@N@T

Gặp được các anh chị Việt nam ở Mozambique là một may mắn đối với tôi. Thực sự, chỉ có người Việt Nam mình ở nước ngoài mới tương thân tương ái thế. Các anh chị giúp đỡ tôi hết mình trong thời gian tôi ở đây: cho tôi ở nhờ, cho tôi ăn ké. Các anh chị nấu ăn ngon kinh khủng. Được ăn đồ Việt Nam ở Mozambique là một sự xa xỉ thực sự. Viettel lại có văn phòng ở khắp cả nước nên đi đâu tôi cũng có người giúp đỡ.

Nhưng tôi chẳng có thể thanh thoi mà hưởng thụ được lâu. Mozambique là nước cuối cùng để tôi

có thể xin visa đi Nam Phi. Vừa đặt chân xuống Maputo, chẳng kịp nghỉ ngơi sau mấy ngày trời đi nhờ xe dọc nửa đất nước, tôi đi thẳng lên đại sứ quán Nam Phi nộp đơn xin visa. Trước sự thất vọng của tôi, họ từ chối không nhận hồ sơ chỉ vì tôi không sinh sống ở Mozambique. Maputo đã ở rất gần Nam Phi rồi. Chỉ cần khi khoảng hơn trăm kilômét về phía Nam là tôi có thể đến biên giới Nam Phi, tại sao bước qua cái biên giới đấy lại khó đến vậy? Nghe lời khuyên của chị Lan Anh, tôi viết thư tay gửi đến đại sứ Nam Phi, hy vọng được họ chiếu cố xem xét trường hợp của mình.

Trong thời gian chờ đợi, tôi lại đi ngược lên phía Bắc đến một trong những bờ biển ở miền Trung đất nước này để nghỉ ngơi cho khuây khỏa. Nhiều người nói với tôi Mozambique khiến họ nhớ đến Brazil: những bãi biển tuyệt đẹp, những điệu nhảy bốc lửa, hoa quả trái cây nhiệt đới ngọt lịm, những chàng trai cô gái da ngăm đen nồng nhiệt. Bãi biển nào ở Mozambique cũng xanh ngắt, cát trắng mịn màng. Hai tuần tôi đi đi về về giữa Inhambane và Maputo. Không bao giờ tôi có thể đi quá lên phía Bắc được, vì cứ đi nửa chừng tôi lại nghe tin gì đó về visa, thế là lại bắt xe về thành phố. Nhưng rồi hy vọng của tôi ngay lập tức bị dập tắt bởi những cái lắc đầu ngao ngán, những lời xin lỗi và những cái xoa đầu an ủi. Tôi nhờ cả đại sứ quán Việt Nam ở Mozambique giúp đỡ mà cũng không được. Nói chuyện với một người quen làm trong ngành ngoại giao, bác bảo số tôi quá không may. Đúng đợt đấy, do vụ buôn lậu sừng tê giác của một người làm trong đại sứ quán Việt Nam ở Nam Phi nên chính phủ nước này thắt chặt chính sách visa với người Việt. Đến cả người làm trong đại sứ quán Việt Nam ở Nam Phi còn bị bắt nữa thì làm gì có ai chịu xem xét đến hồ sơ xin visa của một con bé dân đen Việt Nam. Tự nhiên tôi thấy giận vô cùng những người là bộ mặt đất nước đi sang nước khác mà lại còn tham lam như thế, để người ta chụp mũ đánh giá sai cả đất nước mình. Tôi lại tru lên khóc.

Tôi bỏ cuộc.

Thực sự lúc này, tôi chỉ muốn trở về Việt Nam.

57. Có bước chân trở về...

“Mỗi ngày là một cuộc hành trình, và cuộc hành trình bản thân nó chính là nhà” – Matsuo Basho.

Những quyết định khó khăn nên được thực hiện một cách chóng vánh.

Vậy là tôi đã về nhà. Không phải “nhà” như mọi người vẫn nghĩ, nhưng là nơi mà ai cũng nghĩ mình sẽ trở về. Đây là một quyết định khó khăn, nhưng chóng vánh. Tôi quyết định sáng thứ bảy, chiều thứ bảy mua vé, tối thứ hai bay, tối thứ ba có mặt ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Có nhiều lý do để tôi trở về đột ngột thế này. Một số người sẽ gọi những lý do này là “không may”, nhưng tôi coi chúng như những dấu hiệu để giúp tôi nhận ra cái gì là thực sự quan trọng với bản thân mình. Tôi không muốn than vãn kể lể chi tiết. Trong cuốn sách này, tất cả những gì tôi có thể nói là khi ta không thể thay đổi tình hình, ta phải tìm cách tận dụng tối đa tình hình đó. Cũng may, với sự giúp đỡ của một số bạn bè, tôi đã có thể nói rằng mình giải quyết mọi chuyện khá hợp lý. Tôi có thể về thăm gia đình, gặp gỡ những người bạn thân thiết, ăn đồ ăn mình yêu thích. Thực sự, tôi rất vui được trở về đến mức không thể tin rằng mình đã không cho phép bản thân tận hưởng niềm vui này từ quá lâu rồi. Không chỉ thế, chuyến trở về lần này còn là cơ hội để tôi làm nhiều việc mà tôi không có thời gian làm khi đang đi: cải tổ Free Hugs Vietnam, phát triển cổng thông tin wiki du lịch ba lô, ra sách và một số dự án bí mật khác mà tôi chưa thể tiết lộ được.

©STENT: <http://www.luv-ebook.com>

Trở về không có nghĩa là dừng lại. Ngược lại, đây là một kỳ nghỉ cần thiết sau cả một quãng đường dài. Như tác giả của The Roadmender đã từng nói: “To look backward for a while is to refresh the eye, to restore it, and to render it the more fit for its prime function of looking forward”. Tôi đã đi đủ lâu để có thể đến nơi tôi muốn khi bản thân đã sẵn sàng. Tôi có vé đi Nam Phi vào đầu tháng tám. Tuy nhiên, mấy ngày ở Việt Nam đã khiến tôi khá băn khoăn. Có quá nhiều cơ hội ở Việt Nam, có quá nhiều thứ tôi có thể làm. Cuộc sống với tôi là một chuỗi những trải nghiệm. Và theo đuổi một dự án có ích cho xã hội là một trải nghiệm tôi muốn có. Tôi vẫn chưa quyết định sẽ làm gì và làm trong bao lâu. Mọi chuyện mới chỉ bắt đầu thôi.

Phụ lục ảnh